

Khai Thị

Quyển 6

**Ban Phiên Dịch Việt Ngữ Trường Đại Học Pháp Giới
Vạn Phật Thánh Thành Talmage, California**

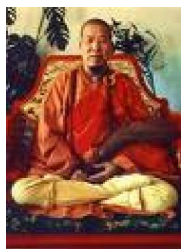
Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 23-5-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)



HT Tuyên Hóa

--- oOo ---

Mục Lục

1. Phật Quang Phổ Chiếu
2. Chia Khóa Khai Ngộ
3. Ai Niệm Phật ?
4. Không Chấp Tất Cả
5. Khoa Học: Phước Hay Họa - Vật Có Ân Hay Chén Trà Độc
6. Tiền
7. Bát Nhã - Phật Tánh
8. Diệu Đạo
9. Phản Bồn Hoàn Nguyên
10. Chân Kinh Vô Tự
11. Pháp Môn Nhẫn Nhục
12. Xin Quý Vị Bồ Thí Cho Tôi
13. Quý Vị Muốn Biết Quý Là Gì Không?
14. Tiền Có Khả Năng Thần Thông - Chớ Sai Lầm Nhân Quả
15. Phước Huệ Song Tu
16. Nghiêm Trì Giới Luật - Học Nhẫn Nhục
17. Không Nên Tùy Tiện Hiện Thần Thông
18. Năm Chắc Thời Gian - Đừng Bỏ Lỡ
19. Tham Thiền - Dễ Hay Khó?
20. Quý Tiếc Nguồn Năng Lượng Của Thân Thể
21. Ái Hộ Linh Tánh Của Chính Mình
22. Ăn Chay Hay Không Ăn Chay
23. Trước Phá Ngã Chấp - Sau Phá Pháp Chấp

24. Lục Căn Hồ Dụng - Diệu Bất Khả Ngôn
25. Trong Cái Không May Có Cái May Lớn
26. Sao Gọi Là Lòng Nhân?
27. Phật Giáo Hưng Vong - Người Người Có Trách Nhiệm
28. Tất Cả Do Tâm Tạo
29. Quả Báo Sát Sanh
30. Sao Gọi Là Lục Đại Tông Chi?
31. Con Cháu Của Ma Vương
32. Chẳng Phải Là Ra Về Khác Lạ Đâu
33. Phương Châm Giáo Dục Của Vạn Phật Thánh Thành
34. Từ Bi Hỷ Xả Là Cơ Bản Tu Đạo
35. Nhẫn Là Bảo Vật Vô Giá
36. Có Lòng Tham Sẽ Không Thành Tựu Được Gì
37. Vô Minh Là Căn Bản Của Sanh Tử
38. Người Nước Kỳ Lo Trời Sập - Tự Tìm Khổ Nào
39. Bồi Dưỡng Nhân Cách Cao Thượng
40. Hoan Nghênh Hành Giả Đến Thánh Thành
41. Giới Luật Căn Bản
42. Cải Biến Tập Khí Cũ - Tuyển Chọn Tông Chi Mới
Tâm Bình Đẳng Cúng Dường
Đàm Thoại Cùng Nữ Tu Sĩ Thiên Chúa Giáo
Sao Gọi Là Định Kiên Cố?
Nguy Cơ To Lớn ở Thời Mạt Pháp
Vì Sao Trước Khi Nhập Niết Bàn, Phật Không Nhận Cúng Dường?
Muốn Thành Phật Tất Bị Ma Phá
Tư Tưởng Của Bồ Tát
Nhận Giả Mà Không Nhận Thật
Từ Bi Hỷ Xả Đối Trị Tam Độc
Tu Đạo Thì Không Cầu Bên Ngoài
Tốt hay Xấu - Không Động Tâm
Thật Thà Niệm Phật
Sanh Tử Như: Ngủ, Thức – Nhưng Vẫn Niệm A Di Đà
Thất Tinh Lục Dục và Động Đất
Vạn Sóng Nổi Lên Muốn Đoạt Hồn
Chân Đế Của Sanh Mạng
Ngậm Đắng Nuốt Cay - Sen Hồng Trong Lửa
Muôn Chết, Ngàn Sống, Trăm Mài Luyện
Học Giới Luật Như Thế Nào?
Vạn Chuyển Càn Khôn - Thủ Trì Giới Luật
Không Được Lấy Công Đền Báo Thù Riêng
Lòng Ich Kỷ Là Tảng Đá Vướng Chân Người Tu Đạo
Bản Sắc Người Phật Tử - Cương Trục Không A Dua
Chủ Quan Trí Năng Thúc Đẩy Động Lực
Trì Giới Có Khả Năng Đào Luyện Tự Tánh
Nên Bình Luận Công Bình
Rèn Luyện Trí Tuệ

Thái Độ Người Học Phật
Đệ Nhất Niệm Là Gì?
Mục Đích Thành Lập Trường Học
Cơ Sở Của Bạc Vĩ Nhân
Lập Chí Làm Việc Lớn
Đạo Phước Đức Đoạn Tóc Phiền Nao
Chớ Đi Vào Tử Lộ
Giảng Kinh Và Bình Luận - Đừng Nói Về Nhân Tình Thế Diện
Thanh Niên Nên Phát Tâm Cứu Thế
Nhân Quả Báo Ứng - Tơ Hào Không Sai
Đạo Phát Tài
Người Người Vốn Có Trí Huệ
Làm Sao Để Được Tự Do Sanh Tử?
Ông Sư Trong Mộ
Học Tập Phật Pháp - Chú Trọng Thực Hành
Bồ Đề Tâm Là Chân Tâm
Lạy Phật Nhiều - Thường Gặp Điều Lành
Ngũ Quý Phá Nhà
Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa
Hết

---o0o---

1. Phật Quang Phổ Chiếu

Phật quang phổ chiếu là ánh sáng trí huệ Phật, chiếu tỏa đến tất cả tâm chúng sanh. Là chiếu cho tâm chúng sanh sáng lên, để tiêu diệt hết tham sân si. Là chiếu cho đen tối trở thành trong sáng, để tiêu trừ tám vạn bốn ngàn tập khí, thói hư tật xấu. Chúng ta học Phật là trừ bỏ tham sân si và không còn chấp trước. Vì sao chúng ta không thấy được ánh sáng Phật? Chúng ta nghiên cứu Phật pháp để khai mở trí huệ, vậy đó không phải là được ánh sáng của Phật sao? Nếu chúng ta càng nghiên cứu mà lại càng hồ đồ và cũng không hiểu đạo lý chân chánh của Phật, đó là bởi chúng ta không chịu diệt trừ tập khí, chớ đừng hỏi, sao Phật quang không phổ chiếu? Tự mình không khai mở trí huệ, tham sân si hãy còn y nguyên, không chịu sửa đổi chút nào, cho nên Phật quang muốn chiếu cũng không có chỗ để chiếu.

Đây không phải có Phật quang *chiếu* hay *không chiếu*. Chính là *chiếu mà không chiếu, không chiếu mà chiếu*, nghĩa là: khi ánh sáng trí huệ của chính mình xuất hiện, thì Phật quang phổ chiếu. Còn như ánh sáng trí huệ của mình không xuất hiện, thì Phật quang không phổ chiếu.

Phật quang ví như công ty điện lực. Như trong nhà chúng ta có trang bị một hệ thống điện lực gồm dây điện, đèn điện, tất cả đều được nối thông với nhau. Nhưng nếu chúng ta không bấm nút điện, bóng đèn sẽ không chiếu sáng và trong phòng rất cuộc vẫn còn bị tối đen. Vì sao? Bởi điện không thông tới nên không có tác dụng gì. Bởi vậy chúng ta cần phải bấm nút điện. Một khi bấm nút, đèn sẽ lập tức chiếu sáng đến những nơi đen tối ngay. Tâm chúng sanh chúng ta cũng ví như nút bấm. Nếu chúng ta bấm nút khai mở tâm, thì Phật quang sẽ chiếu sáng vào. Nếu cửa tâm không mở, dù ánh sáng Phật có chiếu, cũng chiếu không đến. Thí dụ này tuy cạn cợt, nhưng lý lẽ của nó là giống như thế. Quý vị! Hãy mau khai mở cửa tâm ra, hầu tiếp nhận ánh sáng trí huệ của Phật soi chiếu vào. Như thế là quý vị được Phật quang phổ chiếu rồi đó.

Giảng ngày 4 tháng 7 năm 1980



Gold Mountain Monastery

---o0o---

2. Chìa Khóa Khai Ngộ

Con người làm sao mới được khai ngộ? Khai ngộ ví như mở ổ khóa. Ổng khóa dùng để khóa cửa nhà lại, ngăn cản không cho quý vị ra vào. Cho nên quý vị nhất định phải có chìa khóa mới mở cửa được. Nếu không, quý vị sẽ bị nhốt trong nhà vĩnh viễn. Thế thì chìa khóa này ở đâu? Nó ở ngay trong thân thể quý vị đó, cũng dễ tìm lắm thôi. Vậy phải tìm nó như thế nào? Đang khi quý vị ngồi thiền, niệm Phật, trì Chú tức là lúc quý vị tìm kiếm chìa khóa. Vậy bao giờ mới tìm được nó đây? Chuyện này phải xem trình độ tu hành của quý vị mới định chừng được. Nếu ai tinh tấn thì tìm ra nó rất mau. Còn nếu người nào giải đãi thì sẽ không bao giờ tìm nó được, chẳng những đời này không tìm ra, mà ngay cả đời sau cũng không tìm ra nó đâu. Đạo lý này cũng rất đơn giản thôi.

Trong tâm quý vị mà đã bị khóa thì tâm bị khóa đó là vô minh, nó có thể làm cho tâm thanh tịnh sáng suốt của quý vị biến thành tâm ô nhiễm hắc ám. Khi gặp cảnh đến, nếu quý vị không có trí huệ để phán xét phân biệt giữa thiện và ác, quý vị sẽ làm những việc điên điên, đảo đảo. Nhưng nếu quý vị tu hành đắc lực, quý vị sẽ phá vỡ được vô minh. Đó tức là tìm được chìa khóa, tâm bị khóa tự nhiên sẽ khai mở ra. Sau khi trí huệ quang minh xuất hiện rồi, dù gặp bất cứ việc gì đi nữa, quý vị cũng không có phiền não.

Vô minh là gì? Nói đơn giản là hắc ám đen tối, cái gì cũng không rõ biết. Bởi người không hiểu rõ chân lý mới khóa tâm lại, vì vậy không thể khai ngộ được. Vào đời Đường, thời Tông Đế có vị thái giám tên Ngưu Triều Ân. Thái Giám đã hỏi Quốc sư: “Vô minh là gì?” Quốc sư nói: “Ông chỉ là một tên tướng mọn nô tài thì có tư cách gì để hỏi Phật Pháp chứ?” Vừa nghe thế, vị thái giám liền nổi giận đùng đùng. Quốc sư bèn cười và nói: “Đó tức là vô minh, phải không?” Cho nên nói: “Lừa vô minh có thể thiêu hủy cả rừng công đức” là vậy.

Người mà có đủ điều kiện để ngày nay khai ngộ, chính là vì từ nhiều kiếp trước, họ đã từng tu biết bao nhân lành rồi, cho nên đời này họ mới được thành tựu. Nếu như lúc trước họ không tu nhiều nhân lành, đời này họ sẽ không thể nào khai ngộ được. Quý vị đều muốn khai ngộ, phải không? Trước hết, quý vị nhất định phải biết chuẩn bị tu hành, chỉ như vậy mới có hy vọng khai ngộ được.

Vì sao Đức Phật Thích Ca được thành Phật ở đời này? Bởi Ngài “Tam kỳ tu phước huệ, bách kiếp chủng tướng hảo,” là Ngài đã tu phước, tu huệ trong

ba đại A Tăng Kỳ kiếp, lại tu ba mươi hai tướng công đức, cùng trồng tám mươi vẻ đẹp trong trăm đại kiếp. Do đó, Ngài ngồi dưới cội bồ đề, đến giữa đêm nhìn lên sao sáng mà khai ngộ. Nếu như những kiếp trước Ngài không tu, thì đời này Ngài sẽ không thể thành Phật được.

Giảng ngày 12 tháng 7 năm 1980

---o0o---

3. Ai Niệm Phật ?

Bây giờ là lúc để chúng ta thảo luận. Vậy ai có vấn đề gì thì cứ việc nêu ra để mọi người cùng nhau nghiên cứu, bàn luận. Có người hỏi về câu “Ai niệm Phật” là sao? Như trong kinh Kim Cang nói: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.” Cho nên nếu có chỗ thì đó tức là trụ, còn không có chỗ trụ là không nghĩ thiện, không nghĩ ác, là ngay chỗ đó mà dụng công. Nếu chúng ta chú ý vào một chỗ nào, rồi nghĩ đến tốt hay không tốt thì đó đều là chấp trước. Tu hành là tu đến chỗ không còn chỗ chấp, cái gì cũng không chấp, thân thể cũng quên luôn. Đến cả thân thể cũng không có, vậy còn chấp vào cái gì nữa?

Lúc tọa thiền, chúng ta không nên nghĩ nhớ đến bất cứ điều gì, mà chỉ cần nhớ “Ai niệm Phật?” Ai là người đang niệm Phật? Tức là tìm cái “Ai” này. Chừng nào tìm được “Ai” rồi, thì đó là lúc khai ngộ. Nếu tìm không được thì một ngày cũng phải tìm, mười ngày cũng phải tìm, trăm ngày cũng phải tìm, ngàn ngày cũng phải tìm, vạn ngày cũng phải tìm, một năm, mười năm, trăm năm, ngàn năm, vạn năm, đều chỉ là tìm nó. Cho đến lúc nào tìm được nó, lúc đó mới thôi.

Quý vị đừng mong cho mau, vì đây không giống như hút thuốc phiện, hễ hút xong là thoả mãn cơn ghiền. Nó đâu có dễ như vậy! Vì nếu dễ thì là pháp môn lừa dối. Pháp môn tu chân chánh là phải chính mình nỗ lực dụng công. Không nên có ý nghĩ như anh nông phu vì muốn giúp cho lúa mau lớn, anh bèn kéo cây lúa cao lên một chút, để chúng cũng lớn mau thêm một chút. Đó là tư tưởng sai lầm!

Câu “Ai niệm Phật?” có thể chặt đứt tất cả các vọng tưởng, các dục niệm, là chém giết hết cả mười đại quân ma. Chữ “Ai” này là thanh bảo kiếm Kim Cang Vương, cái gì nó cũng chém sạch hết, cho đến không còn chỗ nào để chấp cả. “Phàm những gì có hình tướng thì đều là hư vọng. Nếu người nào thấy tất cả hình tướng là phi tướng tức là thấy được Như Lai.” Còn có chỗ

chấp thì đó là tâm người, tâm chúng sanh. Không có chỗ chấp thì là tâm đạo. Khi chúng ta ngồi thiền mà không nghĩ đến chữ “Ai” này, vọng tưởng sẽ phát sanh nên không thể khai ngộ được. Dùng câu thoại đầu này khi tham thiền là lấy độc công độc, dùng vọng tưởng không chế vọng tưởng, cũng là dùng một vọng tưởng để điều phục nhiều thứ vọng tưởng. Chúng ta dùng nó mãi cho đến khi sơn cùng thủy tận, không còn đường nào để đi thì chính chỗ chuyển thân quay mình đó sẽ khai ngộ.

Giảng ngày 9 tháng 9 năm 1980

---o0o---

4. Không Chấp Tất Cả

Trên thế giới này, bất luận tốt hay xấu cũng đều dạy người ta khai ngộ. Tốt là dạy chúng ta giác ngộ từ chỗ tốt; xấu là dạy chúng ta giác ngộ từ chỗ xấu. Tốt và xấu đều có thể làm cho chúng ta giác ngộ cả. Nếu ta có thể giác ngộ cả từ tốt và xấu thì sẽ không có vấn đề gì. Còn nếu không giác ngộ ở cái tốt, chúng ta sẽ chấp vào cái tốt này. Nếu không giác ngộ ở cái xấu, chúng ta sẽ chấp vào cái xấu. Bất luận là chấp tốt hay chấp xấu, đó cũng đều là một thứ chấp trước. Một khi có thứ chấp trước như thế, chúng ta sẽ không thể nào thành tựu đạo nghiệp được. Chúng ta phải nhìn cho thấu suốt cả cái tốt và cái xấu. Nếu gặp thuận cảnh hoặc nghịch cảnh mà chúng ta đều có thể an nhiên xử sự, như vậy chúng ta mới không bị cảnh giới xoay chuyển.

Trong kinh Kim Cang có nói:

“Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn, bào ảnh,
Như lộ diệc như điện.
Ứng tác như thị quán.”

Nghĩa là tất cả các pháp hữu vi trên thế gian giống như giấc mộng, đều không chân thật. Lại giống như bong bóng nổi trên nước, cũng không phải là thật có. Cũng giống như cái bóng, thấy có đó mà nắm bắt chẳng được. Lại cũng giống như giọt sương, như điện chớp, trong nháy mắt là tiêu mất ngay, nên quan sát như thế mới thật là thấu suốt. Sau khi đã thấu suốt thì cần phải buông xả. Nếu như buông không xong và cứ chấp vào cái này, chấp vào cái kia, chúng ta sẽ không đạt được tự tại đâu. Dù là thuận cảnh hay nghịch cảnh, chúng ta cũng nên buông hết. Cho đến một tơ hào cũng không chấp trước, như thế chúng ta mới có thể đạt được tự tại.

Giảng ngày 10 tháng 9 năm 1980

---o0o---

5. Khoa Học: Phước Hay Họa - Vật Có Ân Hay Chén Trà Độc

Khoa học tuyệt đối không thể mang lại cuộc sống an lạc chân thật và cứu cánh cho nhân loại về phương diện tinh thần lẫn vật chất. Không phải ai cũng đều chấp nhận loại lý luận này. Tại vì sao? Bởi con người vì chấp cái mê mà không được khai ngộ. Nếu quý vị muốn đề xướng loại lý luận này, tất nhiên sẽ bị thất bại, bởi vì nhiều người sẽ không đồng ý về cách nói như vậy. So với các thứ khác, khoa học kỹ thuật có sức quyến rũ mạnh hơn. Rất nhiều người biết rõ là khoa học có vấn đề, nhưng họ vẫn ủng hộ và tán dương khoa học. Trên thế giới này, điều gì có lợi ắt có hại. Phàm việc gì có nhiều lợi ích to lớn, tức nó cũng có cái hại tương đương.

Xem đây, bệnh ung thư đang lan tràn khắp cả hoàn cầu. Đó là bởi khoa học phát minh mỗi ngày một mới lạ, sanh sản ra biết bao loại độc tố làm ô nhiễm bầu không khí. Kết quả là nhân loại hít phải các thứ độc khí này, mà bị nhiễm thành các chứng bệnh ung thư. Chẳng lẽ các khoa học gia không rõ biết tình trạng đó hay sao? Không phải là không biết, mà chỉ vì họ không muốn suy nghĩ kỹ càng, và không muốn chấp nhận loại lý luận như thế đó thôi. Để rồi ngày nay, thế giới đã lâm vào tình trạng bị nhiễm bệnh đến tận xương cốt, không thuốc cứu chữa. Mặc dù không thuốc chữa, nhưng chúng ta biết bao nhiêu thì hãy làm bấy nhiêu, và cứ đem hết khả năng sức lực của mình để cứu vãn trần sông cuông đã ập đến. Không phải chúng ta muốn phản đối các nhà khoa học, nhưng chúng ta cũng nên biết để thấu rõ cái chân lý này. Phàm vạn sự vạn vật, hễ có lợi thì có hại. Ví như có người đã lên đến mặt trăng, vậy lên đến đó rồi họ sẽ tính toán gì nữa đây? Giả sử như chính phủ quyết định cất giấu bom nguyên tử trên mặt trăng, để chuẩn bị hủy diệt nhân loại toàn cầu. Hay có một ngày nào đó, số bom đạn này phát nổ, rồi cũng hủy diệt luôn cả mặt trăng v.v... Nếu thế giới mà ngay cả mặt trăng cũng không có, vậy còn thành ra thế giới gì nữa? Đây chỉ là một thí dụ thôi, nhưng chúng ta nên lãnh hội ý chỉ của nó.

Nói tóm lại, khoa học càng tiến bộ, sanh mạng của nhân loại càng bị nguy hiểm. *Tiến bộ cũng như thành tiến độc.* Ngày xưa, khoa học chưa có phát triển mà nhân loại còn sống được vui vẻ, tự tại. Như khi mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì về nghỉ, an phận giữ mình. Ngày nay, khoa học phát đạt

thì nhân loại lại bị nhiễm thiên ban vạn chủng chứng bệnh kỳ quái, không thể chữa trị. Như vậy là khoa học vô hình trung đã chế tạo ra tai nạn. Chúng ta nên biết rằng: trên đời hễ có tốt thời có xấu, có lợi thì có hại, có thành tất có bại, và phàm tất cả các sự việc đều là tương đối, không có gì là tuyệt đối cả.

Giảng ngày 6 tháng 10 năm 1980

---o0o---

6. Tiền

Hôm nay tôi sẽ giảng một bài Pháp đặc biệt. Pháp gì vậy? Là Pháp TIỀN. Vì sao tiền là vật không sạch sẽ? Quý vị thử nhìn xem! Tiền là thứ dơ bẩn nhất trên thế giới đó. Bởi vì người ta lúc đếm tiền, đa số thường thấm nước miếng để đếm. Trong nước miếng có chứa biết bao nhiêu là vi trùng, vi khuẩn. Không biết là tiền đã trải qua bao nhiêu lần nước miếng của người ta rồi, cũng không biết là đã có bao nhiêu giống vi trùng truyền nhiễm bệnh trong đó. Có thể thấy, hễ tiền được đếm càng nhiều lần thì tiền càng trở nên dơ bẩn hơn. Nhưng trái lại, vẫn có người yêu quý tiền còn hơn sanh mạng họ. Đó là đã biết nó dơ mà cố phạm. Có số người vì tham tiền mà hy sinh ngay đến sanh mạng mình cũng không tiếc. Điều đó đủ chứng minh ma lực của tiền là như thế nào rồi.

Người Trung Hoa khi sáng tạo ra chữ, họ đều rất cẩn thận và bỏ ra nhiều tâm huyết mới thành tựu được. Thông thường chữ có sáu loại là: Tượng Hình, Chỉ Sự, Hội Ý, Hình Thanh, Chuyển Chú và Giả Tá (giả danh để mượn tiếng). Mỗi chữ đều không rời phạm vi của sáu loại này. Như chữ tiền (錢) thuộc Hội Ý. Tiền gồm có chữ kim (金) và hai cái mác (戈).

Có bài kệ nói về *tiền* như sau:

Nhị qua tranh kim sát khí cao,
Nhơn nhơn nhân tha phạm lao đao.
Năng hội dụng giả siêu tam giới,
Bất hội dụng giả nghiệt nan đào.

Nghĩa là:

*Hai giáo tranh tiền sát khí cao,
Người người vì nó chịu lao đao.
Biết dùng thời đặng thoát tam giới.
Không biết dùng khó mà thoát tội.*

Đại ý bài kệ nói rằng: Người ta dùng kim loại để đúc thành Tiền. Hai cái mác là hai người giành tiền, hai bên kẻ tranh người đoạt khiến sát khí bùng vút tận mây xanh. Nhiều người vì tiền mà sanh ra biết bao nhiêu phiền toái. Người biết dùng tiền thì đem nó làm nhiều chuyện có công đức, lợi người lợi mình và có thể thoát khỏi tam giới, khỏi phải chịu sanh tử. Người không biết dùng tiền thì dùng nó tạo nhiều nghiệp ác, cho nên đọa vào tam ác đạo, vĩnh viễn không được giải thoát. Chúng ta nên biết tiền là vật hại người và cũng không nên tham cầu nó.

Vì sao chúng ta xuất gia tu đạo? Bởi vì chúng ta muốn xem tài sắc như không có, chúng ta không chấp ở tài, cũng không chấp ở sắc. Sau nữa là đối với từng cử chỉ, hành động của chính mình, giờ khắc nào mình cũng hồi quang phản chiếu, nhiếp giữ tâm không để nó chạy ra ngoài. Trải qua ngày dài tháng rộng, đến lúc tâm chúng ta trong sạch như tấm gương, chúng ta sẽ tự rõ ràng được thiện ác. Như thế chúng ta mới thoát khỏi tam giới và sanh tử. Đó là hoài bão căn bản của người xuất gia. Nếu như chúng ta bỏ không nổi tài, xả không nổi sắc, tức là luống phụ cả ý nguyện xuất gia của mình.

Người thế gian làm đến quên sanh mạng để kiếm tiền, và nghĩ hết mọi cách để tích trữ tiền bạc cho con cái. Nhưng họ không biết rằng, để tiền lại cho con cháu tức là mang tai họa đến cho chúng. Trái lại, nếu họ không để lại tiền của thì sẽ không có phiền phức gì, gọi là: “Con cái giỏi hơn cha, lưu của để làm gì? Có con không bằng cha, lưu của để làm chi?” Con trai, con gái có bản lĩnh hơn cha, nếu để tiền cho chúng, chúng cũng chẳng có chỗ dùng. Ngược lại, con trai, con gái không có bản lĩnh như cha, nếu để tiền lại cho chúng, là dạy chúng không chịu làm việc để sanh sống, mà chỉ thích rong chơi, say sưa cờ bạc, đàng điếm rượu chè, suốt ngày lân la ở lầu Tàn, quán Sở. Há đó không phải là hại con cháu sao? Vì vậy tôi khuyên người có tiền nên làm nhiều việc công đức, tế thế cứu nhân thì sẽ được vô lượng công đức.

Chúng ta là người xuất gia, chẳng những không tham tài sắc, mà ngay cả vọng tưởng cũng không nên khởi nghĩ tới. Khi đi đứng nằm ngồi, chúng ta đều nên không chế vọng tưởng. Không chế như thế nào? Chỉ có một pháp môn là niệm Phật hoặc trì Chú. Ít nói một câu thì niệm thêm được một tiếng Phật. Niệm đến khi có cảm ứng đạo giao là có thể khai ngộ và đạt được trí

huệ. Cho nên nói: “Đả đắc niệm đầu tử, chuẩn như Pháp thân hoạt” tức là: Đánh chết vọng niệm để Pháp thân bừng sống. Bởi vậy người tu đạo, giờ khắc nào cũng nên tự kiểm soát lấy mình. Cho nên nói: “Phải nhớ vô thường, cẩn thận chớ buông lung.” Chúng ta nên dùng hai câu này để cảnh giác, tự nhiên mình sẽ thức tỉnh trở lại. Hy vọng mọi người sẽ nghiêm trì giới luật, đó là điều tôi hằng trông mong!

Đây là hai câu nói rất có đạo lý: “Lung kê hữu thực, thang oa cận. Dĩ hạc vô lương thiên địa khoan.” Nghĩa là: Con gà trong lồng tuy có thóc ăn, nước uống, nhưng khi nó mập lớn thì bị giết, và bị bỏ vào nồi nước sôi để làm thức ăn cho người. Cho nên nói: “Thang oa cận” là nồi nước sôi kế bên. Con hạc rừng tuy không được thóc lúa để ăn, nhưng trời cao đất rộng, nó mặc sức tung hoành trong vũ trụ, không bị câu thúc, không chấp vào đâu, tiêu dao tự tại biết bao nhiêu!

Chúng ta là người xuất gia thì nên lấy trời đất làm lều và bốn biển là nhà, không nên có chỗ ở riêng tư. Nếu chúng ta có chùa thì cũng có lúc bị dính mắc, rồi giống ruồi tìm cầu, như thế là trái ngược với Phật Pháp. Cho nên sai lầm dù nhỏ, nhưng dẫn đến hậu quả to lớn. Đó cũng là ý nghĩa của câu: Sai một ly đi ngàn dặm.

Có vị thiền sư đã từng nói như thế này: “Năm qua nghèo, còn có đất cắm dùi; năm nay nghèo cả dùi cũng không!” Tư tưởng của ngài tự tại, giải thoát biết là bao! Thật là vi diệu không thể nghĩ bàn. Chúng ta nên noi theo gương của vị thiền sư này, là ngoài một bình bát và ba tấm y, ngài đã không tìm cầu chi hết. Tiền là vật ngoài thân, sanh không mang đến, chết không mang đi. Cho nên có tiền, chúng ta nên làm nhiều việc công đức, như in một quyển sách nhỏ để phổ biến tuyên dương Phật Pháp thì công đức vô lượng, so ra còn hơn là dựng chùa xây tháp cho chính mình.

Người sáng suốt thì không chấp trước và cũng không có hành vi ô nhiễm. Ô nhiễm cái gì? Tức là tham tài, ái sắc. Nếu không bỏ tài, thì không thể trừ khử ô nhiễm; sắc chẳng coi là không, thì không thể sạch hết nhiễm ô. Nếu mình không muốn bị ô nhiễm, chỉ có một biện pháp là phá tan hai cửa “tài sắc” đi. Tức thì tận hư không khắp pháp giới, đâu đâu cũng đều là chỗ ở của chúng ta. Chúng ta là người tu đạo, hãy nên ghi nhớ rằng: then chốt là ở tại hai cửa “tài sắc,” nếu có thể phá được chúng, thì chúng ta sẽ không chấp trước vào bất cứ gì. Người đời có câu nói mỉa mai rằng: “Người xuất gia không thích tiền - nhưng có càng nhiều càng tốt!”

Người xuất gia chúng ta nên phản tỉnh, nên kiểm điểm lại, xem mình có thứ tư tưởng như thế không? Nếu có thì nên sửa đổi, còn không thì rắng mà tránh. Hy vọng mọi người đề cao cảnh giác và tự lực cánh sinh, nên học theo lời răn bảo của thiền sư Bách Trượng: “Một ngày không làm là một ngày không ăn.” Như quả ai cũng làm được như thế, thời người đời sẽ không còn châm biếm rằng: Kẻ xuất gia là con mọt gạo.

Người xuất gia ở chùa Kim Sơn biết tiền là vật không trong sạch, cho nên có người trì giới không giữ tiền bạc. Tức là tay họ không đụng chạm đến tiền, họ tuyệt nhiên không có liên hệ qua lại đến tiền bạc. Để tôi kể một câu chuyện có thật cho quý vị nghe. Tôi có đệ tử là con độc nhất của một ông triệu phú. Chú này chẳng những không muốn tài sản của cha, mà khi được cha giới thiệu cho một cô bạn gái, chú cũng cự tuyệt luôn. Rồi sau đó chú quyết định tìm đến chùa Kim Sơn xuất gia tu hành. Bởi vậy tôi mới đặt pháp danh cho chú là Hằng Không. Một ngày kia, cha chú gọi điện thoại hỏi: “Con cần tiền không? Cha có thể gọi cho con mà.” Nhưng chú không chịu nhận tiền của cha. Hành động đó thiệt là xứng với danh, đệ nhất đại ngu xuẩn. Chú giữ giới không đụng tiền, danh và quả thật phù hợp, vì một xu chú cũng không dính túi. Người không tham tài sắc tức sẽ không bị nhiễm ô. Nếu ai có hành vi như vậy thì nhất định sẽ được thành tựu.

Giảng ngày 10 tháng 10 năm 1980

---o0o---

7. Bát Nhã - Phật Tánh

Bát Nhã là Phật Tánh, Phật Tánh là Bát Nhã. Nói Đại Bát Nhã là nói Đại Phật Tánh. Nói Đại Phật Tánh tức là nói Đại Bát Nhã. Danh tự tuy không đồng, nhưng ý nghĩa lại giống nhau. Tại sao nói thế? Bởi vì Bát Nhã là trí tuệ, mà trí tuệ là đại giác ngộ. Nếu quý vị có thể đạt được đại giác ngộ, tức là quý vị có trí tuệ. Nếu quý vị không được đại giác ngộ, tức quý vị không có trí tuệ. Đại giác ngộ là đại Phật tánh. Phật là tiếng Phạn, dịch ra là giác, là tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Cho nên nói Phật Tánh là Bát Nhã. Bát Nhã có ba loại là: Văn Tự Bát nhã, Quán Chiếu Bát Nhã và Thật Tướng Bát Nhã. Tôi nay giải thích sơ lược như sau:

1. Văn Tự Bát Nhã: Đây không phải là loại văn tự Bát Nhã được giảng dạy trong các trường học thế gian, mà là Văn Tự Bát Nhã xuất thế gian, khiến cho quý vị phát tâm Bồ Đề, tu đạo Bồ Đề, đắc quả Bồ Đề và cũng tức là Văn Tự Bát Nhã trong kinh điển.

2. Quán Chiếu Bát Nhã: Từ Văn Tự Bát Nhã sẽ sanh khởi Quán Chiếu Bát Nhã. Ví như khi quý vị đọc kinh văn, đối với bốn chữ “Nhu thị ngã văn” (tôi nghe như vậy) bèn thắc mắc rằng: “Nhu thị” là gì ? “Ngã văn” là gì? Thế là quý vị sanh tâm quán chiếu, xem xét rõ ràng. Sau khi đọc “Nhu thị ngã văn,” quý vị bèn lấy lời văn để tìm nghĩa, tìm ý tứ trong đấy. Đó gọi là Quán Chiếu Bát Nhã.

3. Thật Tướng Bát Nhã: Tức là khi đã có Quán Chiếu Bát Nhã, quý vị sẽ biết được “Nhu thị” này là bản thể của Pháp và “Ngã văn” nghĩa là “Tôi nghe được đạo lý bản thể của Pháp.” Đây là do quý vị quán chiếu mà đạt được Thật Tướng và nhận biết Pháp thể là Nhu thị, Pháp thể là bản không. Bản không tức là Thật Tướng Bát Nhã.

Những ai đã rõ ba loại Bát Nhã này cũng sẽ biết được Tam Nhân Phật Tánh. Tam Nhân Phật Tánh là Duyên Nhân Phật Tánh, Liễu Nhân Phật Tánh và Chánh Nhân Phật Tánh.

1. Văn Tự Bát Nhã là Duyên Nhân Phật Tánh. Dùng văn tự làm trợ duyên, giúp quý vị biết được ba loại Phật Tánh này và cũng biết được Phật Tánh là Bát Nhã, mà Bát Nhã tức là Phật Tánh. Do nhân đó, quý vị sẽ khai triển công đức và thiện căn để đạt được Thật Tướng.

2. Quán Chiếu Bát Nhã là Liễu Nhân Phật Tánh. Ví như ngọn đèn chiếu sáng căn phòng để quý vị thấy biết được trong phòng đang có những vật gì. Chẳng hạn như trong phòng có bộ kinh Hoa Nghiêm, có tượng Phật, có bàn thờ Phật, lại có danh hiệu của tám mươi tám vị Phật, quý vị đều thấy biết hết tất cả. Đó là nhờ ngọn đèn tỏa chiếu, làm cho tất cả mọi vật đều được tỏ rõ. Bởi vậy chúng ta nên dùng đèn như vậy để chiếu sáng căn phòng nội tâm của chính mình. Khi có sức mạnh quán chiếu, là bắt đầu phát sanh ra công năng của Liễu Nhân Phật Tánh. Nếu quý vị không có sức mạnh của Quán Chiếu Bát Nhã, quý vị sẽ không biết rõ được Liễu Nhân Phật Tánh. Quý vị cũng không biết được căn phòng nội tâm của quý vị là: Có Phật, có Bồ Tát đang giáo hóa chúng sanh; Có bậc Duyên Giác đang tu hành theo pháp Thập Nhị Nhân Duyên; Có Thanh Văn đang tu pháp Tứ Đế; Có vô lượng chư Thiên đang thọ nhận sự thù thắng diệu lạc; Có vô lượng chúng sanh đang điên đảo; Có vô lượng A Tu La đang đấu tranh; Có vô lượng súc sanh đang trong cảnh sanh tử luân hồi, sanh ra rồi chết, chết rồi lại sanh ra; Có vô lượng ngạ quỷ đang ăn trộm thức ăn; Có vô lượng chúng sanh ở địa ngục đang chịu cực hình trong núi đao, chảo dầu. Tất cả những cảnh giới này đều không tách rời tâm quý vị, đều cùng tương thông với tâm quý vị. Địa ngục

có mười tám địa ngục lớn, lại có năm trăm địa ngục nhỏ. Quý vị muốn đến địa ngục nào thì tùy quý vị. Nếu có sức mạnh Quán Chiếu Bát Nhã, quý vị sẽ hiểu rõ nhân duyên của Mười Pháp Giới. Một khi đã minh bạch rõ ràng rồi, đương nhiên là chúng ta nên lựa việc thiện mà làm, còn việc bất thiện thì phải bỏ. Được như vậy chúng ta mới không bị đọa xuống địa ngục.

3. Thật Tướng Bát Nhã là Chánh Nhân Phật Tánh, cũng tức là Phật Tánh của đệ nhất nghĩa không, Do quán chiếu mà chúng ta đạt được Chánh Nhân và chứng Thật Tướng.

Làm thế nào để chúng ta có thể sanh về cảnh giới Phật? Phật là giác, tức là giác ngộ. Người có thể giác ngộ tức là Phật, người không thể giác ngộ là chúng sanh. Cho nên nói: “Một niệm giác là một niệm Phật, niệm niệm giác là niệm niệm Phật. Một niệm mê là một niệm chúng sanh, niệm niệm mê là niệm niệm chúng sanh. Thời thời giác là thời thời Phật, thời thời mê là thời thời chúng sanh.” Quý vị mà biết được việc làm của mình là điên đảo, thì đó là Phật. Còn như quý vị không biết những việc làm của mình là điên đảo, thì đó là chúng sanh. Cho nên nói sự giới hạn của Phật và chúng sanh là giữa giác và mê. Muốn làm Phật hay làm chúng sanh là tùy theo sự lựa chọn của quý vị.

Làm thế nào để được sanh vào cảnh giới Bồ Tát? Nói đơn giản là người nào thường nghĩ đến sự lợi ích của chúng sanh thì người đó là Bồ Tát, còn người thường nghĩ đến lợi ích cho riêng mình thì là ma quỷ. Bồ Tát chỉ có biết đến người khác mà không biết đến mình. Trong khi ma quỷ chỉ biết có mình mà không biết đến người khác. Hai thành phần này rất là trái ngược nhau. Bồ Tát biết có chúng sanh để độ, nhưng chưa đến giai đoạn không có chúng sanh để độ. Khi đến cảnh giới Phật rồi là không còn chúng sanh để độ. Vì sao? Bởi tất cả chúng sanh đã được độ hết, và không còn chúng sanh nào để độ nữa. Tức là có mà cũng không có tướng chúng sanh, vì Phật không chấp đến hình tướng. Đó gọi là quét tất cả pháp, rồi tất cả tướng. Quét tất cả pháp, giống như dùng chổi quét sạch hết pháp trần tục. Rồi tất cả tướng là không còn tướng gì nữa. Nếu quý vị tu theo pháp Lục Độ Vạn Hạnh, quý vị sẽ sanh vào cảnh giới Bồ Tát.

Làm sao để được sanh vào cảnh giới Duyên Giác? Là quý vị quán Thập Nhị Nhân Duyên: Vô minh duyên hành, hành duyên thức; cho đến sanh duyên lão, tử. Vô minh đứng hàng đầu trong mười hai pháp Nhân Duyên. Vô minh từ đâu đến? Là từ ba độc tham sân si mà đến. Có vô minh thời có hành. Có hành thời có thức v.v... Nếu như chúng ta có thể tìm được cội rễ của vô minh

và cắt đứt hết vô minh, thì sanh tử sẽ không còn. Làm thế nào để cắt đứt nó đây? Là chúng ta cần phải tu tam vô lậu học: Giới, Định, Huệ. Có như thế mới cắt đứt được cội rễ của ba độc và đem vô minh biến thành trí tuệ. Khi có trí tuệ rồi, chúng ta sẽ hiểu thế nào là thiện, thế nào là ác. Như vậy tâm chúng ta sẽ được quang minh, xán lạn và thanh tịnh. Một khi vô minh đã bị phá trừ thì Pháp thân sẽ xuất hiện, đó tức là Phật Bích Chi.

Làm thế nào để được sanh vào cảnh giới Thanh Văn? Quý vị nên tu pháp Tứ Đế, tức là tìm căn nguyên của sự khổ đau. Căn gốc của đau khổ là từ bên trong của cái thấy, cái suy nghĩ lầm lẫn, tức là kiến hoặc và tư hoặc. Bởi vậy chúng ta phải dùng Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo để tiêu diệt hai cái “hoặc” đó. Kiến hoặc có tám mươi tám phẩm, tư hoặc có tám mươi một phẩm. Khi nào tiêu diệt hết hai cái hoặc đó của tam giới rồi, chúng ta mới có thể chứng được tứ quả A La Hán, tức là bất sanh, bất diệt. Trên đây là bốn pháp giới thuộc về cõi Thánh.

Làm thế nào để được sanh lên cõi trời? Quý vị nên tu pháp Ngũ giới và Thập thiện, là tu thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý. Thập thiện là: Thân làm ba điều lành: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Miệng có bốn điều lành là: không vọng ngữ, không ý ngữ, không ác khẩu, không lưỡng thiệt. Ý có ba điều lành là: không tham, không sân, không si. Ai có được những công đức này mới được sanh lên cõi trời. Nhưng họ chỉ được sanh vào cõi trời Địa Cư Thiên, tức là Trời Tứ Thiên Vương và Trời Đao Lợi chứ không thể sanh đến Không Cư Thiên, là những cõi như Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa, Trời Tha Hóa Tự Tại. Trừ phi những người có công phu tu thiền định, họ mới có thể từng bước thăng tiến cao hơn. Từ mười tám cõi Trời Sắc Giới, sanh lên đến Trời Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng của Vô Sắc Giới thì đó là cõi trời tối cao của hai mươi tám cõi trời trong Tam giới. Như nếu tiếp tục tinh tấn tu tập thiền định, họ sẽ vượt ra khỏi Tam giới, thoát ly phần đoạn sanh tử và chứng đắc quả vị A La Hán.

Làm thế nào để được sanh vào cõi người? Nếu quý vị có thể *chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*, tức là đừng làm các việc ác, nên làm các việc lành thì quý vị sẽ không bị mất thân người. Người nào kiếp trước tu hành đầy đủ cả phước lẫn huệ thì sẽ được sanh vào nhà phú quý, mọi việc đều thuận lợi, thêm mạnh khỏe, lại sống lâu và được tướng hảo trang nghiêm. Còn nếu những ai kiếp trước không tu phước huệ thì sẽ sanh vào cảnh bần cùng, cả đời lận đận, nhiều bệnh tật, chết yểu, tướng mạo lại xấu xí. Đó đều là do luật nhân quả, là định luật bất biến, không thay đổi. Làm lành thì được phước báo, làm ác thì bị ác báo. Có người bởi kiếp trước không tu, cho nên đời nay

phải chịu khổ, nếu như họ lại không tu thì đời sau còn không được như đời nay. Nếu như họ phát nguyện tu hành, nhất định kiếp sau của họ sẽ tốt hơn kiếp này. Có người nhân vì kiếp trước tu hành, cho nên kiếp này họ gặp mọi việc đều thuận lợi. Như quả kiếp này họ lại tu hành tiếp, nhất định kiếp sau của họ còn tốt hơn, thuận lợi hơn kiếp này. Nếu họ không tu hành, nhất định kiếp sau của họ tuyệt đối không bằng kiếp này. Đạo lý này rất đơn giản, ai ai cũng có thể hiểu rõ được. Đời sau gặp thuận hay nghịch cảnh, hoàn toàn đều do quý vị tự quyết định. Phật, Bồ Tát có muốn giúp, giúp cũng không nổi việc này đâu.

Làm thế nào để không bị sanh vào bốn cõi ác thú? Nếu quý vị không còn tâm đấu tranh, quý vị sẽ đoạn tuyệt được sự ra vào cảnh giới A-tu-la. Nếu quý vị không tham thì sẽ đoạn tuyệt sự qua lại với cảnh giới súc sanh. Nếu quý vị không sân hận thì sẽ đoạn tuyệt sự tới lui với cảnh giới nga quỷ. Nếu quý vị không si, quý vị sẽ đoạn tuyệt không ra vào cảnh giới địa ngục. Trên đây là sáu pháp giới của cõi phàm.

Mười pháp giới là mười con đường do chính quý vị tự lựa chọn. Gieo nhân nào thì gặt quả đó, chỉ là xem quý vị có trí huệ Bát Nhã hay không!

Người có trí huệ Bát Nhã, là người biết tạo các việc lành và tiêu trừ các ác nghiệp. Người không có trí huệ bát nhã, là người sẽ gieo nhiều việc ác và làm tiêu mất hạt giống thiện nghiệp. Ai ai cũng có trí huệ Bát Nhã, chỉ xem quý vị có biết dùng nó hay không mà thôi. Nếu quý vị biết vận dụng Bát Nhã này, nó sẽ chiếu sáng khắp cả pháp giới. Nếu như không biết vận dụng trí huệ Bát Nhã, quý vị sẽ không thể nào nhận biết rằng: xưa nay mười pháp giới vốn sẵn có ở trong tâm ta.

Giảng ngày 17 tháng 10 năm 1980

---o0o---

8. Diệu Đạo

Chúng sanh có căn tánh thiện nhiều hay ác nhiều, Phật đều biết hết. Dục niệm của chúng sanh dù nhiều, dù ít Phật cũng hiểu rõ. Cho nên Phật vì chúng sanh mà chỉ dạy biết bao nhiêu là diệu đạo.

Diệu đạo là gì? Nói theo cách cạn cợt: Đạo là những việc làm thường ngày, đạo mà mỗi ngày chúng ta dùng, thực hành, kinh nghiệm đều là rất vi diệu. Nếu không chú ý nghiên cứu nó, chúng ta sẽ không biết chỗ vi diệu của nó

đâu. Còn nếu chú ý nghiên cứu nó, thế thì bất cứ việc gì cũng đều diệu, diệu không thể nói được. Ví như, đồ vật mà chúng ta dùng thường ngày là từ đâu đến? Là đến từ nơi rất vi diệu. Rồi chúng nó đi đâu? Đi tới chỗ cũng thật là diệu mầu. Tóm lại, tất cả đều là diệu đạo.

Cảnh giới mà chúng ta sinh hoạt mỗi ngày cũng chính là diệu đạo. Cũng giống như chúng ta không ăn thì bụng đói. Vì sao phải đói? Đó là diệu. Sau khi chúng ta ăn xong thì no. Đó cũng là diệu. Cho đến mặc áo hay uống trà, tất cả cũng đều tuyệt diệu như nhau. Nếu không huyền diệu thì sao chúng ta phải dùng đến chúng? Mặc dù chúng ta dùng chúng, nhưng cũng không dùng được lâu dài, mà chỉ là tạm thời thôi. Vậy quý vị nói có phải là vi diệu không?

Có người nói: “A! Ai mà không biết cái đạo lý này!”

Nhưng chỗ hiểu biết của quý vị chỉ ở ngoài da, chứ không phải cứu cánh. Quý vị chưa biết được chỗ vi diệu đâu.

Vì sao người ta thích ăn ngon? Đó là cái vi diệu. Vì sao người ta muốn mặc quần áo đẹp? Đó cũng là cái vi diệu. Vì sao người ta thích ở trong căn nhà tốt đẹp? Đó cũng là cái vi diệu nốt.

Chúng ta không mấy minh bạch về ý nghĩa của cái vi diệu này cho lắm. Nói theo cách khác, nếu chúng ta hiểu rõ thì là diệu, không hiểu rõ tức là không diệu. Cũng giống như hai hành giả “Tam Bộ Nhất Bái” đang lúc trên đường vừa đi ba bước, lạy một lạy; có một vị quần bị rách không thể che thân. Lúc bấy giờ, bên đường lại xuất hiện một cái quần!



Đó là cái vi diệu. Sau đó lại có người ném chai bia vào họ, nhưng không trúng, đó cũng là cái vi diệu. Ý nghĩa của sự vi diệu này thì có rất nhiều chuyện để nói vậy.

Giảng ngày 5 tháng 11 năm 1980

---o0o---

9. Phản Bồn Hoàn Nguyên

Cái thân này không phải do ngũ uẩn tích tụ mà thành. Nó cũng không phải là từ mười hai xứ hay mười tám giới mà lại. Phật đã không có cái hình tướng, nhưng sao chúng sanh lại thấy được ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp của Ngài? Đó là vì Phật tùy thuận theo tâm phân biệt của chúng sanh mà thị hiện ra. Nhân vì chúng sanh có tâm phân biệt tốt xấu, và Phật vì muốn chúng sanh phát Bồ Đề tâm, Ngài đã thị hiện thật nhiều thân không giống nhau để chúng sanh tăng thêm lòng hoan hỷ và tín ngưỡng. Đó là pháp môn phương tiện thiện xảo rất khéo léo.

Người nam thì muốn tìm một cô gái đẹp để làm vợ, còn người nữ thì muốn tìm một chàng trai anh tuấn để làm chồng. Điều đó chứng minh rằng ai ai cũng thích đẹp chứ chẳng thích xấu. Tâm con người đều là như vậy và tâm lý con người cũng giống như thế. Ai ai cũng hy vọng có vợ đẹp, hoặc có chồng khôi ngô, tuấn tú. Đó là chuyện thường tình của con người, là việc hiển nhiên thôi.

Có người hỏi: “Thầy đang giảng kinh, nhưng sao lại nói về chuyện này?”

Quý vị bảo tôi đừng nói về chuyện này, vậy thì tôi nên nói về chuyện gì? Người xưa nói: “Đạo của người quân tử, bắt đầu từ chồng vợ.” Trên thế giới này chỉ có hai người nam nữ. Có nam nữ rồi mới tạo thành thế giới được. Ở đây tôi đặc biệt có lời thanh minh rằng: đôi nam nữ này không phải là ông Adam và bà Eva, mà cũng không phải là do đức Chúa Trời dùng đất bùn nặn ra nam nữ để đến thế giới này. Nói tóm lại, cái thế giới này là do sự tổ chức của vợ chồng mà khởi nên.

Có chồng vợ rồi, sau đó có cha con, anh em, có tôi, có người. Nam nữ vốn là âm dương. Cho nên nói: “Một âm một dương gọi là đạo, rời khỏi âm dương đạo chẳng thành.” Lại nói: “*Cô âm bất sanh, độc dương bất trưởng.*” Đó là đạo lý tự nhiên.

Chúng ta tu đạo thì cần phản bản hoàn nguyên, trở về nguồn gốc. Người nam tu đạo nên như chữ Ly (☲) trong bát quái, có một vạch giữa đứt ngang, phản hồi đến chữ Càn (☰) thì có ba vạch liền. Người Nữ tu đạo nên như chữ Khảm (☵) có một vạch nối liền ở giữa, trở về chữ Khôn (☷) có ba vạch đều đứt đôi thành sáu đoạn. Càn đại biểu cho nam, Khôn đại biểu cho nữ. Người nam nên trở về đồng chân, người nữ nên phản hồi về đồng nữ. Người nam nên như Thiện Tài Đồng Tử trong kinh Hoa Nghiêm. Người nữ nên như Long Nữ trong kinh Pháp Hoa. Họ đều là đồng nam, đồng nữ và đã phản bản hoàn nguyên, trở về nguồn cội. Chúng ta tu đạo cũng nên như thế, bảo trì sự đồng thể trình bạch, như vậy mới dễ dàng chứng đắc được Pháp thân thanh tịnh. Nhân vì chúng sanh có tâm phân biệt và thường hay phân biệt về biết bao vấn đề như: có thiện ác, có đẹp xấu, có phải trái, có trắng đen, cho nên Phật vì tùy thuận tâm chúng sanh mà thị hiện ra biết bao hóa thân khác nhau, để chúng sanh thấy được thân Phật, gọi là:

*“Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt,
Vạn lý vô vân vạn lý thiên.”*

Nghĩa là:

Ngàn sông có nước, ngàn sông có trăng,
Muôn dặm không mây là muôn dặm trời.

Phật tùy các loài mà hóa thân. Nếu tâm chúng sanh như nước trong, Phật sẽ hiện ngay trong họ. Vì sao chúng ta không thấy được thân Phật? Bởi chúng ta có tư dục và vô minh quá nặng nề, cho nên trí huệ không thể hiện tiền. Vì tâm chúng ta như ao nước bùn, nên dù có Phật, Phật cũng chẳng hiện được.

Vô minh tức là hắc ám đen tối, trí huệ là ánh sáng quang minh. Có vô minh là có phiền não, có phiền não là ngu si, có ngu si tức là đen tối, có đen tối là không có ánh sáng, không có ánh sáng là không có trí huệ, không có trí huệ tức không thấy được Phật. Đây đều có sự quan hệ liên đới với nhau. Nếu muốn thấy thân Phật, chúng ta tất phải siêng tu giới định huệ và tiêu diệt tham sân si. Như thế thì tự nhiên Phật sẽ hiện thân và thuyết pháp cho chúng ta nghe.

Giảng ngày 8 tháng 11 năm 1980

---o0o---

10. Chân Kinh Vô Tự

Trong phẩm thứ nhất Niệm Phật của Đại Tạng Kinh có nói: “Phật bảo Xá Lợi Phất: Người không thông đạt các pháp đều là vì lời nói che phủ. Do vậy Như Lai biết ngôn ngữ là tà vạy. Dù ngay cả có chút ít ngôn ngữ, người này cũng không đạt được sự chân thật.” Đức Phật bảo Tôn giả Xá Lợi Phất: “Phàm kẻ không thể hiểu rõ tất cả pháp là đều bị ngôn ngữ che đậy.” Vì sao? Bởi vì họ chưa có “không” về pháp chấp. Bởi nguyên nhân này, cho nên Phật biết tất cả ngôn ngữ đều không đúng, đều sai lầm. Hễ có ngôn ngữ là có chỗ che đậy, có che đậy là có chướng ngại cho trí huệ vốn có của chúng sanh. Cho đến ngay cả một câu nói hoặc một chữ, cũng đều là không chân thật. Vì sao? Bởi vì phàm nói ra dù một chữ là chúng ta vẫn còn có chỗ chấp. Cho nên nói “Nhất pháp bất lập,” đó tức là một chữ cũng không có vậy.

Người biết đọc kinh, chẳng những họ biết đọc kinh *có chữ* mà cũng biết đọc cả kinh *không chữ* nữa. Nếu như biết đọc kinh *không chữ*, thì đó mới thật là người chân chánh hiểu rõ Phật Pháp. Quý vị có thể đọc kinh *có chữ* và cứ niệm đi niệm lại, thì đó là người vô sự tìm việc để làm thôi. Nếu quý vị biết đọc chân kinh *vô tự* (không chữ), thì đó là quý vị đã có phương pháp rồi. Nhưng nếu phải đọc “chân kinh vô tự” thì quý vị có đọc được không? Như quả quý vị không biết đọc chân kinh vô tự, thì trước là hãy đọc kinh *có chữ*, rồi sau đó mới có thể hiểu rõ được kinh *không chữ*. Chờ đến lúc đã hiểu rõ

kinh *không chữ* rồi, quý vị sẽ không cần đọc kinh *có chữ*. Cho nên nói: “Biết thì không khó, khó thì không biết.” Học Phật Pháp cũng giống như thế thôi!

Rốt cuộc thì kinh vô tự là gì? Tức là “một niệm không sanh.” Quý vị mà có thể một niệm không sanh thì tự nhiên sẽ trở về với *không tịch*. Tất cả Phật Pháp là như thế và cũng không có gì khác hơn! Nếu như quý vị không thể “nhất niệm bất sanh” thì quý vị hãy còn phải làm nhiều công đức, vun bồi nhiều căn lành Bồ đề và tu nhiều Bồ đề đạo. Chờ khi quý vị được lục độ viên mãn, muôn hạnh đều đầy đủ, đến lúc đó tự nhiên quý vị sẽ “nhất niệm bất sanh và không tịch hiện tiền.”

Vì sao nói Phật không có thuyết Pháp? Trong kinh là nói như thế, luận số cũng nói như thế. Vậy rốt cuộc thì Phật có thuyết Pháp hay không? Nếu nói là Phật không thuyết Pháp, vậy thì kinh Hoa Nghiêm mà chúng ta đang giảng đây là từ đâu ra? Nếu như nói Phật có thuyết Pháp, thì tại sao Phật không tự thừa nhận là Ngài đã từng thuyết Pháp? Nếu nói Phật đã thuyết Pháp, thế là phỉ báng Phật. Nhưng hễ quý vị rời xa kinh điển dù chỉ một chữ, tức là ma nói. Như thế thì làm sao giảng Pháp đây?

Vì sao Phật không thừa nhận Ngài đã nói Pháp? Bởi phàm có lời nói là làm ngăn trở nghĩa chân thật. Chân Pháp thì không có người nào có thể nói ra được. Những Pháp mà Phật đã nói đều là Pháp phương tiện cả. Tuy là tạm khai quyền để hiển bày cái thật, nhưng cái thật này, nếu hiển bày ra được tức không phải là thật rồi!

Giảng ngày 22 tháng 11 năm 1980

---o0o---

11. Pháp Môn Nhẫn Nhục

Quý vị nên biết rằng Sư Phụ này của quý vị rất nghiêm khắc, chứ không ngọt ngào gì đâu. Có lúc tôi nghiêm khắc đến nỗi đệ tử tôi phải chảy cả nước mắt, nước mũi nữa đó. Nay tôi xin kể cho quý vị biết là tôi làm sao mà học được cái tánh như thế.

Khi mười sáu tuổi, tôi đã bắt đầu giảng kinh Kim Cang. Trong kinh có nói về một vị tiên nhẫn nhục, vị này dù bị vua Ca Lợi chặt đứt cả tứ chi mà vẫn không hề sanh tâm sân hận. Sau khi đọc câu chuyện đó, tôi bèn phát nguyện học theo và một lòng nhất tâm tu pháp môn nhẫn nhục.

Tôi biết tánh mình bẩm sinh là nóng nảy và cang cường bướng bỉnh. Cho nên tôi phải tu pháp môn nhẫn nhục là thích hợp nhất. Nhưng một khi tôi hạ quyết tâm, thì bao nhiêu khảo nghiệm thử thách từ bốn phương tám hướng ào ào kéo tới. Có người xưa nay chưa từng mắng tôi, giờ này cũng mắng tôi; người vốn chưa hề đánh tôi, giờ đây cũng đánh tôi. Bạn bè trước đây vốn đối xử với tôi rất tốt, kết quả lại chuyên môn công kích tôi. Thế nên tôi tự xét rằng: “Mình giảng kinh Kim Cang cho người ta, trong kinh có nói về ông tiên nhẫn nhục bị cắt đứt cả tay chân mà không sanh lòng sân hận. Hiện nay những người này chỉ chửi mắng mình, công kích mình, chớ họ chưa đến nỗi chặt đứt tay chân của mình, nếu mình không thể nhẫn nhục thì làm sao mình còn giảng được kinh Kim Cang nữa đây?”

Vì thế tôi bèn hạ quyết tâm là phải nhẫn nhục. Bất luận những ai đối với tôi không tốt, thậm chí là họ muốn hại tôi, tôi cũng đều nhịn nhục hết. Kết quả là tôi không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động. Kỳ thật những người này không phải muốn đến hại tôi, mà trái lại họ giáo hóa tôi, xem tôi có chịu nổi mấy thứ khảo nghiệm đó không. Ai mắng tôi thì tôi hướng về người đó khấu đầu đánh lễ. Có ai đánh tôi thì tôi ngủ ngay một giấc cho họ xem. Lúc còn ở nhà, tôi vẫn thường thường bị mấy thứ như thế đã kích. Nhưng sau khi xuất gia, các bậc thiện tri thức cũng lại tới lui không dứt. Ôi thôi những vị xuất gia trước sau, tả hữu bao quanh bên tôi, chẳng một ai xem tôi ra gì. Họ đều coi tôi như cái gai trước mắt, đều muốn ức hiếp tôi. Có ông thầy khi thấy tôi thấp hương bèn mắng lớn: “Chú mà xuất gia cái gì? Thấp một cây nhang cũng không biết. Thật là đàn độn! Còn dám nói tới xuất gia nữa sao!”

Lúc bấy giờ tôi nghĩ rằng: “A! Khảo nghiệm lại đến nữa rồi. Tiên nhân nhẫn nhục bị vua Ca Lợi chặt đứt tay chân mà không sân hận. Còn hiện nay mình chưa bị như thế mà. Được rồi! Thì cứ khấu đầu đánh lễ ông ta!” Thế là tôi đến trước mặt thầy đó khấu đầu cúi lạy để cảm ơn ông ta đã giúp đỡ tôi. Lúc bấy giờ, bất luận là những bậc “thiện tri thức” xuất gia hay tại gia, họ đã không ngừng đến giúp đỡ tôi như thế, nhưng lòng tôi đối với họ vẫn không một mảy may sân hận. Mỗi lần như vậy, tôi đều hồi quang phản chiếu: “Nhất định là lúc xa xưa mình đã không hề giúp họ, trái lại hôm nay họ lại giúp mình, vậy mình phải cảm tạ họ mới phải chớ!”

Bây giờ các vị đã hiểu rõ chưa? Sư Phụ của quý vị là ông thầy như thế đó. Là ông thầy chuyên môn tu hạnh nhẫn nhục, chuyên môn bị người ta ức hiếp. Tôi chuyên môn nhẫn nhịn những cái người ta không thể nhẫn, nhường những cái người ta không thể nhường. Con người như vậy thì có lợi lộc gì? Nhưng quý vị đã quá bất hạnh, vì gặp phải một người chẳng có ích lợi. Vậy

sao quý vị vẫn còn muốn học tập theo cái ông Sư Phụ ngu si này? Nhưng khi quý vị đã theo tôi rồi, tôi cũng không thể không kể lại chuyện quá khứ từng trải của tôi, là tôi đã đến từ con đường tu hạnh nhẫn nhục đó.

Quý vị học Phật, không nên nghe cho nhiều Phật Pháp rồi lại không chịu thực hành, mà hãy nên cung hành một cách thực tiễn. Quý vị nên tự bản thân y chiếu và cố gắng áp dụng theo những điều răn dạy của đức Phật.

Chúa Giê-Su đề xướng chủ thuyết “Ái địch” là yêu thương kẻ thù địch. Đối với người không tốt với ta, thì ta lại càng phải yêu thương người đó.

Còn Phật giáo chủ trương “Oán thân bình đẳng,” là dù thân hay thù, mình cũng đều xem như nhau. Lòng nhân từ của chúng ta đối với ai cũng nên bình đẳng, không phân biệt thân sơ, khinh trọng. Nếu người học Phật không thể thực sự hành theo, thế thì học đến bao giờ cũng chỉ là học cạn cợt bên ngoài, chứ không thể nào đạt được sự lợi ích chân thật!

Hãy nhớ kỹ! Nhớ kỹ! Bước đầu học Phật nhất định là phải tu hạnh nhẫn nhục! Cứ kể như là có người muốn giết mình, mình cũng không nên có tâm sân hận. Thậm chí là nếu so với chỗ tu hành của ông tiên nhẫn nhục, chúng ta lại càng phải tiến hơn một bước. Nhưng đó cũng không phải có ý nói: “Ông tiên tu hạnh nhẫn nhục bị chặt đứt tay chân mà không khởi tâm sân hận, vậy bây giờ anh có thể chặt thân thể của tôi đi, tôi cũng không sân hận đâu!” Đó là bắt chước người ta, chứ không phải là từ ý của mình, như vậy là bị hạng nhì rồi. Không những tay chân mình dù có bị chặt, mình chẳng giận hờn, thậm chí nếu thân bị băm tan xương thịt nát, mình cũng không nên sân hận! Bởi vậy khi có người phỉ báng tôi, hoặc giả dối xử không tốt với tôi, tôi cũng chẳng giận hờn.

Giảng ngày 1 tháng 12 năm 1990



---o0o---

12. Xin Quý Vị Bỏ Thí Cho Tôi

Hôm nay tôi muốn ban ra một mệnh lệnh cho những vị nào đã quy y theo tôi. Mệnh lệnh gì vậy? Hãy nên bỏ thí! Tôi xin hóa duyên với quý vị. Có người nói: “Sur Phụ! Mấy năm qua Sur Phụ chưa từng hóa duyên xin chúng con. Nhưng hôm nay Sur Phụ muốn hóa duyên xin tụi con, vậy nhất định là Sur Phụ muốn hóa đại duyên, phải không!”

Không sai! Duyên nhỏ tôi không xin đâu. Xin duyên nhỏ thì có ý nghĩa gì? Dù là ba triệu, năm triệu cũng chẳng dùng được gì nhiều. Trên đời này, tiền chỉ là những tờ giấy màu mè. Ngay cả nếu quý vị đem vàng bạc cho tôi, tôi cũng không thể ăn và chết cũng không thể mang theo được. Những thứ đó đều không dùng được gì.

Vậy tôi hóa duyên xin quý vị cái gì đây? Đó là xin tất cả cái tánh nóng giận, cái vô minh, cái phiền não, cái sân hận của quý vị đó. Tất cả những thứ đó, quý vị hãy đưa hết cho tôi đi! Bởi vì tôi là một ông thầy “ót cay” nên tất cả thứ đó tôi không chê nhiều đâu, càng nhiều càng tốt. Nếu quý vị thí xả toàn bộ những thứ đó cho tôi rồi, thì tôi sẽ bỏ chúng vào lò vô minh để rèn luyện. Tôi sẽ dùng lửa vô minh từ từ trui luyện chúng thành vàng ròng, thành kim cương và trong tương lai chúng ta sẽ cùng nhau thành Phật. Cho nên dù quý vị không muốn bỏ cũng phải bỏ, không muốn bỏ thí cũng phải bỏ thí.

Ai thật sự là đệ tử của tôi, người đó phải đem các tánh sân giận, vô minh, phiền não, đố kỵ, gây chướng ngại người khác mà xả thí hết cho tôi. Tôi là người thu thập rác rưởi nên quý vị hãy đem hết mấy thứ đó bỏ vào thùng rác, có được không?

Sau đó, chúng ta tiến thêm bước nữa là tịnh hóa làm cho thế giới này được trong sạch. Hãy hòa tan hết những ám khí tội lỗi của thế giới này, ngõ hầu những tai nạn sẽ hóa thành vô hình và chuyển đổi khổ não thành ra kiết tường.

Đó là điều hôm nay tôi muốn nói với quý vị, chứ không phải là tôi nói chuyện giỡn chơi. Quý vị mới nghe qua thì giống như chuyện khôi hài, nhưng những gì tôi nói là hoàn toàn thật, chứ không phải đùa đâu.

Xác định cho rõ là tôi muốn hóa duyên xin quý vị. Nếu ai không nỡ xả cho thì người đó không phải là đệ tử tôi. Còn ai chịu cho thì người đó mới thật là đệ tử tôi. Không xả cũng phải xả, không nhường cũng phải nhường, không nhẫn nhịn cũng phải nhẫn nhịn, quý vị hiểu không?

Pháp này nhất định là vậy, quý vị đừng có lơ là rồi làm qua loa cho xong chuyện. Ai cũng không được chắt chứa tặc đồ hoặc tánh chướng ngại người. Trái lại, chúng ta chỉ nên tận lực hết mình để giúp đỡ kẻ khác tu hành. Đây là những điều tôi muốn nói với quý vị hôm nay. Tôi nói nhiều rồi, chắc quý vị đã bị “cay” đến nỗi không thở được, cho nên hôm nay cay bấy nhiêu đó cũng đủ rồi!

Giảng ngày 25 tháng 12 năm 1980

---o0o---

13. Quý Vị Muốn Biết Quỷ Là Gì Không?

Quỷ có rất nhiều loại. Có người cứ tưởng rằng quỷ có bộ dạng hung ác, đáng sợ với bộ dạng mặt xanh, răng nhọn. Thật ra, không nhất định là như thế. Có lúc quỷ hóa ra thân người, mới thấy thì tưởng như người thật, nhưng lại là quỷ.

Nếu quý vị là người đã khai mở Ngũ Nhãn, bọn quỷ không thể nào lừa phỉnh được quý vị. Quỷ lại có thể biến làm súc sanh như: ngựa, trâu, dê, chó, thỏ và các loài cá... Vì sao chúng lại có thể biến hóa như thế? Bởi chúng có thân thông, hoặc giả là chúng biến làm con kiến, con muỗi, con trùng, con ruồi,

con chim sẻ, con ong... Ví như lúc mùa xuân, trăm hoa đua nở, cho nên có hàng trăm con ong đến hút mật, nhưng trong đó có rất nhiều hóa thân của quỷ. Trong đám hoa có ong thật, mà cũng có ong giả. Ong thật là do nghiệp mà thọ quả báo, trong khi ong giả là do quỷ biến hóa thành. Chúng nó đi các nơi để hút nhụy hoa, uống sương hoa. Bởi vậy quý vị đừng tưởng rằng, nhất định là không thể thấy quỷ được. Quý vị hàng ngày đối diện với nó, vậy mà hãy còn không nhận ra nó. Cho nên có câu nói: “Đổi mặt mà không biết là Quán Thế Âm.” Nhưng đây cũng có thể nói tương tự như: “Đổi mặt mà không biết là quỷ!” Bây giờ có người nói: “Thầy à! Thầy nói như thế, tôi thật là không dám tin đâu!” Ồ! Ông không tin thì thôi. Nhưng sao phải nói là không dám tin hả? Tôi cũng đâu có cưỡng ép ông tin, tôi chỉ nói đạo lý cho ông đề cao cảnh giác, để khỏi ngày ngày chung đụng với quỷ mà vẫn không biết.

Có người nói: “Eo ơi! Thầy mà nói như thế thì chỉ làm cho tui con lo sợ, rồi tôi đến cũng không dám ngủ.” Thế thì dứt khoát là đừng nên ngủ nữa, mà hãy lo tu Bát-chu Tam muội là được rồi. (Là tu pháp môn niệm Phật liên tục 90 ngày, hành giả sẽ không ngủ và cũng không nằm.) Nếu tôi nói lời chân thật thì nhất định quý vị sẽ không tin, thành thử tôi ít nói chuyện thật. Vậy có phải là tôi nói chuyện giả không? Không phải đâu, lời giả lại càng không nên nói. Chúng ta ít nói lời thật, còn lời giả dù một chút cũng chớ nên nói. Nếu chúng ta nói nhiều lời thật, người ta cũng không tin.

Lại nữa, yêu ma quỷ quái cũng có thể biến thành rất nhiều loại động vật khác nhau. Quý vị còn nhớ năm 1976, khi chúng ta mới dọn đến Vạn Phật Thành lần đầu tiên không? Lúc bấy giờ, có vị cư sĩ mua được một só rùa để đem phóng sanh. Trong đó có một con bị lật ngửa, bốn chân giơ lên trời. Cư sĩ Phùng Phùng cũng có mặt tại đó. Ông thấy có một người mặc y phục màu xanh đang hướng về ông cầu cứu mạng. Ông Phùng Phùng bèn đến tận nơi quan sát, ông phát hiện ra đó là một chú rùa đang bị lật ngửa. Quý vị thấy chưa! Con rùa đó cũng có linh tánh, cho nên nó biết hướng về ông Phùng Phùng để cầu cứu mạng. Vậy mà nhiều năm qua cũng chưa có ai chú ý đến chuyện này. Nhưng từ chuyện đó thì biết rằng tất cả chúng sanh, mỗi loài đều có quyền thuộc. Đó là vật cùng loài tụ họp với nhau, khí cơ tương dẫn y theo loại mà hiển hình.

Bây giờ mọi người đang đề tâm nghiên cứu chú Lăng Nghiêm, mới biết là quỷ cũng có đủ hình đủ dạng, muôn ngàn loài khác nhau. Chúng nó đều là do cảm quả mà thọ báo, tùy theo loài mà hiện. Trong chú Lăng Nghiêm có nêu danh nhiều vị vua của quỷ thần, trong đó có quỷ dạ xoa (nhanh lẹ), quỷ

la sát (kinh sợ), quý thủ hồn, quý thủ thi, quý tỳ xá xá (hớp tinh khí), quý cuu bàn trà (làm người tê liệt, còn gọi là bóng đèn, ma đèn), quý đại thân, quý điền, quý xú (thối), quý phú đan na (có mùi hôi độc), quý nhiệt, quý hàn, quý ảnh, quý âm nhạc... Ngoài ra còn có quý ăn hoa, quý ăn nhau sanh sản, quý ăn thai, quý ăn hài nhi, quý ăn mỡ, quý ăn đèn, quý ăn ngũ cốc... Sự biến hóa của chúng, quả là vô cùng vô tận, vô lượng vô biên.

Trước đây khi chưa nghe chú Lăng Nghiêm, chúng ta đâu biết có nhiều loại quý như thế. Nhưng sau khi chúng ta nghe rồi, mới biết là quý cũng có rất nhiều chủng loại. Đương nhiên quý so với người thì chúng nó đông hơn nhiều. Người tạo nghiệp tội thì bị đọa xuống cảnh giới quý, không thể tự mình thoát ra được.

Khi Phật còn tại thế, có lần Ngài hốt lên nắm đất và hỏi chúng đệ tử: “Các ông nói, đất trong tay ta nhiều hay là đất trên đại địa này nhiều?” Đệ tử thưa: “Đương nhiên là đất trên đại địa nhiều, còn đất trong tay Thế Tôn thì rất ít.” Thế Tôn nói: “Chúng sanh được thân người như đất trong bàn tay ta, trong khi chúng sanh bị mất thân người như đất trên đại địa.” Bị mất thân người như đất trên đại địa, vậy mất thân người rồi thì họ đi đâu, làm gì? Đương nhiên là đi làm quý! Vậy mà còn phải hỏi nữa sao? Cho nên quý so ra thì đông hơn người. Kể như có dùng máy điện não (computer) thống kê cũng không tính nổi, trừ phi dùng “thần não” thôi. Thần não còn gọi là “thiên não”. Có người nói: “Thầy đã phát minh ra thiên não đó hồi nào vậy?” Không phải là tôi phát minh. Nếu quý vị không tin, thì cứ lên trời xem thử. Thiên não là tự tự nhiên nhiên vẫn luôn tồn tại. Loại thiên não này không cần người quản lý, cũng không dùng tay ấn xuống bàn phím đánh chữ (keyboard). Khi quý vị muốn biết điều gì, chỉ cần khởi niệm là tự nhiên nó sẽ tính ra ngay, tư hào cũng không sai sót. Tâm quý vị nghĩ gì, nó lập tức biết liền. Bởi nó huyền diệu thông linh như thế nên tôi gọi là “THẦN”. Nhưng số lượng của quý e rằng dùng thần não cũng tính không xuể, bởi chúng nó quá nhiều. Hơn nữa, vừa mới tính xong là nó tăng vọt lên hàng ngàn, hàng trăm ức. Một giây khác sau, chúng lại gia tăng thêm hàng ngàn trăm ức nữa. Do đó không cách nào tính cho chính xác được. Bởi vì quý cũng thoát nhiên lên trời, rồi cũng thoát nhiên xuống đất, không có cách nào để định được.

Quý cũng có quyền thuộc và bằng hữu. Nếu nó biết chỗ nào có ăn, nó sẽ mời bạn bè nó cùng tới ăn. Ví như loại quý ăn hoa có thể hóa làm ong mật hay bướm bướm, chúng đến đâu thì ăn nhụy hoa, uống sương hoa đến đó. Quý đói là do chỗ cảm nhận của quả báo, cho nên thường bị lừa đốt chẳng lúc

nào ngừng. Thân thể nó cũng có lửa, bên ngoài, bên trong cũng có lửa. Lửa trong lửa ngoài giao nhau hừng hừng thiêu đốt, thống khổ khó tả. Vì sao bị quả báo như thế? Vì khi làm người lại có tánh giận dữ quá lớn, nên sau khi chết biến thành quỷ cũng chẳng được thoải mái, ngày đêm lại bị thiêu đốt, vĩnh viễn không mãn kỳ hạn, muốn trốn cũng trốn không khỏi. Nhưng nếu chúng ăn được một ít mật hoa, sương hoa là chúng giảm bớt được chút nhiệt não nóng bức. Dù chúng có cầu được mát mẻ chỉ một giây lát thôi cũng không được. Cho nên thiện ác, nhân quả, như bóng theo hình, không bao giờ sai chạy.

Quý vị! Hãy cẩn thận!

Lại có một giống quỷ chuyên ăn trái cây. Nhưng trước hết tôi xin giải thích sơ lược về bốn loại ăn (thực). Tất cả chúng sanh đều nhờ ăn để sống. Nói về ăn tức gồm có bốn loại:

1) Phần đoạn thực: Chúng sanh hữu tình, phàm hễ có khí huyết, hình tướng đều là phần đoạn thực. “Phần” là anh có phần của anh, tôi có phần của tôi. “Đoạn” là từng khúc, từng đoạn, hoặc là từng bữa, từng bữa. Giống như ăn sáng, ăn trưa, ăn tối, và không ăn giữa các bữa ăn, nên gọi là đoạn. Người và súc sanh đều thuộc về phần đoạn thực.

2) Xúc thực: Khi đụng chạm tiếp xúc là như ăn rồi. Quỷ thuộc loại xúc thực.

3) Tư thực: Chỉ cần nghĩ tới là no. Người cảnh trời thuộc về tư thực.

4) Thức thực: Ngay cả ý nghĩ cũng không cần khởi tướng, vì cơ năng ăn uống ở trong thức thứ tám. Chư thiên ở Tứ Không Thiên thuộc về thức thực. Súc sanh đều có đồng loại với nó. Ví dụ như chim, cùng đồng loại thì chúng sống chung một cách hòa bình. Còn nếu không là đồng loại, mà muốn đến nhà loài khác để làm khách thì không được, vì nhất định là chúng sẽ đánh lộn.

Chắc quý vị cũng nhớ là ở trong khu rừng Vạn Thánh Lâm tại Vạn Phật Thánh Thành, có lúc bầy bạch hạc đã đánh nhau với chim ưng đó. Năm ngoái có một con bạch hạc bị đánh trọng thương, hoặc giả cũng có thể là nó từ trên ổ cao té xuống mà bị thương. Đệ tử tôi là Tiểu Quả Đà, chú này trước kia đã từng làm bạn với nó. Có lẽ kiếp trước Quả Đà cũng là chim hạc, nhưng vì nhờ nghe được một chút kinh Phật, cho nên kiếp này nó chuyển được làm người. Điều này cũng không nhất định là vậy. Quả Đà thấy bạn

chim đó đang gặp nạn nên không nỡ lòng bỏ, thế là chú bèn mang chim đến bệnh viện để chữa trị. Nhưng cả đoàn bác sĩ cũng đành bó tay, muốn giúp mà giúp chẳng được. Kết quả là chú phải trả nó về gốc cây. Mặc dù có chim bạch hạc lớn đứng canh giữ bảo hộ, nhưng cuối cùng nó cũng bị chim ưng bắt đi. Do đó chúng ta biết rằng: tất cả chúng sanh loài nào sẽ theo giống nấy, mỗi loài đều có quyền thuộc riêng của chúng.

Trở lại đề tài chính, chúng sanh đều nhờ ăn mà sống. Thí dụ như chúng ta ăn trái cây. Khi trái cây vừa mới được hái từ trên cây xuống, nó vốn là hai trái. Ví như một trái táo (apple), nó không phải đơn thuần là một trái đầu, vì trên mặt trái táo hãy còn có một trái táo khác. Có người nói: “Tại sao tôi không thấy trái đó?” Nếu quý vị thấy được thì sẽ lên ăn nó rồi! Hai trái táo này, trong đó có một trái là cái bóng, lại cũng có thể gọi là “Tánh” của trái táo.

Cũng giống như vậy, mỗi cá nhân không phải đơn thuần là một con người, mà còn có một linh tánh tùy thân khác. Nhưng linh tánh của con người thì ẩn tàng bên trong thân thể, không bộc lộ ra ngoài. Nếu linh tánh này chạy thoát ra, nó sẽ bị yêu ma quỷ quái ăn mất.

Bất luận chủng loại nào mà biến thành người, phía sau lưng nó vẫn còn lưu lại cái bóng, đó gọi là “quỷ hồn” (con người có ba hồn bảy vía). Ví như kiếp trước người đó làm ngựa, phía sau lưng của y sẽ có bóng ngựa. Có người kiếp trước sanh làm con lừa, cho đến trâu, dê, gà, chó hoặc là heo, phía sau lưng của y vẫn còn lưu lại hình bóng của loài đó. Người đã mở Ngũ Nhãn, nhìn qua là biết ngay: “À! Thì ra người này kiếp trước vốn là con chó!” Nhưng không phải ai ai cũng có được Ngũ Nhãn. Bởi e rằng người ta sẽ phanh phui ra hết những vấn đề về kiếp trước của kẻ khác. Cho nên nói: “Thiên cơ bất khả tiết lộ” là vậy.

Trái cây không phải là động vật, tuy không có khí huyết, nhưng nó cũng là sanh vật. Hễ có sanh mạng tức là có tánh. Như đem trái cây cúng tế quỷ thần, quỷ thần sẽ ăn tánh của trái cây đó. Quỷ không phải là cầm trái cây để cắn ăn, mà nó chỉ cần xúc chạm rồi hút lấy tánh của trái cây, tức là đã ăn rồi. Do đó nếu ăn trái cây đã cúng quỷ thần rồi, quý vị sẽ cảm thấy không có mùi vị gì mấy.

Quê tôi thuộc miền núi đông bắc ở Mãn Châu, nơi đó có một loại gấu lớn. Nó ăn món gì cũng không cần cắn xé, tức là nó nuốt trứng nguyên con. Trên núi có mọc một loại lê, gọi là thiết đàn lê vì nó cứng lắm. Nhưng gấu cũng không cần nhai, chỉ ngọam trái lê một cái là nuốt ngay. Lại càng kỳ diệu hơn

nữa là khi đại tiện, nó cũng cho ra nguyên trái lê, hình dáng y như lúc chưa nuốt, không chút sứt mẻ. Nhưng trái lê đó đã không còn mùi vị nữa. Bởi một khi trái lê chạy qua công xưởng hóa học (hệ thống tiêu hóa) trong thân thể con gấu thì chất tinh hoa đã bị hút hết. Cho nên dù hình tướng vẫn còn lưu lại đó, nhưng tánh của nó đã mất rồi.

Từ điểm này chúng ta có thể hiểu được tình hình của Phật, Quỷ, Thần ăn trái cây như thế nào. Trái cây đã cúng Phật, cũng không nên để lâu vì nó rất mau bị hư. Cũng giống như con người lúc sanh thời, linh hồn còn ở bên trong, một mai chết rồi thì hồn lìa khỏi xác, thì thể rất mau mục thối. Trái cây nếu còn sanh tánh sẽ không chóng hư thối, nhưng khi đã bị hút mất sanh tánh tức sẽ bị hư hoại rất mau.

Trong bốn loại ăn, quỷ chỉ cần ngửi một cái, chạm một cái là đã ăn xong. Không giống như con người chúng ta, là phải cắn nhai một miếng, rồi lại phải nuốt xuống bụng, rất là phiền phức. Có người hỏi: “Làm sao thầy biết được chuyện như thế? Đó là vì kiếp trước tôi đã từng làm quỷ, cho nên ngày nay vẫn còn nhớ đó mà! Quỷ thuộc loại xúc thực, người Trời thuộc tư thực, chư Thiên ở cõi Tứ Không Xứ thuộc loại thức thực.

Nghiệp báo của mọi loài quỷ thần đều do từ các nhân duyên mà thọ cảm, nhân nào, quả nấy, gọi là: “Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo.” Vì vậy chúng ta nên biết, làm lành thì phước đi theo, làm ác thì họa theo đuổi, giống như tiếng vang của âm thanh. Thọ khổ hay cảm lạc là do tự mình tạo duyên, chớ có do ai khác đâu! Quý vị không muốn làm quỷ thì đừng tạo nghiệp làm quỷ. Hôm nay tôi chỉ nói một đoạn nhỏ về kiếp xa xưa tôi đã làm quỷ. Giả như quý vị không chán nghe, tương lai tôi sẽ kể cho mọi người biết lúc xưa tôi đã làm kiến, làm muỗi như thế nào, ở địa ngục như thế nào, làm súc sanh ra sao... Tôi sẽ nói hết ra, chứ chẳng giấu giếm làm gì.

Tất cả vua của quỷ thần đều có oai đức lớn. Họ có thể chém yêu quái, trừ tai họa và chế phục bọn ngoại đạo. Họ dùng pháp Chiết Phục để hàng phục tất cả bàng môn tả đạo, ma mị yêu tinh, ngưu quỷ, xà thần. Phạm là những phần tử xấu, tà tri tà kiến, tà thuật tà pháp, họ đều có khả năng hàng phục hết. Họ có thể sanh thiện, diệt ác, trừ tà, phá ma. Ác ma là ví cho những kẻ không màng chi đến đạo lý. Phạm những kẻ ngang ngược không màng đến lý lẽ thì rất quái gở và hống hách, họ đều là từ bọn ác ma chuyển thể mà thành. Quý vị có đối xử tốt với chúng bao nhiêu, chúng cũng không biết là quý vị tốt. Cho đến quý vị đem cả máu thịt mình mà hy sinh cho chúng, chúng vẫn không biết đủ, mà cũng chẳng cảm ơn vì chúng có lòng tham không đáy. Tại

sao vậy? Bởi chúng đã trải qua nhiều kiếp huân tập thói ác, cho nên các ác tập đó đã trở nên thâm căn cố đế, và tánh xấu được hình thành từ sự u tối gàn dở mà chúng lại không chịu sửa đổi.

Những vị quý thần vương trong Chú Lăng Nghiêm thống lãnh các quyền thuộc của họ như: thiên binh, thiên tướng, thiên tào, kim cương lực sĩ... Tất cả các vị đó đều lo chấn giữ khắp cả mười phương, bảo vệ người tu hành và ủng hộ làm cho đạo tràng ngày thêm hưng thịnh. Phần trên chúng ta đã nói quá nhiều về các chủng loại quý thần và quyền thuộc của chúng. Quý vị nên biết tất cả chúng sanh, mỗi loại cũng đều có “quỷ hồn” riêng của nó. Chó có quỷ hồn chó, mèo có quỷ hồn mèo, đại chúng sanh, tiểu chúng sanh cũng đều có quỷ hồn riêng. Tuy con người thường nói sợ quỷ, nhưng thật ra người và quỷ vốn chẳng có sự phân chia. Quỷ ở âm gian, người ở dương thế, nhưng âm dương vốn là một thể, không phân cao thấp, chẳng có giới hạn. Quỷ thì tham sân si nặng nề, nếu so với người thì con người có giới định huệ nhiều hơn một chút. Do đó quỷ trở thành đám âm khí, trong khi khí bẩm sinh của người và súc sanh thì tạo thành hình tướng.

Vì sao người và súc sanh có hình tướng? Đều bởi vì biết bao thứ chấp trước mới bị nhốt trong cái lồng ngũ uẩn mà trốn không khỏi phạm vi sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Lưới ngũ uẩn này làm chướng ngại cho tự tánh của chúng ta, ví như có đám mây đen che lấp mặt trời. Thực ra âm dương vốn là một thể, nhưng nay chỉ bị từng mây ngũ uẩn phân chia mà thôi. Con người bị trần ngũ uẩn làm khốn đốn, quỷ cũng bị rừng cây ngũ uẩn làm vương vít, cho nên ai nấy đều chìm nổi trong biển nghiệp, sanh sanh tử tử, tử tử sanh sanh. Sanh thời làm người, lúc chết biến thành quỷ. Nhưng nếu ai chịu tu hành thì khỏi phải làm quỷ. Khi tu hành thành công là họ có thể thành Phật, thành Bồ Tát, hoặc chứng quả A La Hán.

Nếu ai chịu giữ ngũ giới và tu thập thiện thì sẽ được sanh lên cõi trời làm thần. Ngũ giới là: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ và không uống rượu. Không sát sanh là từ bi. Không trộm cắp là đạo nghĩa. Không tà dâm là chánh nhân quân tử. Không vọng ngữ là trung tín. Không uống rượu là sẽ không bị cuồng loạn. Kẻ sát sanh, đời sau lại bị quả báo oan ương đoan mạng. Kẻ trộm cắp bị quả báo bần cùng khổ sở. Kẻ tà dâm bị quả báo làm chim sẻ, chim bồ câu, uyên ương. Loài chim sẻ đều ham thích những chuyện cao xa hão huyền, bởi kiếp trước chúng chuyên có hành vi gian dâm và phá hoại đạo đức, cho nên mới có nghiệp báo hiển hiện như vậy. Tôi đã thường nói với quý vị về điều này, nhưng vẫn có người không chịu chú ý, cho nên tôi không ngần ngại gì nhấn mạnh thêm lần nữa:

Chúng ta không nên sát sanh! Tất cả chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay đều là cha mẹ, bạn bè, quyến thuộc của ta. Cha mẹ ta vì đời trước đã tạo nghiệp tội, kiếp này có thể bị đọa làm heo, ngựa, trâu, dê. Giả như quý vị sát hại súc vật một cách bừa bãi, tức là quý vị gián tiếp giết cha mẹ của mình vậy.

Về trộm cắp, có câu nói: “Chuyện gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác.” Quý vị không muốn ai trộm cắp hay cướp đoạt tài sản của quý vị, thế thì trước hết quý vị không nên trộm cắp tài sản của kẻ khác.

Về việc tà dâm, đối với luật nhân quả, phạm tà dâm là tội nặng nhất và bị trừng phạt tệ hại nhất. Đặc biệt là giữa vợ chồng, nếu hai bên đã ly hôn rồi mà lại kết hôn nữa, căn cứ vào luật nhân quả, đến lúc lâm chung, thân thể họ sẽ bị cắt ra làm hai phần. Bởi lúc sống họ đã có hai mối quan hệ, cho nên khi chết nghiệp báo mới hiện ra. Là có một cái cưa lớn cưa thân người từ trên đỉnh đầu xuống chân ra làm hai. Lúc sanh tiền đã tà dâm bao nhiêu lần, sau khi chết cũng bị cắt chia bấy nhiêu lần. Lúc sanh tiền kết hôn trăm lần, khi chết xuống liền bị phân thành trăm mảnh, để chia từng chút một cho những ai mà họ đã có quan hệ từ trước. Thế bị phân chia như vậy thì có gì không tốt? Vì khi linh tánh đã bị phân ra từng mảnh tan vụn rồi, nếu muốn đem nó tập hợp lại tức chẳng dễ gì đâu. E rằng đến cả trăm ngàn ức kiếp cũng không trở lại được thân người. Lúc bấy giờ tánh hóa linh tàn, cùng mục rã với cỏ cây, rồi biến thành thứ thực vật thảo mộc vô tình. Một khi bôn tánh đã bị phân tán thì không dễ gì làm chúng sanh được. Dù cho họ có làm được chúng sanh đi nữa, thì họ chỉ có nước làm loài muỗi mòng mà thôi. Ví như một thân người có thể hóa thành tám vạn bốn ngàn con muỗi, song nếu muốn tập hợp tám vạn bốn ngàn con muỗi đó trở lại thành một người, thời không dễ đâu. Đa số là muỗi sẽ sanh trở lại làm muỗi mới. Rồi chúng cứ trôi nổi lên xuống trong sanh tử luân hồi, mà vẫn không biết bội trần hợp giác, xả bỏ mê lầm để quay về chân chánh, nên gọi là: “Nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục,” một khi mất thân người, muôn kiếp khó được lại. Nếu quý vị có thể thâm thía được ý nghĩa này, vậy làm sao mà không lo sợ cho được!

Giảng ngày 5 tháng 2 năm 1981

---o0o---

14. Tiền Có Khả Năng Thần Thông - Chớ Sai Lầm Nhân Quả

Theo như Hán tự, chữ tiền (錢) là từ chữ kim (金) và hai chữ qua (戈) giáo mác mà thành. Có bài kệ nói rất hay:

二戈爭金殺氣高

人人因它犯嘮叨

能善用者超三界

不會用者業難逃。

Nhị qua tranh kim sát khí cao,
Nhơn nhơn nhân tha phạm lao đao.
Năng hội dụng giả siêu tam giới,
Bất hội dụng giả nghiệt nan đào.

Nghĩa là:

*Hai giáo tranh tiền sát khí cao,
Người người vì nó chịu lao đao.
Biết dùng thờiặng thoát tam giới.
Không biết dùng khó mà thoát tội.*

Qua tức là can qua, giáo mác, là một loại vũ khí. Tiền được đúc thành bằng kim loại. Hai người cầm giáo tranh nhau tiền, cho nên tạo thành biết bao cảnh ác nghiệp như giết người, phóng hỏa. Anh tranh, tôi đoạt, sát khí cao ngất tận mây xanh.

Tiền tuy là giả, nhưng ai ai cũng mê mết nó. Không những người thích tiền, mà quý cũng thích tiền. Người sống cố tìm đủ mọi cách, phí hết tâm trí để kiếm tiền. Quý không có làm việc nên không thể kiếm tiền. Nhưng nó cũng có cách làm tiền, là khiến người ta đốt tiền giấy cho nó. Thật ra, quý đâu có cần tiền. Đốt tiền giấy là một loại mê tín, lãng phí tiền bạc, đem tiền thật hóa thành tro bụi. Loại tư tưởng ngu si này thật là không thể nói nổi!

Tại Á châu có một thứ phong tục là lúc còn sống, người ta tự đốt thật nhiều tiền giấy cho mình, vì tưởng rằng ở âm phủ có ngân hàng tồn khoản, chờ đến khi chết là họ sẽ được làm quỹ phú hộ. Hoặc giả họ sẽ dùng tiền đó hối lộ Diêm Vương để được giảm nhẹ tội. Họ đâu biết rằng Diêm Vương là một phán quan vô tư, mặt lạnh như tiền, ông chỉ chiếu theo công trạng mà xét xử chứ không nhận bất cứ hối lộ nào. Vì vậy, nếu muốn hối lộ Diêm Vương thì thật là uổng phí cả tâm trí. Nhưng cũng có người nghĩ như thế, cứ tưởng rằng tiền có năng lực thần thông, hễ có tiền thì mọi chuyện đều thông qua như câu nói: “Tiền nhiều có thể sai quỷ kéo cối xay,” đó là lối suy nghĩ hết sức sai lầm. Những người này sau khi chết nhất định sẽ đọa địa ngục. Tại sao? Bởi lúc còn sống trên thế gian, nhất định là họ đã làm nhiều chuyện trái với lương tâm. Vì muốn cứu vãn nỗi thống khổ của mình sau khi chết, cho nên họ mới đốt thật nhiều tiền giấy. Họ chuẩn bị đưa cho bọn tham ô quan lại những bao lì xì đỏ, xem như để mua chuộc sự dễ dãi vậy. Loại tư tưởng này là lừa dối cả chính mình, thật đáng cười thay!

Tiền chi phối người thế gian đến nỗi điên điên đảo đảo, làm những chuyện sai quấy. Bà con lại chẳng chịu nhìn, mà cứ dốc lòng muốn đoạt của lẫn nhau, đến nỗi người thân trở thành người dung nước lửa, thậm chí còn xem như thù địch nữa. Đáng sợ lắm thay! Bởi vì những vấn đề đó, cho nên người tu đạo nên giữ giới tiền bạc (銀錢戒 ngân tiền giới) để khỏi bị quấy nhiễu bởi mấy thứ phiền toái như thế. Sao gọi là giữ giới tiền bạc? Tức là tay không sờ đụng tiền. Đó mới là người Phật tử chân chánh, giữ được luật Phật và chuyên trì tịnh giới. Không những tay không sờ mó tiền, mà tâm ý cũng không nghĩ đến tiền. Nếu biết rằng tiền là vật không sạch sẽ, vì có vi trùng bám vào, cho nên chúng ta hãy nên ném tiền ra khỏi chín tầng mây, coi nó là vật chẳng lành vậy.

Người tu đạo nên vì chúng sanh làm phước điền tăng, thay chúng sanh gieo phước, tiếp nhận sự cúng dường, và không được phan duyên, cũng như không được tham cầu sự cúng dường. Người tu hành chỉ nên tùy duyên, tùy phương tiện chứ không có ý đồ gì khác. Tại sao người xuất gia không thành đạo? Bởi họ không phá nổi hai cửa tài, sắc. Tài khiến người mê hoặc, sắc làm cho người điên đảo. Hai tảng đá chướng ngại này cản trở người tu hành, khiến người ta đắm mê không cách gì tự thoát ra được, thậm chí lại còn trôi nổi hùa theo.

Bất luận ai, hễ giữ giới tiền bạc, tự mình nên đặc biệt chú ý và hết sức cẩn thận. Tay không đụng tiền, tâm cũng không nên nghĩ đến tiền. Đừng nên bên ngoài ra vẻ tuân thủ, mà bên trong vẫn ham cầu lợi dưỡng. Nếu ai có tư

tướng và hành vi như thế thì hãy mau sửa đổi, chứ đừng biết rồi mà cứ cố phạm. Những ai dùng phương thức “ngũ tà mạng” (năm nghề bất chánh) để sanh sống, đều không thật sự là Phật tử, mà là trùng trong thân sư tử, mặc áo Phật, nương theo Phật để kiếm ăn. Nói tóm lại, hễ người có tâm phan duyên là tham tài, đều không có tư cách làm đệ tử Phật. Ai ai cũng vì tiền mà không biết nó là nguyên nhân sanh ra biết bao nhiêu phiền phức. Những ai biết dùng tiền để làm nhiều chuyện công đức như: xây trường học, mở nhà thương, làm những việc có ích cho dân chúng, lợi người, lợi mình thì họ sẽ thoát ra tam giới, khỏi bị cái khổ sanh tử luân hồi và đạt đến sự chân lạc của Niết Bàn. Nếu người không biết dùng tiền, chỉ tạo nghiệp ác, làm những việc tổn hại đạo lý thì khó thoát khỏi tam giới và bị đọa địa ngục. Cho nên nói “tài, sắc, danh, thực, thù là năm cội gốc của địa ngục.” Hãy nhớ kỹ! Hãy nhớ kỹ! Không nên sai lầm về nhân quả. Vì nhân quả không sai chạy một tợ một hào, cũng là định luật bất biến ngàn đời, cho nên hễ quý vị sai lầm về nhân quả tức nhất định sẽ bị quả báo.

Giảng ngày 4 tháng 6 năm 1981



15. Phước Huệ Song Tu

Trong thời quá khứ, đức Phật Thích Ca đã từng “ba a tăng kỳ kiếp tu phước huệ, trăm kiếp gieo tướng hảo.” Do đó Ngài mới thành tựu được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân trang nghiêm không ai sánh bằng. Chúng ta là người tu đạo, tất phải tu phước huệ. Thế nào là tu phước, tu huệ? Là làm nhiều chuyện công đức. Phạm việc gì có lợi ích cho chúng sanh, chúng ta nên tận lực làm hết mình, là tu phước. Đọc tụng kinh điển, nghiên cứu đạo lý Phật, gọi là “thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải,” là tu huệ. Nói đơn giản như: tạo nhiều công đức thì được phước báo, còn nghe kinh, thuyết pháp là có trí tuệ. Đó là đạo lý tự nhiên.

Phước huệ là do sự bồi đắp tu hành mà có, cho nên nếu không lo bồi đắp thì không bao giờ có phước huệ. Người tu đạo chớ nghĩ đó là phước nhỏ mà không chịu làm, lại càng không thể cho đó là việc ác nhỏ rồi cứ làm. Nếu chúng ta lúc nào cũng biết quý phước, tu phước, trồng phước thì trong tương lai nhất định chúng ta sẽ có đại phước báo. Nếu không, phước thời từ đâu đến? Huệ do từ đâu sanh? Những ai muốn được phước, được huệ mà chẳng chịu làm gì, thì cũng ví như người si mê nói trong cơn mộng vậy. Đó là vọng tưởng trong cái vọng tưởng, vĩnh viễn không thể nào thành sự thật, giống như nói “suyền mọc cầu ngư” tức tìm cá trên cây. Đó là tư tưởng của người ngu, là chuyện không thể nào có được.

Giảng ngày 4 tháng 6 năm 1981

---o0o---

16. Nghiêm Trì Giới Luật - Học Nhẫn Nhục

Giới luật là sanh mạng của người tu hành. Người phạm giới cũng bị ai, đau khổ giống như sanh mạng mình đã bị đứt đoạn. Lúc đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn, Ngài đã từng nói với tôn giả A Nan rằng: “Lấy giới làm thầy.” Đây cũng là sự chứng minh về tánh trọng yếu của giới luật. Nghiêm là nghiêm minh, cũng có nghĩa là trang nghiêm minh sát. Người tu hành không được tùy tiện nói năng lung tung. Lúc nào cần thì nói, mà nói cũng phải có chừng mực, hợp pháp, không được nói năng hồ đồ. Nói theo cách khác, khi đi đứng nằm ngồi, nhất định đều phải có thứ tự, không phải là tôi muốn như thế này thì tôi làm như thế này, đó không phải là giữ giới luật.

Trì là trì giữ, cũng có nghĩa là dùng tay nắm giữ một cách cẩn thận, thời khắc nào cũng chú ý, không giải đãi. Chúng ta nên tập trung tinh thần để giữ gìn giới luật.

Giới là phòng phi, ngăn ngừa chuyện sai trái, cũng có nghĩa là cấm ngưng các việc ác, gọi là: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành,” không làm các việc ác, vâng làm các điều lành. Giới là khuyên răn trước khi chúng ta phạm tội.

Luật là trừng phạt người sau khi đã phạm tội. Ví như rắn, khi bò thì nó uốn cong mình, đến lúc chun vào ống cống thì nó thẳng mình ra, đó là công dụng của giới luật. Luật là pháp luật, bất luận khi chúng ta làm việc gì cũng phải phù hợp với quy luật, gọi là: “Không có com-pa thì không vẽ thành tròn được.” Chúng ta không nên hành động một cách tùy tiện, như làm cản trở tự do hoặc xâm phạm lợi ích của kẻ khác.

Nói tóm lại, nghiêm trì giới luật là không nổi giận. Khi công phu tu nhẫn nhục của chúng ta đã đúng mức thì dù gặp nghịch cảnh, thuận cảnh gì, chúng ta cũng đều chịu đựng được các thử thách mà không động tâm. Hơn nữa chúng ta vẫn giữ được tâm bình khí hòa và xử sự một cách điềm tĩnh. Khi đạt đến trình độ như thế, chúng ta sẽ không thể không giữ quy củ nề nếp. Phạm người không giữ quy củ là bởi công phu tu nhẫn nhục chưa đủ, cho nên họ mới không thể kiềm chế được ngọn lửa vô minh, để rồi bị nó thiêu rụi hết cả công đức mà họ đã tu được bấy lâu.

Giảng ngày 6 tháng 6 năm 1981

---o0o---

17. Không Nên Tùy Tiện Hiện Thần Thông

Tôn giả Ma Ha Mục Kiền Liên là vị có thần thông đệ nhất. Nhưng đức Thế Tôn đã nhiều lần cảnh cáo ông không được tùy tiện hiển hiện thần thông. Tại sao? Bởi vì không phải ai ai cũng có thần thông. Nếu quý vị hiện thần thông một cách bừa bãi, sẽ làm người thế tục kinh sợ, rồi khiến họ mê thích thần thông, sùng bái thần thông. Thế thì người có thần thông sẽ được cúng dường lớn, còn người không có thần thông chắc là chẳng ai muốn cúng dường. Bởi vậy đức Phật mới không cho đệ tử tùy tiện hiện thần thông, với dụng ý là bảo hộ người tu hành đời sau này.

Người tu hành không nên tự khoe khoang về đức hạnh, như nói là mình đã khai ngộ, mình là Tổ Sư hay là Bồ Tát. Đó là đại vọng ngữ, tương lai chết đi sẽ đọa địa ngục bạt thiết cắt lưỡi. Đây tuyệt hẳn không phải là những lời hý luận giỡn chơi. Chỉ những hạng người vô tri, vô thức mới có thứ hành vi tự mãn như thế. Ví như người nào đó thật sự giàu có, họ tuyệt đối sẽ không nói với người khác rằng: “Các anh có biết không? Tôi có bấy nhiêu hột xoàn, bấy nhiêu ngọc quý nè. Tất cả tài sản bảo vật của toàn thế giới, nếu so ra cũng không nhiều bằng của tôi đâu.” Nếu quý vị tuyên truyền như thế, tức làm mục tiêu cho bọn trộm cướp, chúng nhất định sẽ chú ý đến quý vị và tìm cách cướp đoạt châu báu đó.

Tu đạo cũng tương tự như thế, không nên nói với người khác rằng: “Tôi có thần thông. Tôi có thể nghe Phật và Bồ Tát nói chuyện. Tôi có thể thấy Phật, Bồ Tát hiện ra trước mặt.” Hoặc giả có như thế, tức là tạo cơ hội cho Ma Vương thừa dịp nhập vào hợp tác với quý vị, chỉ huy quý vị để làm quyền thuộc của nó. Bất luận gặp cảnh giới nào, người tu hành cũng nên nhận rõ cảnh giới, chớ để cảnh giới xoay chuyển và nên dùng định lực để chuyển cảnh giới. Không nên hồ đồ, nói năng bừa bãi là mình chứng được thần thông gì, thấy được cảnh giới chi. Quý vị nên hiểu đó là do ma tác quái, nó khiến quý vị mất đạo tâm mà phát cuồng. Đó chính là hiện tượng bị “tẩu hỏa nhập ma,” chứ không phải là cảnh giới thật. Trong kinh Lăng Nghiêm có nói rất rõ về năm mươi loại ám ma.

Tôi hy vọng mọi người nên triệt để nghiên cứu thấu đáo để khỏi bị nhầm lẫn. Nếu không thì sau này có hối hận cũng không kịp. Người tham thiền không nên chấp vào cảnh giới, gọi là: “Phật đến thì chém Phật, ma đến thì chém ma.” Bất luận ai đến, mình cũng chém hết. Đó là không chấp tất cả các pháp hữu vi, không chấp tất cả các hình tướng. Người tu hành nên chuyên cần nhất tâm dụng công, nếu được vậy thì còn thời gian đâu để lo những chuyện tào lao. Hơn nữa cũng không nên cống cao ngã mạn, mà cũng đừng tham danh, tham lợi. Nếu như quý vị có thứ tư tưởng và hành vi như thế, tức quý vị bị rơi vào cảnh giới của ma rồi. Người tu hành dù ở trong hoàn cảnh nào cũng không nên tự mãn, không được kiêu ngạo, hoặc nghĩ mình là nổi bật, phi thường. Hãy cẩn thận, không nên sai lầm về nhân quả. Nếu không, chúng ta không tưởng tượng nổi hậu quả sẽ như thế nào.

Người tu hành chủ yếu là tu giới thanh tịnh, tức là ba nghiệp thân, khẩu, ý đều nên thanh tịnh. Người có thần thông, tuyệt đối không được nói là mình có thần thông; hà huống mình vốn không có thần thông mà nói bừa nói láo, há đó không phải là tạo nhân để đọa địa ngục sao? Điều đó quả thật là đáng

sợ! Ai mà khẩu nghiệp không thanh tịnh thì chịu tội cắt lưỡi ở địa ngục. Vậy chúng ta chớ nên liêu lĩnh. Thời khắc nào cũng phải tự quản chế mình, không nên buông thả hay nói năng bừa bãi. Nếu chúng ta trồng nhân không thanh tịnh, tương lai chúng ta nhất định sẽ gặt quả không thanh tịnh.

Giảng ngày 6 tháng 6 năm 1981



---o0o---

18. Năm Chắc Thời Gian - Đừng Bỏ Lỡ

Hiện nay chúng ta đang sống trong thời đại Mạt pháp. Sao gọi là Mạt pháp? Bởi hầu như không có người chân thật tu hành. Ai nấy đều lừa dối, thích cầu an thân và chỉ lo dụng công cho danh lợi. Nhân đó mà Phật Pháp có danh chứ không có thực chất. Hiện nay mọi người đang dự Thiển thất, Phật

thất, tức là chúng ta muốn đến chỗ chân thật để tu trì Phật Pháp, hầu cải chánh sửa đổi lại các phong tục suy đồi của thời đại Mạt Pháp, khiến cho Mạt Pháp trở thành Chánh Pháp.

“Phật Pháp” tức tất cả các pháp trên thế gian đều là Phật Pháp, chỉ cần quý vị biết cách dùng nó hay không. Nhưng con người thì làm những việc trái ngược với đạo chánh pháp, lại chuyên môn đi vào đường tà pháp. Tu đạo là cần phải làm việc một cách chân thật, vậy mà hiện nay chúng ta làm gì cũng đều đeo mang bộ mặt nạ. Chúng ta chưa có thể cung hành thực tiễn, chưa có nghiêm chỉnh tu hành, thành thử làm hại người và hại cả chính mình. Chúng ta hiện đang dụng công tu, cũng giống như là đang mài giũa một khối ngọc thạch, gọi là:

“Nhu thiết như tha, như trác như ma.”

Nghĩa là:

"Mài gọt trau chuốt cho nó sáng ngời, khiến nó thành đồ vật hữu dụng."

Mỗi người chúng ta đều có thể thành Phật, nhưng thành Phật hay không là cần phải xem chúng ta có thật tâm chịu khó dụng công hay không. Ai chịu nghiêm chỉnh tu hành tức sẽ thành Phật, còn như không chịu khó thì sẽ không thành Phật được. Cho nên, ông tu thì ông được, bà tu thì bà được, còn không tu tức sẽ không được. Bấy ngày thiền thất này cũng sắp chấm dứt rồi, nhưng khóa thiền thất thứ hai lại sẽ bắt đầu.

Chúng ta nên biết quý tiếc thời gian, đừng để nó trôi qua một cách luống không. Một khi nó đã qua rồi, có muốn tìm trở lại cũng không phải là chuyện dễ đâu.

Giảng ngày 31 tháng 12 năm 1983

---o0o---

19. Tham Thiền - Dễ Hay Khó?

“Nan! Nan ! Nan! Thập đâm chi ma thọ thượng thán” tức là "Khó! Khó! Khó! Như rải mười gánh hột mè lên trên cây". Đó là câu nói của ông Bàn Công Uẩn. Ông cảm thấy việc dụng công tham thiền không phải là chuyện dễ dàng, vì không đau lưng thì đau chân, hoặc bị biết bao thứ bệnh tật quấy nhiễu. Cho nên quý vị không dễ gì được nhất như, hoặc giả khó khăn lắm

mới đạt được một chút tiến bộ. Nhưng nếu ngày nào mà quý vị hơi buông thả, thế thì bao công lao từ trước của mình xem như vứt bỏ hết. Bởi vậy ông mới nói: “Khó! Khó! Khó! Như rải mười gánh hạt mè lên cây.” Vậy khó đến mức độ nào? Là như rải mười gánh hạt mè lên cây. Số lượng mười gánh hạt mè đâu phải là ít, lại đem chúng rải lên cây mà không để rơi một hạt nào là việc không dễ làm. Có người bà con của ông nghe vậy, bèn nói: “Nếu quá khó như vậy, thế chẳng có cách nào để tu hành sao?” Nhưng bà Bàng lại bảo: “Dị! Dị! Dị! Bá thảo đầu thượng Tây lai ý.” “Dễ! Dễ! Dễ! Như trên trăm đầu ngọn cỏ đều mang ý từ phương Tây.” Rất dễ, tất cả các núi sông, đất đai, hoa cỏ thảo mộc, đều là đại ý đến từ Tây Trúc của Tổ Sư. Cho nên rất dễ, không có gì là khó khăn. Lúc bấy giờ, có người hỏi người con cảm thấy thế nào về sự dụng công tu hành? Cô gái họ Bàng thưa: “Cũng không khó, cũng không dễ, đói thì ăn, buồn ngủ thì ngủ.”

Ba người này tuy nói không giống nhau, nhưng đạo lý căn bản đồng như nhau, tức là đừng nên nhiễm ô, và chúng ta hãy cố gắng luyện công tu hành cho tốt, vậy mới đúng. Ông Bàng, Bà Bàng, và cô Bàng cùng là người trong một gia đình, nhưng chỗ thấy biết của mỗi người lại không giống nhau. Hiện nay, mọi người tuy từ các phương đến đây để dự khóa thiền thất, nhưng mỗi người cũng có ý kiến riêng của mình. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên ít nói một chút và mau lo dụng công tu hành mới phải.

Giảng ngày 1 tháng 1 năm 1984



20. Quý Tiếc Nguồn Năng Lượng Của Thân Thể

Con người chúng ta có sáu loại tánh giác tri như: Mắt có thể thấy, tai có thể nghe, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể xúc chạm và ý có thể suy nghĩ. Bởi con người là loài linh thông nhất trong vạn vật, cho nên có đủ sáu thứ công năng trên. Còn tổ chức cơ thể của các động vật khác thì không có phức tạp như của con người. Chúng ta ăn uống, mặc quần áo, ngủ nghỉ cũng như xe hơi cần xăng nhớt vậy. Xe chạy đường xa thì cần thêm xăng. Con người chúng ta khi bị tiêu hao năng lượng cũng cần được bổ sung. Bởi vậy con người cần phải ăn, tức là giúp sự chuyển hóa thay củ đổi mới của thân thể. Thức ăn trong cơ thể con người phát ra sức nóng và nguồn năng lượng, hầu giúp chúng ta hoạt động. Nhưng trên thực tế, vì phần tinh hoa của thức ăn rất ít, cho nên chúng ta cần phải bổ sung liên tục. Ví như ăn sáng xong, đến trưa lại đói; ăn trưa xong, đến chiều lại muốn ăn nữa. Lúc ngủ, chúng ta cũng không ngừng tiêu hao năng lượng, cho nên khi thức dậy lại cần ăn sáng.

Chúng ta tiêu hao năng lượng đó như thế nào? Khi mắt chúng ta thấy sắc, đó là mình đang tiêu hao năng lượng. Khi tai nghe âm thanh, cũng là đang tiêu hao năng lượng. Khi mũi ngửi mùi hương, cũng là đang tiêu hao năng lượng. Cho đến khi lưỡi nếm mùi vị, thân xúc chạm, ý niệm suy nghĩ, cũng đều là tiêu hao năng lượng của chúng ta đấy!

Cho nên nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hành của chúng ta, không có cái gì là không làm tiêu hao năng lượng. Nếu quý vị không tiêu phí nhiều, mà chỉ vừa phải thôi, thì sẽ bảo trì thân thể được khỏe mạnh. Nhưng nếu quý vị tiêu hao năng lượng quá nhiều, thì thân thể sẽ bị trục trặc. Ví như chúng ta ăn quá nhiều, ăn chất dinh dưỡng quá phong phú, hoặc giả là ăn thứ có độc, như thế cũng sẽ khiến cho thân thể chúng ta phát bệnh. Cho nên bất luận là đi, đứng, nằm, ngồi, nhất cử nhất động gì, chúng ta cũng đều phải hết sức cẩn thận. Chúng ta không nên vô duyên vô cớ mà lãng phí năng lượng, hoặc tự làm hại thể xác và tinh thần của mình. Cho nên vấn đề này thì trọng yếu vô cùng!

Hỡi các thanh niên trẻ tuổi, bây giờ là thời đại hoàng kim của các vị, mà cũng là những ngày thanh xuân của cuộc đời các vị đấy. Mùa xuân thì vạn vật hân hoan tươi tốt, sức sống tràn trề. Nhưng chúng ta nên sanh trưởng

thuận theo tự nhiên để phù hợp với sự tuần tự của sinh lý. Chúng ta nhất thiết không nên ăn uống bừa bãi, hoặc nói năng loạn xạ, hoặc uống rượu hút thuốc. Cho đến nhìn bậy, nghe bậy, ngửi bậy, ném bậy, sờ bậy, nghĩ bậy... tất cả đều không nên. Vì như thế sẽ làm tổn hại đến thân thể và linh tánh của chính mình.

Nếu các vị biết vận dụng sáu chức năng đó như: thấy, nghe, ngửi, nếm, sờ và ý nghĩ, vậy thì thân thể các vị sẽ được khỏe mạnh. Nếu không biết dùng, thì một lúc nào đó, thân thể các vị sẽ đình công, bỏ việc và chia tay với các vị. Chia tay rồi là các vị sẽ không được ăn, không được mặc và không có nhà để ngủ. Bởi vậy mọi người nên biết giữ gìn quý tiếc thân thể của mình. Các vị đừng nên sống say chết mộng, để rồi đi vào con đường nguy hiểm. Trong sách Hiếu Kinh có nói: “Thân thể tóc da của ta là được cha mẹ cho, nên ta không dám hủy hoại. Hiếu là bắt đầu từ đây.” Vậy các vị đừng nên tùy tiện tự hủy hoại thân thể mình. Chúng ta nên quý tiếc giữ gìn nó cho tốt, nếu không thì chẳng mặt mũi nào để nhìn cha mẹ. Cha mẹ sanh ta và nuôi dưỡng ta, nếu ta không biết quý tiếc thân thể mình thì đó là hành vi bất hiếu nhất đối với cha mẹ vậy.

Giảng ngày 5 tháng 1 năm 1984

---o0o---

21. Ái Hộ Linh Tánh Của Chính Mình

Có một số người nghĩ rằng: “Tôi xấu quá” hoặc giả: “Tôi lùn quá, dù thế nào đi nữa cũng không ai thích cái tướng mạo của tôi, thôi thì tôi cũng chẳng cần phải giữ gìn thân thể này làm gì.” Có phải không? Không phải đâu! Lưu Vũ Tích từng sáng tác bài thơ “Lậu Thất Minh” như sau:

Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh. Thủy bất tại thâm, hữu long tắc linh. Tư thị lậu thất, duy ngô đức hình. Đài ngắn thượng giai duyên, thảo sắc nhập liêm thanh. Đàm tiểu hữu hồng nho, vãng lai vô bạch đình. Khả dĩ điều tố cầm, duyệt Kim kinh, vô ti trúc chi loạn nhĩ, vô án độc chi lao hình. Nam Dương Gia Các lư, Tây Thục Tử Vân đình. Khổng Tử viết: “Hà lậu chi hữu!”

Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh. Thủy bất tại thâm, hữu long tắc linh. Núi nổi danh không phải tại cao, mà vì có tiên. Sông linh hiển không do nước sâu, mà vì có rồng. Đồng lý lẽ trên, con người cũng không quý trọng vì được

cao lớn, tuấn tú đẹp đẽ, mà điểm tối trọng yếu là biết bồi dưỡng nhân cách cho tốt. Quý vị mà có Phật tánh như thế, tức là “linh” rồi.

Tư thị lậu thất, duy ngô đức hạnh. Đây là căn lậu thất, chỉ có hương đức hạnh của ta. Lậu thất tức là căn nhà nhỏ đơn sơ. Tuy thân ta không cao ráo đẹp trai, nhưng ta có đức hạnh, cũng tức là lương tri, lương năng vốn sẵn có trong mỗi con người. Nếu quý vị quý tiếc nó và biết vận dụng nó, vậy là đủ rồi.

Đài ngán thượng giai duyên, thảo sắc nhập liêm thanh. Vết rêu trên bực thềm, màu cỏ tươi in nhập rèm xanh. Đây là hình dung về căn nhà thô lậu, chất phác mộc mạc, nhưng có dáng dấp thanh nhã thoát tục. Trên thềm đá mọc đầy rêu xanh, màu cỏ xanh tươi nhuận cũng chiếu in lên rèm cửa sổ. Đây là phong cảnh hoàn toàn tự nhiên.

Đàm tiểu hữu hồng nho, vãng lai vô bạch đình. Cười nói với hồng nho, khách đến không phải dân mù chữ. Hồng nho là người có học. Bạn bè của ta đều là người trí thức, đều là nhân vật vĩ đại. Ta không bao giờ qua lại với kẻ thô lỗ, hoặc người không biết chữ. Cho nên nhà của ta tuy đơn sơ, nhưng bạn bè đều là những nhân vật phi phàm. Chúng ta cùng nhau bàn bạc, học hỏi cách làm người có đạo lý. Thế thì chẳng vui lắm sao?

Khả dĩ điều tố cầm, duyệt Kim kinh, vô ti trúc chi loạn nhĩ, vô án độc chi lao hình. Được khảy đàn cầm, đọc kinh Kim Cang, không dây tơ tiếng trúc làm loạn tai, không văn kiện lao nhọc thân hình: Lúc nhàn rồi là ta gảy đàn cầm để tự ngộ, khi an tịnh ta đọc kỹ kinh Kim Cang. Cảnh giới này tiêu sái, không có một chút mùi trần tục thoải mái biết là bao. Không dây tơ tiếng trúc làm loạn tai. Thời xưa có số nhạc cụ dùng bằng dây tơ hay bằng tre trúc. Âm nhạc mà những người đó nghe rất là thanh nhã cao thượng, chứ không giống nhạc giựt gân hiện nay, nó âm ỉ làm cho đầu óc người ta choáng váng cả lên. Mỗi ngày họ cũng không phải gấp rút đến sở làm cho kịp, để rồi ngồi tại bàn làm việc bận rộn tíu tít với biết bao sự nhọc nhằn dồn dập. Trái lại, cách sinh hoạt của Lưu Vũ Tích kể trên thì không có gì căng thẳng, lại rất an nhàn tự tại.

Nam Dương Gia Các lư, Tây Thục Tử Vân đình. Khổng Tử viết: Hà lậu chi hữu! Tại Nam Dương, Gia Các Lượng đã từng sống trong lầu và ở Tây Thục, Dương Tử Vân cũng từng ở trong ngôi đình nhỏ đơn giản. Ở đây đưa ra hai vị cao sĩ ẩn cư trong thời quá khứ, là những vị không hề tham chuộng

phù hoa hào nhoáng của thể gian, đã ẩn náu trong căn nhà đơn sơ. Khổng Tử đã nói: Như thế thì có gì là thô xấu! Đó không phải là tốt lắm sao?

Xem lại bài thơ “Lậu Thất Minh” này, con người chúng ta cũng không nên tham cầu cái hoa lệ hào nhoáng bên ngoài. Chỉ cần chúng ta biết quý tiếc nguồn năng lượng của chính thân thể mình, và cố gắng vận dụng những cái thấy nghe hiểu biết của mình cho tốt. Như thế sẽ không cô phụ trí huệ Phật tánh của bản thân mình. Mỗi người chúng ta nên lập mục tiêu tốt và dũng mãnh tiến thẳng về phía trước!

Giảng ngày 6 tháng 1 năm 1984

---o0o---

22. Ăn Chay Hay Không Ăn Chay

Thuở ban sơ khi Phật còn tại thế, Ngài chủ trương con người nên ăn chay chứ không bắt buộc người ta phải ăn chay. Vì sao? Bởi có số người rất thích mùi vị thơm ngon, nếu Ngài kiên quyết bắt họ phải ăn chay thì e là họ sẽ không dám xuất gia. Nhân vì lúc bấy giờ có một số đệ tử của Phật thích ăn thịt mà Ngài cũng không nói gì. Người xuất gia là đi khát thực theo thứ lớp tuần tự. Người không ham ăn thì sẽ nói: “Người ta cúng dường thứ gì thì mình ăn thứ đó.” Còn người tham ăn thì có sự lựa chọn hơn.

Rốt cuộc thì ăn thịt và không ăn thịt có chỗ nào không giống nhau? Ăn thịt khiến cho con người có dục niệm nhiều, vọng tưởng nhiều và không dễ được an định. Nếu không ăn thịt thì con người sẽ thiếu dục tri túc, không có vọng tưởng gì nhiều, bởi vì khí huyết của họ thanh khiết, không bị vẩn đục nhiễm ô. Trong thịt có chứa khí dơ, vì nó xuất sanh từ những thứ rất ô uế. Bởi vậy người ăn thịt thì khó trì giới, khó khai mở trí tuệ và khó chứng được tam muội. Muốn giữ giới mà vọng tưởng cứ chập chờn, chung quy họ không giữ được nề nếp quy củ. Thành thử họ không có được định lực, lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều cũng không yên. Người mà đã không thể định được, tức sẽ không có trí huệ chân chánh. Vì người có trí huệ chân chánh, tức sẽ không phát sanh bất cứ vấn đề nào. Ăn thịt là đi vào con đường ngu si, không ăn thịt là đi trên con đường trí tuệ. Đây là chỗ không giống nhau giữa ăn chay và không ăn chay.

Ai muốn có trí huệ chân chánh thì phải thiếu dục tri túc, tức là ít ham muốn và biết đủ. Đừng nên ăn thịt nhiều quá. Nếu ta ăn nhiều thịt heo, như đem thịt của chính mình và thịt heo hợp thành công ty hữu hạn. Cho nên trong

tương lai nếu ta không biến thành heo thì mới là lạ đấy! Mình mà ăn nhiều thịt bò, mình sẽ cùng bò hợp thành công ty hữu hạn thịt bò và vì vẫn còn tồn tại nhân duyên với bò bên trong, nên tương lai cũng có thể sanh làm bò. Cho đến ăn thịt chó sẽ biến thành chó. Ăn thịt chuột biến thành chuột. Mình ăn thịt gì thì thân thể của mình, do nhân duyên từ thịt đó sanh tồn nên lâu dần mình sẽ biến thành loài đó. Bởi vì phần khí trong thân thể mình đều đã biến thành khí heo, khí bò rồi. Máu huyết của mình cũng biến thành máu huyết của loài đó, cho nên thịt của mình cũng sẽ biến thành thịt của loài đó. Người có trí nên suy nghĩ kỹ về điều này!

Giảng ngày 22 tháng 1 năm 1984

---o0o---

23. Trước Phá Ngã Chấp - Sau Phá Pháp Chấp

Sao gọi là ngã chấp? Tức là chấp cái “Tôi” đó. Như nói: đây là thân thể “của tôi,” kia là vật sở hữu “của tôi” đấy. Nói tóm lại, tất cả cũng đều vì cái ngã, mà chúng ta phô bày cái tôi ra phía trước. Bởi vì có tôi, không có người, không hết “ba tâm” quá khứ, hiện tại và vị lai và chưa không “bốn tướng” ngã, nhân, chúng sanh và thọ giả.

Làm sao để biết chúng ta đã phá được “ngã chấp” hay chưa? Tức là phải xem xét mỗi ngày, từ lúc chúng ta thức dậy, ăn uống, cũng như các sinh hoạt thường ngày, đi đứng nằm ngồi thì sẽ biết. Trong tất cả mọi thứ cử động đó, có phải chúng ta nghĩ đến mình hay là nghĩ đến người khác? Hoặc chúng ta nghĩ đến đạo tràng? Nếu quả là chỉ nghĩ cho chính mình, lo cho mình, thì đó là người có tư tưởng Tiểu thừa - lợi cho mình mà không lợi cho người. Phật đã từng nói rằng, có loại tư tưởng như thế là “mâm khô giống héo.” Tại sao vậy? Bởi người có tư tưởng như thế thì lòng dạ rất nhỏ hẹp, ngã chấp quá nặng nề. Họ chỉ nghĩ, miễn sao cái của mình tốt là được, chứ chẳng màng gì đến cái xấu tốt của kẻ khác.

Cho nên nói: “Ma Ha Tát chẳng màng đến người, Di Đà Phật tự ai nấy lo.” Đó là tông chỉ của kẻ Tiểu thừa. Và họ xem tam giới như nhà lửa, sanh tử như oan gia nên tự lo cho mình thoát sanh tử, chứ không hề quan tâm đến sự sanh tử của chúng sanh.

Nếu chúng ta lo nghĩ đến người khác, vậy là tư tưởng lợi ích cho kẻ khác. Tự mình muốn được giải thoát và cũng muốn làm cho tất cả chúng sanh đều được giải thoát. Đó là tư tưởng của Bồ Tát. Nói theo cách khác, là quên

mình mà làm lợi cho kẻ khác, tức là hành đạo Bồ Tát. Cho nên nói: “Phật quang phổ chiếu, Pháp vũ quân triêm.” Thực hành đạo Bồ Tát là nên dựa theo tinh thần “*Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi.*”

Nếu chúng ta thật lòng nghĩ đến đạo tràng thì nên ủng hộ đạo tràng về mọi phương diện. Chúng ta không nên vì danh, vì lợi hay có bất kỳ một ý đồ nào. Như thế mới đúng thật là ủng hộ đạo tràng. Mỗi ngày chúng ta nên phản tỉnh, tự xem xét lại đi, thời gian mà mình tính toán cho chính mình nhiều hay tính toán cho người khác nhiều, hoặc lo tính cho đạo tràng nhiều. Qua sự hồi quang phản chiếu như thế, chúng ta sẽ biết là mình đã phá được ngã chấp hay chưa. Đây chỉ là một cách nói đơn giản. Nếu nói một cách sâu sắc hơn, tức là hỏi: Có phải ngày nào chúng ta cũng sợ mình bị thiệt thòi? Phải chăng ngày nào cũng lo sợ là mình không được lợi ích gì? Nếu có những ý nghĩ đó thì nên sửa đổi, nếu không thì ráng mà tránh.

Chúng ta cũng nên phản tỉnh và tự xét xem mình có công phu nhẫn nhục hay không. Ví như có người vô duyên, vô cớ mắng mình, hoặc đánh mình, vậy mình có nhẫn nhịn được không? Mình có nổi giận không? Trong lòng mình có ý báo thù không? Nếu có tức là chưa phá được ngã chấp. Nếu không tức là đã phá được ngã chấp rồi. Quý vị hãy nghĩ cho thật kỹ đi: Tất cả các vấn đề và phiền não là từ đâu đến? Thì cũng đều do ngã chấp tác quái đẩy thôi. Nếu chúng ta không phá ngã chấp, vậy thì pháp chấp lại sẽ càng không phá nổi. Bạc Tiểu thừa phá được ngã chấp, nhưng chưa phá được pháp chấp. Chỉ có Bồ Tát mới có thể phá trừ cả hai ngã chấp và pháp chấp.

Sau khi phá được ngã chấp rồi, chúng ta phải phá pháp chấp. Sao gọi là pháp chấp? Tức là chúng ta không hiểu rõ pháp ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) do nhân duyên sanh, thành thử chúng ta chấp đó là thật có. Nếu dứt được hết các pháp chấp, tức chúng ta sẽ được viên dung vô ngại và đến cảnh giới nào cũng được tự tại. Khi cả hai ngã chấp và pháp chấp không còn nữa, như thế mới thật là người tu hành chân chánh. Người tu hành chân chánh, bất luận lúc nào, hoàn cảnh nào, tuyệt đối cũng không tính toán cho chính mình. Ngược lại, bao giờ cũng xả mình vì người và hăng hái làm việc nghĩa. Những hành vi của họ đều mang tính chất đại công vô tư, chánh trực và không thiên lệch.

Phật thuyết Tam Tạng và Mười Hai Bộ kinh điển, không đâu là không dạy người phá chấp. Nhưng chúng ta vẫn không nghe theo lời Phật giáo huấn, mà lại muốn làm kẻ phản đồ trong Phật giáo, là vẫn cứ chấp vào cái “Ngã” của mình. Tướng ngã chưa không, tướng nhân chưa không, tướng chúng

sanh cũng chưa không, tướng thọ giả lại càng chưa không luôn, mà cứ chấp chặt vào bốn tướng này, cho nên chúng ta không thể bỏ được. Đối với đạo lý của ba tâm, chúng ta không thể hiểu, cũng không biết được rõ ràng. Tâm quá khứ vốn không thể có được, tâm hiện tại không thể có được, tâm tương lai cũng không có được luôn. Vì sao? Bởi tâm “quá khứ” đã qua rồi, quý vị đi đâu tìm lại cái tâm ấy đây? Hiện tại vốn không bao giờ dừng, quý vị nói đây là “hiện tại” nhưng “hiện tại” này lại đã qua rồi. Hiện tại đã không tồn tại, cho nên nói tâm hiện tại không thể có được. Tâm vị lai cũng không có được, bởi “vị lai” tức là chưa đến, mà chưa đến thì nói đến nó làm gì?

Như Kinh Kim Cang nói:

*“Vô ngã tướng, vô nhân tướng,
Vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.”*

Lại nói:

*“Quá khứ tâm bất khả đắc,
Hiện tại tâm bất khả đắc,
Vị lai tâm bất khả đắc.”*

Mấy câu kinh văn này, ai ai cũng đều đọc được, nhưng cũng không ai nhớ làm. Tôi hy vọng quý vị sẽ dựa vào mấy câu kinh trên mà dụng công. Một khi “bốn tướng” không còn, “ba tâm” dứt sạch, đó tức là người tu đạo chân chánh.

Giảng ngày 15 tháng hai năm 1984

---o0o---

24. Lục Căn Hỗ Dụng - Diệu Bất Khả Ngôn

Người phàm thường chỉ biết: Mắt có thể thấy sắc, tai có thể nghe âm thanh, mũi có thể ngửi mùi hương, lưỡi có thể nếm mùi vị, thân có thể biết cảm giác và ý có thể biết các pháp. Nếu quý vị nói đạo lý “lục căn hỗ dụng,” họ sẽ không bao giờ tin, còn cho rằng đó là những lời nói vô căn cứ. Nhưng nếu thật sự đã đến cảnh giới này và đạt được công dụng này rồi, tự chúng ta sẽ biết được Phật Pháp thật có loại cảnh giới đúng như vậy, quả là vi diệu không thể nói, không thể nghĩ bàn.

Có người vọng tưởng rằng: “Tôi không muốn có cảnh giới như thế đâu! Tại sao? Bởi vì phiền phức quá đi thôi. Khi tôi nhìn lên trên thì thấy được các cử động của người trời, lại còn nghe được tiếng nói chuyện của họ nữa, vậy sẽ ảnh hưởng đến tâm thanh tịnh của tôi. Cũng như lúc tôi nhìn xuống lại thấy được tình trạng ở địa ngục, rồi tâm sợ thất kinh, bị ám ảnh đến đời tới ngủ cũng không được yên giấc. Bởi vậy, tôi không thích có cảnh giới như thế.” Cho dù quý vị có thích cảnh giới như thế đi nữa, cũng không nhất định là quý vị sẽ đạt được đâu. Tại sao? Bởi quý vị không chịu nghiêm chỉnh tham thiền, hoặc giả như có ngồi thiền thì cũng vọng tưởng, suy nghĩ vẩn vơ, tâm vượn ý mã cứ chạy ra ngoài vùn vụt, tự mình cũng không kiểm chế được chính mình. Hoặc là quý vị đang ngồi thiền bị hôn trầm, mơ màng thấy mình tán gẫu với Châu Công, rồi ngủ ngáy o o, hơi thở mạnh như sấm. Tình hình như thế thì làm sao khai ngộ, làm sao mới có thể đạt đến chỗ diệu dụng - quý vị chỉ tự lãng phí thời gian thôi!

Muốn đạt đến cảnh giới đó, quý vị phải không có vọng tưởng. Quý vị phải như: thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, ngủi mà không ngủi, ném mà không ném, xúc mà không xúc, suy nghĩ mà không duyên cảnh. Nếu không bị cảnh giới lay chuyển, như vậy quý vị mới có thể đạt đến cảnh giới đó. Nếu quý vị bị cảnh giới lay chuyển như: “A! Mình có thể thấy tận đến cảnh trời xa tít như thế! Rồi không biết là mình có thể ngủ được hay không nữa hả?” Để tôi nói hết cho quý vị nghe, một khi đạt đến cảnh giới đó rồi, quý vị vẫn ngủ được như thường. Lúc nào quý vị muốn ngủ thì ngủ, còn không muốn ngủ thì không ngủ. Tha hồ mà tự tại, tuyệt nhiên quý vị không phải miễn cưỡng làm gì cả. Vi diệu như vậy đó! Người mà vừa có vọng tưởng như trên, sau khi nghe tôi nói như vậy, họ lại dấy niệm: “Mình có vọng tưởng, nhưng Sư Phụ làm sao mà biết được? Hay là Sư Phụ có tha tâm thông?”

Tại sao quý vị có vọng tưởng đó? Nếu quý vị có vọng tưởng đó, thì tôi làm sao mà không thể biết được chứ? Nếu sợ tôi biết, thì quý vị đừng khởi vọng tưởng đó. Quý vị nên biết rằng, vì lục căn hỗ dụng với nhau, cho nên ai ai cũng có thể đạt được cái diệu dụng này, chỉ xem là quý vị có tu hành hay không tu hành mà thôi!

Tôn giả A Na Luật Đà không dùng mắt, mà có thể thấy cả tam thiên đại thiên thế giới rõ ràng như thấy trái Am-mala trong bàn tay. Đó là bởi tuy mắt ông bị mù, nhưng ông đã đạt được thiên nhãn thông. Long Bạt Nan Đà tuy không có lỗ tai, nhưng có thể dùng thiên nhãn lắng nghe âm thanh để cứu người bị nạn. Sáu căn của nữ thần Căng Già (thần sông Hằng) đều có thể

ngửi được các mùi hương; bất luận căn nào cũng đều có tác dụng ngửi biết được hết. Tôn giả Câu Phạm Bát Đề không dùng lưỡi mà có thể nếm được mùi vị, bởi ông dùng mũi để thay thế cho lưỡi. Thần Thuần Nhã Đa (thần Hư Không) tuy không có thân thể, nhưng có thể dùng các căn khác để tiếp xúc và vì thế mà biết được tất cả các pháp đều là không. Cho nên ông là thần tự nhiên. Tôn giả Ma Ha Ca Diếp không dùng ý căn mà biết được đạo lý thật tướng của các pháp, tức là vô tướng. Vô tướng cũng có nghĩa là “vô sở bất tướng,” không gì là không có tướng. Trên đây là các thí dụ dẫn chứng về những vị đã đạt được chỗ diệu dụng hỗ tương của lục căn.

Giảng ngày 16 tháng 2 năm 1984

---o0o---

25. Trong Cái Không May Có Cái May Lớn

Hỡi các em học sinh! Thời gian tốt nhất của đời người là lúc trước hai mươi tuổi, đó gọi là: “Thời đại hoàng kim.” Trong thời kỳ này, Phật tánh vốn có của các em chưa bị mất và tự tánh thanh tịnh vẫn còn tồn tại. Lúc bây giờ, nếu các em được tiếp xúc với người tốt, các em sẽ làm người tốt. Còn nếu các em qua lại với người xấu, các em sẽ làm người xấu. Các em rất dễ bị ảnh hưởng theo hoàn cảnh chung quanh. Như có câu nói: “Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen” tức là đạo lý đó.

Nếu gặp được thầy tốt, bạn hiền, các em sẽ thâm nhập được nền học vấn chân chánh và có được phẩm hạnh đôn nghiêm. Trái lại, nếu gặp những vị thầy, những người bạn không giữ quy củ phép tắc, các em sẽ chịu ảnh hưởng của họ, rồi sẽ thành người không giữ nề nếp quy củ. Nếu nhỏ thì “hại quần chi mã” tức là một con ngựa làm xấu hại đến cả bầy ngựa; lớn hơn nữa thì làm xã hội bại hoại.

Hãy nhớ lấy! Tự tánh của các em ví như tấm vải trắng thuần khiết, nếu các em đem nhuộm màu xanh thì nó xanh, nhuộm màu vàng thì nó vàng. Các em đang trong hoàn cảnh học hành tốt đẹp như vậy, tương lai nhất định phải làm người có lợi ích cho xã hội, và cải thiện xã hội theo chiều hướng tốt hơn. Các em nên có tinh thần hy sinh tiểu ngã ích kỷ của mình để thành đại ngã lo cho quần chúng.

Hỡi các em học sinh! Đa số các em từ nước ngoài đến (như học sinh từ Việt Nam, Cam-bu-chia và các nước Đông Nam Á), đã từng bị đập vùi lưu lạc với nỗi khổ bỏ nhà mất nước. Trong thời kỳ sôi động bất an, mà các em có

được nhân duyên đặc biệt đến Vạn Phật Thánh Thành để học hành, ngõ hầu xây dựng nền móng làm người tốt, đây có thể nói là trong cái bất hạnh không may nhưng có cái may mắn lớn. Bởi vì tông chỉ của trường Tiểu học Dục Lương ở Vạn Phật Thánh Thành là bồi dưỡng học sinh thành người ưu tú lương thiện, khiến học sinh biết thế nào là hiếu thảo với cha mẹ, biết tôn sư trọng đạo, biết chọn lựa bạn lành và trung thành với quốc gia. Còn tông chỉ giáo dục của trường Trung học Bồi Đức là bồi dưỡng học sinh có quan niệm đạo đức, biết về bốn đạo lý: lễ, nghĩa, liêm, si, hầu tương lai các em sẽ làm người tốt lành, đường đường chánh chánh. Đây là hoài bão căn bản của trường học ở Vạn Phật Thánh Thành vậy.

Các em đã được hoàn cảnh học tập tốt đẹp như vậy, các em nên biết quý tiếc thời giờ, sanh mạng của mình, cũng nên biết thương tiếc tất cả chúng sanh và tất cả các thứ vật chất. Đừng để “thời đại hoàng kim” quý báu của các em trôi qua một cách trống không. Các em không nên xem tiểu thuyết, xem truyền hình, mà hãy nên nỗ lực học hành, gọi là: Miệng thì đọc, tâm suy tư, sáng cũng thế, chiều cũng thế (Khẩu nhi tụng. Tâm nhi duy. Triều ư tư. Tịch ư tư.) Miệng đọc sách nào, thì tâm nên suy nghĩ đạo lý trong sách đó; sáng hay chiều cũng đều nghĩ đến đạo lý trong sách. Thời thời khắc khắc đừng quên những điều đã học trong sách, lúc nào cũng nên ôn luyện lại những bài đã học.

Trong sách Luận Ngữ có ghi: “*Ôn cố nhi tri tân*,” ôn tập lại bài cũ có thể đạt được sự học thức mới, tức là đạo lý đó. Hiện nay các em đang trong thời kỳ học hỏi, ngoài trừ những lúc phụ giúp việc nhà, các em nên chăm lo học hành. Hãy nắm chắc lấy thời gian, đừng để lãng phí. Người xưa nói: “Một tấc thời gian là một tấc vàng, nhưng một tấc vàng khó mua được một tấc thời gian.” Các em xem đấy, thời gian quý báu biết là bao! Cho nên nói: Trẻ mà không cố gắng, khi già mới luống tiếc. Đang trong thời đại hoàng kim mà các em không chịu học hành, đến già có hối tiếc cũng không kịp!

Hỡi các em học sinh! Các em trong thời niên thiếu đã gặp nhiều hoạn nạn, phải rời bỏ quê hương, bôn ba tìm tự do trên lộ trình lưu ly thất tán, khổ không kể xiết. Các em đã trải qua biết bao là khốn khổ, mới đến được vùng đất bình an. Đó là do nhân nhiều kiếp trước, các em không biết tu phước tu huệ, hoặc đã gây hoạn nạn cho người, khiến người ta đau khổ. Bởi nhân đó, ngày nay các em mới chịu khổ nạn. Đó đều là do nghiệp lực của tiền nhân hậu quả mà thọ cảm. Tuy các em hãy còn trẻ tuổi, nhưng đã từng ném đủ mùi vị tai ương. Như nếu các em lại không phát Bồ Đề tâm, không biết cố

gắng học hành, thì tương lai của các em xem như sẽ là hắc ám đen tối nhiều hơn là quang minh xán lạn. Các em có hiểu không?

Bây giờ các em học tại Vạn Phật Thánh Thành, đã biết được Lục Đại Tông Chi: không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ và hiểu được cái tinh thần làm người chân chánh. Đây là cơ hội tốt cho các em sửa đổi lỗi lầm để làm lại cuộc đời mới, ngõ hầu tạo dựng cho mình một tiền đồ xán lạn. Các em đừng để nó trôi qua một cách luống uổng, mà phải hiểu rõ tánh cách trọng yếu của nó. Đây là điểm then chốt quan hệ đến cả cuộc đời hạnh phúc của các em đấy.

Hiện nay các em đã đến đây, ngoài thời giờ chăm lo học tập, nếu các em lại biết nắm giữ cơ hội tốt này mà thường tu trì, thành tâm niệm Phật, lễ Phật, tham thiền, tĩnh tọa và tu hành như thế, tức các em có thể sẽ đạt được một năng lực siêu quần như: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thậm chí đến cả thân túc thông hay lậu tận thông nữa. Bây giờ tôi chỉ giảng bốn thông, sau này tôi sẽ giảng tiếp về hai thông còn lại. Sao gọi là thiên nhãn thông? Tức là tại quả địa cầu mà các em có thể thấy được nhất cử, nhất động, từng lời nói, từng việc làm của người trời một cách thật rõ ràng, không có chi chướng ngại. Hiện ở Trung Hoa, có rất nhiều em nhi đồng tuy ở trong nhà mà thấy được sự vật phía ngoài tường vách. Chúng lại có thể biết trong tay người khác đang nắm giấu vật gì. Đó gọi là thiên nhãn thông, cũng tức là tác dụng của cái nhìn thông suốt. Sao gọi là thiên nhĩ thông? Là có thể nghe được chư thiên nói chuyện, lại có thể nghe Phật, Bồ Tát nói, hoặc cũng có thể nghe rõ ràng được tiếng người nói chuyện từ xa ngàn dặm. Hiện nay ở Trung Hoa có một số trẻ em dùng thính giác để đọc chữ viết trên giấy. Tức là có người trước đó đã bí mật viết chữ vào giấy, sau đó chúng để tờ giấy áp vào bên tai và lắng nghe một chút là biết ngay. Trăm lần thử, trăm lần đều đúng chứ không phải đoán mò. Những cảm ứng này là do thiện căn từ kiếp trước chúng đã tu được. Nhưng nếu không có bậc Thiện tri thức hướng dẫn chúng, thì khi đã qua tuổi nhi đồng, chúng sẽ mất đi các công năng đặc thù này. Sao gọi là tha tâm thông? Tức là trong tâm người khác nghĩ gì mình cũng đều có thể biết rất rõ ràng, thông suốt, không chút trở ngại. Sao gọi là túc mạng thông? Là có khả năng biết được rất rõ ràng về nhân quả quá khứ của người khác, như biết họ đã từng tạo qua nghiệp lành gì, hoặc làm nghiệp ác gì? Nếu các em chịu nghiêm túc tu hành thì sẽ càng đạt được năng lực đặc biệt này hơn, và lại càng có thể khai mở đại trí tuệ chứng đắc thân thông về biện tài vô ngại. Nhiều em nhi đồng ở Trung Hoa có được năng lực kỳ đặc siêu phàm này. Nhưng rất tiếc là không có người hiểu được các loại tài năng như vậy. Cho nên những bậc nhân tài

có thần thông này đều bị lãng quên mai một. Đối với Phật giáo mà nói, thì đó quả thật là điều bất hạnh! Nếu chúng ta biết tích cực vun bồi, giúp đỡ cho các em tiểu thần đồng này phát triển khả năng như hiện thân thuyết pháp, tức khiến cho người đời sẽ có lối nhìn khác đối với Phật giáo. Ví như người ta từ cơn ác mộng vừa mới thức tỉnh và giác ngộ rằng, Phật Pháp quả là tôn giáo cứu nhân độ thế.

Hiện các em đang học tại Vạn Phật Thánh Thành. Nếu các em lại chịu chuyên tâm nhất chí học tập Phật Pháp, tôi tin rằng các em đều có cơ hội đạt được những năng lực chuyên môn như thế. Những điều đó cũng không phải mê tín dị đoan, mà là sự thật đấy. Giống như truyền hình, ra-đa, máy thu băng, điện thoại, điện báo v.v... cũng có công năng thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, nhưng mấy thứ này là thần thông do người sáng chế, chứ không phải là thần thông tự nhiên. Nếu do tham thiền chứng được thần thông, đó mới là thật sự vận dụng thần thông tự tại. Chỉ cần các em có ý muốn thì các em cũng có thể tu đạt được những cảnh giới như vậy.

Giảng ngày 5 tháng 3 năm 1984

---o0o---

26. Sao Gọi Là Lòng Nhân?

Nhân giả ái nhơn là người có lòng thương yêu mọi người. Chữ nhân này nếu đối theo con người mà nói, nhân là sự biểu hiện lòng nhân từ, có tư tưởng tự đặt mình vào hoàn cảnh của người khác, gọi là: “Chuyện gì mình không muốn thì đừng đẩy cho người.” Việc gì tự bản thân mình không thể chấp nhận, thì chớ gán cho ai. Nếu gán ép cho người những việc mà tự mình đã không thích, đó là người không có lòng nhân.

Người có lòng nhân là người chịu thiệt thòi, chịu nhẫn nhục, gọi là:

“Sơ nhi miễn cưỡng, cửu nhi tự nhiên”

Nghĩa là lúc đầu mình cảm thấy như gượng gạo, khó chịu, nhưng thời gian lâu dần rồi cũng quen thành tự nhiên, không còn thấy bị miễn cưỡng chút nào.

Chữ nhân này nếu nói theo sự việc, là mình cần có lòng nhẫn nại và làm chuyện gì cũng làm cho đến nơi đến chốn. Cho nên nói: “*Sự dục cầu tinh, tu dụng khổ công, công phu kỹ đáo, xúc loại bàng thông.*” Muốn được việc tốt,

cần phải chịu khó, khi công đã đủ, gặp chuyện biết ngay. Bất luận khi làm chuyện gì, chúng ta nhất định phải là: đã làm tốt rồi còn muốn làm cho tốt hơn, làm cho đến lúc toàn thiện toàn mỹ mới thôi. Nhưng phải làm như thế nào mới được đây? Tức là chúng ta phải có khổ công phu.

Sao gọi là khổ công phu? Tức là một chữ “Nhẫn”.

Chữ nhẫn (忍) ví như hình ảnh của trái tim (心) đang bị cái dao (刀) cắm vào, cho nên đau nhức vô cùng. Đây có nghĩa là chúng ta phải nhẫn đau, phải chịu khổ, phải nhịn đói, nhịn khát, nhịn gió, nhịn mưa, nhịn nóng, nhịn lạnh, nhịn tất cả. Chúng ta phải nhịn! nhịn! nhịn! Nhẫn nhịn tất cả những chuyện không thể nhẫn nhịn. Đối với hết thảy các việc, chúng ta đều phải chịu khó, chịu khổ mà làm. Chúng ta phải ráng chịu khổ công, khi công phu đầy đủ thì tự nhiên mình sẽ được thành tựu. Đến lúc đó, chúng ta có thể “nghe một mà biết mười.” Chúng ta sẽ khai mở cửa trí tuệ và đối với mọi việc về sự, lý, chúng ta cũng sẽ hoát nhiên quán thông thấu suốt hết, tức nhìn thoáng qua một cái là biết ngay, không có gì chướng ngại cả.

Lại cũng có thể đem các hạt giống chủng tử để nói về chữ nhân này. Ví như khi trồng ngũ cốc, chúng ta nhất định phải chọn hạt giống lớn tốt. Bởi vì giống tốt sẽ nảy mầm mạnh mẽ, khi đến mùa thu mới có thâu hoạch nhiều. Mỗi người nông dân đều hiểu rõ về việc này. Nếu chúng ta không chọn giống tốt, không cày cấy, không tưới bón thì mùa thu đến, chúng ta sẽ chẳng thâu hoạch được gì, gọi là: “Cày cấy một phần thì thu hoạch một phần.”

Tình hình các học sinh học tại trường cũng giống như thế. Khi ở trường nếu các em chịu ra công học hành và nghiên cứu hiểu rõ những đạo lý trong sách vở, đương nhiên là sau này các em sẽ trở thành các bậc nhân tài hữu dụng. Nhưng nếu các em không cầu hiểu ý giải thâm sâu, chỉ học qua loa cho xong chuyện, đến chừng sau khi tốt nghiệp thì chẳng có nghề nghiệp sở trường gì, cho nên các em sẽ không có khả năng tìm kế mưu sinh. Để rồi các em trở thành gánh nặng cho gia đình, là ký sinh trùng trong xã hội và bị người khinh rẻ.

Hạt giống chủng tử được phân ra làm hai loại là: chủng tử hữu tình và chủng tử vô tình. Chủng tử hữu tình có thể sanh ra bốn loại động vật như: thai, noãn, thấp, hóa. Chủng tử vô tình sẽ sanh ra thảo mộc thực vật và các loại khoáng chất như sắt, đá.

Chúng sanh hữu tình là loài có tình có tánh. Chúng sanh vô tình là loài không có tình nhưng có tánh, gọi là: “*Hữu tình vô tình, đồng viên chủng trí.*” Tánh của hữu tình và vô tình thì tương thông với nhau, vì chúng vốn là một. Vô tình là tạm thời vô tình, nếu chúng có thể phản bản hoàn nguyên trở lại bản thể, chúng cũng sẽ biến thành hữu tình. Nhưng việc này không phải dễ dàng vậy đâu, vì chúng phải trải qua một thời gian rất lâu mới có cơ hội phản bản hoàn nguyên được. Cơ hội đó giống như một hạt bụi rất nhỏ trong ba ngàn đại thiên thế giới đấy. Và lại cho dù chúng nó có chuyên thành chúng sanh hữu tình đi nữa, chúng cũng đều là loài động vật hạ cấp như con lăng quăng, con trùng, con kiến mà thôi.

Chúng ta tuy là loài hữu tình, nhưng chỉ là tạm thời chứ không phải vĩnh viễn. Nếu như chúng ta không làm người tốt thì linh tánh sẽ biến hóa suy tàn, rồi hóa thành loài thực vật vô tình. Do đó, các cây cỏ thụ đều có quý thần trú ngụ ở bên trong. Tại sao? Bởi vì cỏ thụ và quý thần có sự gắn bó tương thông với nhau. Người và quý thần cũng gắn bó tương thông với nhau, không có gì ngăn cách. Người tu hành phải hiểu rõ đạo lý này, đừng nên đọa lạc làm loài thực vật. Thực vật tuy có tánh, nhưng chúng không dễ gì biến thành loài hữu tình.

Hỡi các em học sinh! Mọi người đều có thể phản bản hoàn nguyên, đều có thể thành Phật, chỉ cần các em sớm phát Bồ Đề tâm và cố gắng dụng công tu hành; nếu không, đến khi các em bị đọa lạc vào loại vô tình, biến thành loài thực vật rồi mà muốn tu hành thì khó lắm đấy. Lúc đó các em có hối hận cũng đã quá muộn màng!

Giảng ngày 6 tháng 3 năm 1984

---o0o---

27. Phật Giáo Hưng Vong - Người Người Có Trách Nhiệm

Khi Phật Pháp sắp đến bờ mé diệt vong, bất luận là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc hay Ưu-bà-di cũng đều nên lấy việc phục hưng Phật giáo làm nhiệm vụ của mình, gọi là:

“Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách.”

Bây giờ chúng ta có thể nói là: “Phật giáo hưng vong, nhân nhân hữu trách.” Đã là Phật tử, chúng ta lại càng nên có trách nhiệm hơn nữa chứ đừng thoái

thác cho người khác. Nên tự hỏi lòng rằng: Chúng ta phải làm sao để phục hưng và phát huy Phật giáo cho rạng rỡ hơn? Đây tức là tự mình nên có sự phản tỉnh sâu sắc! Từng giờ từng khắc nên tự kiểm điểm lấy mình! Những việc đáng làm, mình đã làm chưa? Nếu chưa, vậy tại sao mình chưa làm? Hoằng dương Phật Pháp là công việc của mọi người. Nhưng chỉ khi nào mọi người cùng phân công, hợp tác làm việc với nhau như: Ai có tiền thì góp tiền, ai có sức thì góp sức, cùng nhau nỗ lực nhất trí đoàn kết thì mới có thể làm cho Phật giáo hưng thịnh trở lại. Cho nên có câu rằng: “Đoàn kết là sức mạnh.” Chúng ta không nên phân tán rời rạc như những hạt cát trên mâm, cũng đừng nên có quan niệm “tụ thủ bàng quan,” chỉ biết khoanh tay thờ ơ đứng nhìn.

Là đệ tử Phật, một khi đã hiểu rõ nhiệm vụ của mình, chúng ta lại càng không nên có tâm ý lại mà nghĩ rằng: “Dù sao cũng đã có người hoằng dương Phật Pháp rồi, tôi bất quá chỉ là một phần tử thì có ảnh hưởng gì đâu!” Nếu ai ai cũng có tư tưởng như vậy thì đến bao giờ Phật giáo mới được phục hưng, được vẻ vang đây? E rằng sẽ không bao giờ!

Trong thời đại này, nếu trên thế giới không có ai chân chánh phát tâm tu hành để làm người lãnh đạo, e rằng Phật giáo nhất định sẽ suy sụp dần dần rồi đi đến chỗ diệt vong. Chúng ta đã là Phật tử thì nên tận tâm tận lực lo cho Phật giáo. Trong thời kỳ hoằng dương Phật Pháp, chúng ta nên dũng mãnh tiến tới, không nên nhát gan lo trước lo sau, cũng đừng sợ người ta ghen ghét, hay sợ bị người khác gây chướng ngại, vì đó đều là khảo nghiệm thử thách đầy thôi. Bởi một khi trải qua lò lửa hồng tôi luyện thì cũng phải ngàn lần nung nấu, trăm lượt trui rèn mới thành được thép tinh, đó gọi là: “*Ngặt đắc khổ trung khổ, phương vi nhân thượng nhân.*” Chịu được cực khổ trong cảnh khổ mới là hơn người. Đó là lời của người đi trước. Chúng ta nên thành tâm cống hiến cho Phật giáo, nên đem ý chí kiên cố và quyết tâm chân thật của mình để làm Phật sự. Được như vậy, Phật giáo mới có thể mỗi ngày một chuyển biến tốt đẹp trở lại.

Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng tu hành chân chánh. Mọi người đều biết chúng ta tuyệt đối không phải là hạng người lừa gạt, giả dối. Cho nên chúng ta phải thật lòng y giáo phụng hành, chứ đừng mang mặt nạ để dối gạt người đời. Chúng ta cũng không nên có ý tưởng tham muốn những chuyện viên vông, xa rời thực tế. Mình biết bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, như vậy mới đúng là bổn phận của người tu hành. Nếu chúng ta chỉ biết nói suông mà không chịu làm, thì đó chỉ là những lời nói đầu môi chót lưỡi, thật không tốt

chút nào. Như vậy chúng ta làm sao có hy vọng phục hưng Phật giáo trở lại cho được?

Giảng ngày 6 tháng 4 năm 1984



---o0o---

28. Tất Cả Do Tâm Tạo

Trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “Nếu ai muốn biết rõ, tất cả Phật ba đời, nên quán tánh pháp giới, tất cả do tâm tạo.” Tức là tất cả các đạo lý đều do tâm hiển hiện. Tất cả Phật ba đời cũng là do tâm mà hiển hiện. Nói tóm lại, tất cả đều do tâm tạo. Con người có thể tạo nên thiên đường, thì con người cũng có thể tạo ra địa ngục. Thực hành theo mười điều lành là tạo nên thiên đường, làm mười điều ác là tạo thành địa ngục. Tâm cũng có thể tạo ra con người, A-tu-la, súc sanh và ngạ quỷ. Tâm của con người thì vi diệu như thế đó. Vì nó thiên biến vạn hóa không rời khỏi một niệm, cho nên nói “tất cả do tâm tạo.”

Mỗi khi tâm chúng ta khởi động niệm, chư Phật đều thấy biết hết. Nhưng con người chúng ta hầu như đều là bịt tai để trộm chuông, tự mình lừa dối mình, cứ tưởng rằng, chắc Phật Bồ Tát không biết, quỷ thần không biết, ai ai cũng không biết. Khi có ý nghĩ như thế, chúng ta sẽ tạo ra biết bao chuyện điên điên đảo đảo, hại người hại mình, gây thành những điều sai lầm to lớn.

Đối với Phật giáo, chúng ta nên ủng hộ đạo tràng và xem việc chấn hưng Phật giáo là trách nhiệm của mình. Chúng ta không nên tạo các nghiệp ác ở trong đạo tràng và nên hiểu rằng tất cả đều do tâm tạo. Cho nên tại Vạn Phật Thành, trường Đại Học Pháp Giới, Trung Học Bồi Đức và Tiểu Học Dục Lương đều lấy Lục Đại Tông Chỉ: không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ để làm lời răn dạy.

Giảng ngày 12 tháng 4 năm 1984

---o0o---

29. Quả Báo Sát Sanh

Sự thù oán lớn nhất của thế giới không gì hơn là “sát sanh”. Cho nên nói: “Giết người đền mạng, thiếu nợ trả tiền.” Nếu quý vị giết cha, anh của người ta thì người ta sẽ giết cha, anh của quý vị. Cứ như vậy mà tàn sát lẫn nhau, không bao giờ chấm dứt. Bởi nhân sát sanh quá nhiều, cho nên quả báo đến rất mau, gọi là: “hiện thế hiện báo” tức quả báo hiện tiền.

Tại sao người thời nay hay phát sanh nhiều chứng bệnh lạ kỳ như vậy? Nói tóm lại một câu, đó là từ sát sanh mà ra. Quý vị giết mạng chúng sanh, thì chúng sanh sẽ tìm đến quý vị để đòi mạng. Đối với những thứ bệnh tật kỳ quái đó, bác sĩ cũng đành bó tay thôi. Thế thì quý vị nên làm sao đây? Tức là quý vị phải nên thành tâm sám hối, sửa đổi lỗi lầm để làm lại con người mới và làm nhiều việc công đức có lợi ích cho chúng sanh, như thế mới có thể tiêu trừ được các tội nghiệp từ xưa nay. Nếu quý vị không làm như thế, e rằng quý vị sẽ không dễ gì lành bệnh được. Đây là chân lý chứ không phải là mê tín đâu.

1. Mọt Nhọt Mặt Người Đòi Hiện Tại

Hôm nay tôi sẽ kể hai công án về chuyện sát sanh. Vào khoảng năm 1945, có Hòa Thượng Đại Minh, trụ trì chùa Thừa Thiên, tỉnh Tô Châu, Trung Hoa. Hòa Thượng này tuy là người theo đạo Phật, nhưng tin theo ngoại đạo và trong chùa lại thờ cúng Tiên Hồ Ly. Do đó hồ ly ở chùa này ra vào tự do

mà không bị ai xua đuổi, và nó cũng không sợ người. Người và hồ ly cùng ở chung một cách bình an.

Lúc bấy giờ, Hòa Thượng đang bế quan nhập thất ở chùa này để duyệt đọc Đại Tạng kinh. Hồ ly cũng đến phòng Hòa Thượng cùng tu. Trong lúc Hòa Thượng đọc kinh, nó nằm ngủ trên tấm đệm lạy Phật của Hòa Thượng. Đến khi Hòa Thượng muốn lạy Phật thì Hòa Thượng nói với nó: “Ta muốn lạy Phật, mày ra ngoài đi!” Lúc đó hồ ly bèn ngoan ngoãn bước ra khỏi phòng. Chờ khi Hòa Thượng lễ xong, nó lại trở vào và tiếp tục ngủ trên tấm đệm bái Phật. Ngày nào cũng như vậy, trải qua một thời gian dài và hai bên trở thành như bạn đạo.

Một ngày kia, Hòa Thượng có chút hơi nóng tính. Đến lúc muốn lễ Phật, Hòa Thượng bảo nó: “Mày mà không đi ra ngay, tao sẽ đánh chết mày đấy!” Hồ ly trừng mắt nhìn một cái như không màng gì đến Hòa Thượng, rồi nó lại nhắm mắt ngủ tiếp. Có lẽ nó nghĩ đại khái là: Dù sao người xuất gia cũng có hoài bão từ bi, dùng phương tiện làm cửa ngõ. Cho nên nó không đi.

Thế là lúc bấy giờ, Hòa Thượng phát giận nói: “Sao lại thế! Thật quả là khách mà muốn lấn át luôn cả chủ nhà à! Tao đánh chết mày đây!” Nói xong Hòa Thượng lấy cây gậy ra oai để dọa cho nó đi. Nhưng hồ ly vẫn không thèm để ý đến. Đang trong cơn nóng giận, Hòa Thượng quơ gậy quát xuống một hơi. Không ngờ trật tay, Hòa Thượng đánh bẻ đầu hồ ly, khiến máu chảy nhuộm đỏ cả tấm đệm lễ Phật. Quả thật là Hòa Thượng đã đánh chết nó rồi. Hòa Thượng vì phạm tội sát sanh, cho nên trong lòng hồi hận vô cùng và không biết giải quyết thế nào cho ổn thỏa. Nghiệp tội này làm sao tiêu được đây? Nghĩ qua nghĩ lại, cũng nghĩ không ra cách nào. Bỗng nhiên linh tánh Hòa Thượng chợt nhớ có người đã nói là: nếu đánh chết hồ ly và đem thịt nó cho người khác ăn thì sẽ tiêu được nghiệp sát. Thế là Hòa Thượng lột da hồ ly và đem thịt cho mấy người làm công ăn - tương như vậy là đã xong chuyện.

Không ngờ bảy ngày sau, linh hồn hồ ly đến nói với Hòa Thượng rằng: “Tôi đã đến Diêm Vương tố cáo ông rồi, ông phải đền mạng cho tôi!” Hòa Thượng đang trong lúc thiền định mà nghe như vậy, cho nên kinh sợ muôn phần. Thế là Hòa Thượng bắt đầu niệm chú Đại Bi. Nhờ sức gia trì của bài chú, hồ ly không thể đến gần Hòa Thượng, cho nên nó không có cách nào làm hại được ông. Nhưng nó cũng không chịu bỏ đi, và lúc nào nó cũng đến quấy nhiễu ông. Bảy ngày sau, hồ ly biết là tự mình không thể báo thù, nên nó đi xin viện binh. Quý vị đoán thử xem, nó xin viện binh nào đây? Thì là

âm hồn binh sĩ Nhật Bản chết trận trong thời Nhật Bản xâm lăng Trung Hoa. Hồ ly chiêu tập được rất nhiều đội quân đến, rồi chúng dùng đại bác bắn vào thân Hòa Thượng. Nhưng chúng oanh tạc rất nhiều ngày cũng bắn không trúng Hòa Thượng. Tại sao? Bởi vì Hòa Thượng lo tập trung hết tinh thần để tụng trì chú Đại Bi, không rời khỏi chỗ ngồi, cho nên đạn pháo bắn không trúng mà cứ rớt rơi chung quanh Hòa Thượng.

Trải qua nhiều ngày không ăn, không uống, Hòa Thượng thực sự đã sức cùng lực kiệt. Trong phút chốc, Hòa Thượng cảm thấy tinh thần mơ màng hốt hoảng và chẳng may đầu gối bên phải của Hòa Thượng bị trúng pháo. Thế là âm binh Nhật Bản liền rút lui ngay. Hòa Thượng thoát được trận uy hiếp pháo kích, cho nên trong lòng sung sướng vô cùng vì tưởng đã hết chuyện. Vừa mới nghĩ như thế, Hòa Thượng cảm thấy đau nhức ngay chỗ bị trúng pháo. Hòa Thượng cúi đầu nhìn xuống thì thấy đầu gối bên phải mọc lên một mụn nhọt giống hình mặt người, cũng có miệng, có răng. Vết thương vừa sung, vừa đau nhức, không thuốc men nào chữa khỏi.

Vào một ngày kia, có người nói với Hòa Thượng: “Lấy thịt mỡ đắp lên miệng mụn nhọt thì sẽ hết đau.” Hòa Thượng thử làm theo và quả nhiên có hiệu quả. Nhưng khi miếng thịt mỡ bị mụn nhọt mặt người ăn hết, Hòa Thượng lại bắt đầu bị đau nhức trở lại. Và cứ vậy mà Hòa Thượng bị mụn nhọt hành hạ hoài, khổ không kể xiết. Trải qua nhiều ngày đau đớn, Hòa Thượng chợt giác ngộ rằng: chỉ có tiêu diệt hết nghiệp chướng mới có thể khỏi khổ đau. Thế là Hòa Thượng hết lòng lo tu hành và không đếm xỉa đến sự đau nhức nữa. Hòa Thượng cố nhẫn chịu trăm phần đau đớn và nhất tâm lo lễ Phật, sám hối nghiệp sát sanh. Trải qua ba năm sau, Hòa Thượng mới hết bệnh.

Hòa Thượng này là vị chân thật tu hành, Ngài đã thường đi các nơi tham vấn, học hỏi cùng các bậc Thiện tri thức và cũng từng đi triều bái bốn ngọn núi lớn danh tiếng (Ngũ Đài Sơn, Nga Mi Sơn, Cửu Hoa Sơn, Phổ Đà Sơn) và tám ngọn đại tiểu sơn ở Trung Hoa. Hòa Thượng là vị rất có đạo hạnh. Tuy lỡ tay đánh chết hồ ly, nhưng Hòa Thượng cũng phải sám hối lễ Phật mới tiêu trừ được nghiệp chướng. Do đó chúng ta nên biết nghiệp báo sát sanh là tệ hại nhất. Quý vị chú ý đấy! Không được sát sanh mà nên làm nhiều công đức phóng sanh. Nếu quý vị tùy ý sát sanh thì sẽ bị mấy thứ bệnh kỳ quái, không cách nào chữa trị được, hoặc nữa sẽ thành người tàn phế, rồi hối hận trọn đời!

2. Mụn Nhọt Mặt Người Đòi Quá Khứ

Thời vua Ý Tông đòi Đường, có vị Quốc Sư tên gọi là Thiền Sư Ngô Đạt. Khi Thiền sư ở chùa Cư An, tỉnh Trường An giảng kinh, vua Ý Tông đã thân hành đến nghe pháp và đặc biệt ban tặng cho Thiền sư một bảo tòa bằng trầm thủy đàn hương. Lúc bấy giờ, Thiền sư sanh tâm kiêu ngạo, tự cho mình là bậc cao tăng nhất đời, không ai sánh bằng. Không ngờ trong tâm vừa mới khởi vọng tưởng, tức thần Hộ Pháp liền bỏ Thiền sư mà đi. Thế là oan gia trái chủ đã theo Thiền sư mười đời, nay tìm được cơ hội phục thù, nó bèn đánh một chưởng vào ống quyển Thiền sư. Rồi từ đó, đầu gối Thiền sư phát nổi lên một mụn nhọt mặt người, có lông mi, có mắt, có miệng, có răng. Mỗi ngày nó phải được ăn thịt, uống rượu. Nếu không cho nó thịt rượu thì mụn nhọt lại hành đau nhức, khổ không thể tả. Bao nhiêu thầy thuốc cũng bó tay, vô phương cứu chữa.

Trong lúc Thiền Sư Ngô Đạt chưa được chức vị Quốc Sư hiển đạt vẻ vang. Có một năm ở chùa tại Trường An, Thiền sư gặp một vị tăng đang khổ sở vì bị mọc mụn độc quái ác. Mụn nhọt chảy nước, chảy máu trông thật là dơ bẩn, lại còn xông lên mùi hôi thúi, khiến cho người ta muốn nôn mửa cả ra. Ai nấy cũng không dám đến gần vị tăng bệnh. Lúc đó Thiền Sư Ngô Đạt đang ở phòng kế bên, ngày ngày sang chăm sóc vị tăng bệnh này. Thiền sư hết lòng phục dịch, dâng cơm nước và rửa ráy vết thương cho vị tăng mà không ngại gì đến mùi hôi thúi bẩn thỉu. Thời gian trôi qua chẳng hay chẳng biết, hè qua rồi thu lại. Đến lúc khí hậu trở nên mát mẻ, mụn độc của vị tăng cũng dần dần lành lặn. Lúc sắp chia tay, vị tăng bệnh nói với Thiền sư Ngô Đạt rằng: “Cám ơn ngài đã chiếu cố đến tôi. Sau này nếu ngài có chuyện gì nan giải, hãy đến Mông Sơn ở Tứ Xuyên tìm tôi. Trên núi có hai cây đại tùng làm dấu hiệu. Tên tôi là Ca Nặc.”

Thiền Sư Ngô Đạt hồi tưởng lại chuyện xưa, bèn lên Mông Sơn tìm vị Tăng bị mụn độc lúc trước.

Từ xa trông lên lưng chừng núi, Thiền sư đã thấy có hai cây tùng cao ngất tầng mây. Khi đến trước hai cây tùng, Thiền sư phát hiện có một ngôi chùa bằng vàng chói sáng rực rỡ. Vừa định đi tìm thì đã thấy vị tăng đang đứng đợi trước cửa chùa mỉm cười, rồi đưa Thiền sư vào. Sau khi Thiền Sư Ngô Đạt đánh lễ vị Tăng, Thiền sư bèn kể rõ về nỗi khổ của mình. Vị Tăng bảo

Thiền sư sáng hôm sau xuống phía mỏm đá dưới con suối để tẩy rửa vết thương, như thế sẽ lành bệnh.

Sáng ngày thứ hai, chú tiểu đồng đưa Thiền sư đến mỏm đá dưới con suối. Vừa lúc định rửa vết thương, mụn nhọt mặt người bèn phát ra tiếng nói: “Hãy khoan rửa! Giữa chúng ta có mối oán thù chưa hết. Ngài là bậc cao tăng, từng đọc rất nhiều kinh sách, nhất định là Ngài đã đọc qua lịch sử Tây Hán rồi. Vậy Ngài có biết chuyện Viên Ân chém ngang lưng Triệu Thố không? Viên Ân là Ngài bây giờ, còn Triệu Thố chính là tôi lúc trước. Ngài đã mười đời làm thầy tăng, tu hành nghiêm chỉnh, cho nên tôi không tìm được dịp báo thù. Bởi Ngài sanh tâm kiêu mạn nên tôi mới có cơ hội chui vào. Ngày nay nhờ Tôn giả Ca Nặc từ bi, muốn hòa giải mối oán cừu giữa chúng ta, Ngài dùng pháp thủy tam muội tẩy rửa cho tôi, vậy từ nay về sau, tôi sẽ không còn oán hận Ngài nữa.”

Sau khi Quốc Sư Ngô Đạt nghe xong, hồn phiêu phách tán đến chín tầng mây. Ngài vội vàng vốc nước rửa mụn nhọt độc, nhưng lại cảm thấy đau nhói tận xương tủy, rồi ngã ra hôn mê bất tỉnh. Sau một thời gian lâu, khi chợt tỉnh lại và nhìn xuống đầu gối thì không còn thấy dấu vết mụn nhọt độc nữa. Bây giờ Quốc Sư mới biết vị tăng đó là bậc thánh tăng. Quốc Sư định trở lại chùa để chiêm ngưỡng và lễ bái vị tăng, nhưng vừa quay đầu nhìn lại thì chẳng thấy ngôi chùa đâu cả. Thế rồi Quốc Sư kết cỏ dựng lều ở tại nơi đó và sớm chiều chăm lo lễ tụng. Quốc Sư là tác giả của bài Sám Pháp, như ngày nay chúng ta biết đó là bản “Tứ Bi Tam Muội Thủy Sám” gồm có ba quyển vậy.

Qua hai câu chuyện trên, tuy có khác chút ít, như phần lớn là giống nhau, đều là cảnh giác cho người ta biết rằng nhân quả báo ứng thật không sai sót mấy may.

Chuyện thứ nhất là sự báo ứng hiện ngay đời này, còn câu chuyện thứ hai là sự báo ứng đến mười đời sau. Nói tóm lại, khi nghiệp duyên thành thực là thời vận của chúng ta cũng đã đến lúc và rốt cuộc phải chịu quả báo thôi. Hôm nay tôi nói về hai công án này để cho mọi người hiểu rõ sát sanh là có hại, và đừng nên xem đó như trò chơi con nít. Hiện nay khoa học ngày càng tiến bộ, cho nên vũ khí giết người cũng sẽ càng tệ hại hơn. Bao thứ nhân quả họ đã gây ra thì làm thế nào tiêu trừ cho được?

Hiện nay thế giới đang trong cảnh đen tối đầy chướng khí, đùng một chút là cuộc đại chiến sẽ bùng nổ. Bọn ma quỷ oán hờn sẽ mượn cơ này để báo thù.

Nhưng oan oan tương báo, biết đến bao giờ mới hết đây? Trừ phi là không sát sanh; nếu không, chúng ta vĩnh viễn sẽ không có ngày được bình an.

Giảng ngày 15 tháng 4 năm 1984

---o0o---

30. Sao Gọi Là Lục Đại Tông Chỉ?

Quý vị hãy nhìn xem! Hiện nay đa số con người trên thế giới hầu như đang phát điên phát cuồng, trông giống như người mắc bệnh tâm thần vậy. Thế giới này sắp sửa biến thành thế giới điên cuồng mất. Bất luận là nam hay nữ, già hay trẻ cũng đều không nhận thức được về các điều kiện cơ bản làm người. Cho nên mới có cảnh anh tranh, tôi đoạt. Vì muốn đạt được mục đích cá nhân mà con người bất chấp mọi thủ đoạn, thấy lợi quên nghĩa, bán rẻ bạn bè. Thật đáng sợ thay! Vậy điều kiện cơ bản làm người là gì? Tức là Lục Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thánh Thành. Nếu ai ai cũng chịu tuân theo như vậy thì thiên hạ sẽ được thái bình.

Lục Đại Tông Chỉ là:

1- Không tranh: Không tranh với bất cứ người nào. Tự giữ những gì mình nên có, và không nên có những thứ mình không cần. Tuyệt đối là không nổi nóng.

2- Không tham: Bất luận những gì về vật chất, hễ mình có đủ dùng là được rồi, và cái gì cũng không tham. Đồ vật của tôi, nếu anh cần thì tôi sẽ cho anh. Chúng ta đừng nên keo tham tiếc của.

3- Không cầu: Không tìm cầu những thứ bên ngoài, gọi là: “Nhân đạo vô cầu phẩm tự cao,” người không tìm cầu tức là người có nhân cách cao thượng. Phàm người có nhân cách là người thiếu dục tri túc, ít muốn biết đủ. Người nào không tham tài, không tham sắc, không tham danh, không tham ăn, không tham ngủ thì tâm người ấy sẽ được nhiều an lạc và lòng họ cũng không cảm thấy lo sợ gì cả.

4- Không tự tư, ích kỷ: Bất cứ vật gì thuộc về công cộng để mọi người thuận tiện dùng, chúng ta không được cất dấu cho riêng mình. Quý vị có thể bổ thí, tức là quý vị không có lòng tự tư, ích kỷ, gọi là: “Xem tất cả người già như cha mẹ ta, thương tất cả trẻ thơ như thương con em mình.” Đó là sự biểu hiện của người không có lòng tự tư ích kỷ. Sự thành lập các trường đại

học, trung học, tiểu học và viện dưỡng lão tại Vạn Phật Thánh Thành vốn cũng từ tư tưởng đó.

5- Không tự lợi: Là xả mình vì người. Việc gì có lợi thì ta nhường cho người khác làm. Trái lại, việc gì không lợi thì để lại mình làm. Tuyệt không bao giờ có tham đồ về danh văn lợi dưỡng, mua danh câu tiếng, vì đó là những tư tưởng tự tư, tự lợi.

6- Không vọng ngữ: Miệng có bốn tội ác là: vọng ngữ, ý ngữ, ác khẩu và lưỡng thiệt. Người mà phạm một trong các tội ác này, tương lai sẽ bị đọa địa ngục bạt thiết cắt lưỡi. Vọng ngữ là một trong Năm Giới. Người học Phật Pháp, nhất định nên nghiêm giữ Năm Giới. Vọng ngữ là gì? Là nói lời giả dối, gọi là: Thấy - nói không thấy; không thấy - nói thấy; nghe - nói không nghe, không nghe - nói nghe; không hiểu - nói hiểu, hiểu - nói không hiểu; biết - nói không biết, không biết - nói biết. Đó tức là vọng ngữ.

Tại sao người trên thế gian lại phát điên, phát cuồng như thế? Bởi vì họ có tâm tranh, tâm tham, tâm cầu, tâm ích kỷ, tâm tự lợi và tâm vọng ngữ. Cho nên suốt ngày họ cứ điên điên đảo đảo chẳng được tự tại. Đây là vấn đề rất nghiêm trọng, chúng ta không nên xem đó như những lời hý luận mà hãy mau cải thiện tập quán xã hội, nếu không thì sẽ nhận lãnh hậu quả không thể tưởng tượng được.

Giảng ngày 16 tháng 4 năm 1984

---o0o---

31. Con Cháu Của Ma Vương

Đức Phật đã dùng định lực để thắng lực thần thông của ma vương trong khi đấu pháp với chúng. Lúc đó ma vương bèn nói với Phật rằng: “Bây giờ tôi không có cách gì để thắng được ông, nhưng chờ đến tương lai sau này, khi đệ tử của ông không có đủ định lực, tri kiến lại bất chánh, lúc đó tôi sẽ đục cửa chui vào nhà ông mà mặc áo của ông, ăn cơm của ông, sau đó tôi lại còn tiêu tiện vào trong bát của ông, thử xem ông sẽ làm sao!” Đức Phật Thích Ca điềm nhiên nói: “Thế thì ta không có cách gì cả.”

Rõ ràng hiện nay, đã có người xuất gia công khai nói Kinh A Di Đà là giả, với lý do là trong kinh có những câu không có căn cứ để khảo chứng như: “Từ đây đi về phương tây, trải qua mùi vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc.” Ông ấy hỏi rằng: “Vị quan địa phương nào đo vậy? So ra khoảng

cách của mười vạn ức cõi Phật có lẽ là nhiều hơn một chút, hoặc cũng có lẽ là ít hơn một chút. Thế thì có chắc là mười vạn ức cõi Phật không?” Đúng là những lời lý luận ngu si xằng bậy, chỉ làm trò cười cho thiên hạ!

Gần đây, lại có vị xuất gia tuyên bố với mọi người rằng Kinh Lăng Nghiêm là ngụy tạo, đừng nên tin. Bởi căn cứ vào đoạn kinh văn: “Nhân ngày húy kỵ của vua cha, vua Ba Tư Nặc thiết trai thỉnh Phật vào cung điện. Nhà vua đích thân nghênh đón đức Như Lai, và thiết bày đầy cả thức ăn quý,” vị đó cho rằng đoạn văn này không phù hợp với phong tục Ấn Độ lúc đương thời - bởi ở Ấn Độ không giảng về đạo hiếu. Nhân đó ông quyết đoán rằng Kinh Lăng Nghiêm là ngụy tạo, không phải do Phật thuyết giảng. Đó chính là hành vi hủy kinh báng Phật, và quả báo của sự hủy báng này khó mà tưởng tượng nổi. Tư tưởng của sư này thật quá ấu trĩ! Tâm sư ở đâu, quý vị có thể suy ra thì biết!

Trong Kinh Pháp Diệt Tận nói rằng: “Tương lai khi đến thời kỳ Mạt Pháp, bộ kinh Lăng Nghiêm sẽ bị hủy diệt trước hết.” Bởi vì Kinh Lăng Nghiêm là đại biểu cho thời đại Chánh Pháp. Nếu không có kinh Lăng Nghiêm, tức là không có Chánh Pháp. Hiện nay có rất nhiều sơn yêu thủy quái, chúng chủ trương là Kinh Lăng Nghiêm không phải do Phật nói, và muốn mọi người đừng tin. Nếu không tin Kinh Lăng Nghiêm, vậy bao nhiêu Kinh điển khác đều có thể lấy bút quét bỏ hết mà không tin luôn à! Vì sao? Bởi không có căn cứ chẳng! Cho nên quý vị có thể thấy rằng tâm địa của ma vương quả thật quá cay độc!

Đây cũng bởi vì Kinh Lăng Nghiêm nói lên sự thật quá rõ ràng. Trong khi ma vương lại không thể giữ được Tứ Chúng Thanh Tịnh Minh Hối tức bốn lời răn dạy thanh tịnh, cũng không thể tu được Pháp Môn Viên Thông của hai mươi lăm vị Thánh, và càng không dám đọc về cảnh giới của Năm Mười Loại Âm Ma. Vì nó sợ bại lộ nguyên hình, khiến cho người ta biết được bộ mặt thật của nó, cho nên nó mới tìm cách hủy diệt Kinh Lăng Nghiêm. Hủy diệt đây không phải là đốt kinh điển, mà là hủy diệt kinh từ trong tâm chúng sanh, khiến cho mọi người mất lòng tin đối với Kinh Lăng Nghiêm.

Chuyện trên đời là kỳ diệu như thế đấy. Thật rất ít có ai nhận biết được. Cũng giống như nghề buôn, người bán thuốc giả thì rất đắt hàng, trong khi người bán thuốc thật lại chẳng có ai mua. Tại sao? Bởi không có người chân chánh nhận biết được giá trị của nó. Cho nên tôi bảo là sự thật thì không ai nhận biết, còn giả thì lại làm cho mọi người say mê. Đó là đạo lý rất dễ hiểu thôi!

Hiện nay là thời kỳ Mạt Pháp, có nhiều người phỉ báng và không tin các vị thầy chân chánh tu trì Phật Pháp. Nhưng các thầy giả, bởi giảng pháp quá náo nhiệt nên có rất nhiều người đến nghe Pháp, đến nỗi trong giảng đường không còn chỗ chứa, người ta chen chúc như hộp cá mòi, chật thở không ra hơi. Thế mà lại có người xuất gia đề xưng khẩu hiệu không ăn chay. Ông thầy này nói với mọi người rằng: “Phàm hễ là người ăn chay đều có tâm tham; còn người không ăn chay mới không có tâm tham.” Lý luận như vậy thật là chọc cười cho cả thiên hạ, là làm mù mắt người, khiến cho người ta hồ đồ - hồ đồ qua, hồ đồ lại, hồ đồ cho đến lúc xuống địa ngục, vĩnh viễn không bao giờ thoát khỏi.

Cho nên khi học Phật Pháp, chúng ta cần nên có trạch pháp nhãn, con mắt biết chọn lựa Pháp thì mới có thể phân biệt được phải hay trái, đúng hay sai và thiện hay ác một cách rõ ràng. Nếu không vậy, chúng ta chẳng khác gì như người mù sờ voi, mò không ra được đạo lý chân chánh. Người ta nói sao thì mình lập lại y như vậy, nghe rồi phụ họa theo. Người ta nói con voi như bức tường, mình cũng nói theo là voi như bức tường. Người ta nói con voi giống như cây cột, mình cũng phụ họa nói voi giống cây cột. Rốt cuộc thì con voi giống như cái gì? Chúng ta đều chẳng biết. Khi học Phật Pháp, chúng ta phải hiểu cho được đạo lý, chứ đừng đi theo một cách mù quáng. Mọi người nên đặc biệt chú ý điểm này!

Giảng ngày 17 tháng 4 năm 1984

---o0o---

32. Chẳng Phải Là Ra Vẻ Khác Lạ Đâu

Tôi xuất thân từ miền quê và được giáo dục ở học đường rất ít, cho nên tôi hiểu biết không được nhiều. Đó là lý do vì sao tôi muốn mọi người cùng tập hợp lại với nhau, như câu: “Tập tư quảng ích,” là tập trung lại nhiều ý kiến hữu ích. Dùng trí tuệ của mọi người để cùng thảo luận các vấn đề. Nếu ai có ý kiến gì quý báu xin cứ việc nêu ra. Chúng ta vì công việc cải thiện nền giáo dục mà tham khảo với nhau.

Sau khi xuất gia, tôi nhận thấy tình trạng Phật giáo mỗi ngày càng một đi xuống, cho nên tôi muốn cải thiện lại. Tôi cảm thấy nền giáo dục cũng mỗi ngày một xuống dốc, cho nên tôi hy vọng sẽ sửa đổi cho tốt hơn. Tôi nguyện đem hết chút sức lực mình để làm chút lợi ích cho người. Bởi chí nguyện này, hiện nay tôi thành lập trường Đại Học Pháp Giới Phật Giáo, trường Trung Học Bồi Đức và trường Tiểu Học Dục Lương tại Vạn Phật Thánh

Thành. Và để thực hiện nguyện vọng đó của tôi, tất cả các lớp học đều miễn phí.

Tại sao tôi muốn làm như vậy? Có phải vì tôi háo danh, ham tiếng, hay là vì muốn làm kiểu cách cho khác lạ chẳng? Không phải đâu. Dụng ý của tôi là hy vọng tu chỉnh lại chế độ cửa hàng kinh doanh của nhà trường, khiến cho những người chỉ vì tiền trong ban giáo dục sẽ cải thiện lại các tư tưởng bất chánh này. Họ nên lấy việc giáo dục và đào tạo học sinh thành người lương thiện, tài giỏi để làm tông chỉ. Tuy tư tưởng nhà trường như là kinh doanh đã thâm căn cố đế, nhất thời không dễ gì thay đổi. Nhưng tôi xin mọi người hãy đồng tâm hiệp lực để làm lại sự nghiệp này, ngõ hầu dần dần sẽ cảm hóa được những người chủ ban kinh doanh ở nhà trường, khiến họ tự thấy được lương tâm và nhận thức rằng giáo dục là công tác thần thánh. Bởi vì giáo dục là đào tạo nhân tài trong thiên hạ, là việc làm vui vẻ, khoái lạc. Nếu họ vẫn mê muội, không chịu tỉnh ngộ, cũng chỉ vì kiếm chút đồng tiền hôi thối, mà không biết hối tiếc là đã làm hại tiền đồ tương lai của học sinh. Tội này thật không thể dung tha và họ sẽ ân hận ngàn đời. Chúng ta nên biết rằng, tiền là vật ngoài thân, sanh không mang đến, chết không đem theo. Cho nên nói: “Muôn thứ không đem được, chỉ có nghiệp tội theo mình.” Nghiệp chướng mà chúng ta đã tạo khi còn sống, sẽ cùng xuống theo địa ngục để ta chịu khổ vô gián đoạn. Đến lúc đó, dù chúng ta có hối hận thì cũng đã muộn rồi!

Ngày 27 tháng 5, 1984 trường Đại Học Pháp Giới Phật Giáo sẽ cử hành lễ tốt nghiệp. Những sinh viên đạt tiêu chuẩn tốt về đạo đức và học vấn, khi mãn khóa sẽ được phát bằng chứng thư học vị. Thông thường trong buổi lễ, các sinh viên tốt nghiệp đại học sẽ đội mũ đen có bốn góc vuông. Dù là cử nhân, thạc sĩ hay tiến sĩ, tất cả đều mang cùng một loại mũ như vậy và thế giới cũng đều công nhận điều này.

Các sinh viên tốt nghiệp trường Đại Học Pháp Giới Phật Giáo cũng được đội mũ, nhưng có chỗ cải tiến như: Cử nhân sẽ đội mũ bốn góc, Thạc sĩ sẽ đội mũ năm góc và Tiến sĩ sẽ đội mũ sáu góc. Tại sao phải là như vậy? Bởi vì mỗi loại hàm chứa các ý nghĩa khác nhau. Bốn góc là đại biểu cho người trong bốn biển đều là anh em, kiêm thêm ý là tứ thông bát đạt, bốn phương đều thông suốt; lại cũng biểu hiện của Tứ Vô Lượng Tâm: từ, bi, hỷ, xả. Năm góc đại biểu cho Ngũ Hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ; hoặc là Năm Giới căn bản: sát, đạo, dâm, vọng, tửu; hoặc cũng đại biểu cho năm châu: Âu, Á, Phi, Mỹ, Úc. Sáu góc đại biểu cho Lục Độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; hoặc đại biểu cho sáu phương: đông, nam,

tây, bắc, trên và dưới; cũng có thể nói sáu góc là đại biểu cho sáu nghề: lễ, nhạc, xạ, ngự, thơ, số. Đó là những ý kiến của tôi, hy vọng mọi người sẽ đưa ra ý kiến để chúng ta cùng nhau nghiên cứu rồi quyết định.

Có người nói: “Vì theo truyền thống, cho nên tất cả các sinh viên khi tốt nghiệp đại học đều đội mũ bốn góc.” Nhưng theo cách nhìn của tôi, nếu có phương pháp tốt mà chúng ta không dùng và vẫn cứ khư khư giữ khuôn phép cũ, thế thì phải nói là quá cố chấp, cũng có thể nói là ngu si nữa.

Ở phương Tây, tôi chưa gặp qua người tốt nghiệp Đại học Phật giáo chân chánh nào cả. Phật giáo ở đây chỉ là mới bắt đầu, nên chưa có quy chế nhất định. Trường Đại Học Pháp Giới Phật Giáo là tận hư không, biến pháp giới, quảng đại vô biên. Bây giờ tạm thời không có người nào biết, nhưng trong tương lai sẽ có rất nhiều người bắt chước theo cách thức như trường học của chúng ta. Cho nên nay tôi đề nghị là sinh viên tại gia khi tốt nghiệp đại học sẽ đội mũ đen, còn sinh viên xuất gia khi tốt nghiệp đại học sẽ đội mũ vàng. Tôi cũng chẳng biết ý kiến này có giá trị không nữa!

Giảng ngày 20 tháng tư năm 1984

---o0o---

33. Phương Châm Giáo Dục Của Vạn Phật Thánh Thành

Bất luận làm việc gì, chúng ta cũng phải có lòng nhẫn nại, từ từ làm chứ không được gấp rút. Quý vị nên biết thành phố La Mã (Rome) không phải chỉ trong một ngày mà hoàn thành được. Cùng như lý lẽ trên, việc giáo dục học sinh, không phải một hay hai ngày là có thể dạy cho chúng hiểu rõ được. Mà cần phải có tâm bền chắc, lâu dài để dạy chúng làm sao trở thành người tốt, và làm sao tạo cơ sở cho nhân cách tốt. Chứ không phải dạy học sinh làm sao có được việc làm tốt và kiếm được nhiều tiền để tự mình được hưởng thụ. Đó là lối giáo dục theo chủ nghĩa vị lợi.

Phương châm giáo dục của Vạn Phật Thánh Thành là dạy học sinh học tập về nhân nghĩa đạo đức. Trong tương lai, khi chúng ra phục vụ cho xã hội, dù ở cương vị nào, chúng cũng sẽ dựa theo đạo đức nhân nghĩa mà làm việc. Chúng tuyệt đối sẽ không hòa nhau làm bậy, cũng không có hành vi làm tổn hại người để lợi mình.

Quý vị nhớ đấy! Chúng ta không nên ham danh háo tiếng, cũng đừng học theo thói ngụy quân tử, giả bộ là nhà từ thiện, làm được chút việc rồi đến

đâu cũng quảng cáo, tuyên truyền cho mình. Chúng ta nên học tập theo đức hạnh chân chánh, và thực hành một cách thực tiễn. Phương pháp giáo dục của chúng ta hoàn toàn khác biệt với phương pháp giáo dục của mấy chỗ khác. Không phải là chúng ta muốn đánh đổ cách giáo dục của họ để nêu lên nền giáo dục của mình; cũng không phải là chúng ta muốn tranh giành hay muốn thi đua gì với ai. Mà chúng ta chỉ muốn giữ vững lập trường giáo dục để dạy dỗ cho thế hệ kế tiếp. Không cần biết là người ta làm đúng hay không, chúng ta chỉ muốn làm việc cho đúng, và không làm trái với lương tâm, thế là đủ rồi.

Giảng ngày 25 tháng 4 năm 1984



---o0o---

34. Từ Bi Hỷ Xả Là Cơ Bản Tu Đạo

Người tu hành nhất định là phải bồi dưỡng Tứ Vô Lượng Tâm. Khi có Tứ Vô Lượng Tâm rồi, mình mới có thể giáo hóa chúng sanh và khiến cho chúng sanh lia khổ được vui. Nếu người tu đạo không có Tứ Vô Lượng Tâm, tức là làm ngược lại với đạo và dù có tu đến tám vạn đại kiếp, cũng vẫn còn xa Phật đạo đến cả tám vạn bốn ngàn cây số.

Tứ Vô Lượng Tâm là điều kiện cơ bản mà mỗi người tu nên có. Sao gọi là Tứ Vô Lượng Tâm? Tức là từ, bi, hỷ, xả. Vô lượng là không có hạn lượng, có nghĩa là không bỏ dở nửa chừng, hoặc không đến giữa đường rồi tự vạch mức giới hạn cho mình, không muốn tiến tới. Như mới được chút đỉnh đó thì lấy làm đủ và nghĩ là xong rồi. Thật ra, Từ Bi Hỷ Xả không có lúc nào là đủ cả, mà có được càng nhiều thì càng tốt. Chúng ta nên mở rộng, tăng cường từ bi hỷ xả cho đến khi đạt đến cảnh giới toàn thiện mới thôi.

1. **Từ** là có thể cho niềm vui. Chúng ta có cho chúng sanh niềm vui không? Nếu như không có, đó tức là chúng ta không dùng hết lòng từ của mình. Chúng ta nên tiến đến mục tiêu “vô duyên đại từ,” là dùng lòng từ bi đối xử với những người không có duyên với mình. Chúng ta không những thông cảm với người cùng trong hoàn cảnh khó khăn, mà chúng ta cũng nên thông cảm với cả loài động vật trong cảnh hoạn nạn nữa. Nếu có chuyện không may xảy ra, chúng ta nên ra tay tiếp đỡ, giúp chúng sanh thoát vòng khổ hải. Đây là công việc mà Phật tử nên làm. Chúng ta đừng nên có thái độ dửng dưng, chỉ biết đứng nhìn mà không chịu giúp, vì thế là đánh mất tinh thần cứu thế của Phật Giáo. Trái lại, Phật Giáo lấy từ bi làm hoài bão, dùng cửa phương tiện của đạo Phật để tiếp nhận chúng sanh.

2. **Bi** là có thể bạt trừ khổ não. Chúng ta có thể bạt trừ sự đau khổ của chúng sanh không? Nếu không thể, thì đó là vì chúng ta chưa dùng hết lòng bi của mình. Chúng ta nên có tư tưởng “đồng thể đại bi,” cũng tức là thấy người chết chìm như chính mình bị chết chìm, thấy người đói như chính mình bị đói. Phật giáo lấy bi làm tông chỉ, vì bi là lòng lân mẫn, thương xót. Trong khi các nhà Nho nói rằng “*bi thiên mẫn nhân*” lại cũng phù hợp với ý nghĩa trên. Do đó mà biết rằng tư tưởng của thánh nhân trong thiên hạ đều giống nhau, như cùng xuất phát theo vết bánh xe, không tách rời lòng trắc ẩn xót thương. Phật giáo chủ trương từ bi, Nho giáo đề xướng trung thành và tha thứ. Tâm tâm tương đồng, đây là cốt tủy của tôn giáo, nếu không thì là dị thuyết của ngoại đạo.

3. **Hỷ** là tâm vui vẻ. Chúng ta có hoan hỷ vui thích học Phật Pháp không? Chúng ta có sanh ưu sầu, phiền não, hoặc có tâm tư bực dọc không? Nếu quả là có, chúng ta hãy mau sửa đổi, đừng phát sanh tánh tình như thế. Nếu còn chút ít tập khí, rồi dụng công phu từ thất tình lục dục, thì đó là quan niệm sai lầm. Nên hiểu là chúng ta không được tiếp tục có thứ quan niệm sai lầm như thế. Nếu không, chúng ta không thể nào tưởng tượng nổi hậu quả của nó sẽ ra sao.

4. **Xả** là tâm buông xả. Chúng ta có tâm buông xả không? Nếu có, vậy là lớn hay nhỏ? Là nhất thời hay là vĩnh viễn? Xả cái gì? Là phát tâm cho chúng sanh sự vui vẻ, bạt trừ cái khổ của chúng sanh và giúp họ trong hoàn cảnh nguy khốn. Nếu làm được như thế, chúng ta sẽ sanh lòng hoan hỷ đến mức vô hạn, nhưng chúng ta đừng nên chấp vào đó - làm xong việc rồi nên quên hết chứ đừng lưu giữ trong tâm thức. Nếu chúng ta chấp mà không quên được, đó không phải là hạnh nguyện của Bồ Tát. Chúng ta nên có tinh thần thi ân bất cầu báo thì mới được xem là người Phật tử chân chánh.

Giảng ngày 26 tháng 4 năm 1984



Đường Tì & Đường Hi tại Vạn Phật Thành

---o0o---

35. Nhẫn Là Bảo Vật Vô Giá

Đã là Phật tử, chúng ta nhất định phải biết nhẫn. Nhẫn cái gì? Là nhẫn nhịn những cái người ta không thể nhẫn. Có người nói: “Tôi thật là nhịn hết nổi rồi!” Nếu chúng ta nhịn hết nổi, tức là không thể “hết” được. Hết cái gì? Là hết nghiệp chướng. Nếu nghiệp không tiêu, tình chưa không, tức là còn có *sanh tử*. Cho nên nói: “Nghiệp bất trọng, bất sanh Ta-bà. Ái bất đoạn, bất sanh Tịnh độ.” Chừng nào nghiệp tận, tình không, đến lúc đó chúng ta mới hết sanh tử và được giải thoát thật sự.

Người tu hành nên có công phu tu nhẫn nhục. Nhẫn đói, nhẫn khát, chịu gió, chịu mưa, chịu nóng, chịu lạnh, đến nổi phải nhẫn sự chửi mắng, và nhẫn sự đánh đập luôn. Những cảnh này đều là thử thách. Như tôi thường nói: “*Tất cả là khảo nghiệm, xem bạn sẽ làm sao? Đối cảnh mà không biết, phải luyện lại từ đầu.*” Dù gặp nghịch cảnh như thế nào đi nữa, chúng ta cũng nên tiếp nhận với tâm lý “*ngịch lại thuận thọ.*” Chúng ta đừng để cảnh giới xoay chuyển, hoặc dựng cờ trắng mà đề đầu xin hàng phục. Người xưa nói: “Việc nhỏ mà không nhịn tức sẽ làm hư chuyện lớn.” Nhẫn nhịn là bảo vật vô giá: “*Nhịn giây lát, gió yên sóng lặng; lui một bước, biển rộng trời xanh.*”

Khi đức Phật Thích Ca còn tại thế, có một hôm Ngài đi ngang qua bờ sông và thấy một con dã can (thuộc loài lang sói), muốn ăn thịt con rùa. Nhưng con rùa thì rút đầu, thụt cả chân tay vào trong cái mai, rồi nó nằm yên không động đậy một lúc thật lâu. Dã can vì không có tâm kiên nhẫn nên bỏ đi, còn rùa nhờ có lòng nhẫn nại mà bảo tồn được sanh mạng. Đức Phật nói với Tôn giả A Nan rằng: “Người tu hành cũng nên như vậy.” Bạc cổ đức nói: “Gần đây tôi mới học được cách của con rùa, lúc nào đáng rút đầu thì hãy rút đầu.”

Trong lúc nóng giận mà quý vị nhịn được, thì quý vị sẽ miễn lo âu cả trăm ngày. Nếu người ta chửi mình, xem như mình đang thưởng thức một bài hát đang thịnh hành. Nếu có người đánh mình, xem như mình đi đường vô ý va vào cột cửa. Nếu quý vị quán tưởng như thế, dù là giáo mác gì cũng tự nhiên biến thành ngọc lụa. Nếu không, ngọn lửa vô minh nổi cơn lôi đình sẽ bốc cao ba trượng, mà phát thành một trận đại chiến. Kết quả hai bên đều bị thương, không những tổn thương tình cảm, lại còn mất cả nhân cách và bị người ta chê bai là mình thiếu tánh điềm tĩnh.

Cho nên nói: “*Thọ tận thiên hạ bá ban khí, dưỡng tựu hung trung nhất đoạn xuân,*” tức là chịu được hết trăm lần lời chỉ trích của thiên hạ, sẽ nuôi dưỡng

thành khúc nhạc xuân trong tâm ta. Chúng ta có thể lấy những lời vàng ý ngọc này để làm câu châm ngôn cho mình.

Giảng ngày 5 tháng 5 năm 1984

---o0o---

36. Có Lòng Tham Sẽ Không Thành Tựu Được Gì

Người tu hành nên trong sạch như con mắt của mình - không thể dung chứa dù chỉ một hạt cát. Ví như trong mắt quý vị có hạt cát, nhất định quý vị rất khó chịu và lo tìm cách để lấy nó ra ngay. Nếu không, cả thân tâm quý vị cũng chẳng sao yên được. Tu đạo cũng giống như thế. Hạt cát đó là gì? Là lòng tham. Có lòng tham thì mọi việc sẽ bắt đầu biến đổi. Bản lai vốn trong sạch, nhưng một khi trong đầu có ý tham, tức khởi động tác dụng hóa học, biến nước trong sạch thành nước dơ. Như vậy đã không có lợi cho người, trái lại còn hại cho mình nữa.

Người tu hành hề có một phần thành tâm là có một phần thành tựu và cảm ứng, có mười phần thành tâm, sẽ có mười phần thành tựu và cảm ứng. Khi có được thành tựu và cảm ứng rồi, chúng ta không nên chấp chứa ở trong tâm. Vì là “ưng vô sở trụ” nên chúng ta hãy quên phứt nó đi. Mục đích chủ yếu tu đạo của chúng ta là vì muốn liễu sanh thoát tử, chứ không phải vì cầu cảm ứng. Quý vị nên nhớ lấy! Chúng ta tu hành thì không nên có ý đồ, như cầu được thành tựu, muốn được cảm ứng, vì đó là điều sai lầm to lớn. Mọi người nên hiểu cho rõ về điểm này. Nếu quý vị chuyên tâm nhất chí tu hành, khi công phu đến mức thành thực rồi, tự nhiên quý vị sẽ được thành tựu và cảm ứng. Nhưng nếu tu hành mà có ý đồ, quý vị vĩnh viễn sẽ không thành đạt gì và cũng không có cảm ứng chi.

Như câu nói: “Có tâm là vọng tưởng, vô tâm là cảm ứng.” Cảm ứng thì có thể hy vọng, nhưng không nên cầu xin.

Người tu hành nên: “Chỉ hỏi chuyện cày bừa, chứ không hỏi việc thu hoạch.” Bất luận làm việc gì, chúng ta cũng nên tận lực làm và đừng màng đến kết quả sẽ ra sao. Dù như thế nào, mình cũng nên quang minh chánh đại, điểm xuất phát là chỉ vì công chứ không vì tư, không có tâm ích kỷ riêng tư khi làm việc và không tính toán lo rầu về chuyện thành hay bại. Khi làm việc cho công chúng, chúng ta cũng nên như vậy. Chúng ta không nên lo sợ, giống như phía trước đang có sói, còn phía sau thì có cọp. Vì nếu có chuyện

xảy ra, ai cũng không dám đứng ra gánh vác, rồi xô đẩy trách nhiệm cho nhau. Chuyện nhỏ mà như vậy, còn chuyện lớn thì cứ suy ra thì sẽ biết.

Đừng có vọng tưởng như người ngu, là không đi học mà muốn được bằng Tiến sĩ; không trồng trọt mà muốn thu hoạch ngũ cốc; không mua vé đua ngựa mà đòi trúng giải nhất. Đâu có chuyện tiện lợi vậy. Như mùa xuân quý vị phải lo gieo giống, cày cấy, tưới nước, bón phân, thì đến mùa thu mới có thâu hoạch được. Cho nên nói: “Một phần cày bừa, được một phần thâu hoạch,” là đạo lý tự nhiên thôi!

Quý vị hãy chú ý, chớ nên khởi tâm tham cầu, tham thành tựu, tham cảm ứng, vì đó là chuyện mơ mộng, như đi trong cõi mịt mờ và cũng đừng nên tự dối gạt mình. Nếu như không nhận rõ được mục tiêu, bỏ gốc lấy ngọn, là quý vị lãng phí thời gian quý báu của mình mà chẳng được gì, sau có hối hận cũng đã trễ mất!

Giảng ngày 17 tháng 5 năm 1984

---o0o---

37. Vô Minh Là Căn Bản Của Sanh Tử

Vô minh tức là tham, sân, si, mạn, nghi. Năm thứ ác nghiệp này có thể khiến cho con người điên đảo đến phát cuồng.

1. **Tâm tham:** Là đối với cảnh thuận, chúng ta sẽ khởi lòng tham ái đến nỗi không có thì không được. Thậm chí có người vì muốn được mục đích của mình mà bất chấp các thủ đoạn, bằng không họ chẳng cam lòng.

2. **Tâm sân:** Là khi gặp cảnh nghịch, chúng ta sẽ giận hờn và nổi nóng, như không chửi người thì cũng đánh người, thậm chí còn giết hại người nữa. Đó đều là do tâm sân hận tác quái, nó khiến con người mất cả lý trí và ý chí xử sự mọi việc. Người có tâm như thế, ắt sẽ làm cho xã hội chẳng được an ninh, trật tự.

3. **Tâm si:** Là người không có trí huệ, không biết phải trái, cũng không phân biệt được thiện ác, cho nên hồ đồ điên đảo, hậu quả là thành kẻ bất lương, tạo nhiều nghiệp tội.

4. **Tâm mạn:** Là tự đề cao mình và đè ép người khác. Tự cho chuyện gì mình cũng hay hơn, nổi bậc hơn người. Thứ hành vi cống cao ngã mạn này là điều tối kỵ, chúng ta không nên có.

5. **Tâm nghi:** Là người đối với việc chánh đáng lại sanh lòng hoài nghi, không tin lời nói của bất cứ ai. Người có thứ tâm lý như vậy là bất thường, là sai lầm vì đã tự hạ thấp mình.

Năm loại tâm lý này đều là không bình thường, đều là do cái nhân vô minh dẫn đến. Người tu hành nhất định phải tiêu diệt vô minh, đừng để nó gây sóng gió thành tai họa vô cùng tận như vậy.

Vô minh khiến cho kẻ phàm phu chỉ biết dụng công vào mấy thứ tình dục. Họ nghĩ rằng chuyện tình ái ở thế gian là thật, cho nên họ không thể xa rời và cũng không nỡ buông bỏ nó. Do đó họ gắn bó với lục thân quyến thuộc một cách rối ren mà buông xả không đành. Rồi họ tạo ra biết bao thiện ác lẫn lộn, họ cũng không phân biệt được giữa ô nhiễm và thanh tịnh. Đòi đòi kiếp kiếp, họ cứ quay quanh trong vòng sanh tử luân hồi, vĩnh viễn không bao giờ ngừng. Cho nên nói vô minh là căn bản của sanh tử.

Người tu hành không có mấy thứ rắc rối đó đè nặng trong tâm, cho nên họ dễ được thanh tịnh, giải thoát và hết sanh tử. Nếu không cắt đứt vô minh, chúng ta vĩnh viễn sẽ bị nó chi phối, để rồi xuống địa ngục, chạy lên núi đao, hay là vào chảo dầu sôi. Lúc bấy giờ, chúng ta sẽ hối hận là lúc đầu sao mình không chịu tu hành tinh tấn. Nhưng rất tiếc là đã không còn kịp nữa.

Tôi xin khuyên quý vị nên tu hành cho kịp thời, đừng có tưởng là ngày tháng còn dài mà hẹn lần, hẹn lượt.

Bậc cổ đức có nói: *“Đừng đợi đến già mới học đạo, mớ lẻ loi lắm kẻ thiếu niên.”* Học đạo được một ngày là gần được Tịnh Độ thêm một chút. Như vậy từng chút từng chút, quý vị sẽ đến được cõi Tịnh Độ. Nếu quý vị không chuyên cần tu đạo mà lại muốn đến Tịnh Độ, thì sẽ không đến được đâu! Công việc trên đời, dù chúng ta có lãng phí thời gian để làm, rốt cuộc cũng chẳng được lợi ích gì. Nhưng chỉ có pháp môn tu hành là không lãng phí thời gian. Nếu quý vị tu được một phút thì được một phút lợi lạc. Cho nên nói: *“Gom cát thành tháp,”* tức là từng bước, từng bước không ngừng tiến tới, tự nhiên quý vị sẽ đến được bờ bên kia.

Giảng ngày 5 tháng 7 năm 1984



---o0o---

38. Người Nước Kỳ Lo Trời Sập - Tự Tìm Khổ Nảo

Có người trong lòng khởi vọng tưởng như: “Không biết đến lúc già, mình có bị chết đói, chết rét hay không nữa?” Đây là lối suy nghĩ chẳng có ích lợi gì. Là đệ tử chân chánh của Phật dù cho bị chết đói, chết rét chúng ta cũng chẳng thấy sao mà lại nghĩ rằng, nếu mình hy sinh vì Phật giáo, thì không còn gì quang vinh bằng.

Trong thời quá khứ Đức Phật Thích Ca đã từng trải qua ba a tăng kỳ kiếp tu phước huệ, và trăm kiếp gieo tướng tốt. Tất cả các đại địa, đất đai trong tam thiên đại thiên thế giới, không có chỗ nào, dù nhỏ như hạt bụi mà không phải là chỗ của đức Phật đã xả bỏ tánh mạng Ngài. Chúng ta nên xét lại lòng mình, xem chúng ta đã xả bỏ được cái gì rồi? Ngay cả mấy thứ đồ vật ngoài thân mà mình còn bỏ không nổi. Chúng ta vẫn cứ bị cái tâm riêng tư, ích kỷ làm chủ, cho nên cái này bỏ không được, thứ kia bỏ không xong, huống chi đến chuyện xả bỏ sanh mạng mình thì lại càng không thể nói đến!

Quý vị nên biết rằng: bởi vì chúng ta không thể xả, không chịu bỏ thí, không có lòng thông cảm, không biết thương xót, cho nên chúng ta mới không ngớt

xoay chuyển trong vòng luân hồi. Chúng ta cả ngày chỉ lo nghĩ đến chuyện khi mình già thì phải làm sao, nhưng không bao giờ nghĩ đến vấn đề khi mình chết thì sẽ như thế nào. Giống như có người ở nước Kỳ cứ ưu sầu cả ngày, đến nổi mặt mày ủ rũ không bao giờ lộ vẻ vui tươi. Có người hỏi: “Tại sao anh lại buồn rầu vậy?” Anh ta đáp: “Nếu như trời sập thì làm sao, há không phải là chúng ta sẽ bị đè chết hay sao?” Đúng là lối suy nghĩ thật quá ấu trĩ đi thôi!

Chúng ta là người tu hành, nên sống một ngày là một ngày có ý nghĩa và đừng để vọng tưởng áp đảo. Nếu chúng ta suốt ngày cứ vọng tưởng lung tung. Há đó không phải là người ngu lắm sao? Vì nếu nghĩ tưởng đến những chuyện không thể có, không cần thiết, đó mới thật là tự mình làm khó lấy mình, tự chuốt khổ cho mình thôi!

Bây giờ chúng ta cần phải phản cái mê để quay về giác ngộ, nên buông cái giả để bắt lấy cái chân thật. Tôi thường nói với quý vị là: *“Nếu không bỏ được cái giả, sẽ không thành đạt được cái thật; nếu không bỏ được cái chết, sẽ không đổi được cái sống.”* Pháp thế gian là tương đối vậy thôi! Nếu bên kia là nghiệp chướng nặng nề, thì bên đây là thanh tịnh nhẹ nhàng. Còn như bên đây là thanh tịnh hơn, thì nghiệp chướng bên kia sẽ nhẹ bớt. Chỉ là xem quý vị muốn làm thế nào. Đây đều do quý vị tự quyết định theo ý thích của mình, chớ kẻ bàng quan không có cách gì can thiệp được.

Phàm là người xuất gia, chúng ta nên có nhân cách cao thượng, nên là người xuất chúng, vượt hẳn mọi người. Người xuất gia đừng nên hòa nhau đồng lõa với kẻ xấu, chỉ biết ăn rồi chờ chết, khiến cho khí thể Phật giáo trở nên nặng nề, không có khí thể hăng hái chút nào.

Giảng ngày 15 tháng 7 năm 1984

---o0o---

39. Bồi Dưỡng Nhân Cách Cao Thượng

Vạn Phật Thánh Thành là nơi tu đạo, cho nên các vị Thiên Long Bát Bộ lúc nào cũng hộ trì đạo tràng này. Nếu quý vị phát Bồ Đề tâm, họ nhất định sẽ hộ trì quý vị và khiến cho thân tâm quý vị được khinh an nhẹ nhàng, được đại thành tựu và có đại cảm ứng. Nhưng trong lòng quý vị đừng có hy vọng mình sẽ được như thế, thì những điều đó mới tự nhiên hiện tiền. Nếu quý vị còn có lòng hy vọng được thành tựu và cảm ứng thì đó là tham, cũng là phạm vào Lục Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thánh Thành.

Các sinh hoạt hằng ngày của người tu hành ở Vạn Phật Thánh Thành, đều không rời khỏi sáu điều mục như sau:

1. Không tranh. Tuyệt đối không tranh với bất cứ ai. Cũng không tranh danh, tranh lợi. Phạm đồ vật gì mà người khác thích thì mình nhường cho họ, chứ không cần phải tranh giành, gọi là: “Tranh chi bất túc, nhường chi hữu dư,” nghĩa là tranh thì không đủ, nhường thì có dư.

2. Không tham. Không phải là miệng nói không tham, nhưng khi cảnh đến thì chỉ lo tham, chẳng thể bỏ qua, thế là sai rồi. Chúng ta cần phải là: Lời nói theo đúng việc làm, và làm đúng theo lời nói, đừng để chúng mâu thuẫn với nhau. Người không có lòng tham mới bồi dưỡng được nhân cách cao thượng.

3. Không cầu. Nếu chúng ta có cầu muốn điều gì, tức là chúng ta sẽ có phiền não. Cầu mà không được, đương nhiên là chúng ta sẽ phiền não. Cho nên nói: “*Vô cầu tiện vô ưu,*” không cầu sẽ không lo - thật là một danh ngôn chí lý. Một khi chúng ta đạt đến trình độ vô cầu, phẩm cách của chúng ta tự nhiên sẽ cao quý. Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao, tức là vậy. Trong Bát khổ có “cầu bất đắc khổ,” như cầu không được cũng khổ, mà cầu được cũng khổ luôn. Vì lo được lo mất mà tự tìm cái khổ cho mình. Vậy bởi tội gì mình phải khổ như thế. Nếu như quý vị thấy rõ ra mà buông hết tất cả thì quý vị sẽ không còn phiền não nữa.

4. Không tự tư, ích kỷ. Ai ai cũng có lòng ích kỷ. Chuyện gì chúng ta cũng tính toán cho mình trước, lo nghĩ cho con cháu của mình trước hết. Cho nên người tu hành là phải tu đến cảnh giới vô ngã. Vô ngã rồi thì chúng ta còn muốn tranh cái gì, tham cái gì, cầu cái gì nữa đây? Chúng ta phủ nhận hết, và cái gì cũng không muốn. Chúng ta phải học theo tinh thần của Bồ Tát là xả mình vì người. Tại sao thế giới này lại ngột ngạt đầy chướng khí, và không lúc nào trong sạch, xán lạn vậy? Bởi vì ai nấy đều tự tư, tự lợi, như nói: “Cái này là của tôi, cái kia thuộc về tôi,” nên khiến cho thiên hạ đại loạn, thế giới chẳng được an ổn.

5. Không tự lợi. Nếu mọi người đều không có tánh tự lợi, lúc nào cũng biết đủ, gặp hoàn cảnh nào cũng cảm thấy an ổn, vậy tự nhiên ai nấy cũng sẽ chung sống hòa bình với nhau. Nếu như người có tâm tham thì giống như cá theo môi, thấy lợi là quên mất hết tình nghĩa, rồi làm những chuyện tổn hại đạo lý. Có bao nhiêu người đã vì lợi mà thân bại danh liệt, tán gia bại sản.

Thậm chí có kẻ còn làm cho nước mất nhà tan, đến nỗi phải lưu lạc, không nơi nương náu.

6. Không vọng ngữ. Bất luận trong hoàn cảnh nào, chúng ta tuyệt đối cũng không nên vọng ngữ. Hễ thấy thì nói thấy, nghe thì nói nghe, chúng ta cứ thật thà mà nói, chớ nói những chuyện không có căn cứ. Chúng ta nên biết, vọng ngữ là nói những lời bịa đặt, làm tổn hại người mà chẳng có lợi ích gì cho mình, và sau khi chết nhất định bị đọa vào địa ngục cắt lưỡi. Điều đó không có chút nghi ngờ gì cả. Cho nên chúng ta phải hết sức cẩn thận.

Hôm nay tôi nói với quý vị những lời tuy rất cặn cọt, nhưng nếu quý vị chịu y chiếu theo đạo lý đó mà làm, thì sẽ hữu dụng vô cùng. Cho nên có câu: “Nói cho hay! Thuyết cho diệu! Nhưng nếu không thực hành thì không phải là Đạo. Đạo là hành, không hành sao có Đạo? Đức là làm, không làm sao có Đức?” Nếu quý vị có thể thực hành theo Lục Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thành, tự nhiên nhân cách của quý vị sẽ cao thượng hơn.

Tôi nói thêm một câu sau chót là: Quý vị đừng nên làm những chuyện ngu si như: “Yểm nhĩ đạo linh” tức bịt tai để trộm chuông. Vì quý vị không thể tự dối mình, mà cũng không thể gạt được Phật! Hà tất bụng dạ phải chứa đầy chuyện quỷ quyết, rồi tưởng là mình có thể che đậy được hết để dối trên lừa dưới. Há như thế chẳng phải là tự chuốc lấy cái vô lý cho mình hay sao? Tôi hy vọng mọi người ở Vạn Phật Thánh Thành đều biểu hiện là người lương thiện, mẫu mực, để kẻ thế nhân nhìn vào bằng cặp mắt khâm phục.

Giảng ngày 25 tháng 9 năm 1984

---o0o---

40. Hoan Nghênh Hành Giả Đến Thánh Thành

Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng mới phát khởi. Có thể nói đây là vùng phát nguyên địa của Phật giáo, lại cũng có thể nói là vùng quy nguyên địa của Phật giáo. Sao gọi là vùng phát nguyên địa của Phật giáo? Bởi vì đạo Phật trên thế giới này đã đến thời đại Mạt pháp, và những người chân chánh y theo giáo pháp tu hành thì thưa thớt, không có mấy ai. Có người tuy mang danh nghĩa là Phật tử, song những hành vi của họ lại hoàn toàn trái ngược với Phật giáo. Vì xét thấy như vậy, cho nên Phật tử cần phải trùng tân chỉnh đốn để xây dựng lên một tân Phật giáo, khiến cho Chánh pháp trụ mãi trên thế gian. Vạn Phật Thánh Thành quyết sẽ trùng tân và phục hưng Phật giáo trở lại, cho nên nói là vùng phát nguyên địa của Phật giáo.

Sao lại gọi là vùng quy nguyên địa của Phật giáo? Hiện nay các nơi trên thế giới thường xảy ra nhiều hiện tượng đau lòng, như hủy Phật đốt kinh. Thậm chí đến cả chùa chiền cũng bị sửa thành các công trường, hãng xưởng, hoặc các hí viện vui chơi giải trí. Vùng đất thanh tịnh lại biến thành nơi ô uế, người xuất gia bị bức bách đến nỗi không còn nơi trú ngụ. Thậm chí có người phải chạy lên núi, và có kẻ phải xuống vùng ven biển hẻo lánh. Người tu hành trên núi dùng rau dại làm bữa qua ngày, kẻ tu ở ven biển thì dùng rong biển cho đỡ cơn đói. Họ chịu đựng hết những thử thách, với biết bao sự giày vò gian khổ, nhưng họ một lòng không thay đổi ý chí và vẫn chuyên tâm lo tu trì. Với tinh thần bất khuất đó, thật đã làm cho mọi người ngưỡng mộ. Nếu những vị tu hành chịu nhiều khổ nạn đó muốn đến Vạn Phật Thánh Thành để tu đạo, chúng tôi tuyệt đối hoan nghênh. Chúng tôi chẳng những hoan nghênh những người bất hạnh đó, mà đồng thời cũng hoan nghênh luôn các vị tu hành chân chánh trên khắp thế giới đến Thánh Thành để cùng chúng tôi tu tập.

Phàm hễ ai thành tâm đến Vạn Phật Thánh Thành làm công quả, chúng tôi đều nhất nhất hoan nghênh. Đây là nơi không phân biệt tông phái, chủng tộc, quốc tịch hay chức vị và mọi người đều được đối xử như nhau. Ai nấy ở Vạn Phật Thánh Thành đều được thọ hưởng sự bình đẳng và tự do. Vạn Phật Thánh Thành là nơi không thuộc về bất cứ người nào, mà thuộc về tất cả các tôn giáo và chúng sanh trên toàn thế giới, kể cả Thiên Chúa giáo, Cơ Đốc giáo, Đạo giáo, Hồi giáo, Do Thái giáo v.v... Đây không phải là khẩu hiệu trống không mà là lời hứa chân thật.

Tóm lại, bất luận tôn giáo nào, phàm hễ ai chân thật phát tâm tu hành, Vạn Phật Thánh Thành cũng đều hoan nghênh cả. Cho nên nói Vạn Phật Thánh Thành là nơi để trở về, là vùng quy nguyên địa của Phật giáo.

Giảng ngày 29 tháng 9 năm 1984

---o0o---

41. Giới Luật Căn Bản

Giới luật căn bản chỉ có một, tức là không tự tư ích kỷ. Người có lòng ích kỷ sẽ phạm giới, nếu không có tâm ích kỷ sẽ không phạm giới. Cùng lý lẽ trên, ai có lòng ích kỷ sẽ phạm pháp, và người nào không có tâm ích kỷ sẽ không phạm pháp. Như có một số người bị tòa án pháp luật phán xét không công bình. Đó là vì thuở xưa họ đã có những hành vi không công bình đối với kẻ

khác, cho nên ngày nay kẻ khác cũng đem việc không công bình mà gán vào cho họ.

Quý vị nên mở lớn mắt ra để chỉnh đốn lại tư tưởng của mình và hãy nhìn xem: Những người phạm pháp trên cõi đời này, thật ra đều là do lòng ích kỷ của họ dẫn khởi. Tất cả những người không giữ đúng quy củ đều phát nguồn từ lòng ích kỷ. Nếu như họ không có lòng ích kỷ, họ sẽ không phạm các pháp luật trên thế gian này.

Cho nên nếu quý vị có thể thực hành theo Lục Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thánh Thành: không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ thì quý vị chẳng những sẽ làm người tốt trên thế gian, mà quý vị cũng có thể là Thánh nhân xuất thế nữa. Nguyên nhân thế giới hỗn loạn là bởi người ta ích kỷ, chưa có thể vì đại công mà vô tư được.

Như có một số đảng phái, họ luôn miệng nói là đại công vô tư, nhưng trên thực tế, họ làm những việc hoàn toàn vì chính họ thôi. Bởi vậy mới làm cho thế giới hỗn loạn, khiến mọi người phập phồng lo sợ không được bình an. Tất cả những mặc cảm không được bình an, lo sợ đó đều là do từ lòng ích kỷ dẫn dắt đến.

Hiện nay chúng ta đang nghiên cứu giới luật. Một khi hiểu rõ giới luật rồi, chúng ta sẽ biết cách làm người như thế nào. Một khi hiểu rõ bốn phạm làm người, chúng ta cũng sẽ biết rõ bốn phạm làm bậc Thánh nhân. Cho nên việc nghiên cứu giới luật là vô cùng trọng yếu. Vậy muốn giúp cho thế giới này, trước hết chúng ta phải không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Chúng ta nên đem bản thân mình để làm phép tắc, làm gương mẫu cho kẻ khác. Có vậy thế giới này mỗi ngày mới càng được bình an hơn. Cho nên khi học giới luật vào mỗi thứ sáu, chúng ta phải hết sức thành tâm cung kính thì mới đạt được chỗ lợi ích.

Giảng ngày 5 tháng 10 năm 1984

---o0o---

42. Cải Biến Tập Khí Cũ - Tuyển Chọn Tông Chỉ Mới

Hôm nay là ngày cuối cùng của năm Giáp Tý và ngày mai sẽ bắt đầu năm Ất Sửu. Lúc bấy giờ chúng ta hãy nên sửa đổi lại các thói quen, tập khí cũ của mình. Những việc làm của chúng ta trong quá khứ, đều do từ các tập khí không tốt, cho nên có nhiều chỗ bất hợp pháp. Vậy bắt đầu từ ngày mai trở

đi, chúng ta nên lựa chọn tông chỉ mới và làm lại con người mới. Như nếu chúng ta vẫn cứ không “biết nay là đúng, khi xưa là sai,” thì sự tu hành của chúng ta sẽ không có tiến bộ mà lại uổng phí thời gian thôi!

Quý vị! Đừng bao che những chỗ thiếu sót của mình, mà hãy nên phát huy những cái hay của mình, gọi là: “*Kiến hiền tư tề*,” tức là thấy người hiền bèn lo chấn chỉnh lấy mình để được như họ. Chúng ta nên noi gương và học tập theo tác phong của thầy Tăng Tử. Trong Luận Ngữ có ghi rằng:

“Tăng Tử viết: Ngô nhật tam tỉnh ngô thân.

Vị nhân mưu nhi bất trung hồ.

Dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ.

Truyền bất tập hồ,”

Thầy Tăng Tử nói: “Mỗi ngày tôi có ba việc cần phải tự kiểm điểm bản thân là: Trong việc làm, mình có thật lòng làm hết khả năng chưa? Khi giao tiếp với bạn bè, mình có chỗ nào không thành thật chẳng? Các bài tập được học mỗi ngày, mình có ôn luyện, nghiên cứu lại không?”

Vì vậy chúng ta cũng nên noi theo những câu nói đó để làm gương soi lấy mình.

Tam Tự Kinh đã bắt đầu bằng những câu nói như: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện. Tánh tương cận. Tập tương viễn, cầu bất giáo, tánh nãi thiên.*” Nghĩa là: Lúc các hài nhi mới lọt lòng mẹ, bản tánh của chúng đều là lương thiện. Bởi vì bản tánh và cái thiện gần nhau, cho nên nói “tánh tương cận,” khi lớn lên, dần dần chúng bị huân tập theo hoàn cảnh và bị ô nhiễm bởi các tập khí. Như câu nói: “Nhuộm xanh sẽ thành xanh, nhuộm vàng sẽ thành vàng.” Thế là tánh tình của chúng dần dần rời xa cái thiện, cho nên nói: “Tập tương viễn.” Trong thời kỳ này, nếu con người không được giáo dục đàng hoàng để sửa đổi lại các tập khí cũ và phục hồi tánh thiện hảo, thì tánh tình của họ sẽ bị biến đổi.

Lúc tuổi còn trẻ, chúng ta được cha mẹ, thầy cô dạy dỗ, sửa đổi những thói hư nết xấu của chúng ta để trở nên tốt lành hơn. Nhưng khi lớn lên thì đâu còn ai dạy dỗ ta nữa. Vì vậy, nếu chúng ta muốn sửa đổi tánh tình cho tốt, tất phải do tự mình sửa đổi lấy mình. Bởi vì có vậy, nên đề tài hôm nay là: “*Cải Biến Tập Khí Cũ, Tuyển Chọn Tông Chỉ Mới.*”

Chúng ta nên nhận rõ mục tiêu của mình. Chúng ta muốn làm người như thế nào? Thế nào mới có thể trở thành người Phật tử chân chánh? Phương châm

mới của chúng ta là gì? Tông chỉ mới của chúng ta ra sao? Đó là những vấn đề mà chúng ta cần phải hiểu cho rõ ràng. Nếu không, chúng ta sẽ chẳng có cách gì sửa đổi các tập khí, thói quen cũ của mình, cũng không có cách nào lựa chọn một tông chỉ mới cho được. Vì vậy quý vị hãy nên chú ý điểm này.

Nói tóm lại, những vấn đề đó cũng đơn giản lắm thôi. Tức là chúng ta cứ tận tâm thực hành: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành,*” nghĩa là các việc xấu không làm, vâng làm những điều lành, như vậy là tốt rồi. Nếu ai nấy đều thực hành y theo phương châm này, tự nhiên chúng ta sẽ đạt được mục tiêu làm người.

Phương châm mới là hãy tiêu diệt hoàn toàn các tật bệnh ghen ghét, gây chướng ngại, cống cao, ngã mạn, không cho chúng nó hoành hành. Chúng ta làm sao mới tiêu diệt được bốn loại tâm lý bất chánh đó? Tức là dùng Tứ Vô Lượng Tâm: từ, bi, hỷ, xả để điều trị chúng. Người có tâm từ sẽ không có lòng ghen ghét; có tâm bi thì sẽ không gây chướng ngại; có tâm hoan hỷ thì sẽ không cống cao; có tâm buông xả thì sẽ không ngã mạn. Quý vị nghiên cứu đi, xem thử như thế là có đạo lý hay không?

Tông chỉ mới là *không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ*. Thật ra, những điều đó vốn là tông chỉ cũ xưa của Vạn Phật Thánh Thành. Tuy quý vị đã nghe qua nhiều lần, nhưng không có ai nghiêm chỉnh thực hành theo. Phàm việc gì mà quý vị chưa thực hành qua, thì xem như là mới vậy. Khi nào quý vị có thực hành rồi, đó sẽ không còn là mới nữa. Hôm nay tôi lập lại giọng điệu cũ, bàn về ý nghĩa của Lục Đại Tông Chỉ đó nữa, hy vọng quý vị sẽ chú ý!

Vì sao chúng ta có phiền não, có lo âu? Đó đều là do - có tranh, có tham, có cầu, có ích kỷ, có tự lợi, có vọng ngữ, chúng nó đang tác quái đấy. Chúng chi phối đến nỗi cả thân tâm chúng ta chẳng được an ổn, tự tại. Nếu hàng phục được chúng, thì mình sẽ không bị điên điên đảo đảo. Khi đó chúng ta sẽ đạt đến cảnh giới không phiền não, không lo âu và bất luận lúc nào, chúng ta cũng đều được tự tại. Vì sao chúng ta không được tự tại? Nói tóm lại, là vì chúng ta bị sáu cảnh giới đó xoay chuyển.

Lúc tôi còn nhỏ, tôi thích tranh cãi với người và thường hay xen vào những chuyện bất bình. Như có chuyện gì không công bình xảy ra, trừ phi không biết thì thôi, nhưng hễ mà biết được thì tôi nhất định sẽ xông ra để tranh luận phải trái. Tôi cũng có tham, mà tham cái gì vậy? Thì là tham ăn, con nít đều hay có tật xấu này. Như có món gì ngon mà tôi không có phần, tôi nhất định

phải tranh giành cho bằng được mới thôi. Lúc lên mười hai tuổi, tôi bắt đầu biết phản tỉnh, tự xét lại tánh nết của mình - Tại sao mình lại ngang ngạnh như thế? Đến khi đã tỏ rõ rồi, tôi liền sửa đổi lỗi lầm để làm lại con người mới. Từ đó, tôi bắt đầu khấu đầu quỳ lạy cha mẹ để tỏ lòng sám hối. Vì trong quá khứ, tôi đã từng làm nhiều chuyện khiến cho cha mẹ tôi phải nhọc lòng lo lắng. Từ đây về sau, tôi cũng không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi. Tôi cảm thấy làm được như vậy rất có hữu dụng, cho nên tôi vẫn một mực áp dụng tuân theo cho mãi đến ngày hôm nay và cho đến trọn đời không hề thay đổi.

Sau đó, trừ việc đánh lễ tạ tội với song thân, tôi lại đánh lễ trời, đất, vua, bà con thân quyến, và thầy giáo. Tôi lại còn khấu đầu đánh lễ các vị đại thánh, đại hiền, đại thiện, đại hiếu trong thiên hạ, và cả đến người đại ác, tôi cũng lạy luôn. Tại sao vậy? Vì tôi muốn họ cũng cải ác hướng thiện. Mỗi ngày tôi lạy hơn tám trăm lạy ở phía sau vườn, mất khoảng hai tiếng đồng hồ, và dù có mưa gió gì đi nữa cũng không cản trở việc lễ bái của tôi (*). Lần trước khi đến chùa Kim Phật ở Canada, tôi có nói với hai vị Tam Bộ Nhất Bái (thầy Hằng Thật và thầy Hằng Triều) rằng: “Các vị thử xem, nếu không tranh, không tham, không cầu như vậy thì vi diệu biết dường nào! Không ích kỷ, không tự lợi, đó là sự vi diệu trong cái vi diệu, và chẳng có pháp nào vi diệu hơn thế nữa. Nếu như ai nấy đều chân chánh thực hành theo Lục Đại Tông Chỉ, các vị thử hỏi là còn có pháp nào siêu xuất hơn pháp này nữa chăng?”

Quý vị! Hãy nỗ lực thực hành theo Lục Đại Tông Chỉ, có vậy quý vị tu hành mới tiến bộ được. Bằng không, tất cả chỉ là lời nói suông, cũng như ăn bánh vẽ không thể hết đói, như nấu cát thì không thể thành cơm được. Lục Đại Tông Chỉ này ở Vạn Phật Thành, người người nên nhớ ghi khắc trong tâm chớ quên. Bởi có nó cho nên cái gì ta cũng buông xả, cái gì ta cũng bỏ thí cho người, chứ không phải bảo người bỏ thí cho mình. Đương nhiên là nếu có người bỏ thí cho ta, ta cũng không từ chối. Nhưng ta nên hết sức mình làm việc bỏ thí, hễ có cơ hội là ta bỏ thí một ít. Phạm làm việc gì, nếu ta có thể làm được thì hãy làm, còn việc gì làm không được thì ta cũng không nên miễn cưỡng.

Quý vị nghĩ thử xem! Nếu chúng ta làm được như thế thì còn cái gì để ưu sầu, còn cái gì mà buông bỏ không được chớ? Nếu chúng ta nghiêm chỉnh thực hành theo Lục Đại Tông Chỉ này, thế mới thật sự hiểu rõ được Phật Pháp. Nói cách khác, chân đế của Phật Pháp đã bao quát trong Lục Đại Tông Chỉ rồi.

Không tranh: Là không phạm giới sát. Vì sao phải sát sanh? Bởi vì muốn tranh, anh tranh tôi đoạt, rồi phát sanh những hành vi giết người, phóng hỏa. Hơn nữa nếu không tranh sẽ không sát, như vậy là giữ được giới sát rồi.

Không tham: Thì không phạm giới trộm. Vì sao phải trộm cắp? Bởi là tham, tham muốn vật của người làm của riêng mình. Nếu không tham tức là giữ được giới không trộm cắp.

Không cầu: Thì không phạm giới dâm. Người nam truy tìm người nữ, đó là cầu. Người nữ truy tìm người nam, đó cũng là cầu. Cầu mà không được thì thần hồn điên đảo. Thậm chí trong giấc ngủ cũng mơ mộng truy cầu, thân tâm không an ổn.

Không ích kỷ: Thì không phạm giới vọng ngữ. Vì sao phải nói dối? Bởi vì muốn bảo vệ cái quyền lợi của bản thân, cho nên đi đến đâu cũng nói dối để gạt người. Nếu người không ích kỷ, đến đâu họ cũng nói lời chân thật, và không bao giờ có những hành vi dối trá.

Không tự lợi: Thì không phạm giới rượu. Người uống rượu cho rằng rượu làm máu huyết lưu thông, có lợi ích cho thân thể, nhất định sẽ được tráng kiện. Khi say rượu, người ta cảm thấy tâm thần lâng lâng như ở cõi thần tiên. Đó là do lòng tự lợi của họ đang tác yêu tác quái đấy.

Không vọng ngữ: Chúng ta đã nói bao quát năm giới trên, nhưng vì muốn đề cao cảnh giác mọi người và đặc biệt nhấn mạnh chỗ xấu xa của vọng ngữ, cho nên chúng ta lại cộng thêm mục này để nhắc nhở vậy.

Hiện chùa Kim Phật ở Vancouver, Canada, chúng ta thường hay giảng về Lục Đại Tông Chỉ để dạy mọi người, gồm cả người già, thanh niên và trẻ em, để cho họ biết rõ tánh cách trọng yếu của Phật Pháp. Như nếu con người có thể thật sự không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ, thế thì xã hội nhất định sẽ được an ninh và gia đình nhất định sẽ được hạnh phúc.

Nếu con người trên thế giới có thể nghiêm chỉnh giữ năm giới và không có những hành vi như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, rượu chè thì họ sẽ không có phiền não, không lo âu gì cả. Cho nên tôi nói Lục Đại Tông Chỉ này là pháp môn tối mầu nhiệm. Quý vị cũng có thể nói đó là:

“Pháp vi diệu thậm thâm vô thượng,
Trăm nghìn muôn kiếp khó được gặp,

Nay con thấy nghe được thọ trì,
Nguyện hiểu Như Lai chân thật nghĩa.”

Tôi xin nói thêm một câu nữa: Như thân đã là đệ tử Phật, tối thiểu là chúng ta phải nghiêm trì năm đại giới cơ bản này và triệt để thực hành theo. Như vậy chúng ta mới được an vui tự tại. Giả dụ như chúng ta không giữ được năm giới đó, thế thì 250 giới của Tỳ Kheo, hoặc 348 giới của Tỳ Kheo Ni lại càng không dễ gì giữ đặng. Cho nên tại rừng cây Song Thọ, lúc Đức Phật Thích Ca sắp nhập Niết Bàn, Ngài đã căn dặn tôn giả A Nan nên “*lấy giới làm thầy*.” Do đây, chúng ta cũng biết được giới luật là trọng yếu như thế nào!

Giảng ngày 19 tháng 2 năm 1985

Ghi chú ban Việt dịch:

(*) Ở đây Hòa Thượng chỉ đề cập sơ qua, thật ra trong hơn 10 năm, Hòa Thượng đã lạy mỗi ngày hai lần mỗi lần hơn 830 lạy, tổng cộng hơn một ngàn sáu trăm lạy mỗi ngày. Trong sách : "**In Memory of the First Anniversary of the Nirvana of Venerable Master Hsuan Hua and the Twentieth Anniversary of the City of Ten Thousand Buddhas**" trang 49, Hòa Thượng đã kể lại: "For more than ten years, I bowed two hours in the morning and two hours in the evening, making eight hundred and thirty-some bows twice a day. I was bowing four hours a day."

---o0o---

Thượng Đường Thuyết Pháp Tại Chùa Kim Luân, Los Angeles

I.

*Pháp vương trí thủy lợi vạn vật.
Y sinh dược thạch giải chúng độc.
Chư Phật bốn nguyên quang minh tạng.
Cần gia phát thức mạt nhiễm ô.*

Nghĩa là:

Trí thủy Pháp Vương lợi muôn loài.
Thuốc lương y giải hết các độc.

Chư Phật vốn là quang minh tạng.
Gắng công lau chùi đừng nhiễm nhơ.

Pháp vương tức là đức Phật. Ngài dùng nước Bát Nhã tẩy rửa bụi trần trong tâm chúng sanh, hầu làm lợi ích cho muôn loài.

Thuốc của các vị lương y có công hiệu là giải trừ hết các chứng bệnh tật.

Chư Phật là kho tàng ánh sáng quang minh ở cõi thanh tịnh thường tịch tĩnh. Nhưng bỗng lai không một vật thì chỗ nào dính bụi trần đây?

Chúng ta phải quét sạch hết các tạp niệm vọng tưởng thì gương trí tuệ tròn đủ mới hiện tiền. Khi vật đến thì gương chiếu soi, lúc vật đi thì gương im lìm. Chiếu là tùy duyên, tùy cảnh, không có gì chướng ngại.

Bổn thể Phật tánh tại Thánh không tăng, tại phàm không giảm: Bổn thể Phật tánh tức là chân lý. Chân lý này ở trong bậc Thánh hiển không tăng, ở phàm phu không giảm. Thánh, phàm mỗi mỗi vốn đều có đủ trí tuệ quang minh.

Chỉ do một niệm bất giác mà tam tế tượng thành, rồi lưu lạc trong ngũ thú, luân chuyển theo lục đạo: Nhưng vì chúng sanh có một niệm bất giác vô minh mà sanh thành tam tế tướng, là ba tướng vi tế: hiện tướng, nghiệp tướng và chuyển tướng. Rồi từ đây lưu lạc trong năm thú: trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và luân hồi theo sáu nẻo, gồm ba đường thiện: thiên, nhân, a tu la; và ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Chúng sanh do khởi nghi hoặc mà tạo tội, rồi phải chịu quả báo ở mãi trong lục đạo, không trôi dàu ra được.

Trôi dạt ngàn dặm, phân tán thành vạn mối: Tự tánh của chúng sanh diên đảo như nước trong bình tuôn ra, phân thành vô số chi nhánh, ngàn đầu vạn mối, càng tán càng loạn. Càng loạn thì nó lại càng khó quy tụ trở về.

Như nước biển vỡ bờ, như núi lửa bộc phát, oai lực của nó còn hơn bom nguyên tử, thần kỳ còn hơn cả máy điện toán, computer: Một khi tự tánh phân tán thành vạn mối thì như nước tràn vỡ đê, lại cũng như núi lửa bộc phát, thế lực của nó còn hơn cả bom nguyên tử nổ. Nó thiên biến vạn hóa, thần kỳ còn hơn cả computer. Ví như nghiệp lực đáng sợ của chúng sanh, thiện ác cứ qua lại với nhau, ràng rịt lẫn nhau. Bởi nó bất khả tư nghì nên con người không thể nào tưởng tượng ra nổi.

Tràn lan vô thứ tự, chúng ta không sao thu gộp lại cho được, không biết là nó lung tung đến cỡ nào: Thứ nghiệp lực tràn lan đó lại ngày càng khuếch đại thêm ra, đến nỗi không thể nào sửa chữa tình cảnh lại được. Những thứ nợ ô nhiễm đó chúng ta phải trả mãi cũng không xong. Chẳng ai biết tương lai rốt cuộc rồi sẽ ra sao?

Bởi vậy chúng ta nên biết thời đại ô nhiễm với bao trào lưu hỗn độn mà lo hồi đầu tỉnh ngộ, phát tâm Bồ Đề, dùng trí Bát Nhã và nhận rõ mục đích để tiến bước: Do đó nên biết rằng, chúng ta đang ở trong thế giới ô nhiễm, cho nên đất nước, hoàn cảnh, không khí cũng đều bị nhiễm ô. Vậy những thứ ô nhiễm đó từ đâu tới? Nguồn căn là từ một niệm vô minh của chúng ta đây. Vì vô minh thuộc về lửa, cho nên lửa càng thiêu, càng đốt mạnh mẽ thì thế giới càng sẽ bị màng khói đen mịt mù bao phủ. Rồi khiến cho tánh tình con người ô nhiễm, gia đình cũng nhiễm ô. Quý vị thấy đó! Người mà hút thuốc thì cả lục phủ, ngũ tạng cũng biến thành màu đen luôn. Vì sao tâm tánh con người ngày càng mù mờ, đen tối? Bởi vì ai nấy cũng đều tham lợi lộc, chứ không có người nào chịu bị thiệt thòi. Mỗi mỗi đều là tự tư, tự lợi thì thế giới làm sao không hư hoại cho được? Cho nên, lúc này chúng ta cần nhận rõ là thời đại hỗn loạn, dơ bẩn, để biết quay đầu tỉnh giác, phát tâm giác đạo Bồ Đề. Chúng ta nên dùng đại trí huệ của mình, chứ đừng dùng cái trí ngu si. Khi hiểu rõ được chân lý rồi, chúng ta nên chắc chắn thực hành theo, chứ đừng làm một cách gian dối.

Cửa Hiền bờ Thánh, lo chi không đến được? Nếu làm được như vậy, tức là chúng ta đã noi gương cùng các bậc Thánh Hiền, và tương lai chúng ta ắt sẽ đến được cảnh giới của Thánh Nhân.

Hôm nay có các vị hộ pháp của chùa là bác sĩ Hồ Kiến Quốc, Trần Quốc Bối và Quả Cảo cùng đến chùa làm lễ thỉnh Sơn Tăng thượng đường thuyết Pháp: Ba vị cư sĩ hộ pháp này có lòng thành tha thiết cầu Pháp, cho nên họ thiết lập đàn tràng cúng trai tăng để kết mối thiện duyên.

Nay thuyết Pháp một câu, mà nên nói gì đây? Các Pháp là rời tướng ngôn thuyết, rời tướng văn tự, rời tướng tâm duyên. Thật ra lại còn có Pháp gì để nói nữa?

*Vô Pháp khả thuyết cường thuyết Pháp,
Hữu thù giác ngộ hựu ngộ thù,
Phản bốn hoàn nguyên quy gia lộ,
Vạn chuyển tam xa niệm Pháp Hoa.*

Nghĩa là:

Không Pháp để nói mà phải nói,
Ai giác ngộ, giác ngộ cái chi,
Quay về nguồn là đường về nhà,
Vận chuyển ba xe niệm Pháp Hoa.

Vô Pháp khả thuyết cường thuyết Pháp: Pháp vốn không thể nói ra được, gọi là: “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt.” Tuy không lập văn tự, nhưng chúng ta phải miễn cưỡng dùng lời lẽ văn tự để thuyết Pháp.

Hữu thùi giác ngộ hựu ngộ thùi: Cứu cánh là có ai giác ngộ, mà lại giác ngộ cái gì? Trên căn bản thì người được ngộ và chỗ để ngộ cũng đều mất hết.

Phản bản hoàn nguyên quy gia lộ: Quay trở về với tự tánh của kho tàng ánh sáng đại quang minh, tức là Phật tánh vốn có sẵn của chúng ta.

Vận chuyển ba xe niệm Pháp Hoa: Thường tụng trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa, và kéo được ba xe là chúng ta có thể lên đường trở về nhà. (Ba xe trong Phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa là: xe dê, xe hươu, xe trâu, ví dụ cho Thanh Văn, Duyên Giác và Đại Thừa.)

---o0o---

II.

*Nhất lập vi trần hàm Pháp giới,
Vạn tượng sum la tức Pháp thân,
Chư Phật vô tâm thuyết kinh điển,
Bồ Tát hữu chí hóa chúng sanh,
Ngũ uẩn bất trước, nhân phiền não nhi đắc danh,
Bát khổ phi khổ, phá chấp trước tự giải thoát,
Tam tâm vị liễu, bộ bộ kinh la,
Ngũ dục nhược không, xứ xứ liên hoa,
Bất tranh, bất tham, bất cầu đắc,
bất tồn tự tư, tự lợi tâm.
Tái năng thành thực bất vọng ngữ,
nhật cửu công thâm tánh tự chân.
Chư nhân giả, hội đắc ma?
Niệm tư tại tư, vật niệm vật trợ,
Dịch đảo càn khôn, đả toái hồ lô,*

*Thử thời thiên tức vạn tức,
Cực Lạc thế giới nhãn để thâm,
Hà tu hướng ngoại vọng trì cầu?*

Nghĩa là:

Một hạt bụi chứa cả Pháp giới,
Muôn vật bao la là Pháp thân.
Chư Phật không tâm giảng kinh điển,
Bồ Tát có chí độ chúng sanh.
Ngũ uẩn thì không nhớ, vì phiền não mới có tên.
Tám khổ là không khổ, phá được chấp sẽ tự thoát.
Ba tâm chưa dứt, từng bước từng bước chông gai.
Nếu không ngũ dục, thời nơi nơi có sen nở.
Không tranh, không tham, không cầu để được,
không còn tâm ích kỷ, tự lợi.
Lại thành thật chứ không dối láo,
lâu ngày công tu thâm hậu chân tự tánh.
Các vị hiền nhân có hiểu được chăng?
Niệm niệm hằng nhớ, đừng quên cũng đừng trợ giúp.
Đá vỡ càn khôn, đấm nát hồ lô.
Lúc bấy giờ tất cả đều đầy đủ,
Thế giới Cực Lạc ngay trong tầm mắt,
Cần gì phải tìm cầu ở bên ngoài?

Giảng ngày 10 tháng 3 năm 1985

---o0o---

Cơ Sở Học Phật

*Học Phật tu đương trực thiện cơ,
Tài bồi phước huệ dưỡng ma ni.
Thân cận tri thức tập giới định,
Triêu văn Thánh đạo tử khả hĩ.*

Nghĩa là:

Học Phật giống như xây cất nhà,
Bồi phước huệ, dưỡng ngọc ma ni

Thân cận tri thức học giới định,
Sáng nghe giảng, tối chết cũng cam.

Học Phật tu đương trúc thiện cơ: Trúc là kiến trúc. Giống như xây cất nhà cửa, đó là kiến trúc. Muốn thành Phật, chúng ta phải kiến trúc, xây dựng cơ sở thành Phật. Thiện cơ là làm công đức, cũng tức là làm các việc lành. Chúng ta muốn học Phật Pháp, trước tiên phải xây dựng cơ sở thành Phật. Một khi có công đức, có phước, có trí huệ rồi, chúng ta mới có thể đạt được mục đích.

Tài bồi phước huệ dưỡng ma ni: Vun bồi phước của quý vị là nên làm nhiều công đức. Vun đắp huệ của quý vị là nên đọc tụng kinh điển Đại thừa. Siêng tu Bát-nhã là học tập pháp môn trí huệ. Ma ni là Ngọc Như Ý; cũng tức là Tứ Vô Lượng Tâm: từ, bi, hỷ, xả. Chúng ta nên tùy thời, tùy hoàn cảnh mà siêng năng tu hành Tứ Vô Lượng Tâm này. Đây là pháp môn mà người tu đạo không thể nào thiếu sót được.

Thân cận tri thức tập giới định: Người học Phật Pháp nên gần gũi những bậc thiện tri thức. Như khi có sự việc gì không hiểu, chúng ta nên thỉnh giáo các vị thiện tri thức chỉ dạy. Trong Luận Ngữ có nói:

“Mẫn nhi hiếu học, bất sỉ hạ vấn,”

Nghĩa là người cần mẫn hiếu học sẽ không hổ thẹn khi hỏi kẻ dưới mình. Vì chuyện học tập, dù là người không bằng mình, mình cũng nên theo họ để học tập. Người tốt là Pháp sư giảng dạy mình, kẻ không tốt thì là Giới sư răn dạy mình. Mục đích tu tập: giới, định, huệ là để phá trừ ba độc: tham sân si của chúng ta. Nếu như không tham, không sân, không si, đó tức là chúng ta có định lực, có trí huệ và sẽ không bị cảnh giới bên ngoài lay chuyển.

Triêu văn Thánh đạo tử khả hĩ: Giả dụ như buổi sáng chúng ta được nghe bậc Thánh nhân giảng thuyết về đạo thành Phật, rồi đến tối có chết, mình cũng không có chi hối tiếc.

Quý vị! Học Phật là nên đem công phu chân thật của mình ra, chứ đừng sợ bị thiệt thòi. Thời thời khắc khắc nên chịu khó gánh lấy trách nhiệm, chịu bị oán trách và cống hiến tất cả tâm lực của mình cho Phật pháp. Chủ yếu của Pháp bảo là không sanh phiền não, không nổi giận. Chúng ta phải nhẫn nhịn tất cả: Nhịn những chuyện mà người khác không thể nhịn; chịu những việc mà người ta không chịu đựng nổi; ăn những gì người ta không thể ăn; mặc những thứ mà người ta không thể mặc. Nếu được như vậy thì chúng ta mới

là người chân chánh tu đạo. Cuối cùng tôi xin nói với mọi người rằng, Nhẫn nhin là bảo vật vô giá, gọi là:

“Nhịn giây lát, gió yên sóng lặng;
Lùi một bước, trời biển bao la.”

Được vậy thì tiêu dao, tự tại biết là bao! Nếu như gặp người không biết gì đến đạo lý và chuyên môn moi móc, bới lông tìm vết, chuyện vô lý cũng gây thành náo loạn thì chúng ta phải nhẫn nhin, chứ đừng cãi lý với họ. Như vậy thì tự nhiên gió sẽ yên, sóng sẽ lặng. Nếu gặp người thị phi, chuyên đặt điều, đồn nhảm về mình, dù mình có bị oan uổng như thế nào, hoặc họ có nói những chuyện không đúng sự thật, mình cũng phải nhẫn nhin! Vì đó là những nghiệp oan trái mà mình đã nợ từ xưa. Kiếp này họ đến đòi thì mình đừng nên chống cự, mà chẳng chịu trả nợ. Một khi mình trả hết nợ rồi thì tự nhiên trời biển bao la, tức sẽ tự tại, không phiền không náo, không lo không sầu.

Giảng ngày 16 tháng 3 năm 1985

---o0o---

Bồ Tát Quán Âm Đến Thánh Thành

Hôm nay là bắt đầu mùa xuân Quán Âm thất. Tôi hy vọng quý vị đem hết tâm chân thành của mình mà chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát.” Chẳng những miệng niệm mà tâm cũng phải niệm. Tâm khẩu tương ưng sẽ tạo thành một khối, tự nhiên cảnh giới cảm ứng sẽ hiện tiền. Quý vị hãy chú ý! Có tâm là vọng tưởng, vô tâm là cảm ứng vậy.

Chúng ta tuy không thể từ Vạn Phật Thánh Thành, ba bước một lay đến đạo tràng Quán Âm Bồ Tát ở Phổ Đà Sơn. Nhưng nếu chúng ta có thể niệm với lòng chân thành thì cũng giống y như thế, là sẽ cảm ứng được Bồ Tát Quán Âm đến gia trì, khiến cho chúng ta khai ngộ và được đại trí huệ.

Tục ngữ nói: “Ông tu thì ông được, bà tu thì bà được, không tu thì không được.” Câu nói này rất có đạo lý, gọi là:

“Tự mình sanh tử, tự mình dứt,
Tự mình ăn cơm, tự mình no.”

Người khác tuyệt đối không giúp được mình gì đâu. Đừng tưởng rằng khóa đả thất này là việc chung như thường lệ, rồi làm qua loa cho xong chuyện. Vì vậy chúng ta nên hiểu rằng thời gian rất là quý báu và đừng để nó trôi qua một cách vô ích.

Nếu quý vị thành kính niệm thánh hiệu, nhất định Bồ Tát Quán Âm sẽ gia trì, giúp quý vị tiêu diệt hết các nghiệp xưa nay và tăng trưởng thêm căn lành. Cho nên biết rằng, khi quý vị tưởng nhớ đến Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Quán Âm cũng sẽ nhớ tưởng đến quý vị. Đây gọi là “cảm ứng đạo giao.” Quý vị niệm Bồ Tát là cảm, Bồ Tát đến gia trì quý vị là ứng. Cũng giống như trẻ con kêu gọi mẹ, mẹ nghe là trả lời ngay. Đó là đạo lý cảm ứng đạo giao vậy.

Tóm lại, quý vị dự khóa đả thất là tinh tấn lại càng tinh tấn hơn, và tuyệt đối không được giải đãi, buông lung. Tại sao chúng ta tu hành? Vì liễu sanh thoát tử, ngộ hầu vượt ra khỏi luân hồi. Nếu chúng ta không nỗ lực tu hành, thời sanh tử sẽ vĩnh viễn không chấm dứt được. Mọi người nên mau mắn, vững chân bước vào vùng thật địa để tu hành. Đừng dụng công hời hợt ở bên ngoài, vì như thế chúng ta sẽ không đi đến đâu cả!

Giảng ngày 1 tháng 4 năm 1985

---o0o---

Đều Là Người Một Nhà

Hôm nay là ngày kỷ niệm đức Quán Thế Âm đản sanh. Hỡi các vị cư sĩ! Các vị từ Los Angeles, Seattle và Vancouver, Canada đến Vạn Phật Thánh Thành để tham gia đại pháp hội này. Quý vị đã đến với lòng thành như vậy, thật quả là đáng khen ngợi.

Phàm hễ người nào đến Vạn Phật Thánh Thành thì là một phần tử của chùa Vạn Phật, cũng đều là người cùng một nhà. Quý vị nên có cảm giác như đang trở về nhà mình. Đã là người cùng một nhà thì bữa cơm chay hôm nay, chúng ta đâu có màng chi đến chuyện ăn ngon hay không. Tôi hy vọng mọi người đừng khách sáo và nghĩ như là đang ăn cơm ở nhà mình vậy. Nếu có chỗ nào tiếp đãi không được chu đáo, mọi người cũng sẽ thứ lỗi bỏ qua, bởi vì chúng ta đều là người nhà cả.

Vạn Phật Thánh Thành là vùng đất phát nguyên của Phật giáo thế giới, cũng là chỗ Phật giáo trở về nguyên bản. Quý vị xem đây! Phật tử các nơi trên thế

giới đã hiểu được rằng: Vạn Phật Thánh Thành là một đạo tràng Chánh Pháp trụ thế, cho nên họ nhận nhíp tìm đến để nương tựa.

Trong số quý vị, nếu có ai muốn đến Thánh Thành tu hành, chúng tôi đều nhất loạt hoan nghinh. Tuy thức ăn ở đây không ngon, nhưng quý vị sẽ không bị đói đâu. Cho nên nói: Người quân tử mưu cầu tâm đạo chứ không lo kiếm ăn, tức quý vị đến là vì tu đạo, chứ không phải là vì ăn ngon mới đến.

“Nhà có phép nhà, tiệm quán có quy luật tiệm quán.”

Bất luận đoàn thể nào cũng đều có quy củ riêng của họ. Không quy củ ví như không có com-pa thì sẽ không vẽ thành tròn, cho nên đương nhiên là Vạn Phật Thành cũng có thành quy của nó. Thành quy là gì? Là tại trai đường thì không được nói chuyện, và tại Phật đường thì nên lễ bái. Khi tham gia pháp hội, ai nấy đều nên theo đại chúng và không được hành động riêng lẻ. Người đến Vạn Phật Thánh Thành, nhất định là cấm hút thuốc, uống rượu. Dân hí-pi không được đến. Tại sao vậy? Bởi vì Vạn Phật Thánh Thành là đạo tràng thanh tịnh, e rằng bọn họ sẽ gây náo loạn, khiến cho tâm thanh tịnh của người tu hành bị xáo trộn.

Vạn Phật Thánh Thành là nơi của vạn Phật hội tập lại. Cho nên mỗi năm vào mùa xuân, chúng ta cử hành đại pháp hội, với ba mươi ngày lễ bái Vạn Phật Bảo Sám, chuyên cầu nguyện cho thế giới hòa bình. Công đức lễ bái sám hối thì không thể nghĩ bàn, vì nó có thể tiêu tai tăng thọ và diệt tội tăng phước.



Khóa Lễ Vạn Phật Bảo Sát, Vạn Phật Thành - 05/2008

Rất ít người ở vùng châu Á bái lạy Vạn Phật Bảo Sát, cho nên ở châu Á không ngót sanh ra những chuyện bất hạnh như thiên tai nhân họa. Tại sao có nhiều dân châu Á tỵ nạn như thế? Nếu xét kỹ cái nhân từ trước, bởi thuở xa xưa họ đã không biết tu hành, không biết lạy sám hối, thành thử đã trồng quả ác cho ngày nay. Bây giờ chúng ta phải nên phản tỉnh, và nhân cơ hội Vạn Phật Thánh Thánh cử hành khóa lễ sám hối, chúng ta nên tham gia lễ bái để tiêu diệt bao lỗi lầm trước. Tôi hy vọng mọi người sẽ tỉnh thức! Có câu nói: “Mắt dê mới lo làm chuông, cũng chưa trễ lắm đâu.”

Vạn Phật Thánh Thành vì mưu cầu hạnh phúc cho toàn nhân loại, nên chúng ta mới tạo dựng một đại tùng lâm để tu đạo. Bất luận ai muốn đến Thánh Thành tu hành, họ đều có thể báo danh bất cứ lúc nào cũng được. Thánh Thành có thể dung chứa hai mươi ngàn người trú ngụ. Hiện nay chưa đầy người, chờ đến lúc đầy rồi, quý vị có muốn đến cũng không kịp đâu. Bây giờ là đúng thời đúng lúc đây, cho nên quý vị đừng bỏ qua quyền lợi riêng này. Còn tôi bất quá chỉ là người giữ cửa cho quý vị thôi. Tương lai những người từ các nơi trên thế giới đến đó, họ đều sẽ là chủ nhân. Tôi chỉ là người làm công, giữ cho đạo tràng sạch sẽ để quý vị chuyên tâm tu hành hầu được ly khổ đắc lạc.

Giảng ngày 7 tháng 4 năm 1985

---o0o---

Xuất Gia Hoàn Tục Sẽ Đọa Lạc

Người người đều muốn thành Phật, nhưng thành Phật cũng cần phải có điều kiện. Ai nấy muốn làm người tốt, nhưng làm người tốt thì phải trải qua thời gian dài thử thách mà không đổi chí nguyện của mình. Cũng như lúc nào chúng ta cũng làm tất cả điều lành, không làm chuyện ác, như thế mới đủ tư cách để làm người tốt.

Trong tâm chúng ta thì muốn làm người tốt, nhưng lại có những hành vi không chịu hợp tác với mình. Như không có điều ác nào mà không làm, còn dù có chuyện thiện đi nữa cũng không chịu làm. Nếu tâm và hành động không hợp nhất với nhau, vậy chúng ta làm sao có thể bàn đến chuyện làm người tốt cho được? Lúc mới phát nguyện, chúng ta rất nghiêm chỉnh, nhưng thời gian lâu dần lại sanh tâm giải đãi, không lười biếng thì cũng là sống cho qua ngày tháng, rồi quên hết bao ý nguyện của thuở ban đầu mới phát tâm.

Như nói về người xuất gia chúng ta, thời gian mới xuất gia, chúng ta rất có tâm đạo và nỗ lực tinh tấn. Nhưng từ từ ý nguyện thuở ban đầu của chúng ta thay đổi, không biết tiến lên, mà bắt đầu làm những chuyện trái với lương tâm. Rồi cuộc chúng ta chẳng những không được thành Phật, mà lại còn bị đọa địa ngục nữa. Có người xuất gia được vài năm, nhưng không chịu nổi các khảo nghiệm thử thách. Vì bị hoàn cảnh chuyển biến, lại không đủ định lực, thế là họ hoàn tục ra đời. Từ đó họ làm những chuyện theo ý họ. Hoặc là họ sẽ phát tài lớn, hoặc sẽ làm quan to; bất quá các việc đó chỉ là những thứ huyễn hóa trước mắt. Nhưng quả báo của họ thì lại như bóng theo hình, khó mà trốn tránh.

Hôm nay tôi thành thật nói cho quý vị biết. Phàm hễ người xuất gia nào muốn hoàn tục, nhất định sẽ bị đọa lạc và chịu khổ không ngừng. Đó là sự thật và tôi cũng không khách sáo chút nào khi nói về điều này. Một niệm lúc mới ban đầu là xuất gia thành Phật và một niệm sau rốt là hoàn tục để làm quý. Đây là hai con đường mà quý vị phải lựa chọn, sự quyết định là ở trong tay quý vị đây.

Chuyện thế gian nếu không tốt thì là xấu, không thành tức là bại, không thịnh tức là suy. Cho nên nói: “Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt,” người quân tử đi lên, kẻ tiểu nhân đi xuống. Quý vị hướng thượng đi lên là đến bốn

quả vị Thánh; quý vị muốn tuốt đi xuống thời đọa trong ba đường ác, gọi là: “Thiện ác hai đường, tu thì tu, tạo thì tạo.”

Người có căn sâu dày thì tu theo đường lành, người mang nghiệp nặng thì tạo đường ác. Nếu chúng ta nói những lời thành thật với họ, họ sẽ không tin. Trái lại, nếu chúng ta nói lời giả dối thì họ lại tin ngay. Vì sao? Bởi vì nghiệp chướng của họ nặng nề. Chúng ta học Phật đã nhiều năm, mà không hiểu rõ đạo lý trên, thật đáng thương thay! Tôi vốn không muốn nói về đạo lý này, vì nghĩ rằng quý vị đều đã biết rõ hết rồi. Nhưng giờ đây tôi mới biết là mọi người chưa hiểu rõ một cách triệt để và vẫn còn lẩn quẩn ở ngã tư đường vì đã thất lạc phương hướng.

Bây giờ tôi sẽ nhắc lại cho mọi người nghe là: Con người chúng ta đang sống trong cái biển lớn sanh tử, nếu không nổi lên được thì chỉ có chìm xuống thôi.

Tục ngữ có câu: “Trèo cao, té nặng!” Hướng thượng muốn thành Phật, nhưng chúng ta không đi lên thì không thành Phật được; còn nếu té ngã xuống thì sẽ đọa địa ngục, vĩnh viễn khó mà thoát ra.

Có người hỏi: “Rốt cuộc là có địa ngục hay không?” Tôi xin nói với quý vị rằng, như con người đang sống đây là đang ở trong địa ngục đấy. Quý vị xem, có số người phiền phiền não não, tranh cãi láo nháo không bao giờ ngừng dứt. Như thế không phải giống như ở địa ngục sao? Con người sống như thế thì có ý nghĩa gì? Lại còn có hỏa tai, phong tai, chiến tranh và những tai họa do con người gây ra, vậy cũng như là sống trong địa ngục trần gian thôi! Hãy nhìn xem, khi người mang bệnh tật trên thân thì khổ không thể nói, như lúc chứng ung thư hoành hành, họ đau đớn đến nỗi không còn muốn sống. Như thế há không phải là địa ngục sao? Nhưng người ta vẫn không nhìn thấy, buông không được, bỏ không đặng, cứ lo tham luyến cố chấp, lại không có tâm từ bi, thấy lợi quên nghĩa, thừa nước đục thả câu. Cho nên cuối cùng họ vẫn là quanh quẩn trong vòng luân hồi, không bao giờ ngừng dứt.

Thôi được rồi, tôi sẽ không nói nữa, nếu không thì mọi người sẽ sợ hãi mà bỏ chạy hết!

Giảng ngày 4 tháng 5 năm 1985

Tiêu Diệt Ngoại Tam Ác Và Nội Tam Độc

Sao gọi là ngoại tam ác? Đó là sát, trộm, dâm. Xã hội vì sao không được an ổn? Cũng bởi vì ba cái ác đó tác quái đây. Mỗi ngày các tin tức đăng trên báo chí, thì đã hơn một nửa tin là có liên quan đến ba ác: sát, trộm, dâm này. Cho nên nói: “trong vạn ác thời dâm đứng đầu,” cũng bởi trong thiên hạ có đến tám hoặc chín phần mười người vì dâm mà sanh ý sát hại. Loại phong độc này, thật đáng sợ thay! Nếu chúng ta không phạm sát, trộm, dâm thì vô hình trung, chúng ta đã giúp cho xã hội được an ổn và duy trì sự hòa bình cho thế giới.

Sao gọi là nội tam độc? Đó là tham, sân, si. Tham mà không chán thì vĩnh viễn không bao giờ biết đủ. Tham mà được vào tay thời ta vui mừng, tham mà không được thời ta sân giận. Một khi chúng ta khởi lòng sân là vô minh sẽ gây sóng gió, thúc dục đấu tranh. Lúc bấy giờ chúng ta mất hết lý trí, cho nên ngu si bèn xuất hiện, khiến gây ra những chuyện điên đảo mà ta không suy nghĩ gì về hậu quả. Chuyện nhẹ là trái với nhân tình, còn nặng thì làm tổn hại lý trời.

Chúng ta làm thế nào để tiêu diệt được nội tam độc? Đức Phật Thích Ca đã để lại cho chúng ta một phương thuốc rất hay, đó là giới, định, huệ. Người tu đạo nhất định phải giữ giới. Do giới phát sanh định lực, rồi từ định lực mới sanh ra huệ lực. Những thứ này có mối quan hệ liên đới với nhau. Nếu có thể giữ giới, chúng ta sẽ không có tư tưởng tham dục. Khi chúng ta có được định thì mới không có tâm sân hận. Nếu chúng ta có thể phát sanh trí huệ, chúng ta sẽ không có những hành động ngu si.

Ba cái ác của thân chúng ta là do từ thân tánh bên ngoài mang lại. Ba độc trong ý tưởng của chúng ta là do từ tâm tánh bên trong phát sanh. Vì một khi đã có tham, sân, si thì người ta sẽ phạm sát, trộm, dâm. Nếu chúng ta có thể đem tham, sân, si biến thành giới, định, huệ, tức sẽ không có sát, trộm, dâm.

Ba độc làm ô nhiễm tự tánh, khiến cho tự tánh không được thanh tịnh. Chân tâm bị che khuất, vọng tâm bèn vào nhà làm chủ nhân ông và chỉ huy tất cả. Rồi nó khiến cho con người điên đảo, mê muội hồ đồ, không lúc nào được rõ ràng minh bạch. Kiếp sống của người này ví như cái cây thịt biết đi, vậy có gì đáng vui thú để mà nói!

Chúng ta phải rửa sạch tự tánh của mình. Vậy rửa bằng cách nào đây? Thì dùng Lục Đại Tông Chi: *không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ* này để tẩy rửa, để quét dọn, và nhất định rửa sạch cho đến không còn một chút nhơ bẩn nào. Nếu không tranh thì thế giới tự nhiên sẽ không có chiến tranh. Không tham danh, không tham lợi thì mọi người sẽ chung sống hòa thuận với nhau. Không cầu tức nhân cách mình tự nhiên sẽ cao thượng, ở đâu cũng được người ta cung kính. Không ích kỷ là việc gì cũng nên nghĩ cho người khác mà quên mình, và không tính toán với người, cũng không phân biệt bốn tướng: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Không tự lợi là khi được lợi ích thì ta chia đồng đều, chứ không có tư tưởng muốn độc chiếm. Thậm chí ta còn theo nguyên tắc tự chịu thiệt thòi, khiến cho người khác được vui vẻ. Không vọng ngữ là bất luận việc gì, ta cũng dùng lòng tin cậy để đối xử với nhau. Khi nói lời chân thật sẽ không sanh ra những chuyện phiền phức không cần thiết.

Chúng ta dùng Lục Đại Tông Chi này để thân làm, tâm nhớ, như vậy là gián tiếp giúp đỡ chính quyền quốc gia và trực tiếp giúp đỡ cho chính mình. Chúng ta nên nhận rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình là trọng yếu như thế nào. Vì vậy chúng ta nên làm một phần tử vẹn toàn và ưu tú, chứ không làm người dân hư xấu gây nhiều loạn trong nhân dân. Nếu làm được như thế, chúng ta mới không hổ thẹn là người Phật tử. Hy vọng mọi người nên dụng công về phương diện này. Nếu quý vị chuyên đi tìm cầu những pháp huyền diệu viễn vọng, thế là bỏ gốc để chạy theo ngọn, tức quý vị vĩnh viễn sẽ không tìm được pháp chân thật.

Sau hết tôi hy vọng mọi người sẽ ném bỏ nội tam độc, ngoại tam ác ra khỏi chín tầng mây, và vĩnh viễn đừng bao giờ giao du với bọn chúng. Vì bọn chúng là những kẻ tiểu nhân, hễ thấy lợi là quên mất tình nghĩa. Cho nên nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ bị rơi vào cạm bẫy của chúng. Vì bọn chúng cũng rất hoan nghênh chúng ta hợp tác với chúng, để cùng chúng trôi giạt vào bùn nhơ. Hãy nhớ kỹ! Chớ để lọt vào bẫy rập của chúng. Chúng ta phải nên đề cao cảnh giác, và phải có trí huệ để bội trần hợp giác, tức là quay lưng với trần tục để hòa hợp với giác ngộ. Nếu như không biết nhận thức rõ ràng, tức là chúng ta hòa hợp vào trần nhơ mà quay lưng với bờ giác, là hợp với lục trần để lập thành một công ty cổ phần với chúng.

Giảng ngày 5 tháng 5 năm 1985

Câu Châm Ngôn Của Phật Tử

Chúng ta cùng nhau tụ họp về đây để nghiên cứu Phật Pháp, nhưng mọi người cũng không nên chấp trước vào Phật Pháp. Chúng ta nên quán sát mọi việc một cách khách quan và phân tích sự vật bằng trí huệ vốn có của mình. Đừng mê tín hay tin tưởng một cách mê muội, gượng gạo. Chúng ta cũng không nên nhận giặc làm con, lấy trái làm phải, đen trắng chẳng phân minh, thiện ác điên đảo. Điều quan trọng nhất là chúng ta nên làm người Phật tử chân chánh trong việc tìm cầu chân lý, chớ chẳng dùng thủ đoạn như người đui dẫn người mù, thôi miên dân chúng khiến họ tin theo một cách hồ đồ, rồi làm những việc thiện ác hỗn độn để nhằm lẫn về nhân quả. Người học Phật nên chú ý về điểm này.

Tại sao chúng ta cần phải học Phật Pháp? Có phải vì chúng ta có chỗ tham cầu chăng? Nếu người nào có tham cầu thì đừng nên học. Học Phật nhất định là phải loại bỏ lòng tham, nếu không thì sân, si sẽ dễ phát sanh. Một khi ta có lòng tham, lòng sân và lòng si sẽ phát sanh theo, như vậy thì khỏi bàn gì đến giới, định, huệ nữa.

Bởi tự tánh của chúng ta vốn đã là Phật, cho nên khi nghiên cứu học tập Phật Pháp, chúng ta không nên tham cho mau, tham được tự tại, hoặc tham có thần thông. Vì những sự theo đuổi đó đều trái ngược với đạo, khiến ta quên mất ý nghĩa chân thật của việc học Phật. Chúng ta vốn muốn xuất ly biển khổ, ra khỏi nhà lửa của tam giới và rời khổ được vui, mà lại tham cầu tức là càng học thì càng khổ thêm.

Lục Đại Tông Chỉ: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ chính là câu châm ngôn của những người Phật tử. Nếu lúc nào, ở đâu chúng ta cũng có thể thực hành theo, tức chúng ta mới là người Phật tử thật sự hiểu rõ được Phật Pháp.

Nói đi nói lại gì, tôi cũng nói bấy nhiêu đạo lý đó thôi, tuy có vẻ rất cạn cợt đấy, nhưng quý vị cũng không dễ gì làm được đâu. Nếu quý vị làm được thì cũng sẽ sớm thành Phật. Nếu quý vị cung hành thực tiễn theo Lục Đại Tông Chỉ này mà không thành Phật, thì tôi sẽ ở mãi dưới địa ngục và không bao giờ thoát ra. Tôi tin tưởng và bảo đảm rằng: Người nào tu hành theo Lục Đại Tông Chỉ này, tương lai nhất định sẽ thành Phật.

Giảng ngày 20 tháng 5 năm 1985



---o0o---

Khai Thác Bảo Tàng Trong Tự Tánh

Từ nhiều năm qua cho đến bây giờ, đều chỉ là tôi nói cho quý vị nghe. Vậy bắt đầu từ nay trở đi, quý vị sẽ là người nói cho tôi nghe. Tại sao? Vì như vậy là dạy quý vị mỗi người biết khai thác vật bảo bối trong quặng mỏ trí huệ tự tánh của mình. Chúng ta đem các vật báu như vàng, bạc, kim cương, xa cừ, mã não, ngọc thạch... trong quặng mỏ ra để cho mọi người thưởng thức, như vậy mới công bình. Nếu không, rốt cuộc không ai biết được trong kho tàng của quý vị có những thứ bảo bối gì.

Kỳ giảng thuyết về kinh Niết Bàn này được gọi là Ban Nghiên Cứu Phật Pháp. Bất luận là người xuất gia hay tại gia, ai nấy đều nên tranh đua nhau để lên bục giảng trước.

Quý vị nên lấy việc nghiên cứu Phật Pháp, hoàng pháp, bồ thí và việc phổ độ chúng sanh làm trách nhiệm của mình. Quý vị phải có tư tưởng như thế thì mới có tư cách làm người Phật tử.

Quý vị! Hiện quý vị có cơ hội tốt để nghiên cứu Phật Pháp như vậy, đây thật là ngàn năm khó gặp. Cho nên quý vị nên nắm lấy thời cơ, đừng để vuột mất cơ hội. Nếu không thì cũng như mình vào trong núi báu mà về tay không, đó là việc đáng tiếc lắm thay!

Quý vị hãy suy nghĩ đi, tới đâu mà có thể tìm được một đạo tràng thanh tịnh như vậy. Tôi dám nói là tìm khắp cả trên thế giới, e rằng tìm cũng không ra! Chúng ta may mắn đã gặp được, thì nên chuyên tâm nghiên cứu Phật Pháp, và tự phát huy tài ba của chính mình. Vậy tại sao khi đến giờ lên bục giảng,

thì người này đẩy qua người kia, chứ không chịu lên trước? Thật là làm cho tôi thất vọng vô cùng.

Tôi đã từng nói, khi người thứ nhất giảng sắp xong, thì người thứ hai phải chuẩn bị đi lên. Như vậy mới không lãng phí thời gian. Ý tôi muốn huấn luyện cho quý vị có kinh nghiệm hoằng pháp, vì mỗi một cá nhân đều có đủ biện tài vô ngại. Như vậy chờ đến lúc quý vị chánh thức đi hoằng dương Phật Pháp, thì sẽ có cảnh “*Thiên hoa loạn trụ, địa dũng kim liên,*” tức là hoa trời rơi xuống, đất mọc sen vàng. Như thế quý vị mới đảm nhiệm được sứ mạng “tiếp tục huệ mạng” của Phật!

Đây gọi là: “*Su Phụ đưa đến cửa, tu hành do mỗi người.*” Lúc tôi mới học Phật Pháp, không có ai chỉ dạy, không có ai khuyến khích, lại cũng không có ai đề bạt, nâng đỡ tôi cả. Cho nên tôi hy vọng quý vị sẽ tự lực tự cường, không ngừng tiến bước và đừng sanh tâm ý lại. Nếu như chuyện gì quý vị cũng có tâm lý ý lại vào Su Phụ, quý vị sẽ vĩnh viễn không bao giờ được giải thoát.

Chúng ta học Phật Pháp, tức là học trí huệ chân chánh. Một khi đã có trí huệ rồi, chúng ta sẽ giải quyết tất cả vấn đề một cách dễ dàng. Bất luận làm công việc gì, chúng ta cũng có thể làm được một cách hoàn toàn mỹ mãn. Còn như chỉ dùng tâm ý thức để giải quyết vấn đề, chúng ta sẽ do dự và thiếu nghị lực để quyết đoán mọi việc. Vì thế dù làm chuyện gì, chúng ta tuyệt đối cũng không thể thành công được.

Muốn học được trí huệ chân chánh, trước hết là chúng ta phải đoạn dục. Làm sao để đoạn dục đây? Tức là không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Lục Đại tông chỉ này là Pháp bảo để đoạn dục, khiến cho quý vị thâm hoạch được trí huệ chân chánh. Lúc bấy giờ, đối với duyên khởi của vạn sự vạn vật, quý vị sẽ thân thuộc như lòng bàn tay mình, và biết phân tích rất là rõ ràng. Như vậy quý vị có thể phân biệt được phải trái, thiện ác và tuyệt đối không làm những chuyện điên đảo.

Giảng ngày 24 tháng 6 năm 1985

---o0o---

Âm Nhạc Trong Tự Tánh

Tất cả các chữ Hoa đều có ý nghĩa và được cấu tạo theo những quy tắc nhất định. Mỗi chữ khi được tạo thành là đều có sự giải thích riêng của nó. Các văn tự Trung Hoa được cấu tạo theo sáu cách như: chỉ sự, tượng hình, hình thanh, hội ý, chuyển chú và giả tá.

Về Tượng hình: như chữ “mã” ngựa (馬 có bốn chân, chữ “lộc” hươu (鹿 thì bên trên có một chấm, còn chữ “dương” dê (羊 thì bên trên có hai chấm, vì chữ hươu và dê đều là biểu thị cho loài có sừng. Chữ “ngưu” trâu bò (牛 có nét phẩy bên trái, biểu thị cho cá tánh của loài trâu bò rất mạnh và thường cụng húc qua một bên. Cho nên mỗi chữ đều có ý nghĩa riêng của nó, và chúng ta cũng nên biết thêm về sáu cách cấu tạo chữ này. Ngoài ra cũng có lục nghệ, tức sáu nghề là: Lễ, nhạc, xạ, ngự, thơ, số. Ngài Khổng Tử có ba ngàn học trò, nhưng tinh thông lục nghệ thì chỉ có bảy mươi hai người. Lễ là lễ nghĩa; nhạc là âm nhạc; xạ là bắn cung và cũng bao gồm cả võ thuật; ngự là chỉ về cưỡi xe ngựa ở thời xưa, nhưng hiện nay là bao gồm cả lái xe, lái máy bay, lái tàu thủy... Thơ là phương pháp viết chữ, đại thể thì phân thành năm cách viết: triện, lệ, khải, hành, thảo. Số là số học, cho nên nói: “Tri mỗ số, thức mỗ danh,” người biết số học thì sẽ hiểu văn học.

Hiện nay người ta chế ra hỏa tiễn, phi đạn vốn phát minh từ trong ngành toán số. Như việc dùng điện não computer để điều khiển hỏa tiễn bay bao xa cũng đều không ngoài môn toán số.

Cho đến như âm nhạc, thì trong thời tụng niệm của Phật Giáo là thuộc về âm nhạc. Cho nên hễ ai đánh mõ có nhịp nhàng tiết tấu sẽ có công đức. Còn nếu người nào gõ mõ với tâm bực dọc, hoặc gõ quá lớn tiếng, hoặc gõ quá nhỏ thì sẽ có tội. Tán tụng cũng như là dùng âm nhạc để cúng dường Phật. Cho nên nếu một mặt cúng dường, một mặt lại giận hờn, quý vị nghĩ như thế Phật có hoan hỉ không? Dùng âm nhạc để cúng dường Phật vốn có rất nhiều công đức, nhưng khi phát giận quý vị không tán tụng được, mà lại còn động chuông gõ mõ loạn xạ cả lên, vậy tức là có tội rồi.

Tu hành là từ mỗi việc làm về mọi phương diện, không có nơi nào mà chẳng phải là nơi tu hành. Mà cũng không phải chỉ là ngồi thiền, hoặc lạy Phật mới là tu hành. Vì vậy ăn cơm, mặc áo, cho đến nhất cử, nhất động đều là tu hành cả. Tu hành tức là phải điều phục thân tâm. Điều thân là làm cho thân thể không sanh bệnh tật và giữ cho mình được khỏe mạnh. Nhưng cũng không phải là quá yêu quý nó: lạnh cũng không được, nóng cũng không được, khát cũng không được, đói cũng không được, không phải là quá nuông

chiều cho thân xác. Chúng ta phải ra công kiếm chế để rèn luyện thân thể, chỉ cần không tổn hại nó là được rồi. Chứ không phải vì yêu quý thân thể mình như tấm gương dễ bể, không ai đụng đến được.

Trong các sinh hoạt hàng ngày, chúng ta cũng nên tự rèn luyện lấy mình, vậy mới là tu hành. Đi đứng nằm ngồi, không lúc nào là không tu hành. Tu hành không có nghĩa là chỉ có hai thời tụng niệm sớm tối mới là tu hành. Mà lúc bình thường, nhất cử, nhất động, nhất ngôn, nhất hành, chúng ta đều nên hòa hợp với tiết tấu, phù hợp với qui tắc, bởi tự tánh trong mỗi chúng ta đều có “âm nhạc” cả. Chúng ta phải tu sao cho được tâm bình khí hòa, không sanh phiền não, không nhân, không ngã và không có vô minh. Nếu chúng ta ghen ghét người hiền tài, hoặc thích làm những chuyện viển vông, hoặc tự võ ngực khoe tài để mình được danh tiếng, thì đó không phải là âm nhạc đâu. Nếu mỗi ngày chúng ta tu hành đúng pháp, thì đó mới là âm nhạc.

Tự mình tu cho được tâm bình khí hòa và rèn luyện tánh tình, vì chúng ta vốn không cần phải tìm kiếm âm nhạc ở bên ngoài. Bởi vì tâm chúng ta không hòa bình, cho nên phải giả mượn âm nhạc bên ngoài để tự thăng bằng lại.

Nếu tâm có thể bình hòa được thì lúc nào chúng ta cũng sẽ tràn đầy khí khái tốt lành, đó mới chính là “âm nhạc” chân thật đấy. Còn về lục nghệ: lễ, nhạc, xạ, ngự, thơ, số; sáu thứ này vốn đã bao gồm trong tự tánh của chúng ta rồi. Nếu trọn ngày chúng ta có thể không nói lời vô ích, không nghĩ điều vô vị và có thể tự điều phục tâm mình cho được bình thản, an ổn, không bị câu thúc, không vướng mắc chướng ngại, không nhân, không ngã, không phải không trái, thì quý vị nói đi, đó không là âm nhạc thì là cái gì?

Khi Không Tử ở nước Tề nghe nhạc Thiệu, ông đã không biết gì đến mùi vị thịt trong ba tháng trời. Nếu quý vị hiểu được âm nhạc của tự tánh, đâu cần nói đến mùi thịt, mà ngay cả đến mùi nước, quý vị cũng không biết, hoặc có chua, ngọt, đắng, cay gì, quý vị cũng đều không biết luôn. Khi đó mới gọi là quý vị đã đạt đến cảnh giới “nhìn mà không thấy, nghe mà không nghe, ăn mà không biết mùi vị.” Quý vị nên chú ý: Chớ xem tự tánh của mình như bãi chiến trường để đấu tranh, nếu thế thì không phải là âm nhạc đâu.

---o0o---

Học Phật Pháp Nên Giữ Bốn Phận

Khi thuyết pháp, quý vị không nên ca ngợi rằng “Hòa Thượng” là như thế ấy, như thế ấy. Tôi kỳ nhất là được người ta tán thán. Nếu như có lời phê bình tôi, tôi khiêm tốn tiếp nhận ngay, và mượn đó làm gương để soi sáng, phản tỉnh. Tôi và hư không giống nhau, đều không có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Nếu như có ngã thì tôi đã không đến nước Mỹ này. Nguyên nhân tôi đến Mỹ là để mở mang vùng đất mới cho Phật giáo, hầu truyền bá Phật Pháp đến toàn thế giới!

Bất luận trong trường hợp nào, tông chỉ của tôi là tuyệt đối không bao giờ tự đề cao địa vị mình, mà cũng không cầu kỳ, lập dị khác người. Tôi không cảm thấy là mình cao hơn người khác, hoặc lớn hơn người khác. Tôi không có lối suy tư như vậy, vì nếu có, đó là sự biểu hiện của tánh tự mãn đầy.

Phàm hễ là người tự mãn thì tuyệt đối sẽ không thành tựu được việc gì. Con người nên có tư tưởng “*Hữu nhược vô, Thật nhược hư*” là có như không, thật như giả. Cho dù mình có đạo đức cao thượng, thì mình cũng giống như không có gì; dầu mình đúng thật có tài ba, nhưng mình cũng giống y như không có chi. Quý vị hãy chú ý! “Tự mãn” là biệt danh của tự đại đó. Tự đại tức là “xú” (臭, nghĩa là thúi, xú là chữ Hán, gồm chữ tự (自 nằm bên trên chữ đại (大). Khi hơi khí hôi thúi xông lên ngất trời như vậy, ai mà dám gần mình? Lúc đó mọi người phải bịt mũi đi qua, không dám đến gần mình đâu!

Tôi hy vọng quý vị dùng Lục Đại Tông Chỉ để làm nguyên tắc. Nếu không làm được những điều như “*không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ,*” dù quý vị có tài ba, có trí tuệ như thế nào, hoặc miệng nói lưu loát như nước chảy và biện tài vô ngại ra sao thì cũng là làm trái với đạo. Như vậy, dầu cho quý vị có làm gì cũng sẽ không đạt được thành tựu viên mãn.

Tôi chỉ công nhận những ai thật thà và biết an phận giữ mình, chứ không biết đến những người xảo quyết thường hay biện luận. Từ nay về sau, bất luận là ai, tất cả đều phải chân thật và giữ bản phận mình. Quý vị không được cống cao ngã mạn, cứ tưởng rằng mình là phi thường, trên đời không ai sánh bằng. Người nào có thứ hành vi như thế thì sẽ không tồn tại lâu dài trong Phật giáo, sớm muộn gì y cũng sẽ bị thất bại thôi.

Cho dù quý vị thật có tài ba xuất chúng đi nữa, nhưng quý vị cũng không cần phải biểu lộ ra ngoài. Quý vị nên học tập tác phong của những vị đại đức xưa nay, mà hãy chú trọng vào đức hạnh. Đối với tất cả mọi việc, quý vị nên

thực hành theo Tứ Vô Lượng Tâm: từ, bi, hỷ, xả. Đừng tồn chứa sát khí trong lòng, mà không chịu tha thứ cho người.

Chúng ta nên hiểu rằng: “Từ bi là hoài bão, cửa ngõ làm phương tiện.” Hôm nay tôi muốn nói với quý vị bấy nhiêu đó thôi, còn sửa đổi hay không là tùy quý vị.

Giảng ngày 30 tháng 7 năm 1985

---o0o---

Học Tập Theo Tinh Thần Của Bồ Tát Di Lặc

Chúng ta nên học tập theo công phu nhẫn nại của Bồ Tát Di Lặc. Như Ngài đã nói:

*Lão khờ mặc áo vá,
Cơm lạt bụng no nê,
Vá áo để che lạnh,
Muôn sự để tùy duyên.
Có người mắng lão khờ,
Lão khờ chỉ nói tốt.
Có người đánh lão khờ,
Lão khờ nằm xuống ngủ.
Khắc nhỏ trên mặt lão,
Cứ để nó tự khô.
Lão cũng không phí sức,
Mà người cũng không phiền.
Ba La Mật như vậy,
Là vật báu huyền diệu.
Nếu ai biết lẽ này,
Lo gì không đạt đạo.*

Quý vị nói, như vậy có huyền diệu hay không? Bởi vậy mà miệng Ngài thường hay cười và cái bụng thì to lớn, gọi là: “Tâm rộng rãi thì thân thể mập phì,” không có phiền não.

Tên của Bồ Tát Di Lặc là A Dật Đa. Di Lặc dịch là Từ Thị, A Dật Đa dịch là Vô Năng Thắng. Sao gọi là Vô Năng Thắng? Có người nói: “Tôi biết rồi, vì vị Bồ Tát này ăn nhiều hơn ai hết. Nếu không vậy, bụng Ngài sao mà lớn

như thế? Vì không ai có bụng lớn như Ngài, cho nên gọi là Vô Năng Thắng.”

Người khác lại nói: “Vị Bồ Tát này có đại khí lực, một tay có thể xô nhào cả quả núi to. Vì không có ai sánh bằng Ngài, cho nên gọi là Vô Năng Thắng.” Nếu nói như vậy cũng không đúng đâu. Vậy thì Vô Năng Thắng là gì? Là bậc tu pháp môn Lục Độ đến bờ bỉ ngạn và không ai có thể thắng hơn Ngài, cho nên gọi Ngài là Vô Năng Thắng.

Vị Bồ Tát này thường vác trên vai một bao bố lớn. Ngài đi mọi nơi hóa duyên xin mọi người. Ngài xin gì đây? Ngài hóa duyên xin phiền não, hầu mong mọi người trên đời đều không có phiền não để rời khổ được vui. Cho nên nói:

“Mở miệng là cười, cười những người đáng cười trên thế gian; bụng lớn để chứa đựng, chứa những gì mà thiên hạ khó có thể dung chứa.” Ngài và cái bao bố không bao giờ rời nhau, cho nên Ngài có biệt danh là Hòa Thượng Bồ Đại, gọi là:

“Đi cũng Bồ Đại, ngồi cũng Bồ Đại,
Buông Bồ Đại xuống, tự tại biết bao!”

Do đó chúng ta nên học tập tư tưởng và hành vi của Ngài.

Giảng ngày 25 tháng 7 năm 1985

---o0o---

Nhân gì Phát Sanh Tam Tai?

Tam tai chia ra làm hai phần là: đại tam tai và tiểu tam tai. Đại tam tai là ba tai ách lớn về lửa, nước và gió. Tiểu tam tai là ba tai ách nhỏ về đao binh, mất mùa và bệnh dịch. Đó cũng tức là tai kiếp. Trong một đại kiếp có bốn trung kiếp gồm: thành, trụ, hoại, và không. Mỗi trung kiếp có hai mươi tiểu kiếp. Vào cuối thời kỳ giảm kiếp của mỗi trụ kiếp thì phát sanh hiện tượng tiểu tam tai. Còn đại tam tai thì phát sanh trong thời kỳ hoại kiếp của mỗi đại kiếp. Bây giờ chúng ta hãy bàn đến nguyên nhân phát sanh đại tam tai.

Bởi con người có tâm tham mới phát sanh ra hỏa tai; con người có tâm sân hận mới sanh ra thủy tai; con người có tâm ngu si mới sanh ra phong tai. Cho nên tam tai đều là do tam độc mà sanh khởi. Trong tâm chúng ta, ai ai

cũng có đầy đủ cả ba độc. Tâm này mỗi ngày càng một khuếch đại ra và khi đến một mức độ nhất định, nó sẽ hình thành đại tai kiếp.

Tam tai phát sanh cũng có thứ lớp, bởi con người có thất tình: hỷ, nộ, ái, cụ, ái, ó, dục, tức là vui, giận, buồn, sợ, thương, ghét, muốn. Bảy loại tình cảm này dần dần phát triển rộng ra. Và mỗi một loại tình sẽ phát sanh một lần tai nạn, cho nên mới hình thành bảy lần hỏa tai. Sau bảy lần hỏa tai thì sẽ phát sanh một lần thủy tai. Trong bảy tình, mỗi một tình lại chia ra làm bảy, cho nên mỗi cái “thất hỏa nhất thủy” này sẽ theo thứ tự mà lập đi lập lại bảy lần. Rồi lại trải qua bảy lần hỏa tai. Đến lúc sau cùng phong tai phát sanh và hủy diệt toàn cả thế giới.

Khi hỏa tai phát sanh, nó có thể thiêu đốt đến tầng trời Sơ thiên của Sắc giới, tức gồm cõi: Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Đại Phạm Thiên.

Lúc thủy tai phát sanh thì có thể ngập đến tầng trời Nhị thiên của Sắc giới, tức gồm Trời Thiểu Quang, Trời Vô Lượng Quang và Trời Quang Âm. Khi phong tai phát sanh thì có thể thổi đến các tầng trời Tam thiên của Sắc giới, là gồm Thiểu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên và Biến Tịnh Thiên. Cho nên nói:

*Cõi Trời Lục Dục có năm suy,
Cõi Trời Tam Thiên có phong tai,
Dẫu như tu đến Phi Phi Tướng,
Không bằng về Tây rồi trở lại.*

Phong tai từ đâu tới? Nó đến từ sự tổng kết của bảy thứ tình: hỷ, nộ, ái, cụ, ái, ó, dục. Phong tai thì tượng trưng cho si độc. Khi con người đã lâm vào tình cảnh ngu si, thời cái gì cũng quên sạch nhẵn. Do đó đại phong phát khởi, rồi từ trên trời Tam Thiên đến dưới tận địa ngục, cái chi cũng không còn, tất cả đều bị quét sạch. Dù cho hỏa tai, thủy tai hoặc phong tai có phát sanh đi nữa, nhưng nội viện cõi trời Đâu Suất của Dục giới cũng vẫn tồn tại, chẳng bị ảnh hưởng mảy may nào. Tại sao vậy? Bởi đó là cõi Tịnh độ của Phật và Bồ Tát. Hiện nay, Bồ Tát Di Lặc đang ngự tại nội viện trên cung trời Đâu Suất, chờ đến khi trụ kiếp thứ mười trong thời kỳ Hiền Kiếp, Ngài mới giáng lâm thế giới Ta Bà để giáo hóa chúng sanh (hiện tại đang là Giảm Kiếp của Trụ Kiếp thứ chín).

Tham sân si hình thành biết bao loại ác khí, giống như nguyên tử trong bom nguyên tử; nguyên tử là thứ vật chất đáng sợ, nhưng bom nguyên tử do tự chúng ta phát sanh từ lửa tam muội lại càng đáng sợ hơn nữa. Loại nguyên

tử này không phải đến từ bên ngoài, mà nó vốn đã có sẵn trong tự tánh. Chân hỏa tam muội trong tự tánh chúng ta vốn thuần là dương, nhưng vì bị ta lạm dụng nên nó biến thành lửa dục.

Trong thân người có tam tiêu hỏa là: thượng tiêu hỏa, trung tiêu hỏa và hạ tiêu hỏa. Tam tiêu hỏa này có thể hình thành hỏa tai, hoặc biến thành bom nguyên tử để hủy diệt tất cả. Bởi bên trong có bom nguyên tử, cho nên bên ngoài mới có bom nguyên tử. Chúng được hình thành bởi có sự tương ứng và tương tục với nhau. Hiện nay trên thế giới xảy ra nhiều vấn đề cũng đều là từ điếm này.

Trong tâm có cái gì thì bên ngoài có cái đó. Nếu trong tâm chúng ta không có chiến tranh, bên ngoài cũng sẽ không có chiến tranh. Cho nên nói “tất cả do tâm tạo” là vậy.

Giảng ngày 29 tháng 7 năm 1985

---o0o---

Tật Bệnh Cùng Nghiệp Chương

Phàm các ác bệnh nan y, độc địa như sốt rét, ung thư... đều do quỷ từ phía sau chi phối, khiến cho ngũ tạng trong thân con người bị xáo trộn vị trí, và tứ đại không điều hòa.

Đó đều là do nghiệp chương quỷ tác quái. Bởi con người có nghiệp chương từ lâu đời, cho nên đến thời đến lúc thì quỷ tới đòi nợ. Mà cũng bởi vì con người không đủ dương khí, tức âm thịnh dương suy, cho nên quỷ mới có thể tùy tiện được. Nếu quý vị thường không phiền não và trí huệ luôn hiện tiền, thì sẽ không có sơ hở để ma quỷ thừa cơ lợi dụng.

Nhưng một khi quý vị khởi dục niệm và vô minh, quỷ bèn thừa cơ hội mà lên vào một cách dễ dàng.

Từ đó suy ra, tám vạn bốn ngàn tật bệnh là đều có tiền nhân hậu quả cả. Thậm chí khi quý vị bị con muỗi cắn, con ong chích, cho đến tất cả những tai nạn mà quý vị gặp phải, đều là do nhân quả đan dệt với nhau. Người hiểu rõ đạo lý này thì một chút lầm lỗi cũng không dám làm, vì hễ có lỗi là tự mình phải chịu báo ứng. Nhất là những ai tu Lục Độ Vạn Hạnh, họ càng phải chân thật khi dụng công, chẳng chút tư hào hư dối. Cho nên nói: “Nhân

địa bắt chân, quả chiêu vu khúc,” gieo nhân không ngay thật thì gặt quả cong vẹo. Và đến lúc quả đã thành rồi thì có rất nhiều phiền phức.

Bởi vậy quý vị nên “tùy duyên tiêu nghiệp cũ, đừng tạo nghiệp ương mới” và không được có một chút nào buông thả trong mọi hành động. Dù lúc nào hay nơi đâu, mọi người cũng nên đề cao cảnh giác. Nếu không làm hại người và chỉ làm lợi cho người, vậy là mình sẽ không sanh bệnh gì cả, mà ma quỷ cũng không tìm được mình đâu.

Nói đến quý thì hôm qua có con quý “khai ngộ” từ San Jose đến tìm tôi. Quý đó nhập vào một bà và bà tự cho rằng mình đã khai ngộ. Chồng bà ta cũng cho rằng bà đã khai ngộ. Nhưng bà ta nói: “Con người không cần phải tu hành, cũng không cần phải giữ giới.” Thật ra mục đích của bà là tìm tôi để đấu pháp. Bà này đã quy y tôi năm 1980 tại Hội Cư Sĩ Lâm ở Singapore. Bà đến Mỹ được vài năm, học ngồi thiền, rồi tự cho mình đã khai ngộ. Vừa bước vào bà liền cúi đầu lễ tôi, nhưng không để cho chồng con bà nhìn thấy. Chỉ một mình bà hướng đến tôi đánh lễ. Ban đầu không có chuyện gì, nhưng khi cúi đầu đến lần thứ ba thì bà lại cứ tiếp tục lạy mãi, rồi bắt đầu khóc, càng khóc càng lớn tiếng.

Tôi hỏi: Bà khóc cái gì?

Bà đáp: Con không biết, không phải là con khóc, mà là một người khác bên ngoài đang khóc.

- Ai bảo bà khấu đầu lạy thế?

- Là tự con muốn lạy.

- Bà đang giờ trò gì vậy?

- Không biết! Tóm lại, không cần tu, không cần học, không cần giữ giới.

- Bà là sinh viên tốt nghiệp đại học ở Nam Dương. Có phải là bà không cần học mà được tốt nghiệp chẳng?

- Không phải!

- Tu đạo cũng như vậy. Ngay đến cửa mà bà còn chưa bước vào được, vậy nếu bà không tu hành thì làm sao đắc đạo chớ? Có phải bà không đi học mà biết được chữ không?

Lần này thì con quý của bà cũng đành phải nói thật thôi. Nó là quý “tự nhiên” từ cõi trời Lục Dục. Nó vốn muốn đấu pháp với tôi, nhưng khi đến đây thì lại không có cách gì để đấu. Thế là nó giờ ám chiêu, dùng phương pháp mềm diệu để công kích! Nó vừa khóc, vừa phun độc, nhưng độc này cũng không có tác dụng gì. Sau đó tôi nói chuyện với con quý đó cho đến

khi nó lý cùng trí tận, nó mới thật tình xuống nước. Lúc bấy giờ bà Phật tử nọ cũng tỉnh lại và không còn nao loạn nữa.

Giảng ngày 30 tháng 7 năm 1985

---o0o---

Không Thể So Sánh Giữa Ma Với Phật

Vào thời Triều Minh, Đại sư Liên Trì (1535-1615) sau khi xuất gia đã đi khắp nơi để tìm minh sư học đạo. Sau khi vào kinh đô, Ngài đến tham bái hai vị đại lão đạo cao, đức trọng trong Thiên Tông là Biện Dung và Tiểu Nham. Đại sư Liên Trì sau khi được nhị vị lão sư khai pháp chỉ điểm, Ngài bèn đi đến Đông Xương và khi nghe tiếng trống thì bỗng nhiên giác ngộ. Nhân đó Ngài làm bài kệ:

*Nhị thập niên tiền sự khả nghi,
Tam thiên lý ngoại ngộ hà kỳ!
Phân hương trịch kích hồn như mộng,
Ma Phật không tranh thị dĩ phi.*

Nghĩa là:

Mười nghi từ hai mươi năm trước
Lạ thay cái ngộ ngoài ngàn dặm!
Đốt nhang ném kích như trong mơ
Ma Phật, phải trái uổng công tranh.

Bất luận là đọc Kinh hay xem Luận, chúng ta cũng phải dùng trí tuệ để phân biệt phải trái. Điều tối kỵ là chúng ta dùng tâm, ý và thức để suy đoán. Vì tâm, ý và thức chỉ là để dối lừa người. Ba thứ này có sức mê hoặc rất lớn, khiến cho con người không phân biệt được phải trái, lý sự chẳng minh bạch, đen trắng lẫn lộn thành ra hỗn độn không rõ ràng. Có một số lý luận, mới nghe thì hình như có đạo lý, nhưng người có trí vừa xem qua là biết không đúng, còn người vô trí thời bị mắc lừa và nghe theo một cách thích thú. Có một số khác thì như người mù dắt kẻ đui, không phải vì cố ý, mà vì tự bản thân họ cũng chưa hiểu rõ. Cho nên họ đưa đẩy người khác lạc hướng vào lối rẽ, cuối cùng chẳng đến được nơi tốt lành. Bởi vậy chúng ta đừng nên xem thường việc phát biểu ý kiến của mình. Nếu trên vấn đề căn bản mà chúng ta luận giải xằng bậy, thì đó sẽ như câu nói: “Sai một hào một ly thì khác biệt một trời một vực,” thậm chí còn làm cho cả thế giới rơi vào hoàn

cảnh đen tối, không ánh sáng. Do đó, trên nguyên tắc lý luận, chúng ta phải có sự nhận thức chính xác, rõ ràng. Nếu chúng ta chỉ dựa vào tâm, ý, thức mà suy đoán, rồi phê bình lung tung và tùy ý khen chê, tức là bỏ Phật để gia nhập vào bọn ma quỷ, là chuyện không thể được.

Như nói về vấn đề ma và Phật, chúng ta không nên chạy theo lý luận xằng bậy. Ví như có một số người cho rằng: “*Ma, Phật như một, hai mà không hai.*” Nhưng người Phật tử đâu thể nào giống như ma quỷ; nếu giống thì người ta đâu cần phải tin Phật mà cứ tin theo những lời ngông cuồng của ma quỷ cũng được vậy! Có người nói: “*Ma là bộ mặt trái của bậc Thiên tri thức đến giúp đỡ chúng ta.*” Đó vốn là nói về hoài bão của lòng từ bi, cũng là một lời nói để an ủi cái tự ngã, dùng tâm lý dỗ dành trẻ con là bảo nó chớ quá giận dữ. Cách nói như thế cũng vẫn là để hóa giải việc phân tranh và oán hận ở bên trong, bởi không muốn xem ma quỷ như kẻ thù địch. Nếu nói mặt trái của ma quỷ là giúp đỡ người, nhưng nó cứ lần lượt nuốt sống con người, hoặc là đưa con người vào chỗ chết, như thế thì gọi là “giúp đỡ” sao?

Do đó chúng ta cần phải giữ vững lập trường căn bản, giờ khắc nào cũng giữ chánh niệm. Một khi chúng ta sanh tâm tham, hoặc tham mau, tham thân thông, tham có hiệu quả nhanh chóng, tham linh cảm thì ma liền nhân đó mà xâm nhập vào. Có một số người rất thông minh, nhưng tại sao cũng có lúc họ bị tâm ma khí quỷ? Là bởi đối với những nguyên tắc căn bản, họ chưa có nhận thức rõ ràng. Nếu họ nắm được căn bản rõ ràng, thời bùa chú của ma cũng không linh nghiệm đâu. Chúng ta không cần phải niệm chú, mà chỉ cần *không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ* là ma sẽ không có cách gì nhập được.

Sau nhiều năm học Phật, tôi kết luận rằng “Lục đại tông chỉ” này là có nhiều hữu dụng nhất. Phật Pháp không phải là bàn luận cao xa, rộng lớn hoặc nói chuyện huyền diệu, lạ kỳ. Lại càng không phải là đoán xằng nói bậy về họa phúc, hoặc bói toán hung kiết, hên xui. Trên thế giới này không biết đã có bao nhiêu người biết bói đoán tiên tri như thế. Nhưng đó là mảnh lối của bọn giang hồ thích nói về thần thông, dùng những lời lẽ yêu quái hoang đường để mê hoặc dân chúng. Đó là họ đang rao bán thuốc cao thuốc dán đắt. Và đúng thật là những người đó có thể biết được quá khứ vị lai. Ví như họ nói với quý vị rằng: “Tôi biết ngày mai sẽ có người đến thăm anh, người đó lại còn nói với anh như thế này, thế này...” Hoặc như: “Trước kia anh đã làm những việc gì, tôi đều biết rõ cả...” Nhưng họ đều có chỗ sơ sót là không dứt được dâm dục, hoặc háo tài, hoặc luyến sắc. Đó đều là cảnh giới của ma quái. Nếu người nào có tâm tranh, tâm tham, cầu danh cầu lợi, hoặc tuyên

truyền đề cao cá nhân mình để cho người khác sùng bái mình, lại còn ích kỷ tự lợi và không nói lời chân thật thì chúng ta nên biết rằng, người này đang trong cảnh giới của ma.

Nhân dịp Đại Sư Liên Trì tham bái hai vị Lão Sư Biến Dung và Tiểu Nham, Đại Sư được hai vị khuyên bảo rằng: “Người xuất gia tu đạo là vì sanh tử đại sự. Đừng để danh lợi làm liên lụy!” Lúc bấy giờ tại đạo tràng đó cũng có một số người tham gia học tập, nhưng không mấy ai để ý gì đến lời khai thị này. Duy chỉ có Đại Sư Liên Trì là thâm hiểu được ý nghĩa sâu xa mà tâm trí đầy hứng khởi. Cho nên khi rời Kinh Sư đến Đông Xương, Đại Sư bỗng hoát nhiên khai ngộ bèn làm bài kệ trên. Thật ra bốn câu thơ đó chỉ là thứ yếu. Còn lời lẽ tối trọng yếu là không được tìm cầu danh lợi, đó mới là chìa khóa chủ yếu của câu chuyện này.

Quý vị đừng tưởng rằng Đại Sư Liên Trì đến Đông Xương mới khai ngộ. Mà ngay từ lúc đầu, Đại Sư đã từng bước, từng bước đi trên con đường khai ngộ rồi. Đến lúc đứng trước mặt hai vị Lão Sư Biến Dung và Tiểu Nham, bị hai Ngài hét cho một tiếng lớn vào đầu khiến Đại Sư hoát nhiên khai đại ngộ ngay. Sau khi xuất gia thì không đam mê danh lợi, đó là bài chú có hiệu quả nhất, có thể chiến thắng tất cả bọn ma quân. Chúng ta hãy xem lời văn của bài kệ như sau:

Mối nghi từ hai mươi năm trước. Chuyện sanh tử đại sự này đã khiến Đại sư Liên Trì bối rối nghi hoặc từ lâu. Bởi chưa hiểu nên Đại Sư phải xuất ngoại tham vấn, cầu bậc Thiện tri thức giải quyết dứt mối nghi ngờ.

Lạ thay cái ngộ ngoài ngàn dặm. Trải qua ba ngàn dặm, sau đó Đại Sư đến Đông Xương thì đột nhiên khai ngộ. Điều này sao mà kỳ diệu quá! Bao chấp trước của Đại Sư bỗng nhiên tiêu tán hết!

Đốt hương ném kích như giấc mộng. Thắp nhang cúng Phật là chuyện tốt, còn ném đao kích, đánh lộn với ma quân là chuyện xấu. “Trịch kích” cũng có thể là ném bỏ khí giới, tức là không đánh nhau nữa. Tất cả những điều đó cũng giống như giấc mộng thôi! Vì sao giống như giấc mộng? Bởi vì mình chưa hiểu rõ một cách triệt để.

Ma Phật, phải trái uổng công tranh. Bây giờ Đại Sư đã hiểu rồi. Trước đây vì Đại Sư cứ dụng công ở chỗ hư vọng thị phi, phải trái, cho nên đều là uổng phí tâm sức! Đại sư Liên Trì cũng không nói rằng: Phật và Ma như là một. Mà ma là ma, Phật là Phật. Hai bên đều đã không quan hệ với nhau thì

có thị phi, phải trái gì đáng phải tranh cãi hả? Những cuộc bàn luận phải trái lúc trước đều là hư vọng, chẳng phải thật.

Nếu muốn hàng phục bọn ma, quý vị phải có chút ít công phu chân thật, không phải chỉ thiên nơi miệng mà có thể làm được.

Còn một cách khác là: “*Vô ma bất hiển Phật, Vô Phật bất hiển ma,*” không có Ma thì Phật chẳng hiện, không có Phật thì Ma chẳng hiện. Ma và Phật cũng là pháp tương đối với nhau, chứ không phải khi Phật khai ngộ rồi thì Ma và Phật nhất như là một đâu. Sau khi Phật khai ngộ rồi thì Ma, Phật cũng vẫn như trước, chỉ ngoại trừ - Phật thì không có tư tưởng thù địch. Phật xem tất cả chúng sanh bình đẳng và Ma cũng là một phần tử trong chúng sanh, cho nên Phật xem Ma là đồng đẳng. Nhưng Ma đối với Phật có bình đẳng hay không? Tuyệt đối là không! Vì lúc nào Ma cũng muốn lật đổ Phật.

Qua hai mươi năm sau, Đại sư Liên Trì mới hiểu rõ đạo lý không tranh. Đại Sư giác ngộ rằng trước đây mình chỉ tranh cãi phải trái ở bề ngoài một cách vô ích. Lúc đó Đại Sư đã không hồi quang phản chiếu và không quét dọn sạch sẽ cái tự tánh của mình, cho nên hễ người ta tranh là Đại Sư liền phiền não.

Tôi nói đạo lý rất là đơn giản, hy vọng quý vị ngẫm nghĩ lại cho kỹ càng. Bởi vì trên nguyên tắc, chúng ta không được phạm lầm lỗi. Quý vị đều còn trẻ, và cũng không nên tùy tiện nói “Ma Phật như là một.” Hoặc giả người đã đại triệt, đại ngộ rồi thì có thể nói như thế, bởi vì cảnh giới hiểu biết của họ không giống với quý vị. Nhưng chúng ta hãy còn là trẻ con, cho nên không được dõm mượn đạo lý của người xưa, để rồi gượng gạo luận giải một cách sai lầm. Ví như trẻ con chưa biết lái xe, mà quý vị để cho nó lái thì rất dễ gây ra tai nạn, đến nỗi mất mạng là khác.

Có một số người khi nghe nói “Ma Phật Nhất Như” thì họ nghĩ rằng: “Thế thì mình lạy Phật để làm gì? Mình làm nghiệp ma thì cũng không phải là nghiệp Phật hay sao?” Vì vậy trên nguyên tắc phân biệt, chúng ta phải hiểu cho rõ ràng, chớ có nghe ngóng một cách lẫn lộn như vậy, rồi cho rằng mất con cá là ngọc trai.

Giảng ngày 29 tháng 8 năm 1985

---o0o---

Vì Sao Đức Phật Lại Phóng Hào Quang Khi Thuyết Pháp?



Khi thuyết pháp, đức Phật đã thường phóng hào quang. Vì sao vậy? Bởi Ngài muốn cho chúng sanh mau giác ngộ.

Khi đức Phật thuyết giảng kinh Niết Bàn vào lúc cuối, Ngài phóng hào quang từ nơi mặt, rồi thu hồi lại vào trong miệng. Đó là sự biểu thị đi cũng là như như, đến cũng là như như. Đi cũng là đi đến kho tàng trí tuệ quang minh, trở về cũng vẫn là trở về kho tàng trí tuệ quang minh. Nhưng chúng sanh chỉ biết đi mà không biết trở lại, gọi là: “Năng phóng bất năng thu.” Đó cũng tức là chỉ về cái vọng tưởng của chúng ta mà nói. Quý vị phóng ra được thì sau đó phải biết thu hồi lại. Nếu quý vị chỉ có thể phóng quang ra, mà không thể thu quang lại thì sẽ không thể nào đi lại tự tại như được. Đó gọi là học mà không biết dùng. Chúng ta nên có thể phóng thì có thể thu, có thể lớn thì có thể nhỏ, có thể có thì có thể không, chẳng gì mà không làm được, tùy tâm như ý, tự tại vô ngại.

Phật phóng quang cốt để cho người ta thấy, phải không? Không phải! Vậy Ngài phóng hào quang cho người xem để làm gì? Ngài có giống như người phàm chúng ta là muốn làm quảng cáo phải không? Hoãec vì Ngài muốn

khoe sở trường đặc biệt của mình để cho người ta biết? Không có chuyện đó đâu. Phật phóng quang vì muốn phá trừ vô minh của chúng sanh. Hào quang Phật chiếu qua mỗi vị chúng sanh trong pháp hội, gọi là: “Phật quang phổ chiếu, vũ lộ quân triêm,” là Phật chiếu hào quang đến khắp nơi như mưa cam lồ tưới thấm đều hết thảy. Lúc bấy giờ tất cả chúng sanh đều được hào quang Phật gia hộ, đó là họ đang gieo hạt giống thành Phật và tương lai nhất định sẽ thành Phật. Phật phóng quang chỉ vì muốn cho chúng sanh thành Phật, muốn chúng sanh nghiệp tận tình không, khiến chúng sanh sanh tâm giác ngộ, được đầy đủ trí tuệ để không phải cả ngày từ sáng đến tối ngu si mê muội, không có trí tuệ, rồi cứ ở trong biển khổ chuyển tới chuyển lui. Bởi vậy vào lúc cuối đời, đức Phật đã chiếu hào quang đến tất cả chúng sanh đang tham gia Pháp hội, khiến trong tương lai họ sẽ có duyên phần thành Phật.

Sau đó đức Phật lại thâm hồi hào quang, là thâm hồi trở về bản thể của Ngài. Điều đó cũng muốn dạy người ta chớ có khoe khoang mà phải biết ẩn quang dấu tích, đừng để lộ hào quang ra ngoài một cách thái quá. Nếu người nào để lộ tài năng mình ra một cách rõ rệt như thế, đó chính là hành vi ngu si. Thế thì cố ý tàng dấu đi cái hào quang của mình là có trí huệ hay sao? Cũng không phải thế. Đây có ý là lúc nào nên dùng thì chúng ta mới dùng, lúc nào không nên dùng thì không dùng. Ví như quý vị tiêu xài tiền bạc một cách hoang phí thì dù quý vị có bao nhiêu tiền đi nữa rồi cũng sẽ hết cạn. Còn tuy có hơi nghèo nàn, nhưng quý vị chỉ tiêu dùng chút ít thôi thì quý vị vẫn sẽ còn tiền xài.

Vì sao con người phải ẩn quang dấu tích? Điều này có thể dùng đèn dầu để làm thí dụ. Đèn dầu thì phát ra ánh sáng, nhưng nếu chúng ta dùng thường thì dầu sẽ khô cạn, và tìm đèn cũng tàn lụn thôi. Nhưng nếu khi cần chúng ta mới đốt lên, còn lúc không cần thì không đốt, như vậy chúng ta sẽ dùng nó được rất lâu. Trí huệ quang minh của con người cũng là như vậy. Đức Phật có thể ngày ngày phóng quang. Vì sao Ngài phóng ra rồi lại thâm hồi trở vào? Đó là dạy con người biết tiến biết thoái, biết động biết tĩnh, biết theo biết dừng. Ai có thể biết đủ thời thường đủ. Cho nên nói: “Tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi,” biết đủ khỏi bị nhục, biết dừng không bị nguy hiểm. Nếu mình biết là không nên làm thì đừng làm, đó là biết dừng. Nếu người nào làm được như thế thì mới có thể nói là hiểu được Phật Quang. Còn như mình không làm được như thế, tức giống như con kiến muốn ăn dưa hấu mà nó cứ bò ngoài vỏ, tuy cảm thấy ngọt đó, nhưng rốt cuộc có ăn được đâu. Quý vị hãy suy nghĩ về đạo lý này thì sẽ rõ.

Giảng ngày 1 tháng 10 năm 1985

---o0o---

Động Tĩnh Nhất Như

Tại Vạn Phật Thành, chúng ta chỉ có thọ khổ. Tuy thọ khổ nhưng chúng ta cũng có thể tiêu trừ được nghiệp tội. Bởi vì từ vô lượng kiếp, chúng ta đã có rất nhiều chướng ngại nên mới cả ngày cứ phiền phiền não não, tranh tranh cãi cãi và trong tâm chúng ta không lúc nào được bình an. Nếu quý vị đến Vạn Phật Thành mà chịu được chút khổ, đó gọi là bồi bổ ngoại công. Khi có ngoại công rồi, sau đó quý vị mới có nội quả. Nếu quý vị không có ngoại công thì nội quả cũng sẽ không thành tựu được. Ngoại công là làm việc đức hạnh trong động, là tu phước. Nội quả là tu huệ trong tĩnh.

Quý vị cần phải đem động tĩnh tôi luyện cho được nhất như, gọi là: “Động không trở ngại tĩnh, tĩnh không trở ngại động; động là tĩnh, tĩnh là động; động tĩnh không phải hai.”

Một khi quý vị luyện tập công phu này gom thành một khối thì định lực sẽ hiện tiền.

Lăng Nghiêm Đại Định không phải là nói chúng ta tọa thiền mới có. Khi quý vị đi, đứng, nằm, ngồi mà không bị cảnh giới bên ngoài lay chuyển, không bị ngoại cảnh dao động và không bị vọng tưởng quấy rầy, đó tức là định. Nếu quý vị ngồi ở đây mà cứ vọng tưởng lung tung, không nghĩ đông thì nghĩ tây, như thế là không có định lực. Hay là quý vị thấy được cảnh giới gì thì liền bị cảnh đó lay chuyển, đó là không có định lực. Định lực là động tĩnh không hai, khi động mà mình không bị cảnh giới lay chuyển, đó là tĩnh. Lúc tĩnh mà mình không bị vọng tưởng quấy nhiễu, đó cũng là động.

Nếu quý vị tu được động tĩnh như nhau, thời công phu liền thành một khối. Công phu đã thành một khối rồi thì không phải là động, cũng không phải là tĩnh, không phải không, cũng không phải có, đó chính là Trung Đạo đây.

---o0o---

Giảng ngày 12 tháng 10 năm 1985



---o0o---

Vì Sao Thế Giới Suy Đồi?

Vạn Phật Thành tuy ở thế gian, nhưng có thể nói là nó cách biệt với thế giới bên ngoài. Bởi người thế gian đều thích hưởng thụ, như họ không hút thuốc thì là uống rượu. Nam nữ tham vui buông lung theo dâm dục, khiêu vũ, hút sách v.v... không gì mà họ không làm. Nhưng tại Vạn Phật Thành không có những thói hư tật xấu này. Có thể nói đây là một đạo tràng thanh tịnh, là nơi hoàn toàn khác hẳn với thế gian. Tuy Vạn Phật Thành mở trường đại học, trung học và tiểu học, nhưng chúng ta chỉ chú trọng về chất lượng chứ không coi trọng về số lượng. Mọi người đều phải tuân theo quy củ nề nếp, như vậy mới có thể ở trong Vạn Phật Thành được. Nếu ai không tuân theo quy củ, tuyệt đối không được cùng ở chung. Và Vạn Phật Thành không cần phải đuổi họ đi, mà tự họ cũng cảm thấy ở không được. Cho nên người sống tại Vạn Phật Thành như là đãi cát tìm vàng, tìm người chân thật trong toàn nhân loại trên thế giới.

Những ai đến Vạn Phật Thành, trước hết phải không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Được vậy mới là người đủ tư cách để cư trú ở Vạn Phật Thành. Nếu họ vẫn không sửa đổi những tập khí xấu, thì dù là ông Trời hay Hoàng Đế đi nữa, cũng không

được thâm nhận. Thậm chí Tổng Thống có đến đây, nếu ông ta không giữ đúng quy củ thì cũng không được thâm nhận.

Vạn Phật Thành không phân biệt nghèo giàu, hay sang hèn. Mà mọi người đều là bình đẳng, cùng chung nhau tuân thủ *không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ*. Ai có thể giữ sáu điều kiện này mới được xem là người tốt.

Vì sao thế giới này suy đồi? Bởi vì tranh. Tự mình tranh với mình, là để lừa cạp (dữ) sân hận và lừa vô minh đều chạy tuôn ra ngoài. Người tranh với người, gia đình tranh với gia đình, lớn rộng hơn thì quốc gia tranh với quốc gia. Thậm chí hiện nay địa cầu cũng sanh chuyện xung đột với nguyệt cầu. Do vậy mà chữ tranh sẽ hại chết con người. Nhưng dù có chết rồi, con người vẫn không hiểu được cảnh giới này đâu.

Thứ đến là tham. Đại đa số những nhà cách mạng trên thế giới này đều là do tham. Họ vì tham danh tham lợi, cho nên dẫn đến chuyện giết người và vượt cả quyền hạn mình để đoạt chức phận. Họ cứ tham mà không chán. Do đó họ làm cho thế giới mỗi ngày một thêm hỗn loạn, càng ngày càng đổi khác.

Tật xấu thứ ba là tìm cầu, là cầu lợi cầu danh, cầu trai cầu gái. Con người đều vì có tìm cầu, cho nên họ không thể nào an định được. Khi cầu chưa được thì họ lo lắng, nhưng lúc được rồi thì họ lo bị mất. Cầu cũng có thể hại chết người. Cầu đến chết mà cũng không biết tại sao mình chết.

Thứ tư là người ích kỷ, là người không có tư tưởng đại công vô tư, không có tinh thần xả mình vì người. Cứ luôn đặt mình lên trên trước.

Vì sao con người phải ích kỷ? Vì muốn lợi riêng cho mình, đó tức là tật xấu thứ năm; tiến tới nữa là họ bất chấp thủ đoạn, không nói lời tín nghĩa, lại nói lời giả dối để lừa gạt người, vì vậy mà họ phạm tật xấu vọng ngữ thứ sáu. Bởi vậy người học Phật nên lấy sáu điều kiện này để mỗi ngày tự kiểm thảo mình và lấy đó làm quy tắc cho sự tu hành.

Giảng ngày 15 tháng 10 năm 1985

---o0o---

Cư Sĩ Thuần Đà Cúng Dường

Hôm nay ai nấy đều phát huy ý nghĩa của bản văn kinh Niết Bàn rất rõ ràng chính xác và rất hợp lý. Mỗi cá nhân đều có kiến giải độc đáo và trí tuệ độc đáo. Trong nguồn suối trí tuệ của quý vị, quý vị sẽ lấy không hết, dùng không cạn và nó cứ nối tiếp nhau đến, không ngừng dứt, cũng không bao giờ khô cạn. Nếu biết lợi dụng nó, quý vị nhất định có chỗ cống hiến đối với Phật giáo, khiến cho đạo Phật phát dương một cách quang minh quảng đại. Nếu không biết dùng nó, thì trí tuệ quý vị sẽ mỗi ngày một giảm bớt đi. Tại sao? Bởi bộ não không được dùng tức sẽ thoái hóa thôi.

Lý do mà tôi bảo tất cả quý vị nên lên bục giảng kinh trước, là vì muốn huấn luyện cho quý vị có khẩu tài giảng kinh và kinh nghiệm hoằng pháp. Trong trường hợp này, quý vị nên phát huy nguồn trí tuệ vốn có của mình. Đừng tự buộc chân mình mà không chịu tiến bước, hay mới tới giữa đường liền vạch mức tự giới hạn, không chịu tiến thêm lên.

Quý vị nên hiểu rằng, đây là cơ hội rất khó gặp, bởi vậy chớ có bỏ qua quyền lợi của mình. Bây giờ chính là thời kỳ học tập, nếu như quý vị bỏ lỡ cơ hội tốt này thì sau có hối tiếc cũng đã muộn rồi!

Có hai câu rất tương tự với nhau trong đoạn kinh văn: “*Nhất giả thọ dĩ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, Nhị giả thọ dĩ nhập u Niết Bàn.*” Cho nên có người nêu câu hỏi rằng: “Không biết ai là người Thọ và ai là kẻ Đắc? Người nhận cúng dường đắc, hay người bố thí cúng dường đắc?” Khá lắm! Quý vị mà có nghi vấn đối với câu kinh này, tức quý vị có thể hiểu được đây. Nên hiểu rõ chữ “Dĩ” này, là bao gồm kẻ bố thí và người thọ nhận đều được lợi ích cả. Nếu như chỉ có một bên được lợi ích tức là không hợp lý. Nói cách khác, chẳng những người thọ nhận được lợi ích, mà kẻ bố thí cũng đặng lợi ích luôn.

Ông Thuần Đà cúng dường và đức Phật đương nhiên là người nhận. Có người trong lòng nghĩ rằng: “Chắc là Phật bị đói nên mới tiếp nhận sự cúng dường của ông Thuần Đà.” Có thể nói như thế, nhưng người bị đói tệ hại nhất vẫn là ông Thuần Đà. Tại sao lại nói thế? Bởi Thuần Đà là một công nhân thuộc giai cấp lao động, nhưng ông lại chịu đem tất cả lương thực của mình để cúng dường Phật, gọi là “Xả kỹ vị nhân,” xả mình vì người. Chúng ta có thể suy ra để biết rằng, ông Thuần Đà đã không còn lương thực để ăn. Thế thì chẳng lẽ ông ta bị đói hay sao? Không phải đâu. Vì ông ta đã nhận được Pháp Thực, cho nên nói là: “Thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn.”

Ông Thuận Đà tuy là dân lao động, nhưng ông có tín tâm, kiên tâm, hằng tâm và tấm lòng thành; trong tâm ông không có chút gì là dối trá. Ông cũng không có ý đồ gì, chỉ ước nguyện là Phật sẽ từ bi vạch ra cái căn gốc nghèo cùng của ông và hy vọng Phật sẽ giáng xuống trận mưa Pháp, ngõ hầu tưới nhuần pháp thân khô cằn của ông. Phật biết, Phật thấy tất cả, bởi vậy Ngài mới tiếp nhận sự cúng dường cuối cùng của ông Thuận Đà. Đây là cách nhìn của riêng tôi. Xem bề ngoài ông Thuận Đà như đang biện luận với đức Phật, mà thật ra thì không phải là biện luận. Bởi ông Thuận Đà có tâm lượng rất nhỏ, ông không rõ được đạo lý Phật thuyết giảng, nên mới nói: “Đúng nghĩa thì không phải vậy.” Ông nghĩ rằng những đạo lý mà Phật nói là không đúng. Tại sao? Bởi người nhận sự cúng dường trước tiên thì vẫn còn có phiền não, cũng không đắc được Nhất Thiết Chủng Trí, cũng chưa có thể khiến cho chúng sanh Bồ thí một cách đầy đủ. Còn người nhận cúng dường sau rốt, so ra thì khác, vì người đó đã hết phiền não, không còn cuộc sống hiện hữu về sau và đã đạt được Nhất Thiết Chủng Trí, có khả năng khiến tất cả chúng sanh cúng dường đầy đủ đàn Ba-la-mật. Ông Thuận Đà dùng lý lẽ đó để giải thích. Nhưng sau đó đức Phật đã giảng giải cặn kẽ cho ông hiểu.

Cư sĩ Thuận Đà không phải cố ý bác bỏ ý kiến của Phật, mà bởi vì trình độ cảnh giới của ông, gọi là: “Người ở Sơ địa không biết cảnh giới Nhị địa, người ở Thập địa không biết cảnh giới Đẳng Giác.” Và vì ông không hiểu rõ đạo lý này, cho nên ông muốn nghiên cứu, chứ không muốn nuốt trửng hết để chấp nhận đại mà không câu hỏi sự giải bày, đó là điều dĩ nhiên. Khi nghiên cứu kinh điển, chúng ta cũng nên có tinh thần như thế, là hiểu một cách triệt để. Đừng nên làm qua loa cho xong chuyện và nghĩ rằng mình hiểu tạm tạm là được rồi. Ai có tư tưởng như thế thì không thể chấp nhận được!

Giảng ngày 20 tháng 10 năm 1985

---o0o---

Học Phật Phải Giữ Giới Luật

Chúng ta học Phật, học cả thiên vạn kinh điển, Tam Tạng và Mười Hai Bộ Kinh. Nhưng bất luận học bao lâu đi nữa, việc đầu tiên là chúng ta phải không chế tình cảm mình. Không chế tình cảm là giữ giới luật. Nếu giữ giới luật thì mình sẽ không khóc. Bởi người giữ giới luật đối với mỗi sự việc, họ đều làm tất cả điều lành, không làm các điều ác. Người không giữ giới luật sẽ thường hay khóc. Vì khóc cũng là một điều ác của thân chúng ta, giống

như loại vũ khí của bọn thổ phỉ cướp bóc có thể giết người, đó là biểu hiện cho điều không kiết tường đấy. Nếu trì giới thì quý vị sẽ không dễ khóc. Từ cái khóc hay không khóc, có tình cảm hay không có, nổi giận hay không nổi giận là có thể chứng minh rằng người đó có trì giới luật hay không?

Nếu hiểu giới luật thì đối với tất cả Phật Pháp và quý vị đều có thể thâm nhập được. Nếu không hiểu giới luật, quý vị sẽ giống như vàng mây trên hư không, trôi nổi bồng bềnh, không có căn cơ gốc rễ gì hết. Cho nên là người học Phật, bất luận xem một bộ kinh nào, chúng ta cũng thấy rằng tất cả kinh điển đều dạy người giữ giới luật, chớ đâu có dạy người ta làm điều bộ giả tạo với tác phong sai lệch quá đáng, hoặc là tranh, hoặc là nguy biện. Quý vị thật tình giữ giới luật thì có gì mà ham tranh, có gì mà háo biện luận?

Nếu quý vị không chú trọng đến giới luật, đợi đến lúc xuống địa ngục rồi thì thoát ra không khỏi đâu. Quý vị dối được người nhưng không dối được chính mình. Nếu mình thật sự trì giữ giới luật thì thứ nhất là mình sẽ không khóc. Thế tức là thương hay cười phải không? Cũng không phải vậy.

Trước đây tôi đã nói qua rằng: Ngồi ở đâu cũng đừng lay động đầu gối. Đứng ở đâu cũng không rung quần. Khi mừng chớ cười to như phát cuồng. Lúc nổi giận cũng không cao giọng gào thét. Cho nên gọi là: Nghĩ trước nói sau, vui rồi thì cười, phải nghĩa mới lấy, đến đâu cũng đều nghĩ về người khác, chớ không nghĩ cho cá nhân mình. Cho nên người học Phật, thứ nhất là phải giữ giới luật. Vì sao ai đó có thể không khóc, không cười? Không khóc, không cười tức là có định lực. Người không có định lực mới khóc, mới cười. Quý vị có được định lực thì mới có trí tuệ. Quý vị không có định lực, tức là quý vị không có giữ giới. Quý vị nói mình có trí tuệ, nhưng lại không dùng được chút nào.

Do đó, chúng ta học Phật nhất định phải chú trọng đến việc giữ giới. Giữ giới luật là mình luôn luôn tự xem xét lỗi lầm của chính mình, chớ không phải là để ý đến chỗ sai lầm của người khác. Vì chỉ thấy lỗi người mà chẳng chịu sửa đổi tật xấu của mình thì cũng giống như mình giặt quần áo cho người, trong khi quần áo mình vẫn còn dơ bẩn.

Hôm nay tôi nói với quý vị đều là những lời khuyên bảo tận tình, đều là dạy quý vị ly khổ đắc lạc, liễu sanh thoát tử. Nếu quý vị hiểu được tinh thần của lời tôi nói, thì quý vị mỗi người đều có phương pháp rồi. Còn như quý vị không hiểu, tôi cũng không cách gì cứu giúp quý vị cho được. Dù cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni có đến cũng không cứu nổi quý vị, bởi vì cái tình

cảm mê muội của quý vị đây. Tôi thành thật nói ra những lời này, quý vị cũng nên thật lòng mà nghe, chứ đừng làm tài khôn như bọn quý quái linh tinh.

Giảng ngày 21 tháng 10 năm 1985

---o0o---

Sao Gọi Là Đạo?

Hôm nay chúng ta nghiên cứu về đề tài: Sao gọi là đạo? Đạo tức là con đường mà mọi người đều cùng tuân hành theo. Con đường đạo lộ là gì? Đó là đại công vô tư. Trong quyển Lễ Vận Đại Đồng nói: “Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công.” Đó là chủ đề, đoạn văn tiếp sau chẳng qua chỉ là giải thích nghĩa lý của con đường đại đạo.

Tôi thường nói rằng: “Nho giáo giống như Tiểu học, Đạo giáo giống như Trung học, và Phật giáo giống như Đại học.” Học trò Tiểu học không hiểu bài vở của bậc Trung học, học trò trung học không hiểu bài vở của bậc Đại học.

Có người hỏi: “Nói thế thì có gì làm căn cứ?” Sau khi Khổng Tử hỏi Lão Tử về lễ nghi, Khổng Tử tán dương Lão Tử như con Rồng du phương, lúc ẩn lúc hiện không lường và biến hóa vô cùng. Do đó mà thấy hình như Khổng Tử đã không hoàn toàn hiểu đạo của Lão Tử. Có phải thật là không hiểu sao? Không phải đâu, ông hiểu nhưng không muốn nói ra đây thôi. Vì sao? Bởi học sinh của ông lúc bấy giờ không đủ trình độ. Họ vẫn chưa đến bậc Trung học, cho nên ông không thể giảng pháp môn này.

Lão Tử đối với Phật giáo thì hiểu, nhưng ông cũng không giảng. Vì sao? Bởi lúc bấy giờ con người không đủ trình độ, cho nên ông chỉ nói đạo lý của Đạo giáo mà không nói đến nghĩa lý của Phật giáo. Đạo Nho và Đạo Khổng là mở đường cho đạo Phật. Ngoại đạo là lót đường cho chánh đạo. Và tà giáo là trải đường cho chánh giáo. Họ dọn dẹp trước, làm cho con đường đạo lộ được sạch sẽ để không có vật chướng ngại.

Bàng môn tả đạo là kích động cho tâm con người khai mở cửa trí tuệ, rồi sau đó mới có thể tiếp thu được chất đề hồ cam lộ của Phật giáo.

Khổng Tử nói: “Sáng sớm được nghe Đạo, tôi chết cũng đành lòng!” Điều này nói lên tánh trọng yếu của Đạo và cái chết. Nghe đạo là để hiểu rõ đạo lý

làm người, so ra vẫn còn trọng yếu hơn cái chết. Nếu biết làm người như thế nào rồi, thời chết mới nhắm mắt. Đừng nên nhìn vào chữ mà giải thích ý nghĩa của nó. Quý vị nên chú ý về điểm này! Đây không phải nói là buổi sáng tôi được nghe đạo, rồi đến chiều tối thì tự sát. Nếu mà tự sát thì còn có ý nghĩa gì nữa?

Nghĩa càn cợt của đại công vô tư là không ích kỷ, không tự lợi. Đại công vô tư cũng tức là không có dục niệm ham muốn, là đã thoát khỏi những mối quan hệ với ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù; không tham, không ái. Ai có thể thực hành Lục Đại Tông Chi của Vạn Phật Thánh Thành, tức người đó có đủ tư cách làm Phật tử.

Lục Đại Tông chi: *Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ* này, nếu dùng đạo lý Phật giáo để giảng cũng được, nếu dùng đạo lý Lão giáo để giảng cũng được, dùng đạo lý Nho giáo mà giảng cũng được luôn. Nói tóm lại, giảng giải thế nào cũng được, vì đạo lý này là viên dung vô ngại và rất hợp với logic luận lý học. Thế tại sao không có ai giảng đạo lý đó? Để tôi nói cho quý vị nghe! Đây là Lục Đại Tông Chi mà tôi phát minh ra cho Phật giáo trong thời đại khoa học. Lục Đại Tông Chi này bao gồm các giáo lý của hết thầy tông giáo, là phương pháp rất thực dụng. Nếu giảng về giới luật của Phật giáo, thì giảng tới giảng lui gì cũng đều không rời khỏi phạm vi của Lục Đại Tông Chi đó.

Đạo (道) là do chữ Thủ (首) và chữ Tẩu (走) hợp thành. Thủ là đầu, cũng tức là trước nhất; Tẩu là đi, cũng tức là thực hành. Sự kiện trước nhất là dạy quý vị đi thực hành. Nếu không thực hành thì dù quý vị có nói bao nhiêu cũng đều là giả dối, là lừa phỉnh người. Cho nên có câu: “Nói một trượng, không bằng đi được một tấc.”

Đạo này không phải là đạo nào khác mà chính là đạo làm người. Đạo làm người này so với đạo sanh tử còn trọng yếu hơn nhiều. Có sanh tất có tử, cho dù là những bậc thánh hiền hào kiệt cũng không miễn được cái chết. Nhưng phân biệt thì chết có khi nặng như núi Thái Sơn, có lúc nhẹ tựa lông hồng. Buổi sáng được nghe đạo, đến tối chết là cũng có giá trị rồi. So với người chết không được nghe đạo “đại công vô tư” thì mình hay hơn nhiều. Chữ “nghe” này là hiểu rõ, sau khi hiểu rõ thì mới biết đạo lý làm người.

Lại nói thêm: Đạo là gì? Tức là chân lý, và không ai có thể lật đổ được chân lý này. Chân lý là tuyệt đối không phải là tương đối. Chân lý chỉ có một, chứ không có hai. Đạo này là đạo chung cho tất cả những người tu hành chân

thật. Và Đạo có thể giảng theo Nho giáo, có thể giảng theo Đạo giáo và lại càng có thể giảng theo Phật giáo. Đạo là chân lý. Bất kỳ tôn giáo nào cũng có thể giảng, không có ai là chuyên quyền. Không thể nói là chỉ mình tôi mới được phép giảng, còn người khác thì không được giảng. Nhưng giảng đạo là phải có căn nguyên lịch sử. Quý vị không thể nói về chuyện Khổng Tử đã giảng Phật Pháp như thế nào, bởi vì lúc bấy giờ, e rằng danh hiệu của Phật vẫn chưa được ai biết đến.

Cho nên chúng ta phải hiểu rõ ràng về lịch sử, vậy mới khỏi làm trò cười cho thiên hạ.

Giảng ngày 28 tháng 10 năm 1985

---o0o---

Tâm Bình Đẳng Cúng Dường

Khi cúng dường chúng sanh, chúng ta không thành tâm, nhưng khi cúng dường Phật thì chúng ta mới thành tâm. Nếu có tư tưởng như thế, tức là sai lầm rồi. Hôm nay tôi xin đề cử ra một thí dụ để nói rõ về điểm này. Quý vị chỉ biểu hiện sự cung kính khi cúng dường lương thực cho Sư Phụ, còn khi đem thức ăn cho người khác thì quý vị đâu có thành tâm như thế. Vậy nghĩa là tâm phân biệt của quý vị đang tác quái đây. Quý vị không nên nghĩ như: “Tôi cúng dường người này thì công đức lớn, hoặc cúng dường người kia thì công đức nhỏ.” Nếu ai nghĩ như thế thì dù có đại công đức cũng sẽ biến thành tiểu công đức, còn như công đức nhỏ thì càng biến thành nhỏ hơn nữa.

Vì đức Phật rất lo ngại sẽ không có ai cúng dường cho đệ tử Ngài trong tương lai, cho nên Ngài mới nói: “Cúng dường Phật và cúng dường chúng sanh đều có công đức như nhau.” Phật có tâm đại từ đại bi. Và muốn cho chúng đệ tử có cơm ăn, Ngài mới dạy người ta đừng có tâm phân biệt, xem ai ai cũng như nhau mà nên bố thí một cách bình đẳng.

Quý vị hãy chú ý! Nếu quý vị tranh nhau cúng dường cho Sư Phụ, nhưng lại để chúng đồ đệ của ông bị chết đói, đó là việc làm tàn nhẫn lắm đây! Do đó những thức ăn mà quý vị cúng dường tôi, tôi đều không ăn, vì nếu như hôm nay tôi ăn quá nhiều, đến nỗi đầu óc bị choáng váng, vậy quý vị nói là quý vị có công đức hay không!

Giảng ngày 29 tháng 10 năm 1985

---o0o---

Đàm Thoại Cùng Nữ Tu Sĩ Thiên Chúa Giáo

Người đàm thoại: Hòa Thượng Tuyên Hóa, nữ tu sĩ người Mỹ, người Hoa và các sư cô Hằng Trì, Hằng Đạo, và Hằng Giai ở Vạn Phật Thành.

Thời gian: Ngày 31 tháng 10 năm 1985

Địa điểm: Chùa Kim Sơn, San Francisco, California, Hoa Kỳ

Sư cô Hằng Đạo: Chúng ta vừa cùng các Sư nghiên cứu về cách sáng lập hệ thống học đường rất thành công trong quá khứ của Thiên Chúa giáo, cùng chế độ nghiêm cẩn của những vị Linh mục và các Sư tịnh tu. Căn cứ theo hai mươi năm gần đây, nhiều vị Linh mục và các Nữ tu sĩ đã rời khỏi truyền thống của chế độ tu nhà dòng, và hiện nay có rất nhiều Sư ở một mình.

Hòa Thượng: Tôi vốn rất khâm phục về cách tổ chức và chế độ giáo dục của đạo Thiên Chúa, là có thể bổ túc phần chánh khí trong trời đất. Nếu truyền thống của chế độ Tu Viện bị suy đồi, sa sút thì đây không những là điều bất hạnh cho Thiên Chúa Giáo, mà cũng là niềm bất hạnh cho toàn thế giới. Việc chủ yếu nhất của những vị Linh mục và các Sư là thanh khiết thân tâm, giữ gìn giới luật. Nếu ở riêng một mình thì khó mà đứng vững, vì họ rất có thể sẽ không giữ giới luật và làm trái ngược với các giáo điều.

Sư người Mỹ: Không phải là các Sư thích sống một mình, mà vì trong đoàn thể Giáo hội đang có xu hướng biến đổi. Chúng tôi chỉ là những thành phần của cả đoàn thể này, vì muốn bảo trì sự tự tôn nên chúng tôi mới phải xin độc lập, chứ không phải vì chúng tôi muốn được ở riêng mà thoát ly tu viện.

Hòa Thượng: Phàm việc gì có tốt thì cũng có xấu, có thành tức có bại. Có khi nói rất hay, nhưng khi làm lại rất dở; và lý tưởng vốn rất tốt, nhưng kết quả thực hành thì thường trái ngược với nhau. Tôi không biết phẩm cách của các Linh mục và các Sư như thế nào? Nhưng tôi biết trong Phật giáo, nếu các Thầy Tỳ Kheo hoặc Tỳ Kheo Ni mà ở độc cư thì nhất định là rất dễ phạm giới. Và giới dâm là giới dễ bị phạm nhất. Ngoài ra họ còn có thể phạm những giới khác như: trộm cướp, vọng ngữ, uống rượu, thậm chí đến giới sát, họ cũng có thể phạm luôn nên rất dễ bị đọa lạc. Trừ phi những người có tâm định kiên cố, bất di bất dịch như Kim Cang thì là chuyện khác. Nhưng trên thế gian, người tu hành chứng đắc được Định Kim Cang, rốt cuộc là có mấy ai? Người vẫn là người, đa số đều bị ngũ dục sai khiến đi

vào con đường lầm lạc. Cho nên người tu sống độc cư mà không phạm giới dâm thì thật là quý hiếm như lông phụng, sừng lân đấy! Thậm chí trong tập thể đồng cư chung sống mà vẫn có người không giữ quy củ, hà huống chi là kẻ sống riêng rẽ một mình! Điều đó chúng ta có thể suy ra mà biết!

Sư cô Hằng Trì: Các Sơ vừa giải thích nguyên nhân họ muốn sống độc cư là bởi không cảm phục cấp lãnh đạo và những vị trưởng bối.

Hòa Thượng: Nếu không tín phục các hàng trưởng bối, vậy họ nên tìm người đáng kính phục để y chỉ nương theo. Nếu không lo bảo trì truyền thống và thanh quy, e rằng hai mươi năm sau sẽ không còn người tin theo đạo Thiên Chúa nữa.

Sơ người Mỹ: Đề nghị của Ngài là tìm một vị trưởng bối đáng để chúng tôi khâm phục. Ý Ngài nói là chỉ tìm người trong Giáo hội hay là ngoài phạm vi Giáo hội – tức là kiếm một vị lãnh đạo mà toàn chúng đều nể phục phải không? Nhưng bởi vì căn cứ theo tổ chức giai cấp của Thiên Chúa Giáo, tất cả các trưởng bối đều là người “thọ mệnh của Thiên Chúa” đến lãnh đạo tín chúng. Cho đến tại các trường, học sinh cũng xem thầy giáo giảng dạy là người “nhận Thiên mệnh.” Như đức Cha Pope John có nói qua: “Chúa Trời hiện đang sống ở trong chúng ta.” Nhưng tổ chức cấp bậc thuộc về truyền thống thì đã dần dần tan rã.

Sư cô Hằng Trì: Chúng ta phải làm thế thế nào để bảo trì cho chế độ Phật giáo được cường mạnh đây? Hiện có nhiều người Tây phương đã chuyển niềm tin qua Phật Giáo. Bởi vì chế độ tu viện của tôn giáo Tây phương ngày càng sụp đổ, như đạo Thiên Chúa chẳng hạn, cho nên mới có những người chuyển niềm tin.

Hòa Thượng: Có chỗ không giống nhau, là Phật Giáo căn cứ vào đức hạnh mà cảm hóa con người, là vị phải có sự tu hành thật sự và trí huệ chân thật. Tự đem bản thân mình ra để làm nguyên tắc thì mới có thể làm người lãnh đạo, khiến đại chúng tâm vui ý phục, chứ không phải dùng thủ đoạn quyền lực hay mệnh lệnh để thống trị con người. Do đó, tuy trong chùa Phật giáo đều có vị trụ trì điều khiển cả về hành chánh và những công việc quan trọng, nhưng Phật Giáo không lập ra Giáo Hoàng. Ai có đủ chân đức hạnh thì mọi người tin phục và cung kính, ai không có đức hạnh thì không có người tin tưởng.

Ở đây chúng ta đề xướng Lục Đại Tông Chỉ: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Ai mà hợp được

với Lục Đại Tông Chỉ này, thì có thể làm vị thầy tiêu biểu cho người. Nếu ai làm trái với sáu tông chỉ này, hay nói mà không hay làm thì tức là gạt người. Bởi con mắt sáng suốt của đại chúng nên lâu dần y cũng bị lộ chân tướng, rồi ai này cũng sẽ mất lòng tin đối với người đó. Cho nên trong Phật Giáo không nói đến quyền lực địa vị, mà chỉ căn cứ vào đức hạnh tự nhiên để cảm hóa con người, chứ không dùng thủ đoạn áp bức hay lợi dụng.

Bởi đâu có phải như “Phò thiên tử để sai khiến chư hầu,” mà cũng không phải là nhận lãnh “Thiên mệnh” gì cả. Đó là chỗ không đồng nhau.

Còn một điểm nữa là trong Phật giáo, người tu hành chân chánh không tích trữ của cải riêng tư.

Sơ người Mỹ: Những đạo lý mà Ngài nói thì rất giống với đạo Thiên Chúa trong thời kỳ đầu mới phát triển tại Hoa Kỳ. Lúc gia nhập Giáo Hội, chúng tôi tràn đầy nhiệt huyết và có hoài bão cao cả. (vừa mới đây, Sơ có bày tỏ cảm nghĩ rằng: hiện nay các vị Tỳ-kheo-ni người Mỹ chú trọng về việc giữ giới, họ sống trong kỷ luật nghiêm ngặt với lòng nhiệt thành tràn đầy, điều đó tượng trưng cho một tôn giáo mới đang hưng thịnh. Sơ cảm thấy vài chục năm trước đây, đạo Thiên Chúa tại Mỹ cũng đã từng hưng thịnh một thời, nhưng hiện nay thì đang bị suy sụp.)

Sư cô Hằng Trì: Sơ vừa nói là mỗi tôn giáo đều trải qua những giai đoạn như: thành, trụ, hoại, không. Nhưng Phật Giáo đã có gần ba nghìn năm lịch sử, vậy đây không phải là một tôn giáo mới đang hưng thịnh đâu.

Sơ người Mỹ: Bên đạo Thiên Chúa vẫn còn một số ít người sống trong tu viện, họ vẫn theo cách thức truyền thống ngày xưa và chuyên chú trọng về việc tu tâm dưỡng tánh. Nhưng đối với tình cảnh trước mắt mà nói, phần lớn các Linh mục và các Nữ tu sĩ đã rời khỏi tổ chức truyền thống của Giáo hội rồi.

Sư cô Hằng Giai: Có phải vì nguyên nhân đó mà Thiên Chúa Giáo mất đi sức mạnh chẳng? Ví như một cây cổ thụ to lớn, nếu gốc rễ nó bị chặt đứt thì nhánh lá cuối cùng rồi cũng khô héo. Các vị Linh mục và các Sơ là gốc rễ của Thiên Chúa Giáo, nếu họ đều rời bỏ nhà thờ thì đạo Chúa làm sao đứng vững đây?

Hòa Thượng: Quý vị nên biết rằng, gốc rễ của họ không phải là Linh mục và các bà Sơ, mà căn gốc của họ là Chúa Trời. Do đó, Linh mục và các Sơ nên

bất chước theo tinh thần đại công vô tư của Thượng Đế, là vô nhân, vô ngã mới đúng.

Họ không nên cứ viện cớ để nói: “Cái này là Chúa cho tôi, cái kia cũng là Chúa ban cho tôi, đi đường cũng là Chúa bảo, nói chuyện cũng là vì Chúa muốn, ăn cơm cũng là do Chúa ban cho tôi. Thậm chí đi nhà vệ sinh cũng là do Chúa chỉ huy tôi đi.” Con người đâu có phải là nô lệ của Chúa. Tại sao tự bản thân chúng ta không có đến một chút năng lực nào? Giả sử như tất cả cái gì cũng đều do Chúa ban cho, thế thì ai ban cho Chúa đây? Nếu ai có tâm ý lại như vậy, thì chẳng có triển vọng gì đâu! Các Sơ vừa nói là rời khỏi tu viện để có thể ra ngoài sống độc lập, giả như thật sự quý vị đứng vững được thời tốt, nhưng e rằng không đứng vững nổi đó thôi. Tuy là vậy, quý vị vẫn không thể nói rằng: tất cả cái gì chung quy cũng do Chúa làm chủ tể, thậm chí đến một hơi thở cũng cho là Chúa cai quản. Như đó, phàm người nào mà nói cái gì cũng do Chúa ban cho, thì chúng ta không thể tin tưởng người đó được. Vì đó là thủ đoạn “cậy quyền Thiên Tử để sai khiến chư Hầu,” mượn danh nghĩa Chúa để lừa dối người. Quý vị nên hiểu cho rõ rằng: “Chúa Trời không phải là người máy của chúng ta, mà chúng ta cũng không phải là người máy của Chúa Trời.”

Sơ người Mỹ: Đạo lý mà Ngài vừa giảng tương tự với tư tưởng của những giáo sĩ đi truyền Đạo ở Á Châu vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Nếu Ngài muốn biết hiện nay tín đồ đạo Thiên Chúa quán tưởng như thế nào về Chúa, Ngài có thể tham khảo những tác phẩm của Thomas Merton. Bởi ông ta quan niệm về Chúa có vẻ cởi mở và có nhiều phát minh mới lạ hơn. Vừa rồi Ngài nói Chúa không phải là căn bản...

Sư cô Hằng Trì: (Ngắt lời đính chánh) Không phải vậy. Vừa rồi Hòa Thượng nói Chúa là căn bản...

Sơ người Mỹ: Nhưng chúng tôi không thể làm cho người ta hiểu Chúa là gì, ngoại trừ là dùng một ví dụ như: Hít thở, khi quý vị hít vào một hơi thật sâu, và cảm giác này chỉ quý vị cảm nhận biết, chứ không thể diễn tả được. Lại nữa, quý vị nói rằng Phật Giáo không công nhận Chúa Trời...

Sư cô Hằng Trì: (Lại ngắt lời đính chánh) Không phải vậy! Phật giáo tất nhiên là công nhận Chúa Trời, vì Phật Giáo bao gồm tất cả, không có sự vật gì là ở ngoài phạm vi Phật Giáo.

Sơ người Mỹ: Đó không phải giống như những gì chúng tôi đã nói sao? Tất cả đều ở trong vòng của Chúa, không một vật gì ở ngoài vòng của Chúa.”

Tôi vẫn thường cân nhắc và suy ngẫm về điều này. Và cuộc thảo luận với các vị đây đã đánh thức và thúc giục tôi truy tầm lẽ thật trong thâm tâm tôi.

Hòa Thượng: Có người nói Thượng Đế bao hàm hết tất cả. Giả sử điều đó là đúng thật thì tôi cũng sẵn sàng thừa nhận. Nhưng Thượng Đế có phải thật là như thế không? Đó là một vấn đề đấy. Khi đức Phật ngộ đạo, Ngài kinh ngạc than lên điều mình mới phát hiện: “Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.” Tất cả chúng sanh, bao gồm người và không phải người, cho đến các loại côn trùng nhỏ nhất như muỗi, kiến cũng đều gồm trong đó. “Tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật.” Ai có thể nói ra những lời quảng đại và đại công vô tư như thế?

Bởi vậy, Phật Giáo rất cực kỳ quảng đại và hết sức tinh vi, không gì là không bao quát, không chỗ nào là không bao dung. Tất cả các tôn giáo đều bao gồm trong Phật Giáo.

Người và ta cùng là một thể. Xem như trước mắt thì tín ngưỡng là bất đồng, đó cũng chỉ là tánh phân biệt tạm thời. Nhưng trên căn bản thì người người đều có đầy đủ Phật tánh, mỗi chúng sanh đều có thể thành Phật. Tôi xin hỏi quý vị rằng: Mỗi chúng sanh đều có thể làm Chúa Trời hết, phải không? Quý vị có dám nói như vậy không?

Sơ người Hoa: Chúng tôi cũng có quan niệm tương tự như thế. Chẳng qua trong tâm chúng tôi thường suy ngẫm rằng: Cứu cánh là Chúa ở trong chúng tôi hay ở ngoài chúng tôi?

Hòa Thượng: Sơ nên dùng trí huệ để trả lời câu hỏi của tôi, chứ đừng mập mờ, đừng nói quanh co, đừng ngụy biện. Những lời nói của chúng ta cần phải phù hợp với logic luận lý và có thể vượt qua mọi thử thách.

Sơ người Hoa: Một chút trí huệ tôi cũng không có, ý tôi chỉ là muốn đem giáo lý ra để tham khảo vậy thôi.

Hòa Thượng: Vì sao Sơ không có trí huệ? Sơ học theo Chúa thì nên học trí huệ của Chúa. Chúa đáng lẽ phải ban trí huệ cho Sơ chứ! Tại sao Chúa thiên vị mà không ban trí huệ cho Sơ?

Sơ người Hoa: (Cười) Xin đừng bàn đến chuyện tôi có trí huệ hay không...

Hòa Thượng: Chân lý là tánh tuyệt đối, dù tranh biện như thế nào, quý vị cũng không thể lật đổ được chân lý. Quý vị nghĩ kỹ lại đi! Hôm nay tôi đã thảo luận với quý vị nhiều quá rồi. Lần sau chúng ta sẽ bàn luận tiếp!

Thảo luận ngày 31 tháng 10 năm 1985

---o0o---

Sao Gọi Là Định Kiên Cố?

Sao gọi là định kiên cố? Thì là tâm hằng thường không thay đổi, cũng tức là tâm Bồ Đề không thoái chuyển. Ai có thể thường tinh tấn thì là người ở trong định. Sao gọi là Kim Cang Định? Tức là cái khả năng không bị cảnh giới xoay chuyển và có thể chuyển được cảnh giới. Khả năng này cũng có thể tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, đó là Kim Cang Định. Kim Cang Định không có một hình tướng nào cả, nó chỉ là tâm Bồ Đề bất hoại thôi.

Chúng ta là người tu đạo, khi đạt đến trình độ tương đương, phù hợp thì chúng ta sẽ không còn vọng tưởng, không còn dục niệm, cũng không bị thất tình lục dục sai khiến, cũng sẽ không tùy tiện khóc, tùy tiện cười. Vì sao? Bởi vì chúng ta đã có Kim Cang Định. Hơn nữa, chúng ta sẽ không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Vì sao thế? Vì chúng ta đã có định kiên cố rồi.

Cho nên nói: “Na Già thường trong định, không lúc nào là không định,” (Na Già là Rồng, nhưng đây ý chỉ cho tánh định kiên cố của đức Phật.) lúc nào nơi đâu cũng đều ở trong Định. Về Định này, nếu mức thượng thì thông suốt vạn cổ, còn mức hạ thì đạt đến vạn kiếp, không sau không trước, thời thời đều nhập định. Người tu đạo mà đạt được tâm định như thế, đó tức là họ đang đi đến con đường Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Họ cần phải tiếp tục bước tới, đã tinh thông còn muốn tinh thông hơn nữa và dừng mãi tinh tấn cho đến khi thành Phật.

Quý vị đừng tưởng rằng Kim Cang Định là có hình tướng. Thật ra, nó chính là tâm kiên cố bất động. Quý vị nghĩ thử xem! Nếu không phải là như thế, vậy rốt cuộc đến trình độ nào mới là Kim Cang Định đây? Có người nói: “Tổ sư Ca Diếp nhập Kim Cang Định và không xuất định. Ngay cả khi Phật nhập Niết Bàn, Tổ cũng không hay biết.” Tổ sư Ca Diếp không phải là nhập Kim Cang Định mà là nhập lão định. Bởi Ngài già rồi, thành thử Ngài ngồi mà không động đậy. Mãi cho đến nay, tổ sư Ca Diếp vẫn còn nhập định tại

núi Kê Túc ở Vân Nam, chứ Ngài không có nhập Niết Bàn. Tổ chờ Phật Di Lặc giáng thế đây. Rồi phụng mạng lời di chúc của đức Phật Thích Ca, Tổ sẽ đem y cà sa truyền trao lại cho đức Phật Di Lặc, là vị Phật thứ năm của thời Hiền Kiếp. Khi hoàn thành sứ mạng, Tổ mới nhập Niết Bàn.

Giảng ngày 5 tháng 11 năm 1985

---o0o---

Nguy Cơ To Lớn ở Thời Mạt Pháp

Chúng ta đều sanh ra trong thời đại Mạt pháp, gọi là Mạt pháp, tức là pháp đã đến điểm chót ngọn, nghĩa là sắp đến thời kỳ diệt vong. Đó là lúc ma mạnh pháp yếu, tà thắng chánh suy, cho nên khởi sanh tà thuyết khắp nơi. Loại tà thuyết này nói thì nghe như rất có đạo lý, nhưng nếu đem ra thực hiện thì có thể dẫn đến chuyện vong quốc diệt chủng, khiến cho nhân loại cùng bị diệt tận.

Ai ai cũng biết cái đạo lý thiên nhiên trong trời đất là sanh sanh không ngừng, biến hóa chẳng cùng tận, hễ có âm thì có dương, có tà thì có chánh. Nếu chúng ta làm trái đạo lý âm dương, chánh tà, thì tiền đồ nhất định sẽ đi đến chỗ diệt vong. Hiện nay toàn thế giới đều sợ chứng bệnh AIDS, Trung Hoa gọi là Ái Tử Bệnh. Từ cái danh từ này, mình cũng nên biết bệnh nhân làm sao mà chết. Là vì họ yêu đương loạn xạ, không giữ nề nếp chánh đáng và làm trái với việc sinh lý.

Hễ đi đến đâu là họ đề xướng, tuyên truyền đồng tính luyện ái, làm nhân tánh mê muội, khiến con người không phân biệt được chánh tà, chẳng biết rõ thế nào là đúng, cái gì là sai. Họ lại còn muốn yêu cầu cho đồng tính luyện ái được hợp pháp hóa nữa. Nếu điều đó thật sự được hợp pháp hóa, vậy thế giới quả là không còn chân lý gì để nói nữa! Bệnh Aids cũng là do đồng tính luyện ái mà dẫn đến.

Kinh Dịch có nói: *“Nhất âm nhất dương chi vị đạo, thiên âm thiên dương chi vị tật,”* tức một âm một dương gọi là đạo, còn nghiêng về âm hoặc nghiêng về dương thì gọi là bệnh.

Có ngày ắt có đêm, có thiện tức có ác, có nghịch thời có hiếu, có thiên tức có địa, đó là hiện tượng rất bình thường, cũng là cái đạo lý tương đối của vạn vật. Cho nên các bậc Thánh nhân đời xưa lập định ra lễ nhạc là dựa theo căn bản việc: *“Nam nữ cư thất, nhân chi đại luân,”* tức nam nữ chung sống là

đạo luân thường to tát của nhân loại, như nói: Trai ba mươi cưới vợ, gái hai mươi gả chồng” là vậy. Đó là đạo luân thường rất chánh đáng trong đời đất. Luân thường là: quân thần, phụ tử, phu phụ, trưởng ấu, bằng hữu. Bát đức là: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm và si. Chúng ta nên dựa theo bát đức để làm người. Nam không thể ở chung với nam, nữ không thể ở chung với nữ. Nếu không, như vậy là trái với luân thường đạo lý con người.

Nhưng trong thời Mạt Pháp, yêu ma quỷ quái xuất hiện khắp nơi trên thế gian. Chúng công khai đề xướng những thứ lý luận sẽ làm cho nhân loại bị tiêu diệt, khiến cho quốc vong, diệt chủng. Nếu ai nấy cũng trở thành đồng tính luyện ái thì quốc gia sẽ không có con người. Khi quốc gia không có người thì thế giới cũng không có nhân loại. Nhưng trời đất chờ không nổi chuyện đó nên đã bảo nhân loại tự đầu độc mình cho chết đi, để diệt hết nhân chủng loài người và quốc gia cũng không còn nữa. Thế là có bệnh Aids xuất hiện, cho đến ngày nay vẫn chưa nghiên cứu ra được thuốc chữa trị. Bệnh này khiến thân thể người bệnh mất đi sức đề kháng, một khi nhiễm phải bất cứ bệnh gì vào thân là chết ngay. Bệnh này là do đồng tính luyện ái lấy độc công độc, bởi vậy việc chế tạo ra bệnh này so với bom nguyên tử nó còn tệ hại hơn nhiều. Tôi nói cho quý vị biết vấn đề này, dù cho bọn yêu ma quỷ quái nghe rồi không vui, tôi vẫn cứ nói. Đây là một đại tai kiếp, là thời kỳ rất nguy hiểm, chúng ta không thể không nói cho rõ ràng. Mọi người nên đồng tâm hiệp lực niệm danh hiệu Quán Âm Bồ Tát, ngõ hầu cứu vãn tai kiếp lớn lao này.

Cho nên nói là:

*“Phân nô sanh hoan hỷ,
Người chết biến thành sống,
Mình tưởng đó là lời dối,
Nhưng chư Phật không có vọng thuyết.”*

Bồ Tát Quán Âm có đại oai thần lực, Ngài có thể khiến kẻ sân hận sanh tâm hoan hỷ; và người đáng lẽ sẽ chết thì có cơ hội được sanh tồn trở lại. Hoặc như quý vị không tin mà bảo đó là giả dối, nhưng quý vị nên biết sự thần thông diệu dụng của Ngài Quán Âm Bồ Tát và chư Phật thời quá khứ là không nói dối hay đặt điều. Cho nên mọi người nên quy mạng đức Quán Âm Bồ Tát, mong Ngài cứu hộ cho nhân loại khỏi nạn diệt vong này.

Giảng ngày 7 tháng 11 năm 1985

---o0o---

Vì Sao Trước Khi Nhập Niết Bàn, Phật Không Nhận Cúng Dường?

Khi Phật sắp nhập Niết Bàn, vì sao Ngài không nhận cúng dường? Bởi Phật đã đạt thành thân kim cương bất hoại, cho nên Ngài không ăn uống. Việc ăn hay không ăn đối với Ngài chẳng có quan hệ chi, tức là ăn cũng được, không ăn cũng được. Đâu có giống như chúng ta, hễ thiếu ăn một bữa thì khổ sở như là thiếu hụt dữ lắm vậy. Thậm chí nếu không ăn no, mình cảm thấy như bị lỗ vốn một cách nặng nề.

Thiền tông có câu danh ngôn:

“Trọn ngày ăn cơm, nhưng chưa ăn một hạt gạo. Cả ngày mặc áo, mà chưa mặc một sợi tơ.”

Câu nói này có phải là vọng ngữ không? Nếu phân tích kỹ càng, chúng ta sẽ thấy rất có đạo lý. Vị đó tuy có ăn cơm, mặc áo, nhưng tâm ông ấy không có ở đấy. Thế thì tâm ông ấy ở đâu? Tâm ông ấy đang niệm niệm, nhất tâm nhất ý tham cứu thiền thoại đầu. Chưa đến lúc “nước cạn đá lộ” thì ông chưa buông lỏng. Như thế mà ông khắc ghi kỳ hạn thủ chứng để làm mục tiêu.

Đức Phật Thích Ca nói: *“Sau khi ta nhận dùng bát cháo sữa của nữ mục đồng, ta bèn đến gốc cây Bồ-đề tu hành và thành Chánh Giác.”* Uống xong bát cháo sữa, thân thể Ngài được khôi phục, mạnh khỏe trở lại. Nhưng nếu Ngài không ăn thì cũng được thôi. Khi Phật ở Tuyết Sơn tu khổ hạnh sáu năm, nơi đó không phải tại Hy Mã Lạp Sơn, mà là vùng phía nam sông Hằng. Mỗi ngày Phật chỉ ăn một hạt mè, một hạt lúa mạch mà cũng không chết đói. Tuy ốm như que củi, nhưng tinh thần Ngài vẫn rất khỏe mạnh. Bởi thế mới nói là đức Phật ăn cũng được, không ăn cũng được, không có vấn đề gì.

Do bởi Phật có ăn hay không thì cũng được, cho nên trước khi nhập diệt, Ngài mới thọ nhận sự cúng dường cuối cùng của ông Thuần Đà. Mục đích của Ngài là vì nghĩ đến đại chúng. Thế nào là vì đại chúng? Làm sao mà Ngài có thể thay mặt đại chúng để ăn? Như có câu: *“Tự mình ăn thì tự mình no, tự mình sanh tử thì tự mình dứt.”* Nói cách khác, Phật vì đại chúng trong pháp hội nên đã nhận lần cúng dường sau cùng của ông Thuần Đà. Ngài nhận cúng dường cũng vì chúng tôi, vì quý vị và tất cả chúng sanh hiện nay.

Vì sao lại nói như thế? Bởi vì Phật từ bi giúp duyên cho chúng sanh gieo trồng chút ít phước căn. Nếu Phật không ăn uống, chúng sanh chúng ta sẽ không có nơi để gieo phước báu. Phật vì cho chúng sanh trồng phước điền, cho nên Ngài không ăn mà ăn, ăn mà không ăn. Nếu như Phật không ăn thì chúng sanh sẽ không có nơi để trồng phước điền, mà đệ tử Phật cũng chẳng có cơm để ăn.

Phật hoàn toàn vì đệ tử mà nhận của cúng dường, gọi là: “*Nê long tuy bất năng giáng vũ, kỳ vũ tất giả long; Phàm tăng tuy bất năng chủng phước, cầu phước tất giả tăng,*” nghĩa là rồng đất tuy không thể làm mưa, nhưng muốn cầu mưa tất phải dùng rồng giả. Phàm tăng tuy không thể trồng phước, nhưng muốn cầu phước tất phải nhờ phàm tăng. Đây là có sự hỗ trợ lẫn nhau chứ không phải mê tín. Vì ứng theo cơ duyên của chúng sanh mà Phật miễn cưỡng tiếp nhận sự cúng dường, chứ không phải cho rằng Phật sao mâu thuẫn, ăn rồi lại nói không ăn. Chúng ta phải hiểu rõ điều này, vì đây cũng là để phá tan sự chấp trước của con người.

Cư sĩ Thuần Đà tuy là người làm công, nhưng ông đã cúng dường với tấm lòng thành khẩn, thiết tha, không có chút ý đồ gì. Vì thế Phật mới nhận sự cúng dường của ông. Ông tự bảo rằng mình có căn gốc nghèo cùng (không có Tam Bảo), cho nên ông hy vọng đức Phật sẽ bạt trừ cái cùng căn đó đi. Bởi vì mục đích duy nhất của ông là muốn gieo căn lành cho chúng sanh, chứ không phải cho chính mình. Đó là tinh thần của Bồ Tát vậy.

Con người chúng ta không nên sợ cái căn nghèo cùng. Vì căn nghèo không thể chướng ngại được con đường đạo, mà chỉ sợ có căn ma thôi. Căn ma tức là tà tri tà kiến. Nếu người có tà tri tà kiến, bất luận tu pháp môn nào, họ tuyệt đối sẽ không bao giờ có được sự tương ứng. Dù cho họ có bản lãnh gì đi nữa thì cũng như là nói về thức ăn mà không được ăn, là đếm tiền dùm cho người, bận rộn vì người khác mà tự mình không được sự lợi ích gì cả.

Cư sĩ Thuần Đà làm những việc mà người khác không thể làm, nhưng được cái mà người ta không thể nhường, cho nên ông đã không tranh giành với một ai. Khi mọi người đã cúng dường xong hết, ông mới cúng dường. Tuyệt đối là ông không có giành trước với ai. Tôi tin rằng thời gian ông ta chờ đợi rất là lâu. Hơn nữa ông ăn những thứ người khác không thể ăn, chịu đựng những gì người khác không thể chịu đựng. Do đó ông mới là bậc long tượng trong giữa muôn người. Bởi vì ông Thuần Đà có đầy đủ hai chữ “chân thành,” cho nên đức Phật mới tiếp nhận sự cúng dường của ông. Vì sao ông Thuần Đà có được cái nhân duyên đó? Bởi kiếp xa xưa kia ông đã tu phước,

tu huệ, tu đạo và tu đức. Do nhiều công đức tu hành đó, cho nên đời này ông mới có thể làm được một vị bồ thí viên mãn.

Giảng ngày 8 tháng 11 năm 1985

---o0o---

Muốn Thành Phật Tất Bị Ma Phá

Vạn Phật Thành là nơi các Thánh nhân tu đạo, cho nên ma vương đến nhiều loạn tâm người tu đạo thanh tịnh. Vì muốn chiến thắng Thánh nhân và chiếm độc bá một phương, cho nên Ma vương mới gây phiền phức khắp nơi để Thánh nhân phải đầu hàng và quỳ gối xưng thần. Quý vị nên kiên nhẫn, đừng thối chí và tuyệt đối không được dựng cờ trắng đầu hàng. Quý vị phải phấn đấu cho đến cùng và thắng lợi sau cuối sẽ thuộc về quý vị. Cho nên nói: “Muốn thành Phật ắt bị ma phá, muốn làm người tốt thời oan nghiệt tìm.” Kẻ không có đủ đức hạnh sẽ tùy theo gió thổi bập bênh nổi trôi rồi đọa lạc. Người có đủ đức hạnh sẽ không bị ma vương làm dao động. Tại sao vậy? Bởi đời đời kiếp kiếp họ đã có căn tu hành thâm hậu, thành thử bất cứ ma gì họ cũng không sợ.

Tật xấu mà chúng ta thường hay phạm là thích được người ta tán thán và ưa được tâng bốc. Như khi được người khen một câu thôi là mình đã thấy lâng lâng mê mẩn tinh thần rồi. Vậy làm sao thành được Phật đây? Tự chính mình cũng không biết, không rõ. Nếu có thể giữ giới và tu định, chúng ta sẽ có trí huệ. Khi đã có trí huệ rồi, chúng ta sẽ không động tâm bởi những lời khen chê, phỉ báng. Nếu ai phỉ báng mình, trong lòng mình cũng không chút gì bực bội; nếu có người khen mình, lòng mình cũng không chút gì mừng vui.

Thực ra, sự khen chê hoặc phỉ báng chỉ là những thứ gió của thế gian, gọi là “*Tám gió thổi không động.*” Sao gọi là bát phong, tám gió? Đó là xung, cơ, khổ, lạc, lợi, suy, hủy, dự; tức là: khen ngợi, chê bai, khổ sở, vui vẻ, lợi lộc, suy yếu, hủy báng và danh dự. Nếu bị tám gió này thổi đến mà tâm bị dao động, thế tức là quý vị không có nền tảng vững vàng.

Cái gì gọi là nền tảng? Đó là đức hạnh. Người không đủ đức hạnh thì tánh tình rất nóng nảy, vô minh cũng rất nặng nề. Người có đức hạnh sẽ không nóng giận, và có thể biến hóa vô minh thành trí tuệ. Cho nên, chúng ta tu hành là phải lo bồi dưỡng đức hạnh.

Người học Phật phải chú trọng đến đức hạnh và không được làm những chuyện thất đức, vì đó là chân đế của sự tu hành. Muốn tiêu trừ nghiệp chướng, chúng ta phải cúng dường. Vì cúng dường có thể bồi phước, bồi huệ, cho nên chúng ta phải tu đạo, tu đức. Bằng không, dù chúng ta có tu Lục Độ cũng chẳng có tác dụng đâu. Lục độ được lập ra là để cho chúng ta chuyên tu đạo, tu đức. Người tu hành nếu không chú trọng đến đạo đức thì sẽ tạo nghiệp!

Giảng ngày 9 tháng 11 năm 1985

---o0o---

Tư Tưởng Của Bồ Tát

Vì sao đại chúng khen ngợi ông Thuần Đà? Bởi vì ông làm việc chân thật, chứ không tránh việc dễ cầu an. Bất luận làm việc gì, ông đều thật lòng làm, không dối gạt người. Do bởi ông làm việc gì cũng đều viên mãn và chu đáo, cho nên mọi người mới tán thán ông.

Cư sĩ Thuần Đà là người làm công, đến đâu ông cũng làm công cho người. Người ta mướn ông làm giá một đồng, nhưng công ông làm bằng gấp đôi tiền họ mướn. Như thế gọi là viên mãn. Ví như đa số công nhân đến sở làm việc lúc tám giờ sáng, còn ông thì sáu giờ sáng đã đến nơi làm việc. Vậy là ông làm việc nhiều hơn người ta hai giờ. Năm giờ chiều thì ngừng làm việc, nhưng bảy giờ ông mới rời xưởng, tức là ông lại làm trội thêm hai giờ nữa. Tôi tin rằng tình hình làm việc của ông là giống như thế, nếu chẳng phải vậy thì ông làm sao mà được người ta khen tụng?

Thuần Đà là người làm công thật thà, ông chỉ sợ mình có lỗi với người, chứ không sợ người ta chẳng biết điều với mình. Ông luôn luôn hồi quang phản chiếu, tự trách mình và tìm khuyết điểm của bản thân chứ không quay ra oán trời trách người. Bao giờ ông cũng nghĩ người ta là đúng, còn mình là không đúng. Vì có tư tưởng như vậy nên ông mới được người ta tuyên dương.

Vì sao ông Thuần Đà thanh tịnh? Bởi ông không có ba độc tham, sân, si, cho nên lâu dần ông trở nên hoàn toàn thanh tịnh. Hơn nữa, chuyên cần tu Giới, Định, Huệ và ngừng dứt tham sân si, cũng chính là bí quyết của người tu hành. Trong mỗi chúng ta ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm, vậy chúng ta nên lấy cái ưu điểm để bổ túc cho chỗ khuyết điểm của mình. Có thể mới hợp với trung đạo.

Cư sĩ Thuần Đà nhất định là đã hết lòng tận lực làm việc cho người, đúng như câu nói “vì dân phục vụ.” Thái độ phục vụ của ông rất tốt, rất hăng hái và không giả dối. Ông làm việc gì cũng mau lẹ, lại tính tiền công với giá rẻ, khiến cho mọi người đều vừa ý. Nếu lúc đó trong tâm ông có dụng ý không chánh đáng, thì ông đâu được thanh tịnh. Nói cách khác, hề có ý đồ, có tham lam tức là không thanh tịnh.

Riêng ông Thuần Đà thì không có những thứ tư tưởng như thế. Ông luôn tận lòng làm nghĩa vụ, tình nguyện phục vụ cho người mà không cần ai biết đến. Đó là tư tưởng của Bồ Tát. Vì Bồ Tát cũng có khi thị hiện trong giai cấp công nhân như thế. Ông Thuần Đà có công đức vì ông không để người khác biết, không để người ta thấy những việc ông làm, do vậy ông mới được thanh tịnh một cách viên mãn. Mọi người hãy suy ngẫm lại một chút đi. Nếu đúng thì quý vị nên ghi chép và lưu giữ làm tài liệu tham khảo, còn không thì hãy bỏ qua, xem như không có chuyện đó vậy.

Giảng ngày 15 tháng 11 năm 1985

---o0o---

Nhận Giả Mà Không Nhận Thật

Người thế gian nói lời giả dối thì nhiều, nói lời chân thật thì ít. Cũng như có nhiều người nói dối, và ít có người nói thật. Quý vị thử nghiên cứu xem, tại sao lại có tình trạng như vậy? Tại sao người ta học tánh không thật thà? Tại sao ở đâu họ cũng muốn nói dối? Tại sao người ta thích nói láo, mà không thích nói thật? Bởi trên đời này, ít người chân thật, lại nhiều kẻ giả dối; kẻ đạo đức giả thì nhiều, người thành thật thì rất ít. Nếu quý vị thuận theo thế thái nhân tình nói lời tốt đẹp thì ai nấy cũng đều ưa thích, còn nếu quý vị nói câu chân thật thì không ai ưa. Tại sao vậy? Bởi người đời thường thích giả dối chứ không thích chân thật. Cho nên gọi là: *Nhận giả bất nhận chân*. Đó là tâm lý của một số người, tuy biết rõ là giả dối nhưng họ vẫn tham luyện không chịu buông bỏ.

Cư sĩ Thuần Đà là người thật thà. Tuy gia cảnh rất nghèo khổ, nhưng ông luôn nói lời chân thật. Ông không giống như ma vương Ba-tuần, chuyên nói lời tốt đẹp và bảo rằng thân chú của mình có thể cứu sống người. Đó là những lời đường mật, hồ đồ, khiến người nghe toàn thân muốn phát lãnh nổi da gà. Ông Thuần Đà rất là thành thật. Ông không khoe khoang là mình đã cúng dường thực phẩm với đầy đủ hương sắc vật liệu phong phú như thế nào, hay mùi vị ra sao. Lời nói của ông rất khiêm tốn như: “*Nguyện Thế Tôn*

từ bi, thương nhận cho lần cuối cùng của chúng con!” Giống như người Trung Hoa đãi khách, tuy rượu chè và thức ăn đầy bàn, nhưng họ vẫn khiêm tốn nói với khách: “Hôm nay xin đãi sơ sài, chẳng có món chi đặc sắc!”

Nói đến đây, tôi lại nhớ tới một câu chuyện. Ngày xưa có vị phú ông, vì sanh được con trai nên ông bèn mở đại tiệc ăn mừng. Ông mời rất đông khách, thành thử “bạn bè cao sang đầy bàn, khách quý đông đảo như mây hội.” Ông lại thỉnh ba vị Hòa Thượng đến tụng thần chú kiết tường và nói vài lời kiết tường để ca tụng chúc mừng vậy. Có người trong đám khách nói: “Con trai của ông nhất định sẽ được vinh hoa phú quý, sống trường thọ đến trăm tuổi.” Người khác lại nói: “Cháu bé sẽ có phước, có lộc, có thọ và nó sẽ ít bệnh, ít tai, ít họa.” Chủ nhân nghe những lời kiết tường này thì mặt mày hớn hờ, thích thú không thể tả, bèn dâng rượu mời khách.

Còn về phía ba vị Hòa Thượng, có vị tụng chú kiết tường, có vị nói lời kiết tường, nhưng trong đó lại có vị nói lên lời chân thật rằng: “Trong tương lai con trai của ông nhất định sẽ phải chết.” Chủ nhân vừa nghe liền nổi trận lôi đình. - Không thể nào! Sao Thầy lại trù nó chết hả? Thế là ông đem Hòa Thượng ra đánh cho một trận. Vị Hòa Thượng đã dày công tu nhẫn nhục, thành thử lòng không oán giận. Trái lại, nét mặt ông vẫn hòa nhã mà nói với chủ nhân: “Cư sĩ! Ông đã không nhận ra chân lý, mà lại còn ưa thích nịnh hót. Thật ra, họ có thật biết tương lai con của ông là sẽ được giàu có, hay trường thọ không? Đó chẳng qua chỉ là những từ ngữ tán thán, khen tặng mà thôi. Nay ta nói tương lai con ông sẽ chết, đó là lời chân thật. Không những chỉ có con ông sẽ chết, mà tất cả con người trên thế giới này, ai ai cũng đều phải chết. Có ai là không chết đâu? Tự ông đã không giác ngộ chân lý này, mà lại còn đánh ta, ông quả là người quá ngu si!”

Vị chủ nhân sau khi nghe xong, ông cảm thấy có đạo lý và sanh tâm sám hối. Từ đó về sau, ông kính tin Tam Bảo và ủng hộ đạo tràng. Nếu vị Hòa Thượng đó cũng nói những lời tốt lành giống như bao người khác, thì không có cách gì khiến cho phú ông cảm động mà tin nơi Phật, và tin vào đạo lý cho được.

Chúng ta chớ có thích nghe những lời tán tụng, và cũng đừng mãi nguyện say đắm về tự ngã, hay tự khoe khoang, khoác lác về mình. Chúng ta nhất định phải nên khiêm tốn và hòa ái. Đối với người, ta không kiêu ngạo, không ngã mạn và cần có tinh thần từ bi hỉ xả, phổ độ chúng sanh. Quý vị thử nhìn xem! Tại sao Ấn Độ có bốn loại giai cấp? Bởi có hạng người vì lúc

xa xưa đã khinh khi kẻ bần cùng, cho nên kiếp này họ mới sanh làm người hạ tiện. Đó chính là tiền nhân hậu quả, thật không sai sót!

Chúng ta nên hiểu rõ về nhân quả, và tin cái đạo lý - nhân nào thời quả đó. Và dù có ở đâu đi nữa chúng ta cũng phải chân thật làm việc, không thể giả dối chút nào. Vì nếu chỉ dối trá một chút thôi, chúng ta cũng phải lãnh chịu quả báo. Cho nên nói: *“Nhân địa bất chân, quả chiêu vu khúc,”* tức là nhân không ngay thì quả cong queo.

Quý vị! Trồng đậu được đậu, trồng dưa được dưa, trồng lúa có lúa, gieo nếp được nếp. Đạo lý này quyết không sai chạy một mảy may. Quý vị mà làm những chuyện điên điên đảo đảo, rốt cuộc cũng là tự mình gạt mình, chứ không gạt được mọi người đâu.

Giảng ngày 20 tháng 11 năm 1985

---o0o---

TỪ BI HỖ XẢ ĐỐI TRỊ TAM ĐỘC

Tâm độc con người là do ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo thành. Đó là vì người ta không có tâm từ bi hỷ xả. Cho nên con người bị đọa lạc đời này sang đời khác và tạo nghiệp ác ngày càng nhiều thêm. Các nghiệp đó tích tập lại từ ít thành nhiều, vì thế độc tố trên thân thể người ta mỗi ngày một thêm sâu đậm. Loại độc này không có thuốc chữa trị, rồi lâu dần sẽ biến thành rắn, rết, bò cạp v.v... Những loài động vật này: miệng có độc, đuôi có độc, chân có độc, thân cũng có độc. Tóm lại, có các loại độc hại như vậy, hễ nhẹ thì làm người hôn mê, còn nặng sẽ khiến cho người ta mất mạng. Quả thật đáng sợ vô cùng.

Con người nên có lòng từ bi. Đối với người hay đối với sự việc gì, chúng ta cũng nên chung sống trong cảnh hòa bình và đối đãi với nhau bằng tấm lòng chân thật. Tất cả đều là nghĩ đến người khác, chúng ta không được dùng thủ đoạn cay độc để áp bức người. Người học Phật không được bác bỏ nhân quả, mà phải hết sức chú ý đối với chuyện nhân quả báo ứng! Giả như có người công kích quý vị một cách vô lý, hoặc họ dùng lời lẽ phi báng, hoặc dùng hành động hãm hại quý vị, quý vị nên xử lý với họ bằng thái độ điềm tĩnh, không chông đối. Quý vị nên dùng tâm từ bi mà cảm hóa người, gọi là: *“Lấy đức báo oán,”* khiến họ hồi tâm chuyển ý, biết ăn năn sám hối. Chúng ta nên học theo tinh thần của Bồ Tát Di Lặc, tức là Nhẫn! Nhẫn! Nhẫn! Như vậy thì đao thương tự nhiên sẽ biến thành gắm vóc; mưa sẽ tạnh, trời lại

trong, sóng cũng yên, gió cũng lặng. Bằng không, nếu mình không có đủ định lực, không có tánh điềm đạm, chuyện nhỏ thì chửi bới, chuyện lớn thì đánh nhau. Kết quả là hai bên đều bị tổn thương, để rồi cũng như con trai, con cò tranh nhau, rốt cuộc ông câu được lợi, và bọn chúng lại trở thành sản phẩm hy sinh.

Lúc xưa có vị Phật Sống của chùa Kim Sơn vì có định lực nên chẳng sợ bất cứ loại độc hại nào. Bởi Ngài dùng lòng đại bi cảm hóa tất cả những loài động vật có độc, cho nên chúng trở thành bạn thân và tuyệt đối không phá hại Ngài. Trong phẩm Phổ Môn có nói: “Phàm hễ ai niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì có thể cảm hóa”, khiến loài vật có độc cải ác hướng thiện và sẽ không nhiều hại con người. Khi nghiên cứu Phật Pháp, chúng ta nên thông suốt các ý nghĩa và hiểu rõ lý lẽ bên trong, có vậy mới được xem là người chân chánh học tập Phật Pháp.

Nhiều người có tư tưởng ham thích những chuyện cao xa, những cái kỳ lạ, diệu huyền. Họ chuyên dụng công vào mấy thứ cảnh giới như thế. Đó là có tư tưởng sai lầm! Chúng ta nên ở tại nơi Từ, Bi, Hỷ, Xả mà dụng công phu. Vậy dụng công phu như thế nào? Trước hết là chúng ta nên dụng công ở chỗ không tranh, không cầu, không tham, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Đạo lý này tuy nông cạn, nhưng trước tiên chúng ta phải nắm chắc chỗ nông cạn đó, vì từ gần sẽ đến xa và từ cạn mới đến sâu. Chúng ta không nên bàn tán đến những chuyện huyền diệu xa xa, hay lý luận tràng giang đại hải, để rồi không ai hiểu nổi, vậy chẳng ích lợi chút nào.

Cho nên nói: “Nên quán tánh pháp giới, tất cả do tâm tạo.” Tâm có thể tạo thiên đường, tâm có thể tạo địa ngục. Mười Pháp Giới không ra ngoài một tâm niệm, do đây chúng ta có thể biết rằng: *Tâm niệm nhất động, nghiệp ảnh tùy chi*, tức là tâm niệm vừa khởi, bóng nghiệp liền theo. Người xưa có nói:

*Ba chắm như chùm sao
Lưỡi câu như trăng khuyết
Mang lông từ đây ra
Thành Phật cũng từ đây.*

Đó là diễn tả về cách cấu tạo của chữ TÂM, do vậy chúng ta có thể hiểu rõ được tâm tánh của mình. Nếu đã hiểu rõ được tâm mình rồi, thì giận hờn gì cũng không còn nữa. Tất cả những tranh giành, tham lam, tìm cầu, nhất nhất sẽ không có nữa. Lúc bấy giờ chúng ta mới tự tại thật sự, mới giải thoát thật sự, mới hiểu rõ thật sự về ý nghĩa làm người.

Con người vốn sẵn có Phật tánh, mỗi mỗi chúng ta đều có đầy đủ hết. Tuy nhiên, chúng ta lại vứt đi Phật tánh của mình, bỏ cái gần để tìm cái xa và bám níu vào cái bên ngoài. Chúng ta tìm kiếm những thứ rác rưởi, rồi cho là vật quý giá và xem như bảo bối. Đó thật là vừa tức cười, lại vừa đáng thương hại thay! Tôi hy vọng mọi người đều biết nhận thức ra điều này mà hạ thủ công phu, giữ lòng trong sạch, bớt ham muốn và đừng cạnh tranh với đời.

Có người nói: “Tất cả những gì trên thế giới, từ sơn hà đại địa, phòng xá nhà cửa, cho đến cây gai cỏ độc và đất, cây, cát, đá đều là do tâm tạo thành.” Nếu đã biết tất cả đều do tâm tạo, vậy tại sao chúng ta không quét sạch hết rác rến trong tâm để trang nghiêm cho thế giới ở vị lai? Thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà được tạo thành, là do lúc xa xưa Ngài vì muốn cho chúng sanh thoát khổ được vui. Do Ngài đã siêng năng tu Lục Độ Vạn Hạnh, và hồi hướng công đức mà tạo ra thế giới Cực Lạc.

Chúng ta cũng nên tạo cho được một thế giới Cực Lạc. Vậy phải tạo như thế nào? Trước hết là chúng ta phải không có thất tình. Thất tình là gì? Đó là hỷ, nộ, ái, cụ, ái, ô, dục; tức là vui, giận, buồn, sợ, yêu, ghét, ham muốn. Khi chúng ta điều phục được bảy thứ tình cảm đó, thì chúng sẽ không thể nào tạo phản dấy loạn nữa. Lúc bấy giờ tâm chúng ta sẽ thái bình vô sự, chuyện khổ sở gì cũng không còn. Vì sao có khổ sở? Vì tâm không được bình yên. Và nếu không có những chuyện khổ, chỉ toàn thọ hưởng các điều vui, như vậy là thế giới Cực Lạc của nhân gian rồi.

Một khi chưa hàng phục được thất tình, đó có thể vì chúng mạnh mẽ thái quá hay là yếu ớt bất cập, không phù hợp với trung đạo, cho nên chúng ta mới điên điên, đảo đảo. Nếu chúng ta hiểu rõ thất tình và có thể hàng phục được chúng, khiến chúng đừng gây sóng gió, tức là chúng ta đã hàng phục được tâm. Bởi thất tình từ trong tâm sanh ra, cho nên khi trong lòng hoan hỷ hay bực tức, đó đều là vì tâm đang bị xoay chuyển theo cảnh giới. Bây giờ chúng ta đã tìm ra căn gốc, vậy chúng ta sẽ không còn mê hoặc và cũng sẽ làm cho bọn thiên ma ngoại đạo phải hàng phục. Tại sao thiên ma ngoại đạo đến quấy nhiễu tâm mình? Bởi chúng ta đã dùng tâm tình cảm của mình một cách quá độ. Một khi hướng cầu bên ngoài, tâm chúng ta sẽ không an tĩnh. Do đó chúng ta đã dẫn dắt ma mị vào trong tâm mình để làm chủ nhân ông. Nếu chúng ta nghe theo mệnh lệnh và chịu sự chỉ huy của nó, vậy là chúng ta không còn quyền tự chủ và sẽ làm nô lệ cho nó thôi.

Giảng ngày 29 tháng 11 năm 1985

Tu Đạo Thì Không Cầu Bên Ngoài

Ai có thể hàng phục được mười tám giới: sáu căn, sáu trần, và sáu thức, khiến chúng đừng tạo phản thì người đó chính là Bồ Tát. Ai có thể dọn sạch tình cảm của mình để không còn lồi thối nữa thì người đó chính là Bồ Tát. Bồ Tát thì không cười, cũng không khóc. Dù bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, Bồ Tát cũng đều tự tại, không câu thúc, không quái ngại, không phiền không nã, không sanh không diệt, không cầu không tịnh, không tăng không giảm. Người học Phật nên phải dụng công phu ngay tại chỗ này.

Thiền Tông không lấy văn tự làm tông chỉ. Tại vì sao? Vì sợ rằng người sơ học chấp trước vào thể tướng của văn tự, rồi sanh ra pháp chấp. Phàm hễ có ngã chấp, pháp chấp thì đều không thể đạt đến tự tại. Con người vì bị phiền nã, vọng tưởng áp bức thân tâm, cho nên phải nổi trôi trong dòng sanh tử, trôi lên hụp xuống trong bể khổ, vĩnh viễn không bao giờ ngưng dứt.

Quý vị nên tinh tảo để hiểu rằng, đời người vô thường, quý vô thường sẽ đến tìm ta bất cứ lúc nào. Đến lúc bấy giờ thì “*Vạn bang đái bất khứ, chỉ hữu nghiệp tùy hình,*” tất cả đem không được, chỉ có nghiệp theo mình. Chúng ta nên biết rằng đức Phật Thích Ca cũng phải nhập Niết Bàn, chớ đâu phải là Ngài ở đời vĩnh viễn. Huống chi phàm phu tục tử như chúng ta, lại càng phải đề cao cảnh giác! Thời gian không còn nhiều nữa, chúng ta nên mau mau nỗ lực tinh tấn, học tập Phật Pháp, như thế mới có thể thoát khỏi vòng sanh tử. Nếu như chúng ta không cố gắng dụng công, vậy chờ đến đại kiếp nào mới được thành tựu đây?

Mình nên hiểu được chút nào thì làm chút đó, đừng ham làm những chuyện xa rời thực tế. Chúng ta phải biết rằng: bánh vẽ không thể làm cho đỡ đói. Chúng ta hãy trở về bản địa để chăm sóc ngôi nhà, kho báu vốn có của mình. Hà tất gì phải tìm kiếm ở bên ngoài? Tất cả đều là ở trong tự tánh. Nếu không phải là mất nó, thì là được nó! Không được không mất tức là tự tại. Không tăng không giảm, không đến không đi, ngay đây chính là nó. Bởi vậy chúng ta không cần phải tìm cầu ở đâu xa. Như Đại sư Vĩnh Gia đã nói trong Chứng Đạo Ca:

*Tồn pháp tài, diệt công đức
Mạc bất do tư tâm ý thức
Thị dĩ thiên môn liễu khước tâm
Đốn nhập vô sanh tri kiến lực.*

Nghĩa là:

Tôn pháp tài, dứt công đức
Không gì hơn chỉ vì vọng thức
Do vậy pháp thiên không dùng tâm
Thoắt chứng vô sanh sáng trí huệ.

Khi chúng ta không dùng tâm ý thức, tức là chúng ta đã hòa hợp với đạo thành một. Vậy còn cái gì để mà phiền phức, hãy còn vấn đề gì nữa đây!

Giảng ngày 1 tháng 12 năm 1985

---o0o---

Tốt hay Xấu - Không Động Tâm

Người học Phật chớ nên vừa nghe người ta khen mình một câu thì liền vui sướng quá mức, còn hễ nghe ai nói một câu không tốt về mình thì bèn phiền não đến cực độ. Qua sự biểu hiện đó, chứng tỏ là mình không có định lực. Nếu có công phu về định lực, thì mình sẽ không bị các cảnh giới của bát phong làm lay động. Nói mình tốt thì cũng vậy, nói mình không tốt thì cũng thế thôi. Bất kể là tốt hay không tốt, tất cả cũng đều giống như nhau. Thế thì mình không phải là ngu ngốc hay sao? Không phải đâu! Chẳng qua là vì mình không phân biệt nó là tốt hay không tốt, cũng không phân biệt thị phi, phải trái. Có người nói: “Vậy đó không phải là hồ đồ hay sao?” Thế thì quý vị không có hồ đồ, vậy quý vị thật đã hiểu rõ chăng? Cũng chưa chắc đâu! Nếu quý vị có thể đem cái bất biến ứng phó với cái vạn biến, lấy cái bất động đối phó với cái muôn động, lúc nào hay ở đâu cũng đều ở trong định, như thế quý vị mới thật là đã hiểu rõ.

Người thật sự có công phu sẽ không sợ bất cứ gì. Thậm chí có người đến giết mình, mình cũng không sợ. Ta dùng cái tâm quang minh chánh đại để làm công việc chung, không sợ kẻ bàng quan phê phán là mình không đúng. Cho nên nói: “Vàng thật không sợ lửa, tâm chánh không sợ bóng nghiêng” là vậy. Hiện nay có số người thích xía vào chuyện của người khác, chứ chẳng chịu lo chuyện nhà mình. Những hành vi này thật không thể chấp nhận được. Quý vị hãy tự xét lại, coi mình có những thứ tư tưởng như thế không?

Giảng ngày 5 tháng 12 năm 1985

---o0o---

Thật Thà Niệm Phật

*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ.
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.*

“Trong thời đại Mạt Pháp, ức người tu hành, hiếm lắm mới có một người đắc đạo, duy chỉ nhờ niệm Phật mà được độ.” Trong thời đại Mạt Pháp, dù có trăm triệu người tu hành cũng chưa chắc có được một người đắc đạo. May nhờ có pháp môn Niệm Phật, mà chúng ta có thể thoát khỏi vòng sanh tử, ly khổ đắc lạc và vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chúng ta bất hạnh sanh vào thời ma cường pháp nhược, nhằm vào thời Mạt Pháp xa cách Phật quá lâu. Tuy nhiên, trong cảnh bất hạnh, chúng ta lại may mắn gặp được pháp môn Niệm Phật. Pháp môn Niệm Phật là vừa tiết kiệm tiền, lại không tốn phí tinh thần, vừa dễ dàng, lại còn thuận tiện. Nhân vì niệm Phật, chúng ta sẽ thành Phật.

Vì sao niệm Phật sẽ thành Phật? Bởi từ vô lượng kiếp trước, đức Phật A Di Đà đã phát bốn mươi tám đại nguyện. Và trong bốn mươi tám nguyện đó, có một nguyện bảo rằng: “Nếu có chúng sanh nào niệm danh hiệu ta, mà không sanh về cõi Cực Lạc, ta thề sẽ không thành Chánh Giác.” Đức Phật A Di Đà phát ra những nguyện lực này, nguyện nguyện đều là nhiếp thọ chúng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, nhưng chỉ với điều kiện là chúng sanh phải có lòng tin. Tin là thật có đức Phật A Di Đà đang ngự tại cõi Tây phương Cực Lạc, mà phát nguyện sẽ sanh về cõi Cực Lạc để làm đệ tử của Ngài, và thật lòng tha thiết xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Chúng ta phải có tín, nguyện và hành, một khi đầy đủ ba thứ tư lương này, tất sẽ sanh về Tây Phương.

Thế giới Cực Lạc không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui và không có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Mặc dù nơi đó có bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá lợi, ca lãng tần già, chim cọng mạng; nhưng những giống chim đó đều do đức A Di Đà vì muốn làm cho tiếng pháp được tuyên lưu mà biến hóa ra. Đây là do cảnh giới biến hóa ra, chứ không phải thật có súc sanh. Cực Lạc thế giới không có vạn khổ nung nấu, cùng muôn điều ác, ngập tràn phiền não như cõi Ta-bà.

Cõi Cực Lạc ngày đêm sáu thời đều diễn thuyết diệu pháp, niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng. Nhưng nếu muốn sanh về cõi Cực Lạc thì chúng ta phải niệm Phật một cách thành thật. Chúng ta không thể không thật thà niệm. Thật thà niệm là mình nhất tâm niệm Phật, và không màng đến chuyện mình sẽ thành Phật hay không thành Phật, cũng không màng về việc mình sẽ vãng sanh hay không vãng sanh, mà chỉ dụng công niệm Phật ngay tại lúc này. Niệm Phật, niệm cho được chuyên nhất thành thực và nhất tâm bất loạn. Đến lúc sắp lâm chung, Phật A Di Đà nhất định sẽ tiếp dẫn chúng ta về cõi Ngài.

Tại sao đức Phật Di Đà lại đến tiếp đón những người bình thường như chúng ta? Điều này rất là khó tin. Không sai! Đây chính là pháp khó tin. Cho nên không người thưa hỏi mà đức Phật Thích Ca lại tự nói ra Kinh A Di Đà. Bởi vì không ai biết, cũng không ai tin pháp này, cho nên đức Phật Thích Ca với tấm lòng từ bi, tha thiết đã nói cho chúng sanh thời Mạt pháp chúng ta biết tu hành theo con đường tắt ở thời Mạt pháp đây.

Thật thà niệm Phật là miệng niệm Phật, tâm cũng niệm Phật. Đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta cũng đều niệm A Di Đà Phật. Khẩu niệm danh hiệu Phật A Di Đà, thân hành trì theo hạnh của Phật A Di Đà. Sao gọi là hạnh? Giống như hiện nay chúng ta đang dự Phật Thất. Bất luận là bạn như thế nào, chúng ta cũng phải buông bỏ để tham gia Phật Thất, và phải niệm cho được nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn tức là niệm này tiếp theo niệm kia, niệm niệm tương tục. Không phải là mình niệm được một lúc rồi thấy mệt mỏi, lại muốn bỏ đi nghỉ. Người mà lười biếng như thế thì không thể nào đắc được Niệm Phật Tam Muội. Đó gọi là không thật thà niệm Phật.

Thật thà niệm Phật tức là nhất tâm, nhất ý niệm Phật. Lúc niệm Phật, những chuyện như ăn uống, mặc áo, đi ngủ mình đều quên hết. Ăn cơm, mặc áo, ngủ nghỉ vốn là chuyện thường tình, đời sống con người không thể rời bỏ được; mỗi con người ngày ngày đều không thể thiếu những điều đó. Nhưng khi niệm Phật mà có thể quên được ba chuyện đó, thế thì chúng ta không biết là mình ăn uống, mặc áo hay ngủ nghỉ gì cả, đó mới chính là thật thà niệm Phật. Nếu chúng ta biết lúc nào mình phải đi ăn cơm, đó không phải là thật thà niệm Phật. Hoặc biết là mình muốn mặc thêm áo khi trời lạnh, đó không phải là thật thà niệm Phật. Hoặc khi ngủ không đủ giấc thì mình muốn đi nghỉ, đó không phải là thật thà niệm Phật.

Thật thà niệm Phật là bất luận đi đứng nằm ngồi gì, mình cũng chỉ biết có sáu chữ hồng danh “Nam Mô A Di Đà Phật.” Quý vị niệm thành một chuỗi liên miên không đứt đoạn; cho đến tiếng nước chảy cũng là niệm “Nam Mô

A Di Đà Phật,” tiếng gió thổi cũng là niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, tiếng chim kêu cũng là niệm “Nam Mô A Di Đà Phật.” Phải niệm cho đến khi Nam Mô A Di Đà Phật và tự chính mình không thể tách rời nhau. Niệm cho đến ngoài “Nam Mô A Di Đà Phật” không còn cái tôi, ngoài cái tôi lại cũng không còn “Nam Mô A Di Đà Phật”. Tiếng niệm “Nam Mô A Di Đà Phật” của tôi và tôi hợp thành một. Bấy giờ, gió thổi cũng không thấu qua, mưa rơi cũng không lọt vào, thế là chúng ta đạt được Niệm Phật Tam Muội. Nước chảy, gió động đều là diễn thuyết diệu pháp, niệm “Nam Mô A Di Đà Phật,” đó chính là Thật Thà Niệm Phật.

Giả như nước chảy biết là nước chảy, gió động biết là gió động, hoặc nhìn ngang ngó dọc, xem các nơi có động tĩnh gì, đó tức là mình không thật thà niệm Phật. Nếu vừa niệm Phật, vừa nhìn trước ngó sau như muốn ăn trộm đồ, đó chính là mình không thật thà niệm Phật.

Thật thà niệm Phật là niệm nào đều biết niệm đó, niệm tư tại tư, không có vọng tưởng gì, cũng không nghĩ ngợi gì đến ăn ngon hoặc uống trà, chuyện gì cũng quên hết. Đây không có bí quyết gì, chỉ cần quản chế tâm mình trụ lại và đừng vọng tưởng thì đó là thật thà niệm Phật. Nếu quý vị không khống chế được tâm mà cứ lo vọng tưởng, thế thì không phải là thật thà niệm Phật. Khi quý vị đề khởi chánh niệm, đó tức là thật thà niệm Phật. Nếu quý vị cứ nghĩ ngợi lung tung và khởi tà niệm, thế là không thật thà niệm Phật.

Cho nên niệm Phật một cách thật thà là điều vi diệu không thể nói. Nếu quý vị thật biết niệm Phật thời sẽ đạt được đại Tự Tại, không người, không ta, không chúng sanh, không thọ giả, và chỉ có tiếng Nam Mô A Di Đà Phật mà thôi!

Nói là Pháp, hành là Đạo. Chỉ nói mà không hành là như đếm tiền của người, mình không được lợi ích chút nào. Hôm nay tôi nói đạo lý này, nếu quý vị hiểu rõ rồi thì phải thật thà niệm Phật, thật thà dự Phật Thất. Đây là thời gian quý báu nhất trong cuộc đời chúng ta, vậy đừng để nó trôi qua một cách luống uổng. Tôi hy vọng quý vị sẽ nỗ lực niệm Phật, đem cả ba tâm: kiên trì, chí thành, và thường hằng của mình ra để niệm Phật và dự Phật Thất.

Giảng ngày 16 tháng 12 năm 1985

Sanh Tử Như: Ngủ, Thức – Nhưng Vẫn Niệm A Di Đà

Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta sanh ra rồi tử, tử rồi lại sanh, giống như con người thức rồi lại ngủ, ngủ rồi lại thức. Tối đến đi ngủ thì giống như người chết. Đến sáng thức dậy, giống như người mới sanh ra. Chẳng qua chuyện sanh tử này thì ngắn ngủi, còn cuộc đời thọ mạng của chúng ta, so ra thì dài hơn một chút.

Song, sanh tử thì cũng giống như chuyện ngủ, thức mà thôi. Vì sao? Bởi chúng ta có lúc hồ đồ mê muội, có lúc minh bạch sáng suốt. Minh bạch tức là sanh, hồ đồ tức là tử. Cho nên, nếu chúng ta có một niệm sáng suốt, và với niệm đó là mình đang sống; hề có một niệm mê muội, với niệm đó là mình như đã chết. Đó là thời gian ngắn ngủi tạm bợ của cuộc sanh tử. Bất luận thời gian sanh tử dù ngắn thì cũng vậy, dài cũng vậy, cũng đều là luân chuyển trong vòng sanh tử luân hồi, nổi trôi chìm hụp chẳng yên. Có lúc chúng ta được sanh vào nhà giàu sang phú quý, có lúc lại sanh vào nhà nghèo hèn bần tiện. Có lúc chúng ta sanh làm trâu, làm ngựa, làm súc sanh, có lúc làm nga quý, hoặc xuống địa ngục. Đây đều là những kiếp luân hồi, nổi trôi bất định trong biển khổ sanh tử, vì sự sanh tử tuần hoàn này không chấm dứt, không khi nào hết được.

Đức Phật Thích Ca vì quá tội nghiệp chúng sanh, cho nên Ngài chớ không nổi nữa mà “bất vấn tự thuyết,” không ai hỏi mà Ngài tự nói ra Pháp Môn Tịnh Độ này. Pháp Môn Tịnh Độ là pháp môn phương tiện rất dễ dụng công. Đường đi rất ngay thẳng, chỉ cần chúng ta niệm Nam Mô A Di Đà Phật với lòng tin, lòng phát nguyện và tâm thực hành là đủ rồi.

Cho nên tín, nguyện, hành là ba món tư lương, là ba thứ lộ phí cần thiết để chúng ta vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Thứ nhất, chúng ta phải tin Đức Phật A Di Đà, tin Thế Giới Cực Lạc, tin pháp môn niệm Phật có thể đưa chúng ta đến cõi Cực Lạc để diện kiến đức Phật A Di Đà. Chúng ta phải có lòng tin. Chớ nên nói: Tôi chưa thấy điều đó, mà cũng không có chứng cứ gì nên tôi không thể nào tin được. Chúng ta chỉ cần có lòng tin, còn ngoài ra không cần gì khác cả. Kế đến là sự phát nguyện gặp đức Phật A Di Đà, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, nguyện tu pháp môn niệm Phật. Sau khi đã phát nguyện, chúng ta phải y chiếu theo pháp môn Tịnh độ, niệm Phật mà tu hành. Chúng ta phải lão thật niệm Phật, tức là phải niệm Phật một cách thật thà. Niệm thật nhiều rồi, chúng ta mới có thể trở thành một khối, nhất tâm bất loạn và đạt được Niệm Phật Tam Muội.

Như thế chúng ta nhất định sẽ được sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Ta Bà là cõi muôn cảnh khổ nung nấu vây quanh, đầy dẫy vạn điều dữ ác, cùng những mưu tính hãm hại lẫn nhau, không có lúc nào bình an. Ở cõi Tây Phương Cực Lạc thì chẳng hề xảy ra những chuyện phiền não hay có vấn đề gì. Bởi vậy chúng ta phải mong cầu được sanh về cõi Cực Lạc, được diện kiến đức Phật A Di Đà, được hóa sanh từ liên hoa và đạt được quả vị bất thoái chuyển. Bất thoái chuyển là: vị bất thoái, niệm bất thoái và hành bất thoái. Vị bất thoái là chứng được quả vị không thoái đọa. Niệm bất thoái chuyển là tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, thời khắc nào tâm cũng không thoái chuyển. Hành bất thoái tức tu hành theo pháp môn này mình cũng không thoái chuyển.

Khi quý vị chứng đắc được tam bất thối này, tương lai nhất định sẽ thành Phật. Một khi chúng ta có được ba món tư lương: tín, nguyện, hành rồi, thời rất dễ cho ta đi trên con đường diện kiến đức Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc, bởi vì đó là nguyện lực của đức Phật A Di Đà. Trong mười phương thế giới, nếu có chúng sanh nào thành tâm niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thời người đó lúc lâm chung sẽ được đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn về cõi Phật.

Khi niệm Phật cũng như là mình đánh điện tín đến Thế Giới Cực Lạc vậy. Chúng ta niệm Phật một câu là đánh một cái điện tín, niệm Phật hai câu là đánh hai cái điện tín. Mỗi ngày chúng ta đều đánh điện đến đức Phật A Di Đà, đức Phật A Di Đà ở cõi Cực Lạc cũng có ra-đa, cũng có máy nhận điện tín. Vậy máy ra-đa, máy nhận điện tín là cái gì? Thì là ao sen thất bảo đó. Quý vị niệm Phật một câu, hoa sen lớn lên một chút. Nếu quý vị niệm niệm đều là A Di Đà Phật, như vậy hoa sen sẽ to lớn dần như bánh xe. Chờ đến lúc quý vị sanh về cõi Cực Lạc, nhất linh Phật tánh của quý vị và nhất linh chân tánh của quý vị sẽ đến hoa sen này mà hóa sanh. Khi hoa sen nở, Phật tánh của quý vị cũng sẽ xuất hiện. Cho nên nói:

*Nguyện sanh Tây Phương Tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thoái Bồ Tát vi bạn hữu.*

Chúng ta mong muốn sẽ được hoa sen thượng phẩm thượng sanh làm cha mẹ. Khi hoa sen nở là chúng ta thấy được đức Phật A Di Đà và ngộ nhập được vô sanh pháp nhẫn. Lúc bấy giờ chúng ta chứng được bất sanh bất diệt, thoát khỏi sanh tử, được cùng làm bạn với chư vị Bồ Tát bất thoái. Khi

chúng ta đến Thế Giới Cực Lạc, bằng hữu và quyến thuộc của chúng ta đều là bạn với các vị Đại Bồ Tát. Cho nên chúng ta ngày ngày cùng nhau giảng kinh thuyết pháp, đều cùng hướng về phía trước mà tiến tới.

Giảng ngày 17 tháng 12 năm 1985

---o0o---

Thất Tình Lục Dục và Động Đất

Kinh Phật thường giảng đến các trận đại địa chấn động, tức là động đất. Vậy động đất là từ đâu đến? Động đất cũng có thể nói là động người, bởi vì nhân và địa chấn có sự tương thông. Người động thì đất cũng động, người không động thì đất cũng không động. Khi Phật nhập Niết Bàn, vì sao có sáu loại chấn động? Vì lòng người khủng hoảng quá sợ hãi, nên thất tình lục dục đều phun ra, đó là động đất. Cho nên, quý vị hoan hỷ là động đất, quý vị nổi nóng, bực dọc cũng là động đất. Quý vị buồn rầu bi ai, sợ sệt cũng là động đất. Quý vị sanh lòng yêu thương cũng là động đất. Quý vị sanh tâm chán ghét thì cũng vẫn là động đất. Quý vị sanh dục niệm ham muốn, thì lại càng gây ra trận động đất lớn.

Bởi vì thất tình lục dục trong tâm sôi động, cho nên đất sẽ chấn động. Tại sao thế giới có động đất? Bởi hằng ngày người người đều tạo ra động đất, chỉ là tự mình không biết mà thôi. Đặc biệt là tình tình ái ái, thời lại càng tạo ra động đất lớn hơn. Khi ai nấy, mỗi mỗi đều không được bình an, đây chính là đang phát động trận động đất lớn. Núi rừng, cây cối, sông biển là bản thân của chúng ta. Đầu tóc là núi rừng; mắt, lông mày, râu ria là cây cối; sông biển là các dục niệm mà ta không thể khống chế được. Bởi vậy mà gây ra động đất lớn.

Lúc Phật sắp nhập Niết Bàn, mọi người đều chấn động. Lúc bình thời không khóc, giờ cũng phải khóc. Đất hữu hình chấn động, đất vô hình cũng chấn động. Vì bên trong chấn nên bên ngoài mới chấn và bên trong động nên bên ngoài mới động. Bên trong có cái gì, thì bên ngoài có cái ấy. Cho nên trong ngoài gắn bó tương thông, liên quan mật thiết với nhau.

Con người chúng ta ngày ngày tình tình ái ái, cho nên ngày ngày tạo ra động đất. Đây là điều rất nguy hiểm, là vấn đề của sự sanh tử, nhưng người ta vẫn cứ tạo ra động đất mà nào có biết. Phải chờ đến khi thật sự có trận động đất hữu hình xảy ra, lúc đó họ mới biết sợ. Trong giai đoạn vô hình, đang chế tạo động đất thì họ chẳng sợ. Một khi đã gieo nhân động đất tức sẽ có quả

động đất. Người ta lúc gieo nhân không biết sợ, nhưng đến lúc kết thành quả rồi mới sợ điếng người.

Hôm nay tôi nói điều này, chắc quý vị không ai tin đâu!

Giảng ngày 3 tháng 6 năm 1986

---o0o---

Vạn Sóng Nổi Lên Muốn Đoạt Hồn

Lúc trẻ tôi chuyên môn trị bệnh cho người ta. Hễ có người bệnh là tôi nhất định phải trị cho lành mạnh, hầu giải quyết nỗi đau đớn của họ. Bởi vậy tôi đã đắc tội với rất nhiều thiên ma ngoại đạo và ngưu quỷ xà thần. Bọn chúng đều có đại thần thông và đợi chờ cơ hội tấn công, hễ quý vị mở cửa là chúng xông vào công kích ngay, gọi là: “Khai môn” tức là tự mở cửa để yêu ma hay phi tinh nhập vào người mình – (Kinh Lăng Nghiêm, đoạn nói về Ngũ Âm Ma). Hoặc giả là chúng xông vào đoạt khiêu, đuổi linh hồn quý vị đi mất, rồi bám trụ vào thân thể quý vị để nói những chuyện lếu lảo, xằng bậy. Lúc bấy giờ, tôi đã đắc tội với rất nhiều yêu ma quỷ quái, vì tôi đã thu nhận một chú đệ tử nhỏ. Pháp danh của chú là Quả Quốc, ý nói quả vị của chú nhất định là sẽ sanh về Cực Lạc Quốc. Chú bé này theo tôi xuất gia là cũng có nhân duyên.

Vào một ngày kia, trong lúc ngồi thiền, tôi biết sẽ có một đứa bé muốn đến xuất gia. Đứa bé này bụ bẫm, mập mạp, trông có vẻ rất kháu khỉnh. Sáng sớm hôm sau, tôi bảo chú đệ tử lớn: “Con hãy để ý, hôm nay sẽ có một chú bé đến xin xuất gia đây. Khi nó đến, con phải báo cho ta biết ngay!” Đến khoảng một giờ trưa, chú đệ tử lớn của tôi vừa thở hỏn hển, vừa nói với giọng Sơn Đông rằng: “Thưa Sư Phụ, hồi sáng Sư Phụ nói là có chú bé đến xin xuất gia, quả thật là bây giờ nó đã tới.”

- Thật đã đến rồi à! Ở đâu?
- Nó đang ở phía trước nhà bếp.

Tôi bước ra xem. Đó là đứa bé ăn mặc rách rưới, đang thụt cổ, trố mắt nhìn tôi. Về sau nó xuất gia với tôi, thường ngày nó cầm cây quạt trông giống như Hòa Thượng Tế Công vậy. Chú bé này lúc lên năm tuổi đã có thể trị bệnh cho người. Ai giúp nó làm được như thế? Thì là hồ ly tinh và xà tinh. Kiếp trước thằng bé là thầy đồng cốt trị bệnh (ở miền bắc Trung Hoa gọi là Khiêu Thần, Đài Loan gọi là Chiêm Đồng). Các loại ngưu quỷ xà thần này

đã tìm đến lúc thằng bé năm tuổi, chúng khiến cho nó có được bản lãnh trị bệnh. Có những bệnh thằng bé trị lành, song có những bệnh, nó trị không khỏi. Có một số người gọi nó là “Tiểu Ma Chướng,” bởi vì trong người nó có khí ma, chứ chẳng có một chút phép tắc chữa bệnh gì.

Khi lên mười hai, mười ba tuổi, chính nó cũng bị bệnh. Bệnh gì vậy? Bệnh bao tử, nhưng tự nó cũng không trị được bệnh này. Một ngày kia, nó nằm mộng thấy một vị Hòa Thượng mập đến nhà và nói với nó: “Nếu con muốn hết bệnh thì phải đến chùa Tam Duyên, ở Hạp Nhĩ Tân, xin xuất gia và bái Pháp sư An Từ làm thầy. Như vậy con sẽ hết bệnh ngay.” Nằm mộng liên tiếp ba lần đều giống y như thế, thành thử chú bé mới tin. Chú bé ở cách xa chùa tôi hơn cả ngàn dặm. Lúc bấy giờ, Nhật Bản vừa mới đầu hàng, vậy mà một mình chú đi đến Hạp Nhĩ Tân. Trên đường đi, chú thấy có một số vũ khí của quân Nhật sau khi đầu hàng vẫn còn bỏ lại trong kho nhà binh. Chú bèn đến đó nhặt lấy hai quả lựu đạn, rồi vừa đi vừa nghịch ngợm lựu đạn. Đến tối, chú ngủ ngoài trời. Lúc đó có cả chục con chó sói đến bao vây chú và tấn công bốn phía. Chú bé chẳng hề sợ hãi mà bảo chúng: “Các bạn thân! Các bạn đã đến rồi, vậy để ta cho các bạn ăn đỡ vài quả trứng nhé!” Đám chó sói đâu có muốn ăn trứng (lựu đạn), thế là chúng bỏ chạy mất.

Thấy chú bé như thế, tôi bèn hỏi: “Tại sao con đến đây?”

Nó đáp: “Con đến để xin xuất gia.”

- Tại sao?

- Có một ông Hòa Thượng mập, tức là vị ngồi trong đèn thờ tại cổng tam quan, ông ta báo mộng bảo con đến đây tìm Pháp sư An Từ để xin xuất gia, như vậy con mới lành bệnh.

- Con không có cơm ăn, không áo mặc, không nhà ở mới đến đây xin xuất gia, phải không?

- Không phải vậy! Bởi vì ông Hòa Thượng mập đã ba lần chỉ dạy con, cho nên con mới đến đây.

Lúc bấy giờ trong tay tôi có cái bánh bao. Tôi bèn cắn một miếng và nhai như rồi phun ra cả bánh lẫn nước miếng xuống đất nói:

- Muốn xuất gia, trước là con phải ăn hết những đồ này đi!

Nó ngóng cổ nhìn tôi, rồi nằm sấp xuống đất mà lượm lên ăn. Tôi thấy thằng bé còn có thể đào tạo được, cho nên cho nó ở lại. Quả nhiên, sau khi xuất gia, nó cũng hết bệnh.

Trải qua hơn nửa năm, chú bé thật đặc được ngũ nhãn lục thông, thật là cái gì nó cũng thấy được. Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông chú đều có cả. Tôi đưa chú đi khắp nơi để chữa bệnh cho người. Lúc trị bệnh, người ta dựa vào chú bé này để tìm hiểu nguồn gốc tôi. Họ hỏi: Bây giờ Thầy có được đại bản lãnh như vậy, chúng tôi đã nghe qua khá lâu, nhưng không biết Sư Phụ của Thầy có thần thông hay không? Mọi người đều biết là ổng tu hành, nhưng không biết là ổng có được thần thông như Thầy không? Chú chớp chớp mắt, rồi nói trong không trung: Đại khái là không có! Lạ quá, khi nói xong câu đó, thần thông của chú cũng không còn. Không còn thần thông nữa thì cũng chẳng sao, nhưng bọn quyền thuộc của ngu ruợ xà thần lại nhập vào, khiến chú trở thành ma dựa ma khí như trước. Thấy thế nên tôi nghĩ: “Há có chuyện như vậy à! Chú bé đã theo tôi xuất gia, bọn quỷ bây còn dám đến đây quấy rầy ư!” Thế là tôi và chúng nó đấu pháp. Đấu đến hai mươi một ngày, trong thời gian này, tôi không ăn, cũng không ngủ. Đấu đến cuối cùng, tôi hàng phục được bọn yêu ma đó. Hàng phục chúng rồi, tôi nghĩ là sẽ không có chuyện gì xảy ra nữa.

Sau đó tôi đến Đông Tinh, làng này bốn bề là núi, trong làng chỉ có một cái giếng duy nhất. Căn nhà mà tôi dùng chân tạm trú, bên ngoài chỉ là bờ rào bằng cây rừng, thành thử nó không cản nổi gió, cũng không ngăn được nước mưa, cái gì nó cũng không ngăn cản nổi. Ngày nọ, tôi dắt theo bốn chú đệ tử nhỏ đến đó trú ngụ, mọi người trong nhà đó đều quy y tôi. Bởi vì khi ở Đông Bắc, tức Mãn Châu, tôi thường lo công việc chùa chiền nên phải bôn ba đây đó. Khi trú ngụ ở đây, các quái vật dưới nước bèn tìm cơ hội nhận chìm tôi. Trên trời thì mưa xuống, dưới thì nước giếng tự dâng cao lên ba trượng. Như thế tức là thượng hạ đánh giáp công. Ở phương bắc, Mãn Châu, người ta ngủ trên giường lò gạch, tức là nằm trên nắp lò sưởi. Khi nước dâng lên quá nhanh, người ta không cách nào chạy thoát; có người đứng trên giường lò gạch cũng bị chìm chết. Lần đó có hơn ba mươi người chết chìm, và hơn tám trăm căn nhà bị cuốn trôi. Nhưng ngôi nhà bằng bờ rào, phên tre mà tôi đang trú ngụ, tuy nó không ngăn nổi gió mưa, nhưng trong sân nước chỉ cao một hai trượng, trong khi bên ngoài thì nước cao mười trượng. Tôi cũng nói thật với quý vị là bốn chú đệ tử nhỏ của tôi đều có ngũ nhãn lục thông, cho nên khi thấy mưa lớn như thế, chúng tôi bèn “kiết giới,” vì vậy nước lũ không vào được. Tình trạng đó so với cảnh nước ngập ở chùa Kim Sơn cũng không khác nhau mấy. Đó là lần đầu tôi bị ngập nước qua, nhưng không có cảnh

chết chìm. Lần thứ hai kinh nghiệm về nước ngập, là khi tôi từ Thiên Tân đáp thuyền đến Thượng Hải. Thời gian cho chuyến hải trình bình thường thì khoảng bốn hay năm ngày, nhưng lần đó, chiếc thuyền cứ quay vòng vòng một chỗ trên vùng biển đen kịt, không lui tới gì được. Bởi vậy thuyền phải dừng lại ở đó hơn mười ngày.

Trên thuyền có mười bốn vị xuất gia mà gạo, mì đều bị ăn hết sạch nên mọi người gần như chết đói. Lúc ấy tôi cũng không niệm chú gì. Những gì trong bụng, thậm chí đến nước mật vàng, tôi cũng mưa ra hết. Tôi nằm dài trên boong tàu trầm nghĩ: “Con sanh ra là muốn hiến thân cho Phật giáo, nếu như Phật giáo không cần con, vậy một mình con sẽ nhảy xuống biển, chứ đừng liên lụy đến những người này. Nếu như Phật giáo hãy còn cần dùng đến con, con hy vọng đức Bồ Tát Quán Âm hiển linh, khiến thuyền này bình yên đến Thượng Hải.” Tôi nghĩ nếu sau năm phút, như quả gió không dừng thì tôi sẽ nhảy xuống biển. Tôi vừa nói xong, gió liền lặng, mưa cũng dừng, cuối cùng thuyền đến Thượng Hải bình an.

Mười mấy người trên thuyền cũng khỏi làm mồi cho cá mập, khỏi biến thành ma da. Đó là tai họa mà tôi đã gây ra, cho nên sau khi đến Hồng Kông, tôi cũng không dám xen vào những chuyện của người khác. Nhưng nếu tình cờ ngẫu nhiên gặp phải, tôi cũng còn xen vào chút chút.

Đến Hoa Kỳ thì tôi treo bảng miễn chiến. Thiên ma ngoại đạo mà có đến khiêu chiến, tôi cũng khấu đầu đánh lễ và sám hối. Chúng thấy bây giờ tôi đã không còn chút bản lãnh gì và tôi cũng chuẩn bị cho chúng đến lấy mạng mình bất cứ lúc nào. Tôi ở Vạn Phật Thánh Thành đã mười năm, nay thoái vị về hưu, nếu chúng lại muốn đến tìm tôi thì cũng không sao. Hơn nữa tôi cũng chẳng có chuyện gì để làm!

Giảng ngày 1 tháng 7 năm 1986

---o0o---

Pháp Môn Long Tượng Đại Trượng Phu - Quyết Giữ Ba Đại Tông Chỉ

Các vị Thiện tri thức! Ngày mai là ngày 4 tháng 7, là ngày Quốc Khánh của nước Hoa Kỳ và cũng là ngày thầy Phương Trượng thực tập lên nhậm chức. Vị tân Phương Trượng này rất nghiêm khắc, chưa nhậm chức mà đã muốn giết vài người để tế Pháp rồi. Giết ai vậy? Giết giặc! Những kẻ trước đây từng làm giặc, hoặc sẽ làm kẻ giặc trong tương lai, đồng loạt đều phải bị

chặt đầu đem bêu trước công chúng. Khi thầy tân Phương Trượng nhậm chức, thì thầy muốn định đặt phép tắc.

Tại sao từ trước đến nay, tôi không đặt ra phép tắc gì cả? Bởi tôi là kẻ nô lệ của Pháp, cho nên đối với tôi thì “everything is OK, no problem!” (mọi chuyện đều OK, chẳng có vấn đề gì). Nhưng vị Phương Trượng mới này chuyên chế hơn, vì vậy ông ta muốn giết giặc, giết càng nhiều càng tốt, đó gọi là: “Trảm hết bọn giặc trong Phật Giáo, chỉ để lại Đại Đức Cao Tăng.” A La Hán cũng được dịch là kẻ “giết giặc.” Cho nên nói: “Trừ bạo khả dĩ an lương,” nghĩa là trừ kẻ ác cho lương dân được an lành.

Các vị cư sĩ hãy chú ý! Đừng nghĩ rằng nịnh hót ông tân Phương Trượng là người hộ pháp tốt. Kỳ thật, đó là quý vị cản trở, gây chướng ngại cho sự phát triển của Phật pháp. Vị Phương Trượng cũng không được tùy tiện khen, chê người khác, và cũng đừng bị dao động trước sự khen tặng hoặc phỉ báng. Nếu muốn có người khen mình, vậy nhất định sẽ có người chê mình. Đó là đạo lý tự nhiên thôi.

Lúc trước chuyện gì tôi cũng cho qua hết, như có người mắng tôi thì tôi cũng bỏ qua, có người khen tôi, tôi cũng quên nốt. Vì vậy bây giờ quý vị tập làm Phương Trượng, tức là quý vị phải bảo trì tông chỉ không khen, không chê. Nếu quý vị không muốn người ta khen mình, thì quý vị không nên khen người ta trước; quý vị không muốn người ta chê mình, thì trước tiên quý vị không nên chê người ta, đó gọi là: “Việc gì mình không muốn, chớ đùn đẩy cho người khác.” Hãy nhớ đây, đừng gieo những hạt giống không trong sạch!

Các cư sĩ tại gia thấy thầy Phương Trượng mới, bèn muốn cúng dường thầy những thực phẩm đặc biệt—thật ra, đó là hành vi làm bại hoại Phật Pháp. Nếu không muốn làm cho Phật Pháp suy sụp thì họ sẽ không “thêu hoa trên gấm,” bày vẽ này nọ. Ông Phương Trượng sẽ không chết đói đâu! Dù ông ta có chết đói thì cũng không sao, ai bảo ông ta không lo tu hành? Vả lại, nếu có thể vì Phật Pháp mà chết đói, thì thật vinh hạnh và là một công thân trong Phật Giáo. Cho nên tông chỉ nhất quán của chúng ta là:

Lạnh chết, không phan duyên.

Đói chết, không hóa duyên.

Nghèo chết, không cầu duyên.

Tùy duyên nhưng không đổi;

Không đổi mà tùy duyên.

*Giữ vững ba đại tông chỉ của chúng ta.
Xả mạng vì Phật sự.
Tạo mạng vì bốn sự.
Chánh mạng vì Tăng sự.
Gặp sự gì thấu lý ấy,
Hiểu lý gì hành sự ấy.
Tiếp nối nhất mạch tâm truyền của Tổ Sư.*

[Nói với vị tân Phương Trượng:] Ai muốn đơn độc cúng dường riêng cho ông, đó là phan duyên với ông để được ông chú ý, ông có biết điều này không? Nhất là ông còn trẻ, nên đối với điểm này, ông cần phải nhận thức hết sức rõ ràng. Tôi đã già rồi, như người ta thường nói “lão nhi vô năng,” già cả thì vô dụng. Nhưng những người trẻ đừng để mấy thứ bản thủ vây bám quanh mình. Hãy nên: “*Dù chết cóng vẫn đứng nghênh đầu gió, dù chết đói vẫn uốn ngược mà đi.*” Hãy làm ngọn đuốc sáng trong cơn gió mạnh, là vàng ròng trong lò lửa lớn, cái gì cũng không sợ cả!

“*Lạnh chết, không phan duyên.*” Đây là sự diễn tả về cuộc đời của tôi. Khi tôi ở Mãn Châu, mùa đông cũng như mùa hạ tôi đều mặc ba lớp áo vải như nhau - một lớp áo vải mặc bên trong và ngoài thì khoác một lớp áo với những mảnh vá, từng miếng, từng miếng vá đắp lên trên. Bây giờ tôi có thấy lạnh không? Lạnh chứ! Thế sao tôi phải kiên trì chịu đựng như thế? Bởi vì tôi muốn “lạnh chết, không phan duyên” đấy!

“*Đói chết, không hóa duyên.*” Khi tôi ở trong động Quán Âm, trên núi Phù Dung tại Hồng Kông, cả hai tuần lễ liền tôi không có lương thực. Tôi bèn tọa thiền trong động để chờ chết. Lúc bấy giờ, dưới núi có vị cư sĩ tên là Lao Khoan Thánh, biệt hiệu là “Pháp Sư Bốn Địa” của vùng đó. Và ông được Bồ Tát Vi Đà báo mộng liên tiếp ba lần rằng: “Trong động Quán Âm có vị Pháp sư tên An Từ, ông nên lên đó cúng dường cho ông ta.” Thế là ngày hôm sau, vị cư sĩ này vác hơn ba mươi cân gạo và mang theo hơn 70 đồng đến hang động cúng dường tôi. Ba bốn tháng trước khi chuyện này xảy ra, ông cư sĩ này bị chó cắn ở chân. Các bác sĩ đông y và tây y chữa trị cho ông cả mấy tháng, nhưng trị không khỏi; họ đành bó tay chịu thua. Bồ Tát Vi Đà thích lo chuyện của người khác nên mới báo ông: “Ông đi cúng dường cho vị Pháp sư ở động Quán Âm thì chân sẽ lành ngay.”

Thế là ông ta tin tưởng mà đem gạo và tiền đến cúng dường. Lúc bấy giờ trong động, tôi chuẩn bị chờ chết đói, song xưa nay tôi chưa hề nói với bất

cứ người nào rằng: “Xin ông thương xót tôi, đã qua nhiều ngày rồi mà tôi không có gì ăn hết!” Đó gọi là *“đói chết, không hóa duyên.”*

“Nghèo chết, không cầu duyên.” Lúc tôi mới đến chùa Nam Hoa ở Quảng Đông, được thân cận Đại Lão Hòa Thượng Hư Vân, trên mình tôi chẳng có một đồng một chữ. Cả đến tiền gởi thơ tôi cũng không có, nhưng tôi chưa từng đến các vị cư sĩ để hóa duyên. Bởi vậy ba đại tông chỉ này của tôi đều có căn nguyên, chứ không phải vô căn cứ đâu. Bây giờ thầy tân Phương Trượng lên nhậm chức, mọi người chớ nên đơn độc kết giao cảm tình với thầy, muốn thầy có thiện cảm đặc biệt với mình. Nếu quý vị có lòng cúng dường thì hãy cúng dường cho đại chúng, đừng nên cúng dường riêng lẻ cho một ai; bằng không thì chỉ là hại người và phá hoại sự hòa hợp trong Phật Giáo mà thôi!

Người xuất gia chớ nên nhụt chí mà hãy nên giữ vững ba tông chỉ trên. Chúng ta nên làm vị thầy tiêu biểu cho trời và người, và chiến đấu với bọn ma quân ở mười phương.

Có người thắc mắc: “Không phải là thầy dạy đồ đệ nên dùng lòng từ bi hỷ xả hay sao? Vậy, tại sao thầy lại dạy họ đấu tranh? Như thế phải chăng là dùng sửa đổi lòng sân hận của mình? Nếu vậy thì làm sao làm vị thầy tiêu biểu cho trời, người được?” Thì bởi muốn làm vị thầy tiêu biểu cho trời và người, thành thử chúng ta mới phải giáo hóa bọn ma quân!

Giảng ngày 3 tháng 7 năm 1986

---o0o---

Chân Đế Của Sanh Mạng

Sanh mạng không phải là tiền mà là báu vật vô giá. Chúng ta cũng không thể dùng tiền để mua bán sanh mạng. Thế nhưng đã có nhiều người bán rẻ sanh mạng đời mình. Vì tiền mà họ cam tâm hy sinh cả tánh mạng. Trong xã hội: tam giáo cửu lưu, ngũ hành bát tác, đủ loại ngành nghề, không ai là không vì tiền mà đành bán cả linh hồn, bán đứt sanh mạng mình.

Đức Không Tử nói: “Thiên mạng gọi là Tánh, tuân theo Tánh gọi là Đạo, tu Đạo là vì Giáo và không thể xa rời, dù trong tích tắc.” Nếu đạo có thể xa rời thì không phải là Đạo. Theo khuynh hướng của thời đại hiện nay, chúng ta có thể sửa lại như thế này: “Thiên mạng gọi là Tiền, tuân theo Tiền gọi là

Đạo, tu Đạo là vì Tiên. Tiên thì không thể xa rời, dù trong tích tắc.” Cho nên “mở rộng cửa sau, nhưng đóng kín cửa trước” là thế đấy.

Hiện nay học sinh và thầy giáo đều vì tiền. Giáo sư nếu cảm thấy tiền lương không đủ, họ bèn đình công không dạy. Điều này đầu độc học sinh, khiến chúng cũng y rập theo khuôn tư tưởng như vậy, đến nỗi làm cho xã hội đi đến chỗ bại hoại luôn. Xã hội bại hoại là trách nhiệm của giáo viên và giáo sư! Hiện nay có nhiều trường rất hoang đàng, quái gở, như khuyến khích học sinh hút xách, tánh tình phóng đảng và tạo biết bao nhiêu chuyện phi pháp. Thời đại này so với thời Xuân Thu Chiến Quốc ở Trung Hoa còn bại hoại hơn nhiều. Thật vậy, phong cách nề nếp đời nay mỗi ngày một suy đồi, lòng người chẳng còn như xưa nữa. Giới giáo sư lại công nhiên phê bình: Vị Thánh nhân này không đúng, vị anh hùng nọ không tốt, ông tể tướng đó cũng không phải. Tóm lại, mọi người đều không đúng, duy chỉ có mình họ là đúng thôi. Vì sao như thế? Còn không phải là vì tiền ư! Giả như là họ đúng, thế thì bao nhiêu tiền tài cũng đều nên quy nạp về cho họ.

Người đời đều mê tài, mê sắc, mê danh, mê ăn, mê ngủ mà không biết đó là năm căn gốc đọa lạc của địa ngục.

Thứ nhất là tham tài, xem của cải như mạng sống. Điều này chúng ta vừa mới nói qua rồi.

Thứ nhì là háo sắc. Trong nhiều gia đình, ông chồng có nhiều bạn gái, bà vợ cũng kết giao với nhiều bạn trai. Kết quả là họ náo loạn cả lên mà ly dị, rồi bỏ bê con cái, khiến chúng trở thành trẻ cô nhi. Con cái thấy cha mẹ bại hoại như thế, chúng bèn học y theo, rồi hậu quả lại càng không thể tưởng tượng nổi.

Thứ ba là háo danh. Có số người cảm thấy danh phận mình chưa có đủ tiếng tăm, bèn cố ý tạo cho tên tuổi mình được lừng lẫy. Nhưng đến khi làm cho tên tuổi mình vẻ vang xong, thoáng một cái là đã chết. Kể ra như Mao Trạch Đông chẳng hạn, tên tuổi ông ta vang dội một thời. Quyền lực của ông so ra còn hơn cả thánh thần. Toàn dân Trung Hoa đều vợ vầy cuốn sách Tiểu Hồng Sắc của ông. Ngay cả bùa chú của ngài Đạt Lai Lạt Ma cũng không bằng như ông. Đức Đạt Lai Lạt Ma tuy biết niệm chú, nhưng so với Mao Trạch Đông thì chú này cũng chẳng linh nghiệm được.

Ham muốn thứ tư là ăn uống. Lắm người tốn phí rất nhiều công phu nhằm để hưởng thụ cao lương mỹ vị hoặc thực phẩm béo bổ, dinh dưỡng. Như buổi tiệc thời Mãn Hán có cả 108 món, thật quá phí phạm của trời, quả là tổn

phước, tồn thọ. Các vị nên cẩn thận và phải hiểu rằng: “Quân tử mưu đạo, bất mưu thực” nghĩa là người quân tử cầu Đạo, không mưu cầu ăn uống.

Ham muốn thứ năm là ngủ. Có số người không ham tài sắc danh lợi hay ăn uống, nhưng họ lại thích ngủ, ngủ bao nhiêu cũng chẳng thấy đủ.

Bởi vậy năm thứ ngũ dục này làm cho nhân tánh con người trở nên hồ đồ, linh hồn cũng như đã mất, rồi mê mê, mờ mờ mà chạy xuống địa ngục.

Giảng ngày 4 tháng 7 năm 1986

---o0o---

Ngậm Đắng Nuốt Cay - Sen Hồng Trong Lửa

Hỏi các vị Thiện tri thức, thẩm thoát Vạn Phật Thánh Thành đã trải qua mười năm rồi. Trong thời gian mười năm đó, chúng ta đã từng đối diện với biết bao là gian nan khốn khổ, trùng trùng vô tận, nhưng tôi đã không đi các nơi để phan duyên hay cầu cạnh. Tôi cũng không tìm mọi thủ đoạn để kết giao với xã hội, hoặc xã giao với các nhà quan chức, hoặc lấy lòng những người quyền quý. Có người giới thiệu tôi tới diện kiến thống đốc tiểu bang California và Tổng Thống Hoa kỳ, nhưng tôi đều từ chối. Không biết quý vị còn nhớ chăng?

Vào năm 1979, lúc Vạn Phật Thánh Thành làm lễ khai mạc, có hơn mấy trăm người từ Mã Lai đến. Ngoài ra, lại còn có các vị thiện nam, tín nữ từ các nơi như: Hồng Kông, Đài Loan, San Francisco, Los Angeles cũng đến dự Pháp hội, tổng cộng cũng có tới vài ngàn người. Ngày hôm đó, câu gì mà tôi nói trước nhất với mọi người, tôi vẫn còn nhớ rất rõ. Tôi nói: “Cả đời tôi, tôi rất coi thường những người có tiền. Vì sao vậy? Bởi vì các vị có bao nhiêu tiền, thời các vị có bấy nhiêu nghiệp tội theo sau.” Nghe tôi nói như thế, có hơn cả trăm người đến từ Mã Lai bèn muốn tranh cãi với tôi. Họ nói: “Chúng tôi đến đây để ủng hộ Thầy, vậy mà Thầy còn mắng chúng tôi nữa. Chúng tôi đều là người có tiền, nếu nói vậy là không đúng rồi!” Họ muốn nói đạo lý với tôi, nhưng lại không dám công khai. Họ bèn đi thỉnh giáo vị đoàn trưởng kiêm cố vấn của họ là Pháp Sư Đạt Ma Nan Đà. Pháp Sư Đạt Ma Nan Đà sau khi nghe chuyện, Pháp Sư bèn quở trách họ: “Quý vị đã sống đến bảy, tám mươi tuổi rồi, nhưng đối với sự việc như vậy mà cũng vẫn không phân biệt được đúng sai. Lúc bấy giờ tôi ngồi bên cạnh Pháp Sư Tuyên Hóa, tôi cũng đã nghe mỗi một câu ngài nói đều là chánh pháp. Nếu quý vị muốn tranh cãi với Pháp sư Tuyên Hóa, vậy tôi không thể ở chung

trong nhóm quý vị nữa. Hoặc là quý vị đi, hoặc là tôi đi!” Thấy vị cố vấn của họ phản ứng như thế, họ mới không đến tranh cãi với tôi. Pháp sư Đạt Ma Nan Đà đến dự Pháp hội lần đó là để nhận bằng Tiến Sĩ Danh Dự của Đại Học Pháp Giới.

Phàm hễ ai đến Vạn Phật Thánh Thành, thì nên đem ra một phần công sức của mình để đảm nhận một số trách nhiệm. Tôi vốn hai bàn tay trắng, nghèo xác nghèo xơ. Tôi đã trải qua không biết bao nhiêu gian nan khôn khổ mới sáng lập được Vạn Phật Thánh Thành, nhưng tôi không bao giờ than khó khăn hoặc cầu xin người tiếp viện, mà cũng không đi hóa duyên kêu gọi quyên góp. Bây giờ tôi đã thoái vị về hưu, thầy Phương Trượng mới lên nhậm chức, về sau ông ta làm gì thì làm, tôi không quản đến, bởi vì “bất kỳ tại vị, bất mưu kỳ chánh,” không còn tại chức thì khỏi lo việc chánh quyền.

Các vị cư sĩ khi đã đến Vạn Phật Thánh Thành rồi, chớ nên tìm tiện nghi hay lợi dụng cảnh nhà chùa. Hoặc mình có lòng tham so ra còn nhiều hơn người xuất gia, cả ngày cứ niệm chú “tham” và chú “tranh,” rồi bảo là Vạn Phật Thánh Thành đối với quý vị không có từ bi. Quý vị đến Vạn Phật Thánh Thành mà để tham, để tranh, vậy là quý vị đã tìm lầm đối tượng rồi.

Phàm người nào quy y tôi, nên tự nghĩ rằng: “Vạn Phật Thánh Thành sẽ cho mình bao nhiêu? Còn mình sẽ cống hiến cho Vạn Phật Thánh Thành bao nhiêu?” Đừng đến đây để chỉ trích rằng Vạn Phật Thánh Thành đối xử tệ với quý vị. Vậy rốt cuộc là quý vị cống hiến cho Vạn Phật Thánh Thành được bao nhiêu rồi? Một khi quý vị hiểu rõ được điều này thì trong lòng quý vị mới được yên.

Giảng ngày 5 tháng 7 năm 1986

---o0o---

Muôn Chết, Ngàn Sống, Trăm Màì Luyện

“*Vạn tử thiên sanh bách ma luyện*” nghĩa là: Muôn chết ngàn sống trăm màì luyện, đây là câu đối liền nói về cuộc đời tôi. Tôi đã trải qua trăm ngàn cay đắng mới có được Vạn Phật Thánh Thành, cho nên quý vị đừng phá hủy nó.

Đến năm mười lăm tuổi tôi mới đi học, và học cách viết đối liền. Tôi rất ưa thích môn đối liền này. Ngay từ ban đầu tôi đã cảm thấy thân thiết với nó rồi. Lúc bấy giờ toàn ban trong lớp tôi có trên ba mươi học sinh. Khi họ làm câu đối không ra, họ đều tìm tôi giúp đỡ. Tôi bèn bắt chước theo nét chữ của họ mà làm câu đối dùm họ. Việc làm này không những đã huấn luyện lối suy

nghĩ của tôi, mà tâm tư tôi cũng được mở rộng thêm ra. Tôi đi học được nửa năm lúc mười lăm tuổi, rồi đến mười sáu, mười bảy tuổi, tôi học được hai năm liền. Tôi học Tứ Thư, Ngũ Kinh tại trường tư thục. Năm mười tám tuổi là tôi bắt đầu dạy học. Một mình tôi dạy hơn 30 học sinh và tôi chia sẻ hết cho họ những gì tôi đã học. Học sinh đều là con em của những gia đình nghèo khó, cho nên tôi có nghĩa vụ dạy họ.

Một ngày kia, trong nhóm hơn ba mươi học sinh này, bỗng nhiên có khoảng hai mươi em phát bệnh dương mao đình tức là mụn nhọt lông dê. Nói tới loại bệnh này là ai nấy cũng đều sợ khiếp vía. Vì nếu không trị bệnh kịp thời, nhất định trong ba ngày sẽ chết; còn nếu biết trị, bệnh sẽ khỏi ngay tức khắc. Bệnh này lúc vừa mới phát thì đầu đau rất khó chịu. Hồi đó tôi biết trị bệnh này. Tôi dùng một que diêm ấn ngay vào miệng của mụn nhọt trên ngực, nếu nó lõm xuống mà không phình trở lại, thì biết đó là bệnh nhọt lông dê. Và phải lập tức dùng dùi đâm vào thịt và khều ra phía trước, rồi dùng dao cắt bỏ miếng thịt đó. Chúng ta sẽ thấy trong miếng thịt đó có rất nhiều lông, còn chỗ bị mổ chỉ rỉ ra chút ít máu thôi. Nhất định là phải chữa trị theo phương pháp đó; nhọt phía trước ngực thì khều ra bảy lần, mụn phía sau lưng thì khều ra tám lần. Quý vị sẽ hỏi là tại sao phải làm như thế? Đừng hỏi tôi. Tôi ham học, nhưng tôi không cầu hiểu sâu xa. Tôi cũng không biết vì duyên cớ gì, nhưng hễ khều ra như thế rồi thì bệnh sẽ lành hẳn.

Tôi có một chú học sinh rất dễ thương, chú chẳng những biết giữ đúng quy củ, mà còn chăm học, thông minh lại biết chuyện. Tôi chọn chú làm trưởng lớp và cũng lo nuôi dưỡng dạy dỗ nó. Chú bé cũng mắc bệnh lông dê này. Có câu nói rằng: “Quan tâm tắc loạn,” khi lo lắng quá, ắt sanh rối loạn. Vì quá quan tâm cho tình trạng của nó mà tôi trở nên sốt ruột. Rồi chiều hôm đó, sau khi tan học, chính tôi cũng mắc bệnh này! Bệnh này cũng có quý, có vi trùng truyền nhiễm. Người ở vùng núi non mà mắc bệnh này thì chết rất mau.

Người khác bị bệnh thì tôi có thể mổ xẻ, nhưng tôi không thể tự cầm dao để cắt thịt mình. Tôi có thể tự mổ mụn nhọt phía trước, nhưng không thể làm được ở phía sau lưng mình. Bây giờ biết làm sao đây? Đầu tôi đau nhức như sắp nổ tung ra, tôi tự nghĩ: “Mình muốn hiến thân cho Phật Giáo, nhưng bây giờ lại mắc bệnh như thế này, nhất định là phải chết thôi.” Bởi vậy tôi bắt đầu nói lời ma quỷ, mà cũng có thể nói những lời thần thánh hoặc lời Bồ Tát. Quý vị nghĩ sao thì nghĩ, vì cũng có thể là tôi nói lời hồ đồ hay lời đàm tiếu vậy. Tôi thầm nghĩ trong lòng: “Mình hiến thân cho Phật Giáo, nếu Phật không dùng thì mình chết đi cũng cam; còn nếu có thể dùng mình, thì dù cho

mình không thể khều mụn nhọt ra được, nhưng bệnh này cũng sẽ lành lặn mà.” Nghĩ thế rồi tôi miễn cưỡng ngủ thiếp đi. Ngủ một lúc, tôi giật mình tỉnh dậy vì như bị nghẹt thở. Tôi ngủ mà cảm thấy đầu óc mình to lớn ra, lại khó thở như có gì vướng vướng trong cuống họng. Tôi ráng sức ho và khạc ra một cục lông. Sau đó, bệnh mụn lông dê của tôi không cần mổ xẻ mà cũng khỏi. Đó là lần thập tử nhất sinh khiến tôi xém chết.

Hôm nay tôi nói với quý vị nghe về duyên khởi của câu đối liên “muôn chết, ngàn sống, trăm mài luyện” như trên. Bây giờ tôi đã về hưu, nếu nhớ được chút nào thì tôi kể lại cho quý vị nghe chút này vậy.

Giảng ngày 6 tháng 7 năm 1986

---o0o---

Học Giới Luật Như Thế Nào?

Hỏi: Chúng con hy vọng Sư Phụ sẽ chỉ dạy chúng con làm thế nào để Chánh Pháp được trụ thế lâu dài.

Đáp: Nếu quý vị có thể không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ vậy là làm cho Chánh Pháp trụ thế đó.

Hỏi: Chúng con không biết phải học giới luật như thế nào?

Đáp: Lục Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thánh Thành là giới luật đầy. Tức là:

- **Không tranh** thì không phạm giới sát. Vì sao phải sát sanh? Bởi vì muốn tranh. Anh tranh tôi đoạt thì sanh ra hành vi giết người, phóng hỏa. Không tranh thì không sát, như vậy là giữ được giới không sát sanh.

- **Không tham** thì không phạm giới trộm cắp. Tại sao muốn trộm cắp? Thì đều bởi vì tham. Tham muốn vật của người làm của mình. Nếu không tham thì có thể giữ được giới không trộm cắp.

- **Không cầu** thì không phạm giới dâm. Người nam truy tìm người nữ, đó là cầu; người nữ truy tìm người nam cũng là cầu. Cầu không được thì thần hồn điên đảo, thậm chí trong giấc mộng vẫn còn truy cầu, thân tâm không yên.

- **Không ích kỷ tự tư** thì không phạm giới vọng ngữ. Tại sao phải vọng ngữ? Bởi vì muốn bảo vệ lợi ích riêng tư của mình, cho nên đi đến đâu thì

gạt người và nói dối đến đó. Nếu mình không ích kỷ, dù ở đâu mình cũng có thể nói lời chân thật và không có chút hành vi lừa dối nào.

- **Không tự lợi** thì không phạm đến giới rượu. Người uống rượu cho rằng uống rượu có thể làm cho máu huyết lưu thông, có lợi cho thân thể, nhất định sẽ được mạnh khoẻ. Như người say cảm thấy nhẹ nhàng lâng lâng như đã thành thần, thành tiên. Đó đều là vọng tưởng của người uống rượu. Họ đang bị sự tự lợi tác quái đấy.

- **Không vọng ngữ**, trong năm điều kể trên đã bao hàm luôn cả vọng ngữ rồi. Tuy nhiên, vì để mọi người đề cao cảnh giác, tôi đặc biệt nhấn mạnh đến chỗ xấu xa của vọng ngữ. Bởi vậy tôi mới nhắc nhở thêm mục này.

Nếu như ai nấy đều thật sự không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ, thì xã hội nhất định sẽ được an ninh, gia đình nhất định sẽ được hạnh phúc.

Nếu người người trên thế gian chịu nghiêm chỉnh giữ gìn năm giới, không có những hành vi như: sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, và nghiện rượu thì họ sẽ không có phiền não, không có lo nghĩ, ưu sầu. Cho nên nói Lục Đại Tông Chỉ này là pháp môn tối diệu, lại cũng có thể nói là:

“**Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp.
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ.
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì.
Nguyện giải tổ nhân chân thật nghĩa.**”

Tức là Pháp vi diệu rất sâu vô thượng. Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp. Nay con thấy nghe được thọ trì. Nguyện hiểu chân nghĩa cách làm người.

Tôi xin nói thêm một câu nữa, như thân làm Phật tử, mức độ thấp nhất là phải nghiêm giữ năm đại giới cơ bản này và thực hành theo một cách triệt để, như vậy chúng ta mới được an lạc và tự tại. Giả như năm giới này mà không giữ được, thế thời 250 giới của Tỳ Kheo, 348 giới của Tỳ Kheo Ni lại càng khó giữ hơn. Cho nên tại rừng Ta-la song thọ, lúc Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni sắp nhập Niết Bàn, Ngài đã nói với Tôn giả A Nan rằng: “Lấy giới luật làm thầy.” Do đó, chúng ta biết rằng giới luật thật là trọng yếu biết bao!

Giảng ngày 7 tháng 7 năm 1986

---o0o---

Vận Chuyển Càn Khôn - Thủ Trì Giới Luật

Dù hiện nay đang là thời kỳ Mạt pháp, nhưng các Phật tử nên phát khởi tinh thần và lập chí nguyện Kim Cang bất hoại của mình, ngõ hầu chuyển Mạt pháp thành Chánh pháp. Chúng ta nên làm một người Phật tử chân chánh. Nếu mọi người đều chân thật làm theo, tức sẽ chuyển được Mạt pháp thành Chánh pháp. Còn nếu tin đồ Phật Giáo không biết nhận thức, không thật tâm hành trì Phật Pháp, thế thì ngay cả Chánh pháp cũng sẽ chuyển thành Mạt pháp. Vì sao vậy? Vì hễ người chánh thì pháp sẽ chánh, người nghiêng lệch thì pháp cũng sẽ nghiêng lệch. Người nghiêng lệch là người không đi theo con đường chánh lộ. Họ không giữ giới luật, nhưng lại đi tìm chỗ sơ hở của giới luật. Cũng giống như pháp luật là để duy trì an ninh cho xã hội, nhưng có một số người chuyên tìm kẽ hở của luật pháp để làm những việc phạm pháp. Như vậy ngay cả pháp luật cũng không còn tồn tại, cho nên thế giới mới bị ảnh hưởng mà bại hoại.

Thân là Phật tử, nếu chúng ta không thật lòng vì Phật giáo mà nỗ lực công tác và hy sinh, thế thì Phật giáo làm sao phát dương quang đại cho được? Chúng ta muốn phát dương Phật giáo, chứ không phải muốn học mấy bài chú, học có được thần thông, học Mật Tông, hoặc học những thứ kỳ quái lạ lùng, hoặc học quỷ nhập thân, lên đồng, hoặc học vẽ bùa, vẽ ngải. Cho nên điều trọng yếu nhất là phải học giới luật của Phật đã lưu lại. Nếu chúng ta có thể y theo giáo điều mà tu hành, vậy là Chánh pháp sẽ trụ thế. Nếu ai nấy cũng không giữ giới luật của Phật thì đó là Mạt pháp. Vì “Nhất thiết duy tâm tạo,” tất cả đều do tâm tạo ra, cho nên pháp là ở ngay trong tâm con người. Tại sao con người lại đi đến thời kỳ Mạt pháp? Bởi vì nhiều người phạm giới, ít kẻ giữ giới; người biết giới luật thì nhiều, nhưng kẻ hiểu rõ giới luật thì ít, nên khiến người ta mơ hồ lẫn lộn. Quý vị bảo là người đó hiểu rõ, nhưng ông ta lại không hoàn toàn hiểu rõ. Nếu quý vị nói ông ta không hiểu rõ, nhưng ông lại biết chút ít ở bề ngoài, chỉ hiểu lơ mơ một phần nào đó thôi.

Gới luật là gì? Là “chỉ ác phòng phi,” tức là dừng ác ngăn lỗi, là giúp chúng ta không làm mọi điều ác, và ngăn ngừa tất cả lỗi lầm. Cũng tức là “chư ác

mạc tác, chúng thiện phụng hành,” không làm các việc ác, mà làm tất cả việc lành.

Mọi người đều hiểu Năm giới của Phật dạy là trọng yếu. Và lại giới luật cũng có mối quan hệ thân thiết với mỗi cá nhân chúng ta. Nếu quý vị giữ quy củ, không phóng dật, buông lung tức là tự tánh của quý vị đang gia tăng thêm trí huệ. Giữ giới luật thì có thể phát sanh định, một khi sanh định tức là có trí huệ. Nếu không giữ giới thì không có định, mà hễ không định thì sẽ không có trí huệ. Giữ giới ví như bầu trời quang đặng, vạn dặm không gợn mây. Nếu không giữ giới: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, làm bậy nói càn, đó cũng ví như trên không trung đang trong sáng lại xuất hiện đám mây đen. Hễ một khi mây đen xuất hiện thì nó sẽ che khuất mặt trời, vậy là quý vị sẽ không thấy được ánh sáng. Không thấy được ánh sáng quang minh, đó chính là đen tối hắc ám; mà hắc ám chính là ngu si vô minh. Đến nỗi mất cả thân người, rồi chui vào bụng heo làm heo, vào bụng trâu làm trâu, vào bụng ngựa làm ngựa. Đó đều là do những thành tựu khoa học, những thành quả của sự thí nghiệm trong công xưởng hóa học của tự tánh con người.

Người giữ giới là người thanh tịnh được tự tánh và quét sạch hết cái đen tối trong tự tánh. Người không giữ giới thì sẽ có trùng trùng vô tận những đám mây đen. Một ngày không giữ giới, là một ngày sanh thêm nhiều mây đen.

Người không giữ giới, bởi tự tánh của họ đang sanh mây đen ô nhiễm. Nếu quý vị không giữ giới luật thì đâu phải là người khác bị thương, mà chính tự tánh của quý vị bị thương tổn đấy. Cho nên quý vị nhất định phải nghiêm trì giới luật.

Quý vị có thể giữ giới được thì là Chánh pháp, còn không giữ giới tức là Mạt pháp.

Giảng ngày 9 tháng 7 năm 1986

---o0o---

Không Được Lấy Công Để Báo Thù Riêng

Trong giáo lý nhà Phật, đối với người hoặc đối với sự việc, chúng ta đều nên dựa vào Tứ Vô Lượng Tâm: Từ Bi Hỷ Xả để làm căn bản. Khi xử lý việc gì, chúng ta có thể dùng hai cách: chiết và nhiếp. Ví như một vị Tỳ Kheo có tánh xấu ác thì mọi người có thể mặc tẩn, bỏ mặc ông ta, chẳng màng để ý

đến ông ta nữa. Đó là đối với vị Tỳ Kheo cực kỳ khó giáo hóa. Nếu có số Tỳ Kheo vì cố ý hay vô tâm phá giới và hủy hoại giáo pháp, lúc đó các vị Tỳ Kheo trì giới nên đem tấm lòng vô lượng từ, bi, hỷ, xả mà giúp đỡ họ. Nhưng có lúc lại dùng phương pháp “khu khiển” đuổi đi, như đổi chỗ cho người phạm tội ở riêng, hầu để sám hối, sửa lỗi thành người mới. Cũng có khi dùng pháp “ha trách,” tức là la mắng, khiển trách một cách nghiêm khắc. Nhưng chúng ta không được lấy chuyện công để báo thù riêng. Chúng ta không thể vì có mối bất hòa với người, rồi bèn bới lông tìm vết, cố ý tìm lỗi họ. Chúng ta nhất định phải dùng lòng ngay thẳng, không ân oán, và cũng không đem tâm thiên lệch riêng tư để chủ trì, xử sự chuyện công. Nếu lấy chuyện công để báo thù riêng, ví như vừa thấy mặt ông ta là quý vị phản đối ngay, đó là một lỗi lầm lớn, hết sức sai trái. Tỷ dụ như quý vị thấy người nào đó không hợp nhãn, bèn chém hấn bên phải, búa hấn bên trái, thiếu chút nữa là bỏ cho hấn chết, để trả thù rửa hận! Đó là đại sai lầm! Chúng ta nghiên cứu kinh Phật thì phải đại công vô tư. Chúng ta hoàn toàn vì giúp người, mà vận dụng hai phương cách “chiết, nhiếp,” hoặc là nghiêm khắc la trách, hoặc dùng lời lẽ mềm dịu để khai đạo dẫn đường cho họ. Đó cũng đều là những phương pháp giúp người.

Nhất là khi đến đâu, chúng ta chớ nên nói người này làm như vậy không đúng, người kia làm như thế lại cũng không đúng, Nếu nói vậy là mình đã phạm lỗi nhân quả rồi. Chúng ta nên vận dụng lòng đại công vô tư, từ bi hỷ xả của mình. Nếu biết vận dụng hai cách chiết nhiếp thì ta là thiện tri thức. Nếu ai không biết dùng thì là ác tri thức.

Sai một ly thì trật đi ngàn dặm đấy! Không làm sai là hợp pháp, còn làm sai là bất hợp pháp rồi. Mà hễ bất hợp pháp, tức là tạo nghiệp tội, càng tạo tội thì nghiệp càng thâm sâu. Tội nghiệp càng thâm sâu, oán hận càng tăng gia. Đối với Phật Giáo, một khi đã kết oán thì tương lai sẽ không thoát khỏi. Tóm lại là bị nghiệp buộc chặt vào thân. Quý vị có muốn tu hành, nhưng ma chướng lại tìm đến. Vì sao? Bởi quý vị không công bằng. Nếu mình công bằng thời tất cả đều tốt lành, đều như ý. Nếu mình không công bằng thời phiền phức sẽ xuất hiện.

Giảng ngày 20 tháng 7 năm 1986

---o0o---

Lòng Ích Kỷ Là Tảng Đá Vướng Chân Người Tu Đạo

Người tu đạo như chúng ta dễ phát tâm dũng mãnh, nhưng khó mà lập chí cho vĩnh cửu lâu dài. Đó cũng là nói, phát tâm nhất thời, ai cũng có thể làm được đến nơi đến chốn. Nhưng nếu ngày ngày mà năng chiếu soi chí nguyện và tông chỉ của mình để làm theo, tức là điều không dễ làm.

Bởi vì con người không thể giữ tâm được thường hằng bất biến. Dẫu biết rõ tu hành vốn là việc tốt, nhưng sau một thời gian lâu thì chúng ta lại giải đãi lười biếng. Chúng ta quên mất tâm đạo, rồi để lòng tự tư ích kỷ của mình nắm hết quyền hành. Người tu đạo nếu dứt trừ được lòng ích kỷ, thì sẽ không có vấn đề gì và phiền phức gì cũng không còn. Nếu quý vị không có tâm ích kỷ, quý vị cũng sẽ không tranh, sẽ không tham, và sẽ không có mong cầu. Quý vị cũng sẽ không có cái ngã to lớn, cũng sẽ không nghĩ đến lợi lạc cho riêng mình và càng sẽ không vọng ngữ.

Vì sao chúng ta có quá nhiều tật xấu như thế? Là bởi cái tâm tự tư ích kỷ tác quái đó. Kẻ thù của người tu đạo là ai? Thật ra, kẻ thù thật sự không phải là Ma Vương, mà là tâm tự tư ích kỷ. Tâm ích kỷ của mình chính là ác tri thức của ta. Nó khiến cho chúng ta quên mất tâm đạo. Một khi lòng ích kỷ riêng tư nổi lên, nhất cử, nhất động, từng lời nói, từng việc làm của mình cũng đều là ích kỷ. Bởi vậy mình làm việc gì cũng không thành công, làm chuyện gì cũng bị hư hại. Mà nếu có thành công thì cũng là hư vọng, bởi sự thành công đó không phải là mình đạt được từ trí tuệ, công đức chân thật.

Con người vì sao không có trí tuệ chân chánh? Cũng bởi có lòng tự tư ích kỷ, cho nên từ thủy tới chung, người ta không thể đạt được trí tuệ chân chánh. Thời gian lâu dần, người tu hành bị thối lui tâm đạo, rồi quên mất chí nguyện phát tâm ban đầu của họ. Cho nên họ cứ trì kéo, dây dưa không dứt khoát hẳn hoi. Đó chính là đại chướng ngại của người tu đạo. Đại chướng ngại đó từ đâu mà sanh ra? Là từ lòng ích kỷ phát sanh. Nếu quý vị có thể giác ngộ được những câu nói trên và đuổi mấy con trùng lười biếng giải đãi chạy hết, như thế quý vị sẽ đạt được mỗi thu hoạch to lớn.

Giảng ngày 28 tháng 7 năm 1986

Bản Sắc Người Phật Tử - Cương Trực Không A Dua

Tại Vạn Phật Thánh Thành, ai ai cũng không được nịnh hót, nói những lời tâng bốc người khác. Trong quá khứ, tại sao có một số người đã hoàn tục? Bởi vì họ thích được nịnh hót cho "đội mũ cao" đến đấy, đó là một hành vi xấu xa nhất. Tông chỉ của tôi vốn là không tán thán khen người, mà cũng không cố ý phỉ báng chê ai. Những lời tôi nói đều là sự thật, không thêm, cũng không bớt. Bởi vậy, tại Vạn Phật Thánh Thành đâu có ai nói hai tiếng "cám ơn", gọi là "Trực tâm thị đạo tràng", tâm ngay thẳng chính là nhà chùa đó!

Tại Vạn Phật Thánh Thành, chúng ta không nói một chút nhân tình gì. Chúng ta hoàn toàn chỉ nói về Phật Pháp, chứ không đem Phật Pháp ra để tống tặng theo lối thế thái nhân tình, tức là để lấy lòng người. Tôi cũng không cho phép đệ tử quy y tôi đến đâu là nịnh nọt, cho người "đội mũ cao". Lúc tôi mới mua Vạn Phật Thánh Thành, những đệ tử quy y tôi đều sợ đến gần tôi. Họ sợ tôi lôi thôi muốn quyền góp tiền của. Họ bảo là: "Chỗ đó sao mà lớn quá! Coi bộ trong vòng một năm, nhất định là ông sẽ đóng cửa phá sản cho coi!". Song, tôi vẫn một mực áp ủ ba đại tông chỉ:

"Rét chết không phan duyên,
Đói chết không hóa duyên,
Nghèo chết không cầu duyên."

Tôi cũng không đê đầu, khúm núm với ai hết. Tôi nói với quý vị một cách thật thà rằng: Tôi chẳng những không đê đầu với người, mà khi đánh lễ Phật, Bồ Tát, tôi cũng không bao giờ nói: "Bồ Tát ơi! Xin Ngài giúp con! Lần này con không xong rồi..." Kể như là vừa khổ, lại vừa gian nan, nhưng tôi cũng tự mình gánh vác vượt qua, chứ không để người ta biết. Bộ tôi muốn xin sự thương hại của người ta à! --- người xuất gia gì mà như vậy ư! Bởi nhờ vào tinh thần này tôi mới dám nói: "Không cho phép San Francisco động đất."

Giảng ngày 29 tháng 7 năm 1986

---o0o---

Chủ Quan Trí Năng Thúc Đẩy Động Lực

Động lực thúc đẩy trí năng chủ quan, phương pháp giảng kinh này trước đây chưa hề có, nhưng không thể nói là sau này sẽ tuyệt hậu, không còn nữa. Theo phương pháp này, mỗi cá nhân đều có thể phát huy kiến giải của riêng

mình, để nói ra tiếng nói của lòng mình và biểu hiện trí tuệ của chính mình. Tôi đã nghe quý vị nói pháp nhiều lắm rồi, tuy không thể nói là tôi gặt hái được nhiều điều hay, nhưng tôi được ích lợi cũng không phải nhỏ.

Hơn mười năm qua, mỗi ngày tôi đã làm thầy giảng kinh thuyết Pháp cho quý vị. Vậy bây giờ tôi là học sinh vỡ lòng theo quý vị học tập. Điều này thật là không thể nghĩ bàn! Làm thầy rồi lại làm trò. Nhưng nếu tôi đóng vai làm thầy giáo thì tôi sẽ không thể làm được vậy. Quý vị cần nên chú ý về điểm này!

Nếu quý vị không ra giảng Pháp, vậy tôi xin khấu đầu, đánh lễ quý vị. Còn nếu quý vị vẫn không chịu đi ra thì tôi quý. Bây giờ có nhiều người tranh nhau lên giảng kinh trước. Công phu này không phải một sớm một chiều mà có được. Nghe quý vị giảng Pháp, tôi như được pháp vị cam lồ và pháp hỷ sung mãn. Những bài giảng của quý vị hôm nay, mỗi người đều có chỗ ưu điểm (sở trường) và khuyết điểm (sở đoản) của mình. Quý vị nên cùng nhau hỗ trợ nhau gạt dài bù ngắn, đem cái hay của người để bù đắp cho cái dở của mình, đó là dùng theo biện pháp “chiết trung.” Nếu cảm thấy mình nói có đạo lý thì càng nên tự khích lệ mình thêm lên. Còn nếu mình giảng không bằng như người ta, vậy thì đừng ngại gì mà không lấy cái hay sở trường của người mà bổ túc cho cái dở sở đoản của mình. Đó là tinh thần học tập để mình ngày càng thêm phát triển.

Nhất là đừng tự mãn, tự khoe khoang, sanh tâm tự kiêu ngạo, bằng không thì đó sẽ trở thành những nhân duyên chướng đạo mình đấy. Cho nên mọi người càng nên tập trung, lấy trí huệ của mọi người làm trí huệ mình, lấy kiến giải của mọi người làm kiến giải mình. Mỗi cá nhân có thể nghe được nhiều người khác phát huy trí tuệ vốn có riêng biệt nhau. Phương pháp này xưa nay chưa có, nhưng tương lai về sau thì nào ai biết được.

Lại nữa, về cách thức thỉnh Pháp, trên căn bản, dù chúng ta giảng Pháp ở đâu thì cũng nên có người thỉnh Pháp. Nhưng hiện nay có một số người chỉ biết giảng Pháp, mà không biết xin thỉnh Pháp. Bây giờ Vạn Phật Thành dùng phương cách thỉnh Pháp này để trùng tân khiến hưng thịnh trở lại, ngõ hầu khôi phục lại những quy chế của Phật đã đặt ra.

Nghiên cứu Phật Pháp là chúng ta nên “tinh ích cầu tinh,” đã tinh thông còn muốn tinh thông hơn, mỗi ngày nên cầu tiến bộ hơn. Đừng thấy khó rồi rút lui, vì nếu vậy chúng ta vĩnh viễn sẽ không thể nào hiểu rõ được Phật Pháp. Cho nên mỗi người đều có cơ hội để giảng kinh, mỗi người đều có dịp nói

lên những lời công đạo hợp lý. Nói lời công đạo, tức là chúng ta không cần phải tăng bốc, thổi phồng nhau, hoặc đề cao, nịnh bợ lẫn nhau. Nếu không, chúng ta sẽ không thể nào hiểu rõ được ý nghĩa chân thật của Phật Pháp. Ở đây chúng ta nên thật thà, nên nói lời chân thật và nói về chân lý. Chúng ta nên nói tóm tắt, đừng nói vòng vo tam quốc, thêu hoa dệt lá. Chỉ cần chúng ta giảng giải chân nghĩa của kinh điển cho rõ ràng, vậy là được rồi.

Khi nghe người giảng kinh xong, thỉnh chúng nam nữ mỗi bên nên cử ra một người để tóm tắt phê bình. Phê bình đây không phải là với ác ý, mà là thiện ý và bình luận có tánh cách xây dựng. Nếu ai giảng không đúng, quý vị cũng có thể nêu ra để sửa đổi cho đúng. Đó là mài dũa, trau dồi, để cùng nhau sửa chữa những kiến giải không đúng. Bởi vì người trong cuộc thường mê muội, còn kẻ bàng quan thì thường tỉnh táo hơn. Nhưng không được nịnh hót, cho người ta “đội mũ cao”.

Quý vị phải “đơn đao trực nhập,” nói ra một cách thẳng thừng và “khai môn kiến sơn,” đi ngay vào vấn đề. Nếu cảm thấy chỗ phê bình không hợp lý, quý vị cũng vẫn có thể nói lên. Đây không phải là biện luận, mà nên như “nhất châm kiến huyết” là nói ngắn gọn, đúng ngay điểm quan trọng để nêu ra chỗ không đúng. Thế mới có thể như rèn luyện trong lò lửa lớn để được vàng tinh chất. Cũng như tại chùa Thiếu Lâm, hành giả phải vượt qua đám người gỗ, nơi đám người gỗ này mà rèn luyện để được công phu chân thật. Nếu không thể vượt ra trận đánh, tức là họ phải luyện lại từ đầu. Nếu đánh thoát ra được, tức là họ có thể ở thế gian cười mây đạp sóng để hoằng dương Phật Pháp. Đây là biện pháp tốt có thể phá trừ được tướng ngã. Đừng nên cho rằng vì người ta phê bình mình, rồi mình cảm thấy xấu hổ, hoặc là mình nêu ra khuyết điểm của người khác, nhưng lại sợ họ không chịu nổi. Đây là chân cũng lại là chân, thật cũng lại là thật, thật thật thà thà, không được có một chút tạo tác tạp nhạp, bất tịnh nào.

Tôi tin rằng từ cổ chí kim, chưa có ai giảng kinh theo cách thức như vậy. Nhưng tại Hoa Kỳ thì đặc biệt khai mở theo phong cách khuôn phạm này. Hoa Kỳ là một quốc gia dân chủ, cho nên mọi người nên nói lời chân thật với cả tấm lòng chân thành của mình. Chúng ta hoằng dương Phật Pháp tại Hoa Kỳ, đi đến đâu cũng nên nói lời chân thật, thành thử chúng ta vào nước không bị chìm, vào lửa không bị đốt và không bị đao thương xâm phạm. Đừng giảng lời hư ngụy giả dối, không nói tốt để lấy lòng người, để khiến người ta có thiện cảm với mình. Tôi nói lời chân thật, dù cho quý vị giết tôi cũng không sao, chẳng hề chi. Chúng ta nên có tinh thần như thế để nói lời chân thật, dù mình có chết cũng là chết có ý nghĩa. Chúng ta nên có tinh thần

bình luận như thế, chớ có lo trước ngó sau, nhút nhát rụt rè. Nếu không, chúng ta chẳng thể nào hiểu được Phật Pháp.

**“Tôn pháp tài, diệt công đức,
Mạc bất do tư tâm ý thức.”
(Chứng Đạo Ca)**

*Làm hại Pháp, hủy diệt công đức,
Không đâu là không do tâm, ý, thức.*

Tức là do tâm, ý và thức của mình sẽ hại chết mình. “Thị dữ thiên môn liễu khước tâm,” qua pháp thiên mà từ bỏ tâm. Cho nên người tham thiên không dùng tâm, ý, thức. Cái gì họ cũng không nghĩ, cũng không suy tưởng tới, nhưng lại thường tham thiên với câu “Ai là người niệm Phật?” Đây là họ đi ngược dòng trở về nguồn cội, tìm cho ra bản lai nguồn gốc, mình vốn là thế nào? Đây gọi là: “Chuyên nhất tắc linh,” chuyên nhất tới cực điểm thì hoát nhiên thông suốt, khai ngộ và đạt được đại trí tuệ. Hiện nay có một số người giả mạo khai ngộ, hoặc tìm người chứng minh rằng mình đã khai ngộ rồi. Đó là vì ai nấy đều cho rằng khai ngộ là việc tốt, và người tu hành thì vẫn chưa quên được cái danh từ tốt này. Nếu bảo rằng người khai ngộ sau này sẽ biến thành chó, chắc người ta sẽ không nói là mình khai ngộ đâu! Tự xưng mình đã khai ngộ, vậy cũng như là người vô tri đến cực điểm rồi. Vì sao lại muốn tự quảng cáo để nói cho người khác biết. Như thế là có ý gì? Đó cũng vẫn là để phan duyên, tự mình khoa chiêng đánh trống. Nếu thật sự hiểu biết thì mình sẽ không tìm cầu danh lợi, mình cũng không ích kỷ, tự lợi đâu. Mỗi người nên làm việc với tinh thần vì Phật Giáo, chứ không phải cái này cũng sợ, cái kia cũng sợ, sợ luôn cả lá cây rơi xuống sẽ làm vỡ đầu, bể óc mình.

Người giảng kinh nên nói tóm tắt vào chỗ trọng yếu, đừng nhây nhưa, rắc rối. Những lời quý vị giảng thì nhất định phải có liên hệ đến ý kinh. Quý vị không được mang giấy ghi sẵn tài liệu lên bục giảng. Khi rút thăm (thẻ tre có ghi danh), rút đến tên ai thì người đó nhất định phải lên giảng. Quý vị không được thoái thác, vì như thế là trái với pháp lệnh, là không tôn trọng pháp. Đây là một thiên mệnh, rút đúng tên ai thời người đó phải lên giảng. Nếu không lên giảng tức vị đó đã làm trái với pháp công cộng. Dù là vị nào đi chẳng nữa, cũng không được nói rằng:

- Hôm nay tôi không nói đâu.

Ai có hành vi như thế, dù có giảng hay bao nhiêu, người đó cũng không được điểm nào hết. Nếu như không có chuẩn bị, nhưng quý vị lại thường lên

giảng thì mới tính. Còn như quý vị có chuẩn bị để lên giảng thì không tính. Nếu quý vị lên giảng mà mang theo giấy tờ cũng không được điểm nào. Tại sao? Vì không hợp quy củ! cầm giấy lên đọc, đó là lừa dối mọi người, chỉ thêm sự quấy rầy thôi. Bởi quý vị không chú ý nghe giảng nên mới đem giấy tờ bài bản theo. Ở đây chúng ta không phải là “Open Book Test” thi được mở sách.

Khi thuyết giảng: Nếu biết thì nói chỗ mình biết, không biết thì không được nói mình biết, đừng giả bộ. Nếu vốn không biết câu chuyện là thế nào, vậy ta đàm huyền thuyết diệu để làm chi? Đó cũng như là nuốt trứng cả sách vở chớ mình có biết gì, vậy nói ra đâu có giá trị chân chánh gì? Cho nên muốn có cái trí chân thật và kiến giải rõ ràng, thời đừng vẽ rắn thêm chân, làm chuyện dư thừa.

Với phương pháp giảng kinh này, mỗi người sẽ tự phát huy trí huệ vốn có của mình. Lúc có người bên phía nam đang giảng trên bục, người kế tiếp nên ngồi dưới bục để chờ đến phiên mình. Bên phía nữ cũng vậy. Như vậy mọi người sẽ không vọng tưởng nghĩ ngợi rằng: “Kế tiếp sẽ đến phiên ai đây?” Nếu có người lên trước chờ thì sẽ khiến cho mọi người được yên tâm, còn tự người đó cũng có thể nhân cơ hội này mà an tĩnh chốc lát để chuẩn bị thuyết Pháp. Tuy nhiên, không phải ai ai cũng suy đoán: “Kế tiếp nữa sẽ đến phiên ai?” nhưng trong đại chúng cũng có người rất là sốt ruột, chẳng yên.

“Thiên hạ bốn vô sự, dung nhân tự nhiều chi.” Thế gian vốn không có chuyện gì, nhưng người ngu lại muốn tìm chút chuyện để làm. Bởi vậy, gặp tình cảnh nào họ cũng đều chấp trước hết. Phương pháp giảng kinh này vốn rất tự nhiên, người trí thấy trí, người nhân từ thấy nhân từ, người sâu sắc sẽ thấy sâu sắc, người nông cạn thì thấy nông cạn. Mỗi mỗi đều có sở trường riêng, đạo lý giảng thuyết của mỗi người cũng không giống nhau. Nay chúng ta sẽ thu lấy hết các thứ khác biệt đó, rồi bỏ chung vào một lò để cùng luyện đúc, hầu tập hợp trí tuệ của chúng sanh để kết tập thành những suy tư hữu ích và sâu rộng. Như thế thì người không có trí huệ cũng biến thành người có trí huệ. Tại sao? Bởi chúng ta có nhiều cơ hội học tập và trí huệ sẽ dần dần phát sanh. Đây là lúc mọi người lấy dài bù ngắn, căn cứ vào luận lý lôgic và chân lý, chúng ta sẽ rất mau thâm nhập được kinh tạng, trí huệ như hải. Một khi đã có trí huệ như hải, dù gặp chuyện gì đi chăng nữa, chúng ta cũng có thể giải quyết dễ dàng như chẻ tre. Cũng như tấm gương chiếu rõ mọi vật, lúc việc đến thời đối ứng, việc qua rồi thời tĩnh lặng. Điều này đối với việc nghiên cứu Phật Pháp rất là trọng yếu vậy.

Còn một điểm nữa, lúc lên đài tập giảng, nếu quý vị có những lỗi nói theo kiểu quen miệng quen mồm, hoặc giả có chút cử chỉ gì không đàng hoàng thì cũng nên bỏ đi. Ở đây một mặt là học tập giảng kinh văn, một mặt là học tập cách diễn giảng trước đại chúng. Tôi thấy mọi người mỗi ngày một thêm tiến bộ, từ từ đi trên con đường chánh đáng. Lại nữa, người không biết tiếng Hoa, nhất định phải nói tiếng Hoa, và người không biết tiếng Anh, nhất định phải nói tiếng Anh.

Ở đây có rất nhiều người Tây phương, hỏi trước họ cũng đâu có biết nói tiếng Hoa, nhưng vì bị bắt buộc học mà nay họ cũng biết được rồi. Tôi có một đệ tử rất thích ăn kẹo, nhưng cậu ta thà rằng không ăn kẹo chứ không muốn bỏ học nói tiếng Hoa. Bây giờ cậu ta đã nói được rồi đó. Ở đây người Tây phương nên nói tiếng Hoa, người Hoa thì nên nói tiếng Anh để cho ngôn ngữ đông tây cùng nhau giao lưu thành một khối. Mức độ tối thiểu là quý vị nên biết hai ngôn ngữ. Nếu quý vị có thể tiếp tục học thêm một chút nữa như tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý..., như vậy trong tương lai sẽ rất tiện lợi đối với việc đi ra ngoài hoàng dương Phật Pháp. Xin quý vị đừng bỏ sót điểm này.

Tôi rất là hổ thẹn vì tôi đã không biết các ngôn ngữ khác. Như mới gần đây, khi đi Indonesia, bởi không biết tiếng Nam Dương nên tôi như người điếc vậy. Quý vị là những người còn trẻ, bây giờ quý vị có cơ hội để luyện tập, tương lai quý vị sẽ làm trụ cột của Phật Giáo. Đó là kỳ vọng mà tôi đặt hết vào quý vị đây.

Giảng ngày 6 tháng 8 năm 1986

---o0o---

Trì Giới Có Khả Năng Đào Luyện Tự Tánh

Khi thọ giới rồi thì chúng ta cần phải giữ giới. Giới tức là: Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, nghĩa là: Không làm các việc xấu và làm tất cả việc lành. Giới cũng là: Chỉ ác phòng phi, nghĩa là: đình chỉ, ngưng làm các việc ác và phòng tránh phạm lầm lỗi. Sau khi thọ giới rồi, chúng ta phải dựa trên căn bản: “Chỉ ác phòng phi, chư ác mạc tác và chúng thiện phụng hành” mà làm theo, đó chính là chúng ta đang giữ giới. Từ trong tư tưởng cho đến hành động, chúng ta đều nên cố gắng tận lực để ngưng làm các điều xấu ác, và cũng đem hết sức mình làm các việc tốt lành để giúp đỡ mọi người. Trong mỗi thời mỗi khắc, nên tự đề phòng những tư tưởng, hành vi không

hợp lý, không hợp pháp của mình. Đó là ý nghĩa của giới đầy. Phật tử giữ giới hãy nên chú ý điểm này. Như vậy quý vị có thể làm theo được không?

Sau khi quy y Tam Bảo rồi, quý vị lúc nào cũng nên giữ lòng cung kính đối với Phật, Pháp, Tăng. Bởi vì tất cả do tâm tạo, nếu tâm thường cung kính Tam Bảo, lâu dần tự nhiên nó sẽ hợp nhất cùng Tam Bảo thành Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo và Giới Bảo. Quý vị đã quy y Phật, khi gặp tượng Phật thì đều nên cung kính, lễ bái. Kinh Phật cũng nên được để phía trên các sách vở thế tục và đặt ở nơi chốn tôn nghiêm. Tốt nhất là những kinh Phật nên được để ngay ngắn một cách tôn trọng, đừng bỏ trên cầu thang, nơi lối người qua lại, mà nên để ở chỗ sạch sẽ. Giờ khắc nào chúng ta cũng nên tôn kính Phật, Pháp, Tăng và Giới, nhất là trong tâm cũng không nên có chút khinh mạn, xem thường.

Trì giới tức là thanh tịnh tự tánh của mình, là quét sạch hết tất cả những đám mây đen hắc ám trong tự tánh đi; không giữ giới tức là mây đen trùng trùng vô tận. Nếu chúng ta càng không giữ giới, mây đen sẽ càng nhiều thêm, giống hệt như mây đen trên bầu trời vậy. Người không giữ giới, tức là trong tự tánh đang sanh sản đám mây đen ô nhiễm. Mình không giữ giới, thế thì không phải là người khác bị thương, mà chính là tự mình thọ thương, tự tánh của chính mình bị tổn thương thôi. Cho nên chúng ta cần phải nghiêm giữ giới luật. Trì giới là Chánh pháp, không trì giới là Mạt pháp.

Khi nghe giảng Phật Pháp, chúng ta không cần phải tham nghe cho nhiều. Điều trọng yếu chỉ là dừng việc ác, ngừa tội lỗi, năng biết và năng hành. “Không làm các việc ác, nên làm các điều lành,” là đủ rồi.

Lúc đức Phật sắp nhập Niết Bàn, Tôn giả A Nan đã hỏi Phật bốn vấn đề. Trong đó có một việc mà ông đã hỏi như: Khi Phật còn tại thế thì chúng con lễ bái Phật làm thầy, nhưng Phật nhập Niết Bàn rồi, chúng con nên lấy ai làm thầy? Lúc bấy giờ, Phật đã nói một cách trịnh trọng với chúng đệ tử xuất gia và tại gia rằng: “Lấy giới luật làm thầy.” Cho nên khi chúng ta niệm quy y, đó cũng là niệm quy y giới, tức là lấy giới làm thầy.

Quý vị muốn chân chánh học Phật Pháp thời phải lấy giới làm thầy, chứ không phải nói giới, giới, giới trên miệng lưỡi, mà giới phải ở ngay trong tâm. Người không phạm năm giới thì trong tâm sẽ quang minh xán lạn. Đối với người phạm giới, quý vị nghe họ nói chuyện là biết họ đang có quỷ ở bên trong, khiến họ không thể dương mặt dương mày để nói năng hùng hồn,

đúng với lý lẽ. Sau lưng họ chắc có sợi dây để kéo, giống như quỳ đang giựt đuôi họ, làm cho họ e sợ đấy thôi!

Bất luận tôi đi đến đâu, không hiểu tại sao, dù tôi không có đeo súng đạn hay vũ khí gì trên thân, vậy mà những người tà lý, tà khí hề thấy tôi là họ sợ sệt. Thậm chí họ sợ đến nỗi run rẩy, nom nớp, ngay cả nói chuyện cũng không dám nói, nhìn cũng không dám nhìn mặt tôi. Hôm nay tôi nói cho quý vị biết là tại sao thế! Bởi vì họ không giữ giới, cả ngày cứ ở trong đám mây đen, ẩn trốn trong chỗ hắc ám tối đen, cho nên mới không thấy được ánh sáng. Không giữ giới là biểu hiện của Mạt pháp. Quý vị muốn hộ trì Chánh Pháp thì phải giữ giới. Giữ giới không phải là bảo người ta giữ, mà tự mình phải giữ. Không giữ giới thì tự tánh bị thương, mà hề tự tánh bị thương tức là nhiễm ô, đen tối, giống như tấm gương bị rất nhiều bụi bặm che phủ, cho nên nó không thể soi chiếu ai được.

Tự tánh của chúng ta giống như tấm gương trong sáng vậy. Bản nguyên của chúng ta đều có Đại Viên Kính Trí, Thành Sở Tác Trí, Diệu Quan Sát Trí và Bình Đẳng Tánh Trí. Tự tánh là quang minh vô lượng, sáng tỏ không lường, nhưng vì không giữ giới, thành thử ánh sáng quang minh không xuất hiện được. Cho nên ký ức của chúng ta cũng không tốt, cái gì cũng không tốt cả. Tại sao con người ngu si? Bởi vì không giữ giới. Hiện nay lại còn có những đứa bé tâm trí suy nhược, năng lực thấp kém, đó cũng bởi kiếp trước chúng không giữ giới cho nên mới ngu si như ngựa, như trâu, tuy có thân người nhưng không có trí người, chẳng những ngu si mà còn điên đảo nữa.

Cũng như hôm nay, có người đến hỏi tôi rằng: ông ta là Bồ Tát thuộc cấp địa thứ mấy? Vốn ngay đến bờ rìa của Bồ Tát, ông ta còn chưa rờ tới được, vậy mà lại còn hỏi mình là Bồ Tát cấp địa thứ mấy? Quý vị nói là có đáng thương hay không chớ? Loại người như vậy cũng đều là không giữ giới, cho nên thần kinh mới phát cuồng.

Phật là bậc đại trí tuệ, ai có đại trí tuệ thì sẽ giống y hệt như Phật. Nếu mình không thể thành Phật được tức là vì mình không giữ giới. Đời đời, kiếp kiếp Phật đều giữ giới, giới nhỏ như tơ hào Ngài cũng không phạm. Bởi vậy mà Ngài chứng đắc được thân Phật, có Ba Thân, Bốn Trí, Ngũ Nhân, Lục Thông. Nếu mỗi người đều có thể “không làm các việc ác, vâng làm tất cả việc lành,” thì đó tức là giữ giới.

Giảng ngày 3 tháng 9 năm 1986

---o0o---

Nên Bình Luận Công Bình

“Trong các loại bố thí, bố thí Pháp là tốt nhất.” Đó là loại bố thí lớn nhất, vì nó có thể thành tựu được Pháp Thân Huệ Mạng cho con người, giống như thấp lên ngọn đèn sáng trước mặt người ta vậy. Do đó, đức Phật trong suốt cuộc đời, Ngài đã không làm việc gì khác, mà chỉ lo giảng Kinh, thuyết Pháp thôi. Chúng ta là đệ tử Phật, nếu không học giảng Kinh thuyết Pháp, không học nói lời chân thật, thế thì rốt cuộc chúng ta theo Phật để học cái gì?

Bây giờ mỗi buổi tối giảng kinh đều là do mọi người thay phiên nhau lên giảng, sau rốt lại còn có người bình luận tổng quát. Như vậy thì đây càng hơn là bố thí Pháp trong những cách bố thí Pháp. Những ai chưa đi vào con đường chánh lộ, quý vị cũng nên từ từ dìu dắt, giúp họ trở lại con đường chánh. Bởi vậy, bình luận như thế này là quý vị đang thực hành một phần nào theo Bồ Tát đạo.

Quý vị chân chánh muốn giúp đỡ kẻ khác, chân chánh muốn cho người ta được thành tựu mà thực hành bố thí Pháp thì đừng nên thờ ơ, chẳng chịu quan tâm đến ai; nếu không, thì không phải là người tu hành chân chánh. Nhớ lại lúc ban đầu, quý vị không ai muốn lên giảng, nhưng hiện nay thì biết nhận thức hết rồi. Khi quý vị lên giảng thì đừng sợ sệt, vì không có ai đánh hay giết hại quý vị đâu. Kể như đến lúc mình phê bình thì cũng là có thiện ý, chứ đâu phải có ác ý. Như: “Tôi cảm thấy người đó không đúng nên tôi phải áp đảo y.” Ngược lại, mình nên nâng đỡ họ, bởi mình không nỡ để họ ngã quỵ xuống. Quý vị cũng đừng có giống như: anh nhìn tôi, tôi nhìn anh, để rồi ai cũng sợ đi lên bình luận, phê phán. Kể như là quý vị bình luận không đúng đi, nhưng mọi người vẫn có thể nghe thấy cách nhìn, và quan điểm của quý vị. Chúng ta nên “tinh ích cầu tinh,” nghĩa là đã tinh thuần rồi mà vẫn muốn tinh thuần hơn nữa, để không còn một mảy cặn bã nào, giống như luyện vàng tinh trong lò lửa lớn, nó phải thuần nhất chứ không được lẫn lộn với các chất tạp nhạp khác.

Hiện nay quý vị cảm thấy việc này không trọng yếu, nhưng tương lai khi quý vị ra ngoài hoằng Pháp, lúc đó quý vị mới biết tánh cách trọng yếu của nó. Quý vị giảng sai một chút là có thể khiến cho người ta thối thất tâm Bồ Đề rồi. Còn nếu giảng đúng, là quý vị làm cho người ta phát Bồ Đề tâm. Vì vậy, bây giờ chúng ta nên luyện tập một cách thật thà. Chúng ta không nên

thêu dệt vòng vo, hoặc nói tràng giang đại hải như là viết văn chương, chỉ cần mình giảng ra được cái nghĩa lý trọng yếu của kinh văn là được rồi.

Giảng ngày 28 tháng 9 năm 1986

---o0o---

Rèn Luyện Trí Tuệ

Trong Pháp hội giảng kinh này đây, ai ai cũng đều có cơ hội lên thuyết giảng, cho nên trí tuệ của mỗi người cũng được xuất lộ ra, mà cái ngu si của mỗi người cũng bày lộ ra luôn. Người mà thật sự có trí tuệ, dù họ muốn giấu, giấu cũng không lâu đâu. Ban đầu họ có thể ẩn giấu khoảng năm ba ngày, song lâu dần thì họ cũng đâu có giấu được. Và ngược lại, người ngu si vốn muốn giả vờ rằng mình thông minh, rồi làm ra vẻ thông minh. Nhưng dù họ cố gắng học tới học lui gì thì cũng đâu có được tự nhiên. Đây mới là cuộc khảo sát thật sự! Bây giờ chúng ta lại tăng thêm mục bình luận sau chót nữa. Nếu quý vị nói hư nói vượn gì thì vẫn còn có người phê bình quý vị. Nhưng người bình luận không được lôi thôi, nói dài hơn cả người giảng Pháp.

Chúng ta hãy nhìn xem, những bậc cổ nhân bình luận văn chương như là “họa long điểm tinh” tức vẽ rồng điểm mắt, họ chỉ dùng vài chữ đơn giản mà đầy đủ, bao la vạn hữu. Vậy thì chúng ta không cần phải “họa xà thêm túc” tức vẽ rắn thêm chân, hoặc giả “vẽ người còn vẽ cả ruột gan” nữa.

Mọi người hãy nên xem xét kỹ, rằng: người đó lên phê bình có chính xác không? Ý kiến của người đó là thật, hay là giả. Người đó có đúng như là người chỉ đường không? Mà y chỉ đúng hay là không đúng?

Chúng ta ngày ngày rèn luyện trong lò lửa hồng, thành thử một chút cặn bã, chút tư hào như bản gì cũng không còn. Nếu mình chuyên tâm học Phật, bất luận là người khác có nói đúng hay không đúng, mình cũng phải chăm chú lắng nghe. Người nào không chú ý tất sẽ ngủ gà ngủ gật. Đây là sự khảo nghiệm, thử thách, thật hay giả gì cũng đều rèn luyện cho tỏ lộ ra hết.

Giảng ngày 5 tháng 10 năm 1986

---o0o---

Thái Độ Người Học Phật

Đạo Phật là giáo pháp xuất thế, cho nên chúng ta không phê bình tốt xấu về chuyện chánh trị, hay đảng phái này nọ, bởi vì Pháp là như vậy, xu hướng của thế giới là như thế. Tất cả vạn sự, vạn vật đều là đang nói Pháp. Chúng ta có thể nói rằng: Tất cả đều là “tiền nhân hậu quả” đó thôi. Từ vô lượng kiếp đến nay, nhân này đã được gieo xuống rồi, cho nên phải kết cái quả đó, gọi là: "như thị nhân, nhân thị quả" tức gieo nhân nào sẽ gặt quả nấy là vậy, và không có một chút gì sai nhảm đâu. Nhưng theo kiến giải của phàm phu thì có cái phân biệt là đúng, hoặc là không đúng. Chúng ta đừng nên để ý đến chuyện “đúng hay không đúng,” vì đó là do con người tự sanh ra sự phân biệt thôi. Do đó, chúng ta nghiên cứu Phật Pháp hoàn toàn là vì muốn nghiên cứu đạo lý của Khổng Tử, Lão Tử và Phật Giáo. Chúng ta không bàn luận về hành động của bất cứ một đảng phái chánh trị nào, bởi vì chúng ta đâu có làm chánh trị. Chúng ta cũng không mượn Phật Pháp để phát ra những cái bất bình của mình.

Học Phật Pháp, trước hết là chúng ta phải bình lặng những cái bất bình của mình. Chúng ta không thiên tả, mà cũng không thiên hữu. Đó là tông chỉ của chúng ta khi giảng Pháp đây.

Còn nữa, tôi không thích được người bợ đỡ, cũng không muốn ai khen tặng tôi. Tôi rất vui khi người ta phỉ báng tôi, nhưng chán ngán nhất là khi có người tán thán khen tôi trước mặt. Tôi không muốn tự thần thánh hóa mình, tôi vốn như là hư không, không hình, không tướng, không tượng, không đông tây nam bắc, không nhân, không ngã, không chúng sanh, không thọ giả. Thế thì sao lại có cái “ngã”?

Nếu có cái “ngã” tôi sẽ không đến Hoa Kỳ. Tôi đến đây không phải là để đào vàng. Ở San Francisco tuy được gọi là Cựu Kim Sơn, (núi vàng cũ) nhưng ngay cả bột vàng tôi cũng chẳng muốn. Tôi lại không biết nói tiếng Anh, một chữ a, b, c cũng không hiểu. Thế thì tôi đến đây để làm gì? Bởi tôi muốn khai khẩn vùng đất mới ở đây, ngõ hầu đem Phật Giáo truyền bá đến toàn khắp thế giới. Đó là nguyện lực của tôi.

Dù bất cứ ở đâu, tôi không muốn tự đề cao địa vị mình, tôi cũng không muốn được nổi bật. Tôi không cảm thấy rằng mình cao hơn người, giỏi hơn người, có trí tuệ hơn người. Nếu tôi nghĩ như vậy, tức là tự mãn, coi như tôi đã tiêu rồi. Bởi người tự mãn, nhất định sẽ không thành tựu được cái gì. Con người nên giống như “có cũng như không, thật cũng như hư.” Người có đạo

đức nhưng giống như người không có đạo đức, có trí tuệ nhưng tợ như người không có trí tuệ, nhất là không nên tự mãn.

Một khi con người tự mãn thời sẽ tự đại, mà tự đại thì trở thành như chữ “xú” tức là hôi thúi (chữ “xú” là tiếng Hán gồm có chữ “tự” và chữ “đại” nghĩa là hôi thúi). Cho nên chúng ta ai nấy đều nên tận lực học Lục Đại Tông Chỉ: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Chúng ta phải hết sức mình làm theo sáu nguyên tắc này. Nếu không thể thực hành Lục Đại Tông Chỉ này, dù cho quý vị có tài hoa gì đi nữa, quý vị cũng chẳng có trí huệ chân thật. Thậm chí miệng lưỡi quý vị có lưu loát như nước chảy, biện tài vô ngại, tôi cũng không có hứng thú gì đâu. Tôi là kẻ chỉ biết người thật thà, chứ không biết đến kẻ xảo trá. Về sau, bất luận là người nào cũng đều phải thật thà, đừng nghĩ rằng mình có cái gì nổi bật. Hoặc kẻ như là quý vị phi thường, nổi bật đi, quý vị cũng đâu cần phải phô trương, lộ bày rằng mình là nhất hạng không ai sánh kịp. Loại người như thế sẽ không thể tồn tại trong Phật Giáo, sớm tối gì cũng bị thất bại thôi. Cho nên tôi thường nói với quý vị, trong Phật Giáo muốn tạo lập công đức, nhất định là phải học tập thái độ của các vị cổ nhân đức lớn xưa nay: không tranh, không cầu, không tham, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ, như thế mới đúng với tư cách của người chân chánh học tập Phật Pháp.

Nếu không, dù quý vị có giảng hay đến mấy đi nữa, cũng không được chút ích lợi nào. Quý vị đối người chỉ có thể đối được một lúc nào đó, chứ không thể đối gặt lâu dài được. Cho nên nói: Đường dài biết sức ngựa, lâu ngày biết lòng người. Tu đạo là tu cái gì? Thì là chú trọng về đức hạnh của chính mình đó.

Giảng ngày 18 tháng 10 năm 1986

---o0o---

Đệ Nhất Niệm Là Gì?

Đệ tử hỏi: - Thưa cái gì là niệm thứ nhất?

Hòa Thượng đáp: - Tức là một niệm bản lai, không cần suy nghĩ, không dùng đến tâm, ý, thức mà hiểu rõ ràng. Phàm những cái suy tưởng đều là của nhân tâm con người, chứ không phải là Đạo tâm. Đệ nhất niệm là đệ nhất nghĩa đế, chứ không rơi vào đệ nhị hay đệ tam.

Đệ tử hỏi: - Bình thường hề chúng ta thấy món ăn ngon, niệm thứ nhất là nghĩ đến ăn nó; hoặc thấy đồ vật đẹp, chúng ta lập tức nghĩ đến muốn có nó. Chẳng lẽ đó cũng là đệ nhất nghĩa đế sao?

Hòa Thượng đáp: - Không phải! Quý vị chớ có sai lầm, gọi là Niệm thứ nhất vì đó là khai bản kiến tri, là từ cái chân tâm của chúng ta bộc lộ ra, là Bản Lai Diện Mục. Còn ý niệm tham ăn, ham đẹp thuộc về vọng tâm, tham tâm, chứ không phải là chân tâm. Ví như chúng ta ở đây nghiên cứu chân lý, phương diện đó thuộc về dương. Còn tâm tham ăn, ham đẹp là phương diện thuộc về âm, cho nên không thể xưng là đệ nhất nghĩa đế. Tâm cần phải theo chiều hướng chân lý, quang minh, vậy mới tính kể. Then chốt là ở chỗ thượng đạt thăng tiến hay hạ lưu suy đồi. Nên biết rằng con người đọa lạc xuống địa ngục cũng bởi cái niệm ban đầu trước nhất, nhưng niệm đó là thuộc về tà, thuộc về âm, thuộc về hạ lưu, do đó nó mới có thể dần dần đẩy ta từng bước xuống địa ngục. Bởi vậy chúng ta phải phân biệt rõ ràng về những vấn đề cơ bản, chớ đâu thể nào bàn luận một cách hỗn độn chung chung.

Đệ tử hỏi: - Đã có người hỏi rằng: “Đạo Phật bảo là: Thân người khó được, một khi mất thân người, muôn kiếp chẳng phục hồi.” Vậy tại sao hiện nay nhân số trên thế giới lại gia tăng một cách mạnh mẽ? Rõ ràng là số người sinh ra nhiều hơn so với số người tử vong, vậy đạo Phật giải thích thế nào về điều này?

Hòa Thượng đáp: - Hiện nay tỷ lệ nhân khẩu sinh sôi nảy nở tuy cao, nhưng quý vị làm sao biết được số tử vong của chúng sanh là không nhiều hơn số người sanh tồn? Tổng số này không cách gì đếm chính xác cho được, mà cũng không thể lấy khoa học để chứng minh. Điều đó chỉ có thể lấy thí dụ mà nói thôi. Lúc Phật tại thế, có lần Ngài hót nắm đất rồi nói: Được thân người như đất trong bàn tay, mất thân người như đất ở đại địa này. Số người sanh tồn trên thế gian này tựa hồ như vô lượng vô biên, nhưng quý vị làm sao biết được số mất thân người không vượt hơn gấp bội số được sanh ra.

Đệ tử hỏi: - Hiện nay, một quả bom nguyên tử bộc nổ là có thể làm chết hàng muôn vạn người. Vậy rốt cuộc thì có cách nào để thống kê được số người chết là bao nhiêu không?

Hòa Thượng đáp: - Trước đây số người tử vong cũng không nhiều như ngày nay. Bây giờ chết về tai nạn gió lửa, tai nạn xe cộ, phi cơ, chiến tranh và bom đạn cũng không cách gì thống kê cho được. Hơn nữa, những người

chết đó, sau khi mất thân người rồi, rất có thể là họ sẽ không làm người trở lại. Hoặc giả là họ tái sinh làm kiến, muỗi, hay làm những con thú dữ. Số lượng này khoa học làm sao đưa ra để làm chứng cứ? Cha mẹ sanh con ra, nhưng bỗng nhiên sao đứa bé liền có tri giác? Đây là vấn đề tối căn bản, nhưng người phàm lại sơ ý bỏ qua, không hề nghiên cứu đến. Tuy nói rằng nhân số hiện nay gia tăng dữ dội, nhưng so ra số chúng sanh mất thân người thì nhiều hơn lúc trước. Ngày xưa đâu có nhiều kiến, muỗi và những loại trùng độc hại như vậy. Làm sao quý vị biết những chúng sanh thuộc loài thấp sanh, hóa sanh hoặc noãn sanh đã không phải là từ người mà biến dạng thành như thế?

Sau khi con người đã mất thân thì tánh linh sẽ tiêu tán. Linh hồn của một người có thể hóa thành biết bao loài động vật, thậm chí là hóa thành tám vạn bốn ngàn con muỗi. Bởi vì trí huệ của người đó đã bị phân tán đi, cho nên mới biến thành ngu si đần độn. Nếu muốn khôi phục trở lại thân người, tức là chúng phải được hóa luyện lại trong “công xưởng hóa học,” như vậy chắc có lẽ cần phải trải qua một thời gian dài đằng đẳng.

Lại còn một điểm nữa, người kết hôn nhiều lần, sau khi chết linh hồn họ bị phân cắt thành nhiều mảnh. Ví dụ như một người nữ kết hôn bao nhiêu lần với người nam, đến khi chết sẽ có cửa điện cắt linh hồn cô ấy thành bấy nhiêu mảnh, để chia cho bấy nhiêu người đàn ông đó. Một người con trai nếu kết hôn với nhiều cô gái, quả báo cũng giống như thế. Ngoài ra còn một vấn đề lớn nữa là phá thai. Phá thai là làm mất đi một thân người. Hiện nay số tử vong chết về phá thai so với người sống còn nhiều hơn. Còn như chúng sanh vô tình thì có thể khôi phục linh tánh được không? Có thể chứ! Nếu họ gặp người thuyết pháp cho họ một cách thích đáng như:

*“Sanh công thuyết pháp,
Ngoan thạch điểm đầu,”*

Nghĩa là Hòa Thượng Sanh thuyết pháp, sỏi đá cũng gặt đầu. Tức là họ cũng có thể hồi phục lại linh tánh, nhưng phải gặp được Thánh nhân hay La-hán mới có cơ duyên như thế.

Giảng ngày 10 tháng 11 năm 1986

Mục Đích Thành Lập Trường Học

Trường học tại Vạn Phật Thánh Thành có ba cấp là: Tiểu học Dục Lương, Trung học Bồi đức và Đại học Pháp giới.

Trường Tiểu Học Dục Lương: - Là giáo dục học sinh thành những nhân tài rường cột xuất thế của xã hội, thành những người dân lương thiện xuất thế của quốc gia, mà cũng là giáo dục các em trở thành bậc ưu tú xuất thế của nhân loại, cho nên gọi là “Dục Lương.”

Trường Trung Học Bồi Đức: - Bởi vì đức tánh bản lai của con người chúng ta không thể nói là chẳng có, nhưng không nhất định là chúng ta có nó đầy đủ. Cho nên chúng ta cần phải tu phước, tu huệ và bồi dưỡng đức hạnh. Như có câu nói: “Bách hạnh hiếu vi tiên,” trong muôn hạnh, hạnh hiếu thảo là trên hết. Bởi vậy Tiểu học Dục Lương thì đề xướng hiếu thuận với cha mẹ, bậc Trung học thì đề cập đến tận trung với quốc gia. Chúng ta dạy các em trước tiên là phải hết lòng hiếu thảo đối với gia đình, tiến bộ thêm một bước nữa là nên quan tâm ái hộ, bảo vệ quốc gia, ngõ hầu các em biết chuẩn bị để phục vụ cho quốc gia sau này. Cho nên bây giờ các em cần phải tạo lập phẩm hạnh để trở thành con người có nhân cách tốt. Vì vậy mà gọi là Trung Học “Bồi Đức.”

Đại Học Phật Giáo Pháp Giới: - Khi đức hạnh đã được vun bồi đầy đủ rồi, sau đó học sinh mới vào đại học, và được giáo dục ở trường Đại Học Pháp Giới. Chỉ e rằng quý vị không có bản lãnh thôi. Như nếu có tài ba, có năng lực thì quý vị có thể hướng về toàn nhân loại trên thế giới mà dang tay cứu giúp và làm lợi ích cho cả nhân dân. Đó là tông chỉ thành lập trường học của chúng ta.

Giảng ngày 15 tháng 1 năm 1987

---o0o---

Cơ Sở Của Bậc Vĩ Nhân

Hỡi các vị thanh niên, hỡi những người bạn trẻ, các vị phải nên bắt chước theo những bậc thánh nhân; những bậc hiền triết đời trước, những bậc đại trượng phu đầu đội trời chân đạp đất; bắt chước những vị đại anh hùng xưa nay trong nước lẫn ngoài nước; những vị lãnh tụ vĩ đại nhất trên thế giới, ngõ hầu mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại. Cho nên lúc nói chuyện, các vị

nên phấn khởi tinh thần lên, chứ đừng ủy mị chẳng có chút gì phấn chấn. Hào khí phải ngất trời, luôn luôn giữ mãi khí khái của bậc anh hùng vĩ đại.

Bây giờ là lúc các vị đặt nền móng, nên khởi sự kiến lập cơ sở nhân cách của các vị cho tốt, để tương lai, các vị phục vụ cho toàn nhân loại trên thế giới và đem lại lợi ích cho tất cả nhân dân.

Muốn lập định mục tiêu như thế, các vị không nên tự cam chịu - mình như đồ bỏ. Lúc đi lên thuyết giảng, các vị nên có thái độ hăng say tràn trề, đừng mắc cỡ, đừng nghĩ là mình nói hay hoặc không hay. Hay hoặc không hay thì cũng đâu có sao, chỉ là nói ra những lời trong tâm mình muốn nói, “trực tâm là đạo tràng,” đó cũng tức là mình nói lời chân thật. Không nên nói lời giả dối, đừng nên nói những lời để làm người ta ưa thích. Các vị nên nói những lời mà các vị muốn nói, đừng nói những lời mình không muốn nói. Nên phải: “Phú quý bất năng dâm,” giàu sang nhưng không ham mê. Dù trong tương lai, khi được giàu có mình cũng phải giữ quy củ, nề nếp, không dâm loạn. Và “Bần tiện bất năng di,” nghĩa là dù trong hoàn cảnh nghèo hèn như thế nào, mình cũng không biến đổi chí khí, hoặc để tông chỉ cùng mục tiêu của mình bị dao động. “Uy vũ bất năng khuất,” là không khuất phục bởi bất cứ quyền lực áp bức hoặc dụ dỗ nào. Nên giữ thái độ làm người với chí lớn kiên cường mạnh mẽ của mình.

Giờ đây các vị nên kiến lập cơ sở nhân cách của mình lên, để tương lai làm một vị đại nhân vật oanh oanh, liệt liệt trên thế giới. Bây giờ các vị thường nên tồn giữ cái chí nguyện này, tương lai nhất định các vị sẽ có một tiền đồ rộng lớn thênh thang, gọi là: “Bằng trình vạn lý,” như chim Bằng bay vút muôn dặm xa!

Giảng ngày 16 tháng 1 năm 1987

---o0o---

Lập Chí Làm Việc Lớn

Thân tâm và việc làm của chúng ta cũng nên có mục tiêu chánh đáng. Mục tiêu chánh đáng là tương lai chúng ta có thể giúp gì cho nhân loại, hầu làm lợi ích cho nhân dân, chứ không phải là bảo người ta đến làm lợi ích cho mình. Nếu bảo người khác đến làm lợi ích cho mình, như vậy mình là đồ phế thải, là vật vô dụng, là kẻ không có chí khí, lưỡng lự trù trì ít quyết đoán, là con người ủy mị ử rử không phấn chấn. Đừng nên như thế, các em hãy nên lập mục tiêu về cách làm người cho mình.

Lúc trong lớp học, các em nên chuyên tâm nhất trí nghiên cứu học hỏi. Học Anh Văn thì phải hết sức nỗ lực, học tiếng Hoa thì cũng phải cố gắng dụng công, đừng để thời gian quý báu qua đi. Thiếu niên là thời đại hoàng kim, đây là lúc lập nên mục tiêu chánh đáng, tương lai nhất định sẽ thành người vĩ đại trên thế giới. Nếu các em lập mục tiêu hèn mọn hạ lưu, như lập chí muốn tương lai mình làm bác sĩ để kiếm được nhiều tiền hơn, để hưởng thụ, thì đó là quan niệm sai lầm. Hoặc như lập chí tương lai mình sẽ làm nhà khoa học, nghiên cứu ra một mớ quái vật để khống chế thế giới, đó cũng là tà tri tà kiến.

Tóm lại, bất luận các em học cái gì, như học bác sĩ hoặc giả học khoa học cũng có thể giúp ích cho người và cần phải dùng những cái mình đã học để làm lợi cho người. Bác sĩ nên lấy việc cứu trị bệnh tật cho người để làm tông chỉ, chứ đừng nghĩ việc kiếm tiền là trên hết. Những nhà khoa học nên nghiên cứu để phát minh ra những điều mới lạ, có lợi ích cho thế giới nhân dân mà không có hại. Các em chớ nên chỉ vì kiếm tiền, vì hưởng thụ cá nhân, bởi đó là những tư tưởng rất thấp hèn!

Con người nên có tư tưởng vĩ đại, lập chí nguyện vĩ đại, chứ không phải chỉ biết có việc kiếm tiền. Các em nên biết hai chữ “danh và lợi” đã hại chết biết bao nhiêu người trên thế giới rồi. Tại sao thế giới có chiến tranh? Cũng bởi vì cái lợi và cái danh này. Tại sao người giết tôi, tôi giết người? Cũng bởi vì cái danh, cái lợi này. Thật sự là hai chữ danh lợi đang chi phối con người đến nỗi hồ đồ, điên đảo. Cho nên trong lúc học tập, chúng ta phải chú trọng đến “minh lý” nghĩa là chúng ta phải minh bạch tất cả các đạo lý; như đạo lý xử thế và cách đối đãi với người, chúng ta cũng phải rõ ràng minh bạch. (chữ minh lý và danh lợi trong tiếng Hoa phát âm giống nhau.)

Người xưa đi học không vì danh lợi, mà ngày nay người ta đi học là vì lợi danh. Ta đỗ được bằng “bác sĩ”, đó là một cái “danh”; ta có thể kiếm được nhiều tiền, đó là một cái “lợi”; Cũng đều là từ hai cái danh và lợi đó mà ra cả. Sở dĩ thế giới này bại hoại cũng chỉ vì bại hoại trên hai chữ lợi danh. Người ta sống như say, chết như mộng là vì họ cầu danh cầu lợi. Cho nên cổ nhân nói: “Trên thế giới này chỉ có hai hạng người: một là cầu danh, hai là cầu lợi.” Chúng ta nhớ đừng chạy theo hai loại người đó mà cầu danh, cầu lợi. Dù thế nào đi nữa, chúng ta cũng nhớ đến sự lợi ích của toàn nhân loại. Các em hiện nay hãy còn trẻ tuổi, nếu bảo tồn được tư tưởng không cầu danh lợi, như thế tương lai nhất định cả thế giới này đều sẽ có lợi ích.

Giảng ngày 16 tháng 1 năm 1987

---o0o---

Dao Phước Đức Đoạ Tóc Phiền Nã

*Phước đức đoạ thể phiền nã phát,
Trí huệ kiếm trăm tình ái ti.
Tùng kim khiêu xuất luân hồi vãng,
Trực thú vô thượng đại Bồ Đề.*

Nghĩa là:

*Dao phước đức cạo tóc phiền nã
Gươm trí tuệ cắt tơ ái tình.
Từ nay vượt thoát lưới luân hồi.
Thẳng đến Đại Bồ Đề vô thượng.*

Hôm nay là ngày khánh chúc đức Phật Di Đà đản sanh. Chúng ta nên biết -
Tại sao mình phải làm lễ khánh chúc?

Bởi đức Phật Di Đà có ân đức lớn với chúng sanh chúng ta. Ngài cứu chúng ta thoát khỏi biển khổ, Ngài tiếp dẫn chúng ta đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đó là nơi “vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc,” không có các khổ, chỉ hưởng toàn vui. Nếu chúng ta có thể mỗi ngày niệm được một trăm ngàn danh hiệu đức Phật, vậy là ngày nào chúng ta cũng đều mừng lễ khánh chúc đức Phật đản sanh. Đến khi lâm chung, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập thiền định, vãng sanh Cực Lạc.

Hôm nay có người xuất gia, cho nên tôi đọc bài kệ trên để khích lệ các vị. Bây giờ tôi xin giải thích sơ qua về ý nghĩa bài kệ cho quý vị nghe.

Dao phước đức cạo tóc phiền nã: Dao này có thể cạo đi mái tóc của người sẽ xuất gia, nhất định là phải có phước. Vì người xuất gia cũng cần phải có đầy đủ đức hạnh, mới có thể xuống tóc được. Do đó, người thì có đức hạnh, mà dao cũng có phước. Cho nên từ nay về sau, dao này sẽ được về hưu. Chúng ta không còn dùng nó để làm việc khác, mà hãy nên cất kỹ nó đi. Tương lai khi lập bảo tháp, thời có thể đem những dao này vào trong tháp

mà cúng dường, xem chúng y như là Pháp bảo vậy. Vì sao quý vị có phiền não? Có người nói: “Tôi đâu có phiền não!” Thế trừ phi đầu quý vị không còn tóc, bằng không thì quý vị sẽ chẳng dứt nổi phiền não đâu. Nếu quý vị có thể xuống tóc sớm một chút, phiền não cũng sẽ từ từ bị đoạn trừ. Đương nhiên là không thể dứt đoạn ngay tức khắc. Nếu nói đoạn được nó ngay tức khắc, đó là lừa gạt người. Phiền não là phải từ từ mà dứt đoạn.

Gươm trí tuệ cắt tơ tình ái: Phải dùng gươm trí tuệ để cắt dây tơ tình ái. Tình ái là gì? Tức là nhớ cha mẹ, nhớ anh chị em, nhớ con cái, nhớ đồng, nhớ tây, nhớ nam, nhớ bắc, tất cả đều là tình ái đang tác quái đây. Nếu đoạn được tình ái, chúng ta sẽ vô quái ngại, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng. Ngay cả mộng mơ cũng không có, thành thử thần khí của chúng ta sẽ trong sáng. Nhưng phàm phu thì như rễ ngó sen vậy, tuy đứt rễ mà dây nhợ vẫn còn vương vẫn không rời. Tình ái cũng như thế đó! Ví như người con gái khi kết hôn rồi, cô ta sẽ không buông xả được ông chồng. Nhưng sau khi sanh con đẻ cái, cô lại bỏ không nổi con cái, mà ngược lại có khi quên cả chồng, thậm chí cô cũng không cần đến ông chồng nữa. Như thế cũng đều là phiền não thôi. Nếu chúng ta không ái tình, không thân sơ, xa gần, như vậy thế giới sẽ liên kết thành một khối đại đồng.

Từ nay vượt thoát lưới luân hồi: Từ nay chúng ta phải vượt ra khỏi sáu nẻo luân hồi, và không bị trói buộc nữa.

Thăng đến đại Bồ Đề Vô thượng: Đại Bồ Đề tức là quả vị Phật.

Ý nghĩa bốn câu kệ này, không phải chỉ để nói với những vị vừa mới xuất gia hôm nay. Vì nếu quý vị có thể phản tỉnh, xét lại ý nghĩa này, quý vị cũng sẽ có chỗ dùng.

Giảng ngày 18 tháng 1 năm 1987

---o0o---

Chớ Đi Vào Tử Lộ

Hôm nay tôi sẽ nói với quý vị vài lời ngắn gọn, nhưng lại bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Chúng ta đều biết rằng, con người sanh ra là bị cha mẹ bắt buộc sanh, con người chết đi cũng là bị cha mẹ buộc chết. Tôi tin rằng khi nghe những lời này, mọi người ai nấy cũng đều sẽ kinh hoàng. Đúng vậy, con người là do cha mẹ sanh, nhưng chết là do bị già, bị bệnh mà chết. Thế thì tại sao Sư Phụ nói là do cha mẹ bắt buộc chết?

Đúng! Cha mẹ sanh ra quý vị, nhưng ngày ngày họ hối thúc quý vị kết hôn. Họ bảo là: “Trai lớn cưới vợ, gái lớn gả chồng,” vậy tức là họ cưỡng bức quý vị đi vào con đường chết chớ còn gì nữa. Cha mẹ đã tự đi vào con đường chết, nay cũng lại muốn con cái đi vào con đường chết giống như mình. Cha mẹ trước là tự muốn có con, để rồi cũng sẽ nói với con cái rằng: “không con nối dòng là có lỗi lớn.” Họ muốn con mình cũng sanh con đẻ cái, đời này nối đời sau, liên tiếp không dứt đoạn. Sanh con ra rồi lại cũng bảo con cái đi chết -- bởi vì hễ có sanh tức phải có tử. Nhưng mục đích tối hậu của việc học Phật là để thoát khỏi sanh tử.

Tôi có cô đệ tử bị cha mẹ suốt ngày cứ hối thúc cô ta lấy chồng, nhưng cô ấy không chịu để bị mắc lừa. Tôi nói cái đạo lý này, chắc quý vị cũng chưa từng nghe, chưa từng thấy qua. Cha mẹ thường bảo con cái: “Chuyện đại sự của cuộc đời con chưa có xong đâu.” Cái gì gọi là chuyện đại sự của cuộc đời? Thì là bảo quý vị đi vào đường chết. Cha mẹ tự mình đi vào đường tử lộ này, rồi cũng muốn bức bách con cái đi theo vết bánh xe của mình. Bởi nguyên nhân này mà trời nghiêng đất lở, thế giới đại loạn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hành ba đại a tăng kỳ kiếp, cuối cùng Ngài đã hiểu được sự việc là như thế nào rồi. Tức “Sanh” không phải là điều tốt, “Tử” cũng không phải là điều hay. Nhân đó mà Phật muốn không sanh, không tử. Nhưng thân phụ Ngài là vua Tịnh Phạn, là lão hồ đồ, kiên quyết muốn Phật kết hôn. Tuy lúc Phật làm Thái tử có vợ, nhưng Ngài không động phòng. Có người hỏi: Vậy sao Ngài lại có con? Lý lẽ này tôi không có cách gì để nói cho quý vị nghe được.

Thái tử Tất Đạt Đa chán ngán cảnh sống ở hoàng cung, cho nên vào một đêm, Ngài cưỡi ngựa bỏ trốn. Bốn vị Thiên Vương, mỗi vị bèn nâng móng chân ngựa của Thái Tử để Ngài cưỡi bay cao trên không trung. Đến Tuyết Sơn, đức Phật tu khổ hạnh sáu năm ở đây. Tại Tuyết Sơn thì rất lạnh, cũng chẳng có lò sưởi hoặc nước nóng. Nơi đó đâu có thoải mái giống như chúng ta bây giờ, ngày ngày đều có thể tắm gội. Ở Tuyết Sơn, đức Phật mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt lúa mạch và nhất tâm tu hành. Và như vậy mà Ngài chuyên cần khổ hạnh sáu năm. Sau đó Ngài đến cội Bồ-đề tĩnh tọa bốn mươi chín ngày. Vào một đêm nọ, Ngài thấy sao sáng mà ngộ Đạo.

Chỗ ngộ Đạo của Phật là Ngài không muốn chết một cách hồ đồ. Thế là Ngài để lại con đường đạo này và cho phép con người đi xuất gia, để không đến nỗi bị cha mẹ bức bách đi vào con đường chết. Bởi vậy người đi xuất gia là học đi theo con đường thành công mà Phật đã đi.

Hôm nay là ngày mùng 8 tháng 12, thông thường chúng ta có phong tục ăn “Lạp bát chúc,” tức cháo sữ. Bởi chính ngày này, Phật cũng bắt đầu uống cháo sữ. Song, theo như phong tục của các chùa từng lâm ở Trung Hoa, là ngày mà họ ăn “cháo bát bửu” đấy. Tôi không biết họ dùng bao nhiêu vật liệu để nấu món này. Bởi không đủ phước đức, cho nên tôi chưa có ăn qua. Quý vị theo tôi cũng không được ăn luôn. Chẳng qua ăn cháo hay không ăn cháo, đâu phải là vấn đề lớn, mà chủ yếu là tông chỉ của Phật. Con người thời tham, Phật không tham, con người thích đồ đẹp, Phật không thích đồ đẹp. Phật là người làm đường biết quay trở lại, buông xả tất cả, bỏ hết cái cuồng vọng và giữ lại cái chân thật. Cho nên Ngài ngộ đạo, hiểu rõ tất cả sự tướng xuất thế, pháp là như vậy đó. Hôm nay những ai đến mừng ngày Phật thành Đạo, nên lấy chí nguyện của Phật để làm chí nguyện cho mình. Chúng ta hãy tìm đường thoát khỏi sanh tử, chứ đừng đi vào con đường tử vong.

Giảng ngày 7 tháng 2 năm 1987

---o0o---

Giảng Kinh Và Bình Luận - Đừng Nói Về Nhân Tình Thế Diện

Ở đây giảng kinh thuyết pháp đều là do rút thăm bằng thẻ tre đã có ghi tên sẵn. Rút đến tên ai thì người đó nên mau mắn lên đài trước để chuẩn bị sẵn sàng. Đừng chờ người trước giảng xong rồi mình mới đi lên, bởi như vậy sẽ mất hết thời gian. Dù không biết giảng, quý vị cũng cứ lên nói nhanh mấy câu, rồi mau mau đi xuống để đổi phiên người khác lên giảng. Quý vị có thể học tập theo từng chút, từng chút như vậy.

Nếu ai giảng sai, mọi người nên sửa chữa lại cho đúng. Đừng nghĩ rằng: - Tôi ngại nói lỗi của người vì sợ họ không vui.

Ở đây ai giảng sai mà được người khác nêu ra sửa chữa cho mình thì cũng nên vui vẻ chấp nhận. Mọi người nên khuyến khích lẫn nhau, giúp đỡ cho nhau. Ở đây chúng ta không nói đến chuyện nhân tình thế diện, và cũng không nói đến cảm tình hay nể mặt ai, dù ai nói sai, mọi người cũng có thể đi lên để sửa cho đúng, đừng có quá câu chấp về chuyện mặt mũi. Chúng ta nên giúp nhau nói lên những lời chân thật. Đừng giống như ở mấy nơi khác là anh tâng bốc tôi, tôi tâng bốc anh, mà đối trá lẫn nhau.

Đến lúc phê bình, quý vị nên nói thật, không nên vì muốn thuận tai mọi người mà nói tốt. Bất luận ai, hễ chỉ thích nghe những lời nói tốt thì người ấy kể như là xong rồi. Vì y sẽ không có tiến bộ, mà cũng không thể học được gì nữa, và mồm bồ đề cũng khô héo luôn. Bởi vậy chúng ta nên tiếp nhận những lời phê bình của người khác, như thế chúng ta mới mỗi ngày mỗi tiến bộ hơn.

Giảng ngày 30 tháng 3 năm 1987

---o0o---

Thanh Niên Nên Phát Tâm Cứu Thế

Hòa Thượng khai thị tại ban nghiên cứu Trường Đại Học Oregon.

Hỡi các vị Thiện tri thức, các vị giáo sư và các vị sinh viên: Hôm nay mọi người có duyên lành mới cùng tụ hội về chung một giảng đường đây để thảo luận về đề tài “Nhu yếu cần thiết của đời sống con người là gì?” Chúng ta vì sao lại đến thế giới này? Có phải chúng ta đến thế giới này chỉ đơn giản là vì ăn, vì mặc, vì ngủ hay là vì hưởng thụ mà đến? Mấy vấn đề này nếu không chú ý, xem ra thì đơn giản lắm, nhưng nếu chúng ta nghiên cứu một cách cẩn thận, thì nó không có đơn giản như thế đâu. Vậy công tác cứu cánh của chúng ta đến thế giới này là gì? Có trách nhiệm gì? Mỗi người cũng nên nghiêm chỉnh thảo luận cho rõ ràng. Nếu không nhận thức rõ, vậy thì đời người này không có ý nghĩa và giá trị gì đâu. Cho nên chúng ta cần phải biết rõ như thế nào là làm tròn trách nhiệm, làm thế nào để hoàn thành nhiệm vụ của mình cho tốt.

Trước tiên, chúng ta phải học tập cách thức làm tròn thiên chức bẩm sinh và nhiệm vụ của con người. Những đứa bé mới sinh ra đời thì chỉ biết khóc, biết ăn. Chúng vốn chẳng biết nhiệm vụ trong tương lai của chúng nó là gì. Rồi theo thời gian, ngày ngày trôi qua mà chúng trưởng thành. Cha mẹ đưa chúng đến trường để học tập về trách nhiệm làm người, ngõ hầu chuẩn bị trong tương lai chúng sẽ làm tròn nhiệm vụ một cách tận lực.

Về học tập, mỗi người lại có biết bao chí nguyện. Có người học vì “minh lý” để hiểu rõ đạo lý; có người học vì “danh lợi”, để tương lai có thể trở tài được danh tiếng tốt (minh lý và danh lợi phát âm theo tiếng Hoa giống nhau, đều là “ming li”, nhưng chữ viết thì khác nhau); có người học để tương lai có thể phát tài, thâm được nhiều lợi lớn. Họ vốn chẳng màng gì đến chuyện hiểu hay không hiểu đạo lý, hợp hay không hợp pháp. Họ bất chấp thủ đoạn,

miễn sao được phát tài, và tranh giữ được quyền lực. Lại có người muốn làm lãnh tụ, muốn làm người lãnh đạo nữa đây. Nhưng trước tiên là quý vị phải biết cách làm người như thế nào. Hãy tự hỏi rằng, mình có đủ tư cách để làm người hay không? Như quả mình đã biết rõ cách làm người như thế nào rồi, tức là mình có thể làm người mô phạm gương mẫu cho người khác, thế thì làm lãnh tụ sẽ không hổ thẹn với lòng mình. Nếu quý vị còn có tâm tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, vọng ngữ, luôn hướng ngoại truy cầu, muốn làm lãnh tụ là chỉ vì lo mưu cầu phước lợi cho mình, mà không thể vì hạnh phúc cho người khác, như thế là quý vị đi lầm đường rồi. Làm người lãnh tụ, nhất định là phải “khuất kỷ đãi nhân,” hạ mình để tiếp đãi người, hay “bạc kỷ hậu nhân,” nghĩa là coi thường mình, nhưng hậu đãi người, và vì lợi ích của toàn nhân loại.

Trách nhiệm làm người là gì? Là mình nên có sự cống hiến, giúp đỡ cho toàn thế giới và làm lợi ích cho tất cả mọi người trên thế giới. Đó là trách nhiệm làm người chân chánh của mỗi chúng ta. Chứ chúng ta không phải chỉ vì ăn ngon, mặc đẹp, hoặc ở nhà hào hoa tráng lệ.

Trong khắp thiên hạ, nếu có kẻ không có cơm ăn, không có áo mặc, thế là mình có lỗi với người đó, bởi vì mình đã không tận tâm, tận lực giúp đỡ người. Trách nhiệm chân chánh làm người là phải thật sự vì lợi ích của kẻ khác.

Muốn có công với đời, có lợi cho dân, ta nên gánh vác trách nhiệm và không được xô đẩy cho kẻ khác. Nếu mọi người đều có tâm như thế, nhất định thế giới sẽ hòa bình và không có chiến tranh. Trước hết là chúng ta nên làm người mô phạm, gương mẫu tốt và không tranh giành với người. Tại sao thế giới này hư hoại? Bởi vì con người tranh quyền, tranh lợi, tranh danh.

Ta nên đem những cái tốt cho người khác, và nên tiếp nhận những thứ người ta không muốn, với ai mình cũng không tranh giành. Nếu ai nấy đều không tranh, nhất định thế giới sẽ hòa bình. Kẻ phạm thường thì tham, nhưng chúng ta không tham. Đừng chạy theo phong trào điên cuồng của thế gian. Hãy làm ngọn đuốc mạnh trong cơn gió lớn. Hãy nên như khối vàng nguyên chất trong lò lửa bỏng. Tùy duyên nhưng không thay đổi; không thay đổi nhưng tùy duyên; giữ vững tông chỉ của mình, ngấm ngấm thay đổi hầu ảnh hưởng mọi người tuân giữ không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ. Nếu quý vị làm được như vậy, thế giới nhất định sẽ hòa bình.

Khởi đầu là mình tự tu thân. Khi trong nội tâm mình cũng không tranh với chính mình, vậy thì tất cả những vọng tưởng điên cuồng cũng không dấy khởi. Bình bình, tĩnh tĩnh thì đó là khoái lạc chân chánh. Tự quý vị mà bình tĩnh và vui vẻ, quý vị có thể ảnh hưởng đến người chung quanh cũng được bình tĩnh và vui vẻ theo. Khi mọi người cùng sống hòa bình với nhau, thế giới sẽ không còn chiến tranh. Vì sao thế giới có chiến tranh? Bởi vì trong tâm con người có sự tranh đấu. Tâm người mà hòa bình thì thế giới hòa bình. Tâm người mà bất bình thì thế giới sẽ không hòa bình. Chúng ta, kẻ trẻ, người già, sau khi biết được đạo lý này, chúng ta sẽ không cờ bạc, nghiện ngập, phóng hỏa, cướp đoạt, cưỡng dâm. Muốn thế giới tốt lành thì tự cá nhân mình phải bắt đầu trước. Nếu mình không tốt, thế giới làm sao tốt cho được? Chúng ta không nên chuyên môn chỉ tay đến người khác, nói: Tại sao họ không giữ quy củ, nề nếp? Chúng ta nên tự hỏi mình trước, rằng: “Mình có giữ quy củ không?” Người thanh niên nên gánh lấy trách nhiệm này. Nếu thanh niên không làm tốt, thế giới làm sao tốt cho được?

Thanh niên học từ sự dạy dỗ của các vị giáo sư, thầy giáo để đi vào con đường chân chánh. Nhưng nếu họ gặp phải ông thầy không tốt, chỉ dạy bọn trẻ những điều tà tri, tà kiến, như vậy bọn thanh niên cũng sẽ học xấu theo. Như câu nói: “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, cho nên lựa bạn, tìm thầy là vấn đề quan trọng vô cùng. Những thanh niên có khả năng, thành tích nên nhận thức rõ ràng về trách nhiệm của mình, chứ đừng làm một người ích kỷ, chỉ biết lo cho mình. Trách nhiệm làm người là phải có công cho đời, có ích cho dân, có lợi cho toàn nhân loại. Tôi vốn muốn gánh vác trách nhiệm cứu đời, hầu giúp cho toàn nhân loại trên thế giới được thành tựu, nhưng tôi đã già rồi, đâu còn đủ sức lực. Cho nên tôi gởi kỳ vọng này vào các vị thanh niên có khả năng, các vị hãy nên phát tâm cứu đời, và mưu cầu hạnh phúc cho toàn nhân loại.

Hỡi các bạn trẻ có năng lực! Hãy nên chân thành phát đại nguyện, đại lực để giúp cho toàn nhân loại được hạnh phúc. Cứu giúp những kẻ đang trong cảnh nước ngập, lửa đốt để họ lìa khổ, được vui. Trước là tự mình nên học: không hút thuốc, không uống rượu, không nổi giận, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không ăn thịt, không đánh bạc, không hút ma túy. Quý vị nên học làm những việc chánh đáng. Nếu quý vị có thể làm như vậy, tức là nhân loại toàn thế giới sẽ được cứu vớt.

Tôi đi đến đâu là tôi kêu gọi, hô hào, hy vọng những người thanh niên sẽ giác ngộ, mà phát tâm đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả và bắt chước theo cái hoài bão cứu thế như của đức Chúa Giê-Su, đức Phật Thích Ca Mâu Ni và tất cả

các vị Thánh nhân. Được vậy thì thế giới dù không hòa bình cũng sẽ phải hòa bình thôi.

Các vị có thể nghiên cứu về những lời tôi nói hôm nay. Nói đúng hay không, tôi cũng không biết. Song tôi là một người hết sức khao khát, mong mỏi cho thế giới hòa bình, và hy vọng nhân loại trên thế giới sẽ không đau khổ. Nhưng muốn hoàn thành lý tưởng này, nhất định mình phải có trí huệ mới có thể làm được.

Giảng ngày 4 tháng 4 năm 1987

---o0o---

Nhân Quả Báo Ứng - Tư Hào Không Sai

Hòa Thượng Tuyên Hóa khai thị tại trường Đại Học Oregon

Nam Mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế thường trụ vô lượng vô tận nhất thiết chư Phật.

Nam Mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế thường trụ vô lượng vô tận nhất thiết tôn Pháp.

Nam Mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế thường trụ vô lượng vô tận nhất thiết Hiền Thánh Tăng.

Nam Mô tận hư không biến pháp giới thập phương tam thế thường trụ vô lượng vô tận nhất thiết Ba La Đề Mộc Xoa.

Nam Mô Như Lai: Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Đạo Phật chú trọng về nhân quả, vì sự báo ứng tuần hoàn hoàn không hề sai lệch một tư hào. Gieo nhân nào thì gặt quả đó. Trồng nhân lành thì kết quả lành, trồng nhân ác thì kết quả dữ. Nếu mình gieo nhân mắng chửi người, tức mình sẽ bị kẻ khác đánh đập. Nếu mình gieo nhân đánh người, tương lai sẽ gặt quả báo bị người giết. Cổ nhân nói: “Giết cha người, người sẽ giết cha mình; giết anh người, người sẽ giết anh mình” là vậy. Nhân nào, quả nấy. Chúng sanh như chúng ta đều là sợ quả chứ không sợ nhân. Lúc gieo nhân,

chúng ta không chịu cẩn thận, đến khi kết thành quả rồi thì mới lo lắng bồn chồn. Ngược lại, Bồ Tát thì sợ nhân chứ không sợ quả. Bồ Tát rất cẩn thận khi gieo nhân, cho nên khi quả báo đến thì Bồ Tát tình nguyện tiếp nhận quả báo đó, chứ không trốn tránh. Tư tưởng của chúng sanh và Bồ Tát khác nhau là ở chỗ này.

Lòng người đại lượng thì phước báo quảng đại, còn nếu tâm lượng hẹp hòi thì phước báo nhỏ nhoi. Lòng đại lượng tức là hạt nhân to lớn, tương lai kết quả sẽ lớn. Chúng ta nên biết rằng: “Tất cả đều do tâm tạo.” Người xưa nói chữ “Tâm” đó như sau:

“Tam điểm như tinh bố,

Loan câu tự nguyệt nha,

Phi mao tùng thử khởi,

Tác Phật dã do tha,”

tức là:

Ba điểm chấm như một chùm sao,

Lưỡi câu cong như trăng lưỡi liềm,

Đội khoác da lông là từ đây,

Làm Phật được cũng do nó đấy.

Bởi vậy chúng ta đừng nên làm các điều ác, mà hãy làm tất cả việc lành. Thành Phật cũng là do từ một niệm trong tâm. Song, con người không thể quản chế được tự tâm. Mặc dù tâm là ở trong, nhưng nó thường hay chạy ra ngoài. Vọng tưởng có thể đưa chúng ta đi xa đến thiên đường hay địa ngục, hoặc gần thì đến New York hay San Francisco. Chung quy là chúng ta không thể tự quản chế được tâm mình. Tu đạo là tu một niệm ở tự tâm. Nếu chúng ta có thể đem một niệm tâm kiềm chế vào một chỗ và chuyên nhất, vậy tức là vô sự, và khỏi phải bàn gì nữa.

Giảng ngày 3 tháng 5 năm 1987

---o0o---

Đạo Phát Tài

Con người ở đời đều tìm cái giả, mà không tìm cái thật. Họ đều muốn bị người dối gạt. Nếu quý vị muốn nói chuyện thật, người ta lại không tin. Ví dụ như, có người chuyên nói về đạo phát tài, họ rêu rao rằng ai đến nghe pháp phát tài đó thì sẽ phát tài. Thế là người đến nghe không biết là bao nhiêu. Nhưng nếu quý vị nói pháp chân thật thì chẳng có ai đến nghe, bởi vì nghe mà không thể phát tài được. Còn như nói lời giả dối gạt người thì là phát tài. Vậy phát tài như thế nào?

Đơn giản thôi, dù tôi có nói ra cũng không thể diễn tả được cái diệu kỳ này. Như tất cả những ai đến nghe pháp phát tài, trước hết là mỗi người lấy ra một trăm đô, sau đó họ quán tưởng một trăm này biến thành một trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn -- càng nhiều càng tốt -- cho đến khi một trăm đô này phóng ra hào quang thì họ phát tài. Người học phép này, trước hết là phải giao ra một trăm đô.

Quý vị nghĩ xem, kết quả là ai sẽ phát tài hả? Đương nhiên là người giảng pháp sẽ phát tài đó. Có một ngàn người đến nghe pháp, tức là họ sẽ thâm vào một trăm ngàn Mỹ kim. Nhưng rốt cuộc không phải là quý vị phát tài, mà là kẻ gạt người được phát tài. Thế mới khổ chớ! Đó gọi là nhận cái giả, mà không nhận cái thật. Quý vị thử nghĩ, rốt cuộc thì ai phát tài đây?

Quý vị cứ xem ở thế giới này, tuy số người đến làm lễ trong các giáo đường không phải là ít, nhưng so ra thì không bằng như ở các rạp chiếu bóng, các vũ trường và các nơi cờ bạc, số người đến đó luôn luôn đông hơn. Quý vị nghĩ xem, vậy là đạo lý gì? Đó là vì người ta nhận giả mà không nhận thật. Họ xem chuyện giả như là việc quan trọng, ngược lại, đối với chuyện chân thật thì họ không thêm chú ý đến. Đó cũng là do lòng tham, lòng tranh, trong tâm có chỗ mong cầu, ích kỷ, tự lợi, cái tâm thích nói dối nó đang tác quái đấy. Thế là họ cứ mon men đi theo những con đường không chánh đáng đó.

Giảng ngày 5 tháng 5 năm 198

Người Người Vốn Có Trí Huệ

Người có trí huệ mới có sự khoái lạc chân chánh. Người không có trí huệ thì không đạt được sự vui sướng chân thật. Người có trí huệ thì có thể phân biệt được rõ ràng phải-trái, và sẽ không điên đảo giữa trắng-đen. Có trí huệ thì sẽ không ngu si. Nếu biết dụng công, mình có thể chuyển ngu si thành trí huệ; nếu không biết, mình sẽ đem trí huệ chuyển thành ngu si. Đó là lý lẽ rất đơn giản, dễ như trở bàn tay. Nếu quý vị nhận ra được ba cái khổ, biết được tám cái khổ và vô lượng cái khổ, vậy là quý vị sẽ sanh trí huệ và không bị cái khổ vây quanh. Tất cả các tôn giáo đều dạy chúng ta phải phá bỏ chấp trước để phát sanh trí huệ.

Quan niệm của các tôn giáo chân chánh và các nhân sĩ là không kết bè phái, chủng tộc, quốc gia, đen trắng, phải trái. Họ là những người xuất chúng, nổi bậc với các đại nguyện, đại hạnh, đại trí, đại bi, đại hỷ và đại xả. Bởi vậy khí khái của họ mới có thể cao vút tận hư không, biến khắp pháp giới. Đức Phật Thích Ca nói: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật.” Tất cả chúng sanh đều có trí huệ, đều có thể thành tựu được cái trí huệ vốn có của mình, là đều có trí huệ to lớn, sâu rộng vô cùng vô tận, vô lượng vô biên giống y như Phật. Phật không bao giờ nói, chỉ có Ngài mới có thể thành Phật, chỉ có mình Ngài mới có trí huệ. Ngược lại, Ngài bảo rằng, nếu quý vị là một chúng sanh thì quý vị có tư cách để thành Phật.

Chúng sanh không phải chỉ đơn giản nói là nhân loại, mà còn bao gồm tất cả thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, kể cả các loài động vật biết bay, biết lặn, biết đi và có khí huyết, hết thảy đều có thể thành Phật. Có người nói: “Tôi không muốn thành Phật đâu.” Song, đến lúc quý vị thành Phật, quý vị cũng phải thành, trừ phi quý vị không phải là chúng sanh thôi. Đạo Phật thì cực kỳ rộng lớn và hết sức tinh vi, không có ta, không có người, không có chúng sanh, không có thọ giả, cũng không có quan niệm về quốc tịch, tôn giáo hay phe phái. Mà cũng không phải nói rằng, nếu anh không tin Phật thì anh không thể thành Phật được.

Không cần biết là quý vị tin hay không tin, quý vị cũng đều có thể thành Phật. Chỉ cần quý vị tu hành, không làm việc gì ác, làm tất cả việc lành, trở về với bản gốc, thì quý vị sẽ trở thành người đại trí đại huệ. Nói đến đây thì tôi có một bài kệ rất đơn giản, nay xin đọc quý vị nghe:

*Pháp giới vi thể hữu hà ngoại,
Hư không thị dụng vô bất dụng,
Vạn vật bình đẳng ly phân biệt,
Nhất niệm bất sanh tuyệt ngôn tông.*

Nghĩa là:

*Pháp giới là thể, còn gì ngoài,
Hư không chẳng gì là không dụng.
Vạn vật bình đẳng không phân biệt,
Một niệm không sanh, bất ngôn từ.*

Pháp giới vi thể hữu hà ngoại: Pháp giới thì có mười, gồm Tứ Thánh là: Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn và Lục Phàm là: Trời, Người, A Tu La, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh. Mười pháp giới này bao gồm cả hữu tình, vô tình và đều đồng có chủng trí tròn đầy, đều cùng có thể thành Phật. Lấy Pháp Giới làm bốn thể, vậy còn có gì ở ngoài Pháp Giới? Cho nên nói: “hữu hà ngoại” tức còn có gì ở ngoài nữa?

Hư không thị dụng vô bất dụng: Nghĩa là hư không là đại dụng, quý vị đừng tưởng rằng hư không là vô dụng. Tất cả núi sông, đất đai, nhà cửa, phòng xá, hoa cỏ, cây lá, rừng rậm vạn vật cũng đều ở trong hư không mà sanh tồn. Nếu chẳng có hư không, vậy thì sẽ thành khoảng chân không, không người, không chúng sanh -- tất cả đều không hết. Sở dĩ con người được tồn tại là vì có hư không. Hư không là bổ phẩm tốt nhất của chúng ta, nó cung cấp chất dinh dưỡng và xúc tiến để chúng ta sanh trưởng, không có một chúng sanh nào là sống ngoài hư không.

Vạn vật bình đẳng ly phân biệt: Vạn vật vốn là bình đẳng. Ai làm việc thiện có công đức thời đi lên, làm nghiệp ác tất đi xuống, điều này rất là công bằng. Cho nên chúng ta chớ dùng cái tâm vọng tưởng của mình để phân biệt. Nếu không có trí tuệ chân chánh, mình sẽ không phân biệt được rõ ràng khi đối diện với sự việc. Ví như học ngôn ngữ nước ngoài, nếu mình không có trí tuệ thì học đây nhưng lại quên kia. Nhưng, phải chăng vì thế mà mình không chịu học nữa? Không phải vậy, mình nên học làm sao để trừ được vọng tưởng, phải dùng cái chân tâm mà học; chớ lấy vọng để tìm vọng. Chúng ta phải nhận cho rõ chân lý, như thế mới có giá trị, đừng để cuộc đời mình trôi qua một cách hồ đồ.

Nhất niệm bất sanh tuyệt ngôn tông: Khi quý vị có thể không sanh một niệm nào thì chân tâm của quý vị sẽ hiện tiền ngay, và tuyệt đối không thể dùng

tâm, ngôn ngữ văn tự để miêu tả được đâu. Cũng như: “Miệng muốn nói mà lời tiêu tan, tâm muốn duyên mà tướng mất biệt.”

Giảng ngày 8 tháng 5 năm 1987

---o0o---

Làm Sao Để Được Tự Do Sanh Tử?

Chúng ta sanh ra ở thế gian này, đa số là không biết làm gì; chúng ta hồ đồ sanh ra, rồi lại hồ đồ chết đi. Trong khoảng thời gian sanh tử, chúng ta vì danh mà điên đảo, vì lợi mà đảo điên, vì sắc mà nghiêng ngã, vì muốn ăn ngon mà ngã nghiêng, vì hưởng thụ mà điên điên, đảo đảo. Vì sao chúng ta điên đảo? Bởi chúng ta không nhận thức được cái bản phận làm người, cho nên bổng chốc thì sanh thiên, hốt nhiên lại xuống địa ngục. Từ khi sanh cho đến lúc chết, chúng ta không bao giờ nghĩ đến chuyện cầu mong để biết rõ về sự chân chánh, hiểu cho rõ cái ý nghĩa căn bản của sự làm người là gì. Mà chúng ta lại chạy theo thanh, đuổi theo sắc, rồi mặc sức quay chuyển trong thanh, sắc, danh, lợi.

Chúng ta chỉ biết ngày ngày đi kiếm tiền để duy trì sự sống, nhưng chúng ta đâu có hiểu một cách rốt ráo là mình sống vì cái gì. Nếu chỉ đơn thuần là vì ăn, mặc, ngủ nghỉ như thế thì mình sống có giá trị gì? Bởi ai nấy cũng không đem vấn đề này ra để làm cho rõ ràng, cho nên sống hồ đồ, rồi lại chết hồ đồ. Đến lúc chết mà người ta vẫn còn vướng mắc cái này thứ nọ, nào là con trai, con gái, tài sản lại bỏ không đành. Nhưng, dù không thể buông bỏ, họ cũng chẳng làm gì được. Đến lúc chết thì cũng phải chết!

Học Phật là để hiểu rõ về tiến trình sanh tử, rồi sau đó chúng ta tu hành hầu giải thoát sanh tử. Chuyện sống chết nếu chưa hiểu rõ thì chúng ta làm việc gì cũng đâu có ý nghĩa. Cho nên quý vị là người học Phật, trước hết nên nhận rõ về vấn đề căn bản này. Quý vị phải hiểu rõ sống như thế nào, chết như thế nào, nên hiểu rõ nhiệm vụ làm người như thế nào. Nếu quý vị hiểu rõ những nhiệm vụ này rồi, tức là quý vị sẽ không hồ đồ. Người xưa nói:

*Lai thời hoan hỷ khứ thời bi,
Không tại nhân gian tẩu nhất hồi,
Bất như bất lai diệc bất khứ,
Diệc vô hoan hỷ diệc vô bi.*

Nghĩa là:

*Đến thì vui vẻ, đi thì buồn,
Đạo một vòng đời rồi cũng không,
Chi bằng không đến cũng không đi,
Để không vui vẻ, cũng chẳng buồn.*

Lai thời hoan hỷ: Khi sanh con, trong bất cứ gia đình nào, mọi người cũng đều rất vui mừng. Khứ thời bi: Lúc có người chết, ai nấy trong gia đình đều rất bi ai, khóc lóc kêu vang. Khi đến thời cười, khi ra đi thời khóc. Nhưng lúc đứa nhỏ ra đời thì nó khóc, đến lúc ra đi nó cũng không quên khóc. Chúng ta vui khi thấy trẻ con chào đời, đến khi thấy người ta chết thì mình khóc, đứa bé chết mình cũng khóc, người già chết mình cũng khóc, người trung niên chết mình cũng khóc. Vợ chết thì chồng khóc, chồng chết thì vợ khóc. Xét cho cùng thì khóc có dụng ý gì? Đó gọi là hồ đồ.

Không tại nhân gian tâu nhất hồi: Trong cuộc đời này, chuyện gì chúng ta cũng không hiểu rõ. Khi đến thì không, khi đi cũng không, chúng ta cũng chẳng được lời thêm hoặc là bị lỗ vốn một chút nào. Mà lỗ vốn gì đây? Người sống ở đời mà làm công đức tốt thời được thăng lên, nếu tạo ác nghiệp thì sẽ bị hạ xuống. Người không làm việc thiện công đức, hoặc cũng không gây nghiệp ác thì họ sẽ không đi lên, cũng không đi xuống. Họ sẽ không lên thiên đường, mà cũng không xuống địa ngục, nhưng họ vẫn còn tiếp tục xoay chuyển ở trong công xưởng hóa học của cõi nhân gian. Con người chúng ta là một công xưởng hóa học nhỏ. Khi mình bỏ thêm một chút gì trong tư tưởng thì một chút đó sẽ biến thành tư liệu. Nếu mình gia tăng công đức thiện, mình sẽ thăng lên cao, lên tới trời để làm người trời, hoặc làm người ở cõi nhân gian, hay là trở thành A Tu La. Nếu mình gây nghiệp ác, mình phải đọa vào địa ngục làm ngựa quỷ hoặc làm súc sanh. Nếu mình không lên trời mà cũng không xuống địa ngục, thì mình sẽ ở nhân gian mà sống một cuộc đời bình thường. Trong cuộc đời này, chúng ta ăn cũng không ít, mặc cũng không ít, ngủ cũng không ít, vậy cuối cùng rồi mình được cái gì? Thì cũng vẫn là tay không mà đến, tay không mà đi. Cho nên câu kệ nói: Đạo một vòng đời rồi cũng không.

Bất như bất lai diệc bất khứ: Đối với cuộc đời như thế, rốt cuộc rồi chúng ta sống có ý nghĩa gì? Chẳng có nghĩa lý gì cả. Bởi vậy: “Chi bằng không đến cũng không đi.”

Diệc vô hoan hỷ diệc vô bi: Nếu chúng ta không đến thì sẽ không có cái hoan hỷ, cũng không có cái bi ai. Như vậy không phải là bình yên quá lắm hay sao? Nhưng con người đâu có cam chịu cảnh vắng lặng. Không có

chuyện, người ta cũng ráng kiếm chút chuyện để làm. Cho nên ai nấy cứ ở trong sáu nẻo luân hồi, chuyển tới chuyển lui, sanh rồi lại tử, tử rồi lại sanh, và cứ ở đây mà làm người hồ đồ. Quý vị nói là họ đã hiểu rồi. Nhưng mà họ hiểu cái gì? Tôi không tin là họ đã hiểu. Họ chỉ hiểu cái tướng hư vọng vô thường của thế gian, cho nên tâm họ thường có phiền muộn, thường thường không an vui. Quý vị thử nói đi, người sống như thế rốt cuộc có mục đích gì? Nếu chúng ta có thể hiểu rằng làm người không có ý nghĩa, vậy chúng ta nên tìm cho ra cái ý nghĩa chân chánh về cách làm người là gì.

Riêng bản thân tôi cảm thấy: “Mạng người vô thường như trong khoảng thở ra hít vào.” Ngày xưa có ba ông lão. Một vị chín mươi tuổi, một vị tám mươi tuổi và một vị bảy mươi tuổi. Ba ông lão cùng hợp mặt chung vui trong bữa tiệc liên hoan. Vị bảy mươi tuổi nói: “Năm nay hội đủ trước bàn tiệc, không biết sang năm sẽ thiếu ai?” Ông bảo là năm nay ba người chúng ta vui vẻ cùng nhau ăn cơm, uống rượu, nhưng không biết sang năm, trong ba chúng ta sẽ vắng ai. Vị tám mươi bèn nói: “Ông nói chi quá xa vời vậy! Hôm nay cởi được giày và vớ, chẳng biết ngày mai có mang vào nổi không?” Nghĩa là tối nay tôi cởi giày vớ ra rồi, nhưng không chắc rằng ngày mai tôi vẫn có thể được mang nó. Ông lão chín mươi tuổi bảo: “Ông cũng nói chuyện quá xa xôi đi. Hơi thở tôi vừa thở ra, nó có trở lại hay không, tôi cũng chẳng biết!” Nói được thế, bởi vì ông này đã chín mươi tuổi rồi. Chúng ta mỗi người hãy nên suy gẫm về những lời bàn luận của ba ông lão này. Chúng ta có chắc chắn được rằng, mình sẽ chẳng chết hay không?

Có một người trung niên sau khi chết, anh chàng bèn đến gặp Diêm Vương và nói rằng: “Tôi còn trẻ, sức khỏe lại cường tráng, vậy Ngài gọi tôi xuống đây để làm gì? Tôi vẫn còn làm được nhiều việc lắm đó. Tại sao Ngài gọi tôi xuống đây mà cũng không thông báo trước cho tôi một tiếng nào? Hoặc là Ngài đánh điện tín hay viết thư cho tôi, để tôi chuẩn bị chớ. Bây giờ Ngài bắt tôi đến đây, thật là vô lý!” Diêm Vương bèn nói: “Ta đã gửi thơ cho ngươi mấy lần rồi, mà ngươi lại lơ đãng đâu thềm để ý đến.”

Người trung niên thưa: “Ngài gửi thơ cho tôi hồi nào?”

Diêm Vương đáp: “Ta gửi cho ngươi lá thư thứ nhất là lúc người hàng xóm của ngươi mới sanh con, nhưng qua hai hôm sau thì đứa bé chết. Ngươi có nghĩ là ngươi cũng sẽ chết hay không?”

Anh trung niên thưa: “A! Lá thư đó là gửi cho tôi sao? Tôi không nhận ra những chữ như thế, mà tôi cũng không biết đọc thơ. Thế còn lá thư thứ hai?”

Diêm Vương nói: “Người đã thấy nhiều người ở lứa tuổi người cũng chết mà, đó là thơ thứ hai đây.”

“Nhưng tôi không hề nghĩ là tôi cũng sẽ chết. Còn lá thơ thứ ba?”

Diêm Vương tiếp: “Người đã nhìn thấy người già, tai thì điếc, răng thì rụng, vậy sao người không cẩn thận một chút. Người có nghĩ rằng, tương lai cũng sẽ tới phiên mình hay không?”

Người trung niên nghe xong thì cúi đầu ủ rũ, không nói một lời nào.

Mỗi người chúng ta rồi cũng sẽ nhận được những lá thơ này, nhưng mọi người đều không chú ý đến. Nếu chú ý đến thì có lợi ích gì? Chúng ta có phương pháp gì không? Chúng ta nên cố gắng học Phật, học liễu thoát sanh tử. Đối với sanh tử, chúng ta phải nắm chắc là mình sẽ được tự do sống chết. Có nhiều người nói đến tự do, nhưng đó là tự do giả tạo thôi. Còn sanh tử tự do, tức là mình muốn sống thì sống đến bao lâu cũng được; nếu mình muốn chết thì chết lúc nào cũng xong. Nói đến thì đến, nói đi thì đi. Mình từ đâu đến, mình cũng biết; mình đi về nơi nào, mình cũng hay. Chúng ta học Phật Pháp là vì muốn được tự do đi lại - sanh tử do mình quyết định, Diêm Vương cũng không quản chế nổi. Dù ông có gọi bao nhiêu điện tín, bao nhiêu lá thơ, mình cũng không cần màng tới. Muốn được tự do sanh tử, chúng ta phải bắt đầu từ đâu? Chuyện này rất đơn giản, chứ đâu có gì là huyền diệu. Chúng ta cũng không cần mỗi ngày phải đọc bao nhiêu bài chú để gọi cho Diêm Vương. Ở đây tôi có Lục Đại Tông Chỉ. Nếu quý vị lấy sáu đại tông chỉ này làm cơ sở, và rèn luyện thân tâm, tức quý vị sẽ được tự do sanh tử.

Lục Đại Tông Chỉ là:

1 - Không tranh: Không tranh là kẻ cả không nổi nóng. Một chút nóng giận cũng không được. Với ai mình cũng không phát cáu. Không nổi nóng thì phiền muộn vô minh cũng sẽ giảm bớt đi. Phiền não dứt rồi thì trí huệ sẽ phát sanh, và chúng ta cư xử với mọi người bằng tấm lòng từ bi.

2 - Không tham: Không tham tài cũng không tham sắc; không tham danh cũng không tham lợi, cái gì mình cũng không tham muốn. Mà hãy nên: Anh cần cái gì thì tôi sẽ cho anh cái ấy.

3 - Không cầu: Không truy cầu bên ngoài, những thứ không nên có thì mình tuyệt đối không cần đến.

4 - Không ích kỷ: Nguyên nhân chúng ta không thể thành Phật và bị đọa xuống tam ác đạo cũng là vì tự tư ích kỷ. Nếu chúng ta không có lòng ích kỷ, thì bất kỳ tội nghiệp gì cũng không có.

5 - Không tự lợi: Chúng ta không nên vì lợi ích cá nhân mà bất chấp thủ đoạn để làm lăm chuyệן phi pháp, hoặc làm những việc tổn hại đến kẻ khác.

6 - Không vọng ngữ: Tức là nói thật. Chúng ta tuyệt không dối gạt kẻ khác, hay nói những lời nghe như thiệt nhưng lại là giả.

Tôi cũng vì hai thầy Tam Bộ Nhất Bái, đi ba bước lạy một lạy mà nói Lục Đại Tông Chỉ của Vạn Phật Thành. Nhưng cho đến hôm nay, dù họ đã ngừng Tam Bộ Nhất Bái rồi mà họ vẫn chưa thực hành được bao nhiêu. Tại Vạn Phật Thành, tất cả mọi người đều nói về Lục Đại Tông Chỉ này. Ai có thể thực hành theo một cách đầy đủ thì người đó sẽ ra khỏi tam giới, sẽ thành Phật. Nếu tự mình không thể thực hành theo, mình cũng không nên oán trách người khác đã không giúp đỡ mình. Chỗ hiểu biết của tôi là ở Lục Đại Tông Chỉ này. Bất luận làm việc gì, nếu quý vị có thể giữ đúng theo Lục Đại Tông Chỉ thì quý vị sẽ không tạo nghiệp đâu. Đó là điều kiện tối cơ bản để thành Phật. Nếu chúng ta có thể làm được thì thế giới sẽ được thái bình. Khi người và người không có sự tranh giành với nhau, thế giới này làm sao mà không hòa bình cho được. Giữa người và người không có sự tham lam, như tôi không muốn những gì của quý vị, cũng chẳng tham các tài vật không chánh đáng, tức lúc đó mọi người sẽ cùng nhau chung sống trong hòa bình. Một khi mọi người đều không tham, không cầu, không tranh, không ích kỷ, không tự lợi, không vọng ngữ, thì thế giới tự nhiên sẽ hòa bình và vĩnh viễn sẽ không có sự phân tranh. Quý vị là những người học Phật, trước tiên hãy nên nhận thức rõ ràng về những điều kiện cơ bản này. Như vậy đối với việc học Phật, quý vị mới được nhiều lợi ích lớn lao.

Giảng ngày 13 tháng 6 năm 1987

---o0o---

Ông Sư Trong Mộ

Có một số người muốn biết về cuộc đời quá khứ của tôi, cho nên bây giờ tôi sẽ sơ lược vài điểm để quý vị rõ. Tôi sanh trưởng ở vùng Đông Bắc và xuất gia từ nơi đó. Sau đó tôi bị gió nghiệp thổi đến Thiên Tân, rồi thổi tiếp đến Võ Hán, Hồ Bắc, Phổ Đà Sơn, Tô Châu Linh Nham Sơn. Sau đó nó lại thổi

tôi đến Quảng Đông ở chùa Nam Hoa, và được thân cận với Lão Hòa Thượng Hư Vân. Đến năm 1950, tôi lại đến Hồng Kông. Và tại Hồng Kông tôi đã có một khoảng nhân duyên không lớn cũng không nhỏ. Trong thời gian tôi ẩn cư tại đó, tôi rất ít tiếp xúc với người ngoài. Năm 1962, tôi lại đơn độc một mình đến nước Hoa Kỳ.

Lúc tôi mới đến San Francisco, Hoa Kỳ, cuộc sống ở đây rất là khốn khổ. Tôi sống trong căn phòng dưới hầm (basement). Trong căn hầm này có cửa, nhưng không có cửa sổ, vì vậy ánh sáng mặt trời không soi thấu vào được. Và lại nơi đó rất âm thấp, giống hệt như một ngôi mộ phần. Do đó tôi đặt tên riêng cho mình là “Mộ Trung Tăng,” tức là Ông Sư Trong Mộ. Tuy vẫn còn sống, nhưng tôi giống như người đã chết, có nghĩa là tôi không tranh chấp với bất cứ người nào. Chuyện gì người ta thích làm, tôi sẽ không tranh mà cứ để cho họ làm. Những gì người ta không thích, hoặc những thứ không tốt lành thì tôi thu thập lại, giống như là đi nhặt rác rến vậy đó. Tôi ở trong “phần mộ” như thế được sáu năm. Đến mùa hè năm 1968, nhân duyên thành tựu là từ vùng Seattle, có ba, bốn mươi sinh viên với đủ cả các văn bằng: tiến sĩ, thạc sĩ, học sĩ, mời tôi giảng kinh Lăng Nghiêm. Thế là tôi chui ra khỏi ngôi mộ để bắt đầu hoàng dương Phật Pháp tại Tây phương.

Tôi cũng xin nói thêm về chí nguyện và sự thực hiện việc phiên dịch kinh điển của tôi. Tôi là một người tài mọn ít học, cả đời chỉ được học tại trường hai năm rưỡi thôi. Tôi nhập học lúc mười lăm tuổi, nhưng đến mười bảy tuổi lại thôi học. Đến năm mười lăm tuổi tôi mới bắt đầu đi học. Lúc mười sáu, mười bảy tuổi thì tôi tham gia vào Hội Đạo Đức. Mười sáu tuổi, tôi đã giảng thuyết Lục Tổ Đàn Kinh. Một người bất học vô thuật như tôi mà biết giảng kinh, quý vị nói là có tức cười hay không!

Khi ở Đông Bắc, tôi thường quan sát cách thức truyền bá giáo lý của các tôn giáo khác. Chẳng hạn như đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành, tôi thấy giáo nghĩa của họ được phổ biến một cách sâu rộng và có rất đông giáo đồ. Nguyên nhân chủ yếu là vì họ đã phiên dịch Thánh Kinh thành ra nhiều thứ tiếng trên thế giới và phổ biến một cách rộng rãi. Lời lẽ văn tự và giáo lý trong Kinh Thánh thì ngắn gọn, rõ ràng và dễ hiểu. Và lại, nguyên toàn bộ giáo lý của họ đã được cô đọng, thu gọn vào trong một bộ Kinh Thánh, không có rườm rà nên khiến cho nhiều người dễ dàng tiếp nhận. Đó là một nhân tố lớn khiến cho đạo Thiên Chúa và Tin Lành rất thịnh hành. Còn một nhân tố lớn khác cũng giúp cho họ được thành công, đó là họ đề xướng về ngành giáo dục. Họ thành lập rất nhiều trường học để truyền bá giáo lý, cho nên điều đó đã có sự ảnh hưởng rộng rãi vô cùng.

Qua sự xem xét này, tôi bèn quyết định rằng: Nếu muốn trùng hưng Phật Pháp, chúng ta phải bắt đầu từ hai phương diện như: tự lưu truyền quảng bá kinh điển và đề xướng việc giáo dục. Bởi nhân đó mà tôi sớm phát nguyện, muốn phiên dịch Tam Tạng Kinh Điển thành ra các thứ tiếng ngoại quốc, ngõ hầu truyền bá đến toàn thế giới.

Phiên dịch Tam Tạng Kinh Điển là nhiệm vụ rất khó khăn. Ngày xưa, việc này đều do sự ủng hộ tận tâm của nhà Vua và các quan đại thần, chớ đâu phải do năng lực của một số dân chúng bá tánh mà làm được. Tôi là người không tự lượng sức mình. Tự bản thân tôi, một chữ ngoại ngữ cũng không thông, thế mà lại muốn gánh lấy trách nhiệm vĩ đại này. Đã không hiểu ngoại ngữ, vậy tôi làm sao phiên dịch đây? Tôi bèn tìm đến các vị học giả hiểu biết tiếng ngoại ngữ, để mà cúi đầu hoặc thăm hỏi. Thấy tôi trịnh trọng như thế, họ đều lấy làm vinh dự. Bởi vậy, tuy phiên dịch kinh điển là công việc rất khó khăn, song họ cũng dốc lòng làm.

Từ năm 1968 đến nay, bản hội chúng ta xuất bản có hơn trăm bộ kinh điển đã được dịch sang các ngôn ngữ Tây phương. Những kinh sách đó đã được lưu hành khắp các nước, và được nhân sĩ các nước xem rất trọng. Mặc dù công việc phiên dịch chưa thể nói là hoàn hảo lắm, nhưng đúng thật là nó đã thức tỉnh được rất nhiều người đang mê mộng, khiến họ sanh lòng chánh tín đối với Phật Pháp. Và lại, qua cách thử nghiệm này cũng có tác dụng giống như chúng ta ném bỏ hòn đá để lấy vào viên ngọc quý.

Chúng ta hy vọng trong tương lai, người ta sẽ làm công tác phiên dịch càng tinh thâm hơn, và càng đạt tới chỗ viên mãn hơn.

Mãi đến hôm nay, tôi vẫn còn đeo mang canh cánh trong lòng mối hoài bão phiên dịch kinh điển và tổ chức giáo dục. Nếu tôi không thực hiện được, thời chết sẽ không nhắm mắt.

Giảng ngày 15 tháng 6 năm 1987

---o0o---

Học Tập Phật Pháp - Chú Trọng Thực Hành

Khi nghiên cứu Phật Pháp, chúng ta nên chú trọng về việc thực hành. Nếu chỉ nói suông mà không thực hành theo, dù ta có nói hay đến nỗi mọc cành, mọc lá, đơm hoa kết trái thì đó cũng vẫn thuộc về hư vọng. Vậy cũng giống như chỉ nói về thức ăn mà không được ăn, như đếm của báu cho người, tự

mình chẳng có lợi lộc gì, là tự dối mình và dối người. Chúng ta nên tự hỏi rằng: “Mình nên làm người xuất gia như thế nào? Làm người tại gia ra sao? Là người Phật tử thì nên như thế nào?” Chứ đừng chỉ lo giặt đồ cho người khác, đến nỗi tự bản thân lao nhọc xuất mồ hôi, và quần áo mình vẫn còn dơ bẩn.

Khi nghiên cứu kinh văn, chúng ta nên đem kinh văn hòa hợp vào thân, tâm, tánh mạng của chính mình và tự hỏi: “Ta có thể làm theo Đạo lý này không? Ta có thể tu hành bằng cái tâm ngay thẳng và cái tâm chân thật không? Phải chăng, ta chỉ là người buông thả, lãng phí thời gian trong giáo lý nhà Phật? Có phải ta là người đầu cứng như đá, là người hay nói mà chẳng bao giờ chịu làm?” Chúng ta nên hỏi quang phản chiếu, xem xét lại bản thân và tự hỏi: “Rốt cuộc rồi mình muốn làm một người Phật tử như thế nào đây?” Làm người Phật tử chân chánh thì sẽ không sợ bất cứ ai nói về lỗi của mình. Khi mình có lỗi mà có ai nêu ra, chúng ta cũng nên chấp nhận. Bất kể rằng người phê phán đó có trí thức nhiều hơn hay kém hơn mình, lớn tuổi hơn hoặc nhỏ tuổi hơn mình, là nam hay nữ, chúng ta nhất nhất đều nên chấp nhận, chứ không nên cãi lý hoặc biện luận cho mình.

Biết mình sai quấy mà không chịu sửa thì đó là làm lỗi rồi. Cho nên nói: “Có lỗi biết sửa, xem như không, nếu che giấu, tội càng tăng.” Nếu cứ biện hộ để giấu lỗi mình, như vậy chỉ làm tăng thêm nghiệp tội của mình thôi. Khi thấy người phá giới hoặc phạm pháp, các thầy Tỷ Kheo giữ giới có thể đuổi hoặc khiển trách người đó. Nhưng nếu người không có lỗi, mà quý vị cứ nói là người đó phạm lỗi, như thế cũng không đúng đâu. Hoặc ai đó vô tình phạm lỗi, quý vị cũng không nên bươi ra tật xấu của người ta. Quý vị cũng không nên trước mặt thì nói phải, nhưng sau lưng lại nói quấy; hoặc đối diện người thì nói chẳng có vấn đề gì, nhưng sau lưng họ thì tào lao nhiều chuyện. Lại có một số người không tự biết mình, cứ tưởng mình là hay lắm. Họ lại thích trở tài để tạo danh kiếm lợi, kết bè kết đảng, giao du thân thiết với mọi người. Những hạng người như vậy sẽ không được phép ở trong Phật Giáo.

Người tu đạo cần phải ngày ngày giữ gìn tâm đạo và tâm thực hành. Nếu lừa người, dối mình thì mình có lỗi với người, mà cũng có lỗi với chính mình và là người tạo nghiệp tội trong Phật giáo.

Giảng ngày 16 tháng 6 năm 1987

BỒ ĐỀ TÂM LÀ CHÂN TÂM

Bồ Đề tâm là gì? Bồ Đề là danh từ tiếng Phạn, dịch là “Giác Đạo,” nghĩa là con đường giác ngộ. Bồ Đề tâm là chân tâm căn bản, cũng tức là cái tâm không hồ đồ. Tâm hồ đồ là tâm tạo nghiệp, tâm không giác đạo. Do đó, chúng ta phải biết cho rõ con đường này là dễ đi hay khó đi. Biết rõ lộ trình rồi chúng ta mới có thể đạt đến mục đích. Lại nữa, Bồ Đề tâm tức là lúc đi đứng nằm ngồi, chúng ta đều tôn thủ đúng pháp luật, mà pháp luật đó chính là giới. Nói đơn giản là: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.”

Chư ác mạc tác tức là giới. Có năm Giới: Sát, Đạo, Dâm, Vọng, Tửu (rượu). Chúng thiện phụng hành tức là hành thập thiện. Thân, khẩu, ý của chúng ta tổng cộng có mười điều ác. Thân thì phạm sát, đạo, dâm; khẩu thì phạm: ỷ ngữ, vọng ngữ, ác ngữ, lưỡng thiệt; ý thì phạm: tham, sân, si. Nếu không làm mười điều ác này, vậy là chúng ta đã thực hành thập thiện rồi. Tôi nay xin giải thích một cách sơ lược như sau:

Thân có ba điều ác là: Sát, đạo, dâm. Thật ra, có rất nhiều người không phải là không biết thiện ác, nhưng họ biết mà vẫn cứ cố phạm. Lấy việc sát sanh ra mà nói, người ta đa số biết rằng, sát hại sanh linh là không đúng, nhưng họ vẫn cứ phạm giới sát. Trộm cắp tức là của không cho mà lấy, biết rõ trộm cắp là không tốt, thế nhưng họ vẫn cứ trộm cắp. Tà dâm là ham thích nhục thể, nó là thứ khoái lạc hư vọng chứ đâu phải thật. Bởi vì thứ khoái lạc này là giả, cho nên con người rất dễ đắm mê mà quên mất sự khoái lạc chân thật. Đây là căn bệnh thông thường của người đời. Thật thì không ai nhận ra, nhưng cái giả thì mọi người lại ùa chạy theo.

Cho nên nói: “Nhất thiên năng mại thập đản giả, thập thiên nan mại nhất đản chân,” tức là một ngày có thể bán được một ngàn gánh giả, nhưng khó bán được một gánh thật trong mười ngày. Người đời kỳ quái như thế đấy!

Ý nghiệp của chúng ta phạm ba điều ác như: Tham, sân và si. Tham là lòng tham lam không biết chán. Có người trong lòng cứ nghĩ rằng: “Nếu có được một triệu thì mình đã thỏa mãn lắm rồi.” Nhưng khi có được một triệu, hẳn lại nghĩ đến mười triệu, thậm chí đến cả mười tỷ luôn. Bao nhiêu cũng không thỏa mãn được lòng tham đó.

Có bài kệ như sau:

*Chung nhật mang mang chỉ vị cơ,
Đắc liễu bảo phạm hựu tư y,*

*Y thực lưỡng ban câu phong túc
Tiện tướng cao lâu dữ mỹ thể,
Thú hạ kiêu thể tịnh mỹ thiếp,
Xuất nhập vô thuyền thiếu phi cơ,
Luân thuyền phi cơ cụ kỹ bị,
Hựu vô quan chức bị nhân khi,
Ngũ phẩm Tứ phẩm hiềm quan tiểu,
Tam phẩm Nhị phẩm dã hiềm đê,
Nhất phẩm đương triều tát Tể tướng,
Cánh tướng diện nam khứ đấng cơ,
Nhất nhật đấng cơ tọa liễu điện,
Hựu tướng thành Tiên hạ cuộc kỳ.*

Nghĩa là:

*Cả ngày bận rộn chỉ vì đời,
Được no cơm lại nghĩ áo quần,
Khi cơm áo hai thứ đầy đủ,
Bèn tưởng muốn nhà cao vợ đẹp,
Cưới vợ đẹp, thiếp hầu xinh xắn,
Đạo đi còn thiếu tàu máy bay,
Khi sắm đủ tàu thuyền phi cơ,
Lại chưa chức phận bị người khinh,
Ngũ phẩm Tứ phẩm chê là nhỏ,
Tam phẩm Nhị phẩm vẫn còn thấp,
Được chức Tể Tướng đệ nhất triều,
Kể muốn đội mũ lên ngôi Đế,
Một ngày chêm chệ trên ngai điện,
Lại muốn cùng Tiên họp đánh cờ.*

Con người suốt ngày bận rộn chỉ vì lo cho no bụng. Khi bụng no rồi, người ta lại nghĩ đến quần áo đẹp, chung diện đồ tây thẳng cón và thích kết giao với các quan chức thượng lưu trong xã hội. Đến khi chuyện ăn no, mặc đẹp đã đầy đủ, người ta lại nghĩ đến chuyện cưới vợ đẹp, hoặc lấy được ông chồng tuấn tú đẹp trai. Khi được vợ đẹp, thiếp hầu xinh xắn, hoặc chồng khôi ngô tuấn tú, họ lại nghĩ đến kiệu xe, mua một cỗ xe có tiếng, thậm chí còn muốn có phi cơ để đi đó, đi đây. Khi trong tay có đủ máy bay, xe hơi, họ lại nghĩ nếu chẳng có chức vị quan tước, mình sẽ bị người ta coi thường. Thế là họ lại lân la đến quan trường. Làm quan Ngũ phẩm Tứ phẩm, cho đến Tam phẩm, Nhị phẩm mà họ vẫn chê là nhỏ. Cuối cùng họ làm tới chức

Nhất phẩm, tức đại Tể Tướng hay Quốc vụ khanh. Nhưng vẫn chưa cho là đủ, họ lại còn muốn làm Tổng Thống, hay làm Hoàng Đế. Một khi được đăng triều lên bảo điện làm Hoàng Đế, họ lại muốn thành Tiên, trường sanh bất tử và được đánh cờ với các vị Tiên nhân.

Đó là hình dung về cái lòng tham không đáy của con người chúng ta. Dù đã có được gia tài ngàn vạn, nhưng lại muốn nắm trọn quyền kinh tế quốc gia. Khi nắm được nền kinh tế toàn quốc rồi, thậm chí còn muốn nắm luôn cả mạch mạng kinh tế của toàn thế giới. Nói tóm lại, trên thế gian có hai hạng người, một loại là tham danh, một loại là tham lợi. Kẻ tham danh thì cố dùng trăm phương ngàn kế để làm cho tiếng tăm mình được to lớn thêm. Người tham lợi thì dốc lòng tìm mọi mưu kế để càng kiếm được nhiều tiền hơn. Tất cả đều là do lòng tham sai khiến mà ra.

Trong tâm lại còn có độc sân. Sân tức là tâm sân hận, nổi nóng bùng bùng, gọi là: “Khuyết đức đơi mạo yên” tức là thiếu đức như đầu đội khói. Người có tánh nóng dữ dội thì giống như suốt ngày đầu bị đội khói, có khí nóng cuộn cuộn xông lên. Đó là dấu hiệu của sự thiếu đức.

Người cao quý thật sự thì không nổi nóng. Nếu có tánh nóng, nhất định là họ cũng phải tự kiềm chế, hàng phục, điều hòa cho thân tâm được bình tĩnh và biết biến độc sân thành ra hiền hòa, biến dao mác thành ra ngọc lụa. Ba độc tham, sân, si có mối liên hệ với nhau. Tất cả phiền muộn của con người đều là do từ tham dục mà ra. Khi có lòng ham muốn, chúng ta bèn hướng ra bên ngoài để tìm cầu. Thấy đồ tốt đẹp là chúng ta muốn chiếm làm của riêng. Nếu chiếm không được thì chúng ta nổi sân. Một khi đã nổi sân, đầu óc chúng ta trở nên tối tăm mê muội, rồi biến thành ngu si. Cái độc si này, không phải là chỉ đến cái ngu si của loài bạch tượng, mà nói về người không biết lý lẽ, mê muội về luật nhân quả, bởi năng khiếu nhận thức của tâm đã bị che khuất rồi. Ba thứ độc này là căn nguyên của tất cả các phiền não. Muốn trừ phiền não, trước hết là chúng ta phải chặt đứt cái gốc của ba độc tham, sân, si.

Khẩu nghiệp của chúng ta rất dễ phạm đến bốn lỗi như: ỷ ngữ, vọng ngữ, ác khẩu và lưỡng thiệt. Ỷ ngữ là nói lời thêu dệt bâng quơ, không thật, hoặc nói những lời không đàng hoàng, khiến người nghe khởi vọng tưởng bất tịnh. Vọng ngữ là lời nói không chân thật, dối trá. Ác khẩu là dùng lời nói ác độc mắng nhiếc người, khiến cho người nghe không thể nào chịu nổi. Lưỡng thiệt là nói thị phi phải trái, xúi giục làm cho hai bên ly gián, như rắn hai đầu.

Trên đây là phần giải thích sơ lược về thập ác của thân khẩu ý. Nếu chúng ta có thể chuyển thập ác thành thập thiện, cẩn thận giữ gìn để không vi phạm, tức là giữ giới luật. Tâm Bồ Đề là một biệt danh của giới luật. Giới luật là dạy mình giác ngộ. Tâm Bồ Đề là chủng tử thiện vốn có trong tâm mọi người. Nếu chúng ta không quên tâm Bồ Đề thì thiện căn của chúng ta sẽ không đứt đoạn. Không hề đồ tức là tâm Bồ Đề. Chúng ta hãy cố gắng vun bồi cho hạt giống Bồ Đề tăng trưởng, và hướng thẳng đi trên con đường thành Phật.

Giảng ngày 18 tháng 6 năm 1987

---o0o---

Lạy Phật Nhiều - Thường Gặp Điều Lành

Mỗi năm tại Vạn Phật Thành, lễ Tắm Phật đều được cử hành ở ngoài trời. Hôm nay trời quá nóng, có số người đứng đợi ở bên ngoài hơi lâu, bị phơi nắng đến toát cả mồ hôi. Thật ra, nắng mặt trời cũng là cái thử thách xem quý vị có thành tâm đến đây tắm Phật hay không đó thôi. Giả như quý vị có lòng thành, bị nắng chiếu chút chút, quý vị cũng không cảm thấy khổ. Còn nếu không thành tâm, quý vị sẽ không chịu nổi. Tuy nhiên, đã có một số người chịu không nổi rồi. Vậy sau này chúng ta có thể sẽ thay đổi phương thức tắm Phật cho tốt hơn. Từ chánh điện đi ra, đại chúng có thể đi xa thêm một chút, rồi dạo vòng lại để tắm Phật và đi trở về chánh điện. Như vậy mọi người sẽ miễn phải chờ lâu ở ngoài trời.

Phương thức tắm Phật ở đây gọi là “nhị long thổ thủy,” tức như hai con rồng phun nước. Người ta đi ra từ hai bên chánh điện, trông giống như hai con rồng cùng đến để tắm Phật.

Trong số người đến dự hội hôm nay, có người bị bệnh hoặc có người gặp những chuyện khốn khổ. Tình hình hoàn cảnh của mỗi người thì không giống nhau. Nhưng bởi vì mọi người đều quá thành tâm, tôi tin rằng chư Phật và Bồ Tát sẽ rất hoan hỷ mà nói: “Hỡi thiện nam tử, thiện nữ nhân! Các con nhẫn chịu được sự nóng bức như vậy để đến Vạn Phật Thành dự lễ Tắm Phật. Vậy tất cả những điều mà các con mong muốn, các con đều sẽ được mãn nguyện, toại lòng như ý!” Thế là người có tật bệnh sẽ thuyên giảm, người có chuyện nguy khốn sẽ chuyển thành kiết tường, tất cả tai nạn vô hình trung đều tiêu diệt hết.

Quý vị chân thành phát tâm Bồ Đề để tin Phật, điều này dù có dùng tiền cũng không mua được. Cho nên hôm nay, tôi xin chú nguyện đến mọi người. Mong cho quý vị mọi việc đều được như ý nguyện, và luôn tinh tấn đi trên đường Bồ Đề, sớm thành Phật đạo.

Khi đến Vạn Phật Thành, quý vị có để ý coi nơi đây có gì khác biệt so với những chỗ khác không? Tôi nói cho quý vị nghe là ở đây lúc ăn cơm, chúng ta không nói chuyện, đó là chỗ không giống với các nơi khác. Nếu chúng ta không nói chuyện, thức ăn sẽ tiêu hóa dễ dàng hơn. Chúng ta mà nói nhiều quá thì khó tiêu hóa, và sẽ sanh ra biết bao chứng bệnh kỳ quái. Vạn Phật Thành vì muốn cứu vãn cho toàn nhân loại, cho nên trước hết chúng ta phải giúp cho mọi người được khỏe mạnh. Nếu thân thể mình không mạnh khỏe, mình làm sao cứu giúp được người khác đây? Do vậy, sở học của chúng ta là trí huệ, điểm chú ý của chúng ta là thân thể khỏe mạnh.

Trong lúc ăn cơm, chúng ta nên chuyên tâm mà ăn, chứ đừng lựa chọn. Dù thức ăn không ngon, mình cũng nên ăn một chút. Nếu chúng ta xua đuổi bọn quỷ tham ăn, quỷ lười biếng, quỷ ngủ gục chạy hết, như vậy mọi chuyện đều sẽ tốt lành. Cái triết lý này hàm chứa sự thật rất phong phú. Chỉ cần quý vị hiểu được, ăn như thế nào, mặc như thế nào, ngủ như thế nào, nhất định quý vị sẽ phát tài. Tại sao người ta không phát tài? Bởi vì họ lười biếng quá đi thôi!

Cho nên nói: “Cần kiệm trị gia, gia nghiệp phú; thư hương giáo tử, tử tôn hiền.” Vậy chúng ta đâu cần phải mua cổ phần, cổ phiếu gì để cầu phát tài. Nếu muốn kiếm thêm tiền, quý vị chỉ cần lạy Phật nhiều thêm.

Có người nói: “Tôi suốt ngày lo mua cổ phiếu, tại sao thầy nói những lời không kiết tường như thế? Vậy là tôi nhất định sẽ không kiếm được tiền rồi.” Quý vị muốn kiếm tiền à thì lạy Phật nhiều thêm một chút. Lạy Phật so với mua cổ phiếu còn tốt hơn đó.

Sau này, nếu các vị có bạn bè đến tham gia lễ Phật Đản, các vị nên báo trước cho họ biết là ở đây không ăn thịt, không uống rượu, không hút cần sa ma túy, cũng không nhảy đầm. Chỗ này không phải là khu vực để ngắm cảnh giải trí, cũng không giống như trung tâm cờ bạc ở Reno. Quý vị nên nói với người ta rằng, ở đây chúng ta chỉ chú trọng đến việc thân thể khỏe mạnh và việc bồi dưỡng trí tuệ. Bởi vậy chúng ta không nên tham hưởng thụ, như tham xe sang, quần áo đẹp, vì đó là tiêu phí tiền bạc. Tiền tài như phân như đất, chỉ xem quý vị có biết dùng nó hay không. Như phân thì có thể dùng

làm phân bón cho lúa mạ, chớ đâu có ăn được. Đồng với lý trên, tiền cũng phải biết cách dùng thì mới đúng với ý nghĩa của nó.

Giảng ngày 23 tháng 6 năm 1987

---o0o---

Ngũ Quý Phá Nhà

“Quý vô thường” không phải chỉ vốn vẹn có một loại, mà có ít nhất đến năm loại là: Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen (Thanh, Hoàng, Hồng, Bạch, Hắc). Căn cứ theo lý luận đông y: ngũ hành phối hợp với ngũ tạng trong thân thể con người và cũng tương ứng với ngũ sắc năm màu, ngũ quý năm mùa và ngũ phương năm hướng. Dưới đây là phần sơ lược, nếu giảng giải tỉ mỉ về lý lẽ của nó thì vô cùng vô tận.

- 1) - Can - mộc - đông - xuân - thanh.
- 2) - Tâm - hỏa - nam - hạ - xích.
- 3) - Phế - kim - tây - thu - bạch.
- 4) - Tỳ - thổ - trung - trường hạ - hoàng.
- 5) - Thận - thủy - bắc - đông - hắc.

Ngũ hành có cái lý lẽ là “tương sanh tương khắc.” Mà năm loại quý vô thường cũng dựa theo cái lý ngũ hành tương khắc, và có thể làm cho ngũ tạng của chúng ta phát sanh nhiều thứ tật bệnh liên quan với nhau.

- 1) - Hắc Quý vô thường - Ví như người có bệnh thận. Và thận thuộc thủy có sắc đen. Bởi thủy khắc hỏa cho nên nó ảnh hưởng cả tim cũng sanh bệnh.
- 2) - Hoàng Quý vô thường - Tỳ thuộc thổ, sắc vàng. Tỳ có bệnh do thổ khắc thủy, do đó nó lần lượt ảnh hưởng đến thận.
- 3) - Thanh Quý vô thường - Can (gan) thuộc mộc, sắc xanh. Gan có bệnh do mộc khắc thổ, tiếp đến là nó sẽ làm ảnh hưởng khiến cho tỳ cũng bị bệnh.
- 4) - Bạch Quý vô thường - Phế (phổi) thuộc kim, sắc trắng. Kim khắc mộc nên phổi bị bệnh, khiến ảnh hưởng đến gan cũng có bệnh.
- 5) - Hồng Quý vô thường - Tim thuộc hỏa, sắc đỏ. Tim có bệnh do hỏa khắc kim. Cho nên khi tim có bệnh, nó cũng có thể ảnh hưởng đến công năng của phổi.

Như vậy, ngũ hành tương khắc, mà các chứng bệnh của ngũ tạng cũng là tùy theo ác tánh tuần hoàn của quy luật nhất định mà sanh ra.

Một con quỷ vô thường có thể chiêu tập lại thành năm con quỷ vô thường. Như vậy cũng đủ thấy mạng người là vô thường, chỉ trong khoảng thở ra hít vào. Con người có thể chết đi, con người cũng có thể sống trở lại. Năm tên quỷ vô thường này có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với sinh lý và tâm lý của con người. Nhưng bọn chúng không phải tự nhiên mà đến. Không phải là chuyện một sớm một chiều. Mà do trong khoảng thời gian con người từ nhỏ cho đến lúc trưởng thành, họ đã tích lũy từng chút từng chút một, đến nỗi cuối cùng gây ra tình trạng không thể nào thấu thập được nữa. Nghiên cứu về căn nguyên, tất cả các thứ bệnh tật quỷ quái, cho đến cả sanh tử cũng đều là từ “vô minh” mà ra.

Nếu phá trừ được vô minh, thì tất cả các bệnh, tất cả các quỷ vô thường cũng sẽ không còn. Vô minh chính là cội gốc của tất cả tội ác, phiền não, bệnh khổ cho đến cả sanh tử. Con người nên học cách mở mang trí huệ. Khi có trí huệ rồi, chúng ta sẽ vận chuyển được ngũ hành, đem các đạo lý “tương khắc” biến thành “tương sanh,” như có thể làm cho: kim sanh thủy, thủy sanh mộc, mộc sanh hỏa, hỏa sanh thổ, thổ sanh kim. “Tương sanh” tức là cùng giúp đỡ dẫn dắt lẫn nhau, có thể biến hóa dao mác thành ra ngọc lụa.

Bởi vậy, chúng ta nhất định phải phá trừ vô minh để sanh trí huệ. Có trí huệ tức là chúng ta sẽ phá trừ được tất cả các chấp trước. Vì sao con người có chấp trước? Bởi vì vô minh tác quái đây. Vô minh là đầu mối của tội ác và tai họa. Cho nên, người tu hành nhất định phải phá trừ vô minh. Một khi vấn đề căn bản đã bị diệt trừ, các vấn đề khác sẽ nhân đó mà được giải quyết một cách dễ dàng.

Cho nên nói:

*Đăn đắc bốn, mạc sâu mạt,
Như tịnh lưu ly hàm bảo nguyệt,
Ký năng giải thử như ý châu,
Tự lợi lợi tha chung bất kiệt.*

Nghĩa là:

*Chỉ lấy góc, chớ lo ngọn,
Như gương trong sạch chứa bảo trăng,*

*Đã hiểu được ngọc như ý này,
Lợi mình, lợi người mãi không hết.*

Bệnh hoạn là do nghiệp chướng và quý thân đang tác quái. Chúng ta cũng không thể dùng con mắt nhục nhãn để quan sát các hiện tượng bệnh tật một cách đơn giản như thế. Do bởi bản thân của bệnh nhân có nghiệp chướng, cho nên mới có nhiều loài quỷ quái đi theo đòi nợ và gây rắc rối cho người bệnh. Do đó, tùy theo tình hình của chứng bệnh, nếu đơn thuần chỉ trông cậy vào thuốc men để trị liệu thì chưa đủ đâu. Mà người bệnh còn phải hiểu rõ về cái nhân duyên nghiệp chướng của bản thân mình. Thêm vào những bài linh chú Phật Pháp, như vậy trị bệnh sẽ được hiệu quả hơn, cho nên “thuốc đến là bệnh trừ,” có linh nghiệm liền. Bởi vậy, thời xưa có những vị thầy thuốc được danh dự là “thần y” như Hoa Đà đời Đông Hán, Tôn Tư Mạc đời Đường. Về đức độ trị bệnh của họ thì không thể nghĩ bàn. Những vị đó đều tin Phật, chẳng qua trên y án trị liệu không có ghi chép lại mà thôi.

Có số bệnh nhân được bác sĩ trị liệu có kết quả. Song, cũng có bệnh nhân được bác sĩ chữa lành bệnh này rồi, nhưng bệnh khác lại phát ra. Vừa trị hết bệnh này thì lại xuất hiện bệnh mới khác. Có khi họ liên tiếp bị hai ba thứ bệnh như vậy, cũng bởi vì nghiệp chướng cứ mãi quấy rầy ở phía sau. Như Bác sĩ đã đánh lui được con quỷ gây bệnh, nhưng con quỷ này sẽ đi tìm con quỷ khác đến giúp đỡ, rồi chúng trở lại tấn công vào hang huyết khác của người bệnh. Bọn quỷ cũng thường có hành động tập thể theo từng đoàn, từng đám với nhau.

Trung Hoa có câu thành ngữ: “Bệnh nhập cao hoang,” bệnh đã vào tim, cho biết là bịnh tình trầm trọng, không thể cứu chữa được.

Trong Tả Truyện Thành Công Thập Niên có ghi chép như sau:

Tấn Cảnh Công bị bệnh, Tấn Bá mời Cao Hoãn chữa trị. Trong lúc Cao Hoãn chưa kịp đến, Tấn Cảnh Công nằm mộng thấy có hai đứa tiểu nhân. Một đứa nói: “A! Lương y giỏi vậy, e rằng hấn sẽ làm tổn thương đến mình. Mình phải làm sao đây?” Đứa kia nói: Chúng ta cư ngụ trên là hoang, dưới là cao thì làm gì được ta chớ! (Chỗ dưới quả tim gọi là Cao, Hoang là chỗ dưới tim trên hoành cách mô). Sau đó bác sĩ đến bảo: Bệnh này không thể làm gì được, trên Hoang, dưới Cao, công không được, mà thông cũng không tới. Thuốc không thấm đến, không trị được đâu.

Tấn Cảnh Công nói: Lương y! Hoang là hoành cách mô, Cao là tung cách chướng đó.

Tân Cảnh Công nhờ nằm mộng mà biết được vị trí hai đũa tiểu quý đã chui vào ở trong thân thể ông. Sau đó, tuy mời được thái y nước Tần là Cao Hoãn đến chữa trị. Cao Hoãn vốn là học trò giỏi của lương y Biền Thước, là vị nổi tiếng đương thời, nhưng ông cũng không có cách nào cứu vãn được bệnh tình của Tân Cảnh Công. Bởi vì bộ phận trên hoang, dưới cao, châm cứu trị liệu gì cũng không thông được. Do đó người đời sau nhân câu chuyện này, lập nên thành ngữ “Bệnh Nhập Cao Hoang” để hình dung về chứng bệnh nan y, không thể nào cứu chữa được.

Ở trên thế gian, có cả trăm ngàn bệnh tật kỳ quái, cái gì cũng có hết, gọi là: “Nghĩ nan tạp chứng,” những chứng bệnh nan y khó trị đã khiến cho cả đám bác sĩ cũng phải bó tay. Nhưng những chứng bệnh cổ quái linh tinh đó, ngay cả trong sách vở về y dược cũng không có ghi chép lại.

Khi tôi vừa mới xuất gia, tôi vẫn thường hay trị bệnh cho người ta. Nhưng tôi không có viết toa thuốc cho bệnh nhân, tôi cũng không có dùng thủ thuật mổ xẻ hoặc châm cứu gì cả. Tôi chỉ dựa vào tấm lòng chân thành của tôi để niệm những bài linh chú Phật giáo mà thôi. Tâm chí chân thành đó là cứu người. Lúc bấy giờ, tôi đã không biết gì đến chuyện phải cứu quý, cứu ma. Trong tâm tôi chỉ có tư tưởng cứu người, vì thế tôi đã làm bọn quý không vui lòng. Bởi vì khi quý vị chữa bệnh cho người, bọn ma quý nghĩ rằng quý vị muốn chống đối chúng, thế là chúng giận lây đến người chữa trị.

Khi tôi còn ở Đông Bắc, có vô số loài sơn yêu thủy quái kéo đến từ bốn phương tám hướng, ngày đêm sáu thời chúng đều theo dõi tôi và chờ cơ hội để báo thù. Nếu có chút sơ hở là chúng thừa cơ xông vào. Quả thật là tôi không thể nào đề phòng được, cho nên thường bị thiệt hại. Hoặc chỉ mình tôi bị thua thiệt, hoặc là khiến cho những người chung quanh tôi cũng bị thiệt thòi lây. Đa số người ở đó hoàn toàn đâu biết gì về tình cảnh bên trong. Có lần nước phát dâng ngập ở làng Đông Tinh, chỉ vùn vện trong bốn giờ đồng hồ mà đã chìm chết ba mươi người, và cuốn trôi hơn tám trăm nóc nhà. Trận hồng thủy đó kéo đến rất nhanh, người đứng trên giường lò (chỗ ngủ phía trên nắp lò sưởi) cũng bị chết chìm. Số nạn nhân bị thiệt thòi đó cũng là tại tôi. Bọn yêu ma quỷ quái muốn dâng nước cho ngập lụt vốn để chìm chết tôi, nhưng rốt cuộc tôi không bị chết chìm, mà làm liên lụy đến rất nhiều người. Cho mãi đến ngày nay, đối với sự việc đó, tôi vẫn cứ khắc khoải trong lòng và cảm thấy rất có lỗi với những người đã mất.

Giảng ngày 26 tháng 7 năm 1987

---o0o---

Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa

宣化上人簡傳

Hòa Thượng Tuyên Hóa họ Bạch, tên thật là An Từ, tự Độ Luân. Ngài quê ở huyện Song Thành, tỉnh Tùng Giang thuộc Đông Bắc, Trung Hoa, tức là Mãn Châu. Phụ thân Ngài tên Phú Hải, chuyên làm nghề nông. Mẹ họ Hồ, sinh được tất cả tám người con, năm trai ba gái và Ngài là út. Hồ thái phu nhân thọ chay trường, niệm Phật chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ phu nhân nằm mộng thấy Đức Phật A Di Đà hiện thân phóng đại quang minh chiếu triệt thế giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, phu nhân ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng, rồi sau đó hạ sanh ra Ngài. Vừa ra đời, Ngài liền thanh khóc suốt ba ngày đêm không dứt. Chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta Bà này vậy.

Ngài cư ngụ tại một thôn quê nhỏ bé, thừa thớt nhà cửa. Thế nên, đến năm mười một tuổi Ngài chưa hề thấy qua người chết. Một hôm, Ngài thấy một em bé, miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm bên lều. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng có hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi nhóm bạn. Có kẻ hiểu biết liền nói: “Đứa bé đã chết rồi!” Song Ngài vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết. Về nhà, Ngài liền hỏi mẹ, bà dạy: “Phàm là người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo khó, bất luận là sĩ, nông, công, thương, hay quan lại, ai ai rốt cuộc rồi cũng phải chết.” Ngài lại hỏi: “Nếu thật như vậy, có cách gì thoát được chết không?” Bấy giờ trong nhà có vị khách là người tu hành.

Vị này đỡ lời đáp rằng: “Chỉ có cách tu Đạo, minh ngộ tự tâm, triệt kiến bản tánh thì mới liễu đoạn sanh tử, siêu thoát luân hồi, thành Chánh Giác, chứng Vô Sanh.”

Tuy lúc đó Ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, Ngài tỉnh ngộ sâu xa, do đó Ngài quyết chí xuất gia tu Đạo.

Khi Ngài bàn chuyện xuất gia với mẹ, bà dạy: “Xuất gia là chuyện rất tốt, nhưng cũng không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện căn, có đại nguyện lực, và cần phải phát đại Bồ Đề tâm thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Đạo. Nay con đã phát tâm, ta hết sức đồng ý, cũng thật là phù hợp với giấc mộng xưa kia vậy. Nhưng nay ta đã già, ngày tháng chẳng còn bao lâu, các anh chị con đều đã tự lập. Con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất gia tu hành, lúc đó cũng chẳng muộn.” Ngài vâng lời cha mẹ, rồi sau đó hằng ngày thường theo mẹ lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ. Ngày qua ngày, đông tàn xuân đến, Ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đôi với Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng đồn về sự hiếu thảo của Ngài vang khắp bốn phương. Khi đó mọi người đều gọi Ngài là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm Ngài 19 tuổi thì mẹ Ngài qua đời; bấy giờ Ngài từ giã họ hàng lên chùa Bái Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy và quy y, chính thức xuất gia, thọ giới. Sau đó, Ngài về lại nơi mộ phần thân mẫu để thủ hiếu trong ba năm. Suốt thời gian ấy, Ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ, ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và niệm Phật A Di Đà. Rất nhiều lần Ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền sàng.

Một đêm nọ, dân trong thôn gần đó hốt hoảng thấy túp lều tranh của Ngài hùng hực lửa đỏ. Ánh lửa hồng phừng thẳng lên giữa không trung và túp lều tranh thì sáng rực như ban ngày. Nhiều người chạy đến mộ, hô hoán: “Nhà Hiếu Tử bị cháy rồi!” Cả trăm người trong làng hè nhau xách gáo, đem xô tới để chữa cháy. Song, khi tới nơi họ chỉ thấy túp lều tranh bình lặng, lửa chẳng cháy và Ngài thì vẫn an nhiên, tĩnh mặc trong Thiền Định!

Có lần Ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ Năng! Đức Tổ Sư dạy Ngài rằng trong tương lai Ngài sẽ tới Hoa Kỳ để độ sinh, rằng ở Tây phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoằng dương Phật Pháp và Ngài sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ Sư từ biệt quay đi rồi, Ngài mới choàng tỉnh, nhớ lại rằng Ngài Huệ Năng vốn là người đời Đường khoảng 1.200 năm về trước.

Sau Đệ Nhị Thế Chiến, Ngài vân du khắp nơi. Cuối cùng, trải qua hơn ba ngàn dặm, Ngài tới chùa Nam Hoa, bái kiến vị Đại Thiên Tri Thức của thời bấy giờ là Lão Hòa Thượng Hư Vân. Lão Hòa Thượng lúc ấy đã 109 tuổi. Vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa Thượng liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của

Ngài. Khi đó, Lão Hòa Thượng nói: “Nhu thị, như thị!” và Ngài cũng đáp lại: “Nhu thị, như thị!” Bấy giờ, Lão Hòa Thượng Hư Vân ấn chứng sở đắc của Ngài và Ngài chính thức trở thành vị Tổ thứ chín của dòng pháp Quy Ngưỡng.

Sau đó, Lão Hòa Thượng dạy Ngài ở lại chùa đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật của Chùa Nam Hoa.

Năm 1950, Ngài từ giả chùa, lên đường sang Hương Cảng. Ở đây, Ngài sống tại một sơn động biệt lập, chẳng lai vãng gì đến bụi trần, tục lụy. Chẳng bao lâu, có vô số Tăng-lữ Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa từ Trung Hoa, Đại Lục qua Hương Cảng tỵ nạn và họ cần sự giúp đỡ của Ngài. Cuối cùng, ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, lập ra giảng đường và hai ngôi chùa, cùng trợ giúp xây dựng nhiều đạo tràng khác.

Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng, tinh tấn tu hành khổ hạnh, quên mình vì Phật Pháp. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ Đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Năm 1962, Ngài đến San Francisco, Hoa Kỳ. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, Ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cho cơ duyên hoàng dương Đạo Pháp chín muồi. Lúc ấy, Ngài tự gọi mình là “Mộ Trung Tăng” (nhà Sư trong phần mộ), hay là Hoạt Tử Nhân (người đã chết nhưng còn sống). Những Phật tử hiểu biết sự tu hành chân chính của Ngài đều rất cảm động và cung kính ủng hộ, cúng dường Ngài.

Năm 1968, Ngài biết cơ duyên đã đến, Ngài nói: “Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh.” Mùa hè năm đó, Ngài chủ trì Pháp Hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp Hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ đầu tiên xin xuất gia với Ngài.

Từ đó, Ngài tiếp tục chủ trì nhiều Pháp Hội cùng giảng giải các bộ kinh như: Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn v.v... Năm 1971, Ngài giảng bộ kinh tối cao của Đại Thừa, đó là Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh, thuyết Pháp, Ngài còn làm vô số công đức độ sinh khác. Năm 1976, Ngài thành lập Vạn Phật Thánh Thành là nền tảng căn cứ địa để hoàng dương Phật Pháp ở Hoa Kỳ. Tại Vạn Phật Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ Tùng-lâm, đào tạo Tăng, Ni, học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chính tu hành.

Kệ Hồi Hương

Nguyện đem công đức này, Trang nghiêm cõi Tịnh Độ
Trên báo bốn trọng ân, Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe, Đều phát Bồ Đề tâm
Đến khi mạng này hết, Đồng sanh Cực Lạc quốc.

---o0o---

Hết